VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

khoa hữu, nỗi bi phẫn bất tận
trần hữu thục
nhà văn như một kẻ thống dâm
nguyễn hưng quốc

mối tình việt-pháp tuyệt đẹp
nguyễn đình-hoà
ánh trăng
nguyễn xuân thiệp

truyện
song thao ● nhật nguyễn ● hoàng chính
hoàng du thụy ● hoàng nga ● trúc chi
thơ
nghiêm xuân hồng ● nguyễn xuân thiệp
triều hoa đại ● khánh hà ● ngu yên ● phạm việt cường

tạp ghi
nguyễn quốc trụ

SỐ 144 ● THÁNG 4 NĂM 1998

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng

❖

Ban Chủ biên: Mai Kim Ngọc, Nguyễn Xuân Hoàng
Thạch Hãn, Châu văn Thọ, Nguyễn Mộng Giác

Chủ Nhiệm: Châu Văn Thọ
Chủ bút: Nguyễn Mộng Giác
Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

❖

Đại diện Văn Học ở Canada:
Mr. Nguyễn Minh Đức, 1905 Tupper # 22 Montréal,
Quebec, CANADA H3H 1N7
Phone: (514) 342-6270

❖

Đại diện Văn Học ở Âu châu:
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris, FRANCE
Phone: (33) 1 45 83 19 12

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu
Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Padstow,
NSW 2221, AUSTRALIA
Phone: (02) 9771-1770

❖

Đại diện Văn Học ở Houston, Texas
Mr. Ngu Yên, 2055 Westheimer # 130
Houston TX 77098
Phone: (713) 524-6262

❖

Đại diện Văn Học ở New Orleans, Louisiana
Nguyễn Khánh Hòa
2025 La Quinta Via, Harvey, LA 70058
Phone: (504) 340-4656

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về **Văn Học**
PO Box 1359 Garden Grove, CA 92842-1359 USA
E.Mail: vanhoc@saigonline.com
Homepage trên Internet: http://www.saigonline.com/vanhoc/
Phone: **(714) 894-8535**

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN—0885—128X

Văn Học
số 144 ● tháng 4, 1998

VĂN HỌC	3	thư tòa soạn
NGUYỄN HƯNG QUỐC	4	nhà văn như một kẻ thống dâm
NGHIÊM XUÂN HỒNG	9	*thiên cố sự*
TRẦN HỮU THỤC	10	khoa hữu, nỗi bi phẫn bất tận
NGUYỄN XUÂN THIỆP	22	*ánh trăng*
NGUYỄN ĐÌNH-HOÀ	31	mối tình Việt-Pháp tuyệt đẹp
TRIỀU HOA ĐẠI	43	*mùa xưa*
HOÀNG CHÍNH	44	lạc khúc tình ca
KHÁNH HÀ	59	*cành hoa tưởng nhớ, tâm*
SONG THAO	60	auld lang syn
HOÀNG NGA	69	hải
PHẠM VIỆT CƯỜNG	79	*mùa hạ cũ*
NHẬT NGUYỄN	80	người đàn bà lạ mặt
NGUYÊN	88	*ảnh gia đình*
		những lời thiếu lịch sự
HOÀNG DU THỤY	90	không lời để lại
TRÚC CHI	97	chuyện ngày mưa
NGUYỄN QUỐC TRỤ	113	tạp ghi
VĂN HỌC	126	ý kiến văn hữu & bạn đọc
ĐỖ MINH TUẤN	127	trả lời Phạm Thị Hoài
TRẦN BÌNH NAM	147	ý kiến về vấn đề về nguồn
HOÀI HƯƠNG	149	ý kiến về ca dao
LÊ TRUNG ĐỊNH	150	ý kiến về bài của Thế Uyên
VI B. VƯƠNG	151	ý kiến về bài của Nguyễn H. Quốc
VÕ CÔNG LÝ	151	ý kiến về bài của Thế Uyên
VĂN HỌC	154	giới thiệu sách báo mới
VĂN HỌC	158	hộp thư

Copyright by authors and Văn Học, 1998
Tác giả và Văn Học giữ bản quyền, 1998

Thư Tòa soạn
Văn Học

Như dự kiến lạc quan của Ban Chủ biên Văn Học, cuộc thảo luận về văn chương và vai trò của nhà thơ Nguyễn Đình chiểu từ hai bài viết của Nguyễn Hưng Quốc và Thế Uyên đã có nhiều hồi âm đóng góp. Tuy trên số này, chỉ mới có những ý kiến ngắn, trực tiếp, chưa có những bài lý luận qui mô, nhưng qua những ý kiến ngắn ấy, rõ ràng đã có những suy nghĩ chín chắn, những cách đặt vấn đề đúng đắn. Hoàn cảnh xã hội thời Nguyễn Đình Chiểu sống, thân thế Nguyễn Đình Chiểu ảnh hưởng đến lối nghĩ, lối viết của ông. Cách quần chúng thưởng ngoạn Miền Nam phản ứng về thi ca Nguyễn Đình Chiểu cũng mang nhiều ảnh hưởng của tâm lý xã hội, từ một vùng đất mới bị tách lìa ra khỏi đất nước do tai hoạ xâm lược của thực dân. Có nhiều điều cần bàn luận thêm, và trên các số báo sau, chắc chắn sẽ có nhiều ý kiến độc đáo khác.

Phần tiểu luận trên số này cũng có nhiều bài viết đáng chú ý: Nguyễn Hưng Quốc, như mọi lúc, luôn luôn đưa ra những ý kiến mới mẻ, đặt câu hỏi vì sao dân tộc chúng ta trải qua bao nhiêu tai ương lịch sử như vậy mà chưa có tác phẩm lớn tương xứng; Trần Hữu Thục viết về thơ Khoa Hữu, mà theo ý anh, tập trung được tất cả nỗi bi phẫn của thế hệ chúng ta; Giáo sư Nguyễn Đình-Hoà kể lại một mối tình cuối đời của nhà văn Phạm Duy Khiêm.

Phần sáng tác trên số báo này có đóng góp lần đầu của hai nhà văn nữ: Nhật Nguyễn và Hoàng Du Thụy. Đặc biệt ở phần thi ca có sáng tác mới nhất của Nguyễn Xuân Thiệp, bài "Ánh trăng", mà chúng tôi xem như một thi phẩm lớn tương đương với những bài như "Ta về" của Tô Thùy Yên và "Sự im lặng của cát bụi" của Khoa Hữu.

Mời bạn đọc bước vào vườn thơ vườn văn đa dạng của tất cả chúng ta, nơi gặp gỡ chung của những người yêu văn chương, yêu tiếng Việt.❐

Nhà văn như một kẻ thống dâm

Nguyễn Hưng Quốc

Cuối năm 1988, nghe tin nhà thơ Trần Dạ Từ và nhà văn Nhã Ca được phép rời Việt Nam sang định cư tại Thuỵ Điển, tôi mừng khấp khởi, lòng thầm hy vọng là, với tài năng sẵn có cộng với những kinh nghiệm sống hôi hổi, ngồn ngộn sau nhiều năm tháng bị đoạ đày dưới chế độ cộng sản, họ sẽ viết nên những tác phẩm văn học đầy đặn, có thể làm cho nền văn học hải ngoại khởi sắc hẳn lên. Tôi càng hy vọng khi nghe nói trong mười mấy năm nằm trong trại cải tạo, Trần Dạ Từ làm thơ rất nhiều. Tôi chờ. Rồi cuối cùng, tôi cũng đọc được, một số. Tôi hơi thất vọng. Không phải vì ít và cũng không phải vì dở. Có điều, theo tôi, chúng hơi... mỏng so với những bất hạnh mà họ phải chịu đựng.

Sau đó, nghe tin hai nhà thơ Thanh Tâm Tuyền và Tô Thuỳ Yên lần lượt sang Mỹ, tôi lại hy vọng và nôn nao chờ đợi. Không còn nghi ngờ gì nữa, cả hai đều là những nhà thơ thuộc loại tài hoa nhất của miền Nam thuở trước. Sau năm 1975, từ Việt Nam, họ lén lút gửi ra nước ngoài một số bài thơ lấp lánh lửa. Tôi tự nhủ thầm: bây giờ, ra hải ngoại, được hoàn toàn tự do, họ tha hồ công bố những tác phẩm họ nung nấu trong lò cải tạo, hẳn lúc ấy, chúng ta sẽ được chứng kiến một trận múa lửa tuyệt vời bằng chữ nghĩa. Và rồi, cũng như đối với Trần Dạ Từ và Nhã Ca, tôi lại thất vọng.

Niềm hy vọng lại loé lên một lần nữa khi tôi nghe tin nhà văn Phan Nhật Nam qua Mỹ. Qua các tập bút ký Phan Nhật Nam xuất bản trước năm 1975, tôi phục sự thẳng thắn và sắc sảo của ông trong những nhận định về các vấn đề xã hội và chính trị; tôi cũng thích cái giọng văn sôi sục nhiệt tình, hơi hơi nhuốm mùi lính tráng của ông. Tôi hy vọng sẽ được

đọc những trang bút ký viết về những năm tháng dằng dặc trong trại cải tạo, những trang bút ký ít nhất cũng hừng hực ngang tầm với những *Mùa hè đỏ lửa* hay *Dọc đường số 1* trước đây. Tôi lại thất vọng. Rồi tôi lại nghe là, trong trại cải tạo, ông làm rất nhiều thơ. Tôi đã cố gắng đọc một số trong những bài thơ đầy tâm huyết ấy. Đọc đi, đọc lại, lòng tự dặn dò lòng là có thể mình nhầm. Tuy thế, cuối cùng, tôi cũng đành đi đến kết luận là trời sinh Phan Nhật Nam không phải để làm thi sĩ.

Tôi phải nói ngay: tôi hoàn toàn không có ý chê trách những nhà văn, nhà thơ vừa kể. Không thể chê vì thật ra thì họ không bất tài hơn những cây bút khác ở hải ngoại. Không thể trách vì đó là điều phi lý, thậm chí, vô duyên: chả ai có quyền trách người khác về việc người đó không viết được những tác phẩm lớn. Người ta chỉ có thể bị chê trách vì viết dở nhưng không thể bị chê trách vì viết không hay, đặc biệt những cái hay lớn.

Cảm giác hụt hẫng của tôi, và chắc chắn cũng là của vô số người khác, khi đọc các tác phẩm mới của họ xuất phát từ chỗ: chúng ta đã hy vọng và đã chờ đợi ở họ quá nhiều. Điều đó cũng có nghĩa là chúng ta đã quá thất vọng trước những thành tựu mỏng manh của nền văn học hải ngoại. Chính từ niềm thất vọng ấy, chúng ta tự dưng có tâm lý nhìn những kẻ đến sau như những cứu tinh, một vinh dự mà chưa chắc họ đã dám nghĩ tới, từ đó, vô tình, mỗi người trong họ đều trở thành những dấu mốc lớn cho những niềm hy vọng và thất vọng mới. Sự thật, sự thất bại của họ, nghĩ cho cùng, cũng là sự thất bại chung của cả nền văn học hải ngoại từ sau năm 1975. Chúng ta đã chứng kiến những biến cố trọng đại và đã trải qua những tai hoạ thuộc loại khủng khiếp nhất trong lịch sử: bị đày đi kinh tế mới, bị đẩy vào trại cải tạo, bị tước đoạt mọi thứ tự do, nhân phẩm bị chà đạp, cuối cùng phải tìm đường vượt biên để có khi bị hãm hiếp, bị kỳ thị, hoặc may lắm thì cũng trở thành những tên lưu vong lạc lõng lơ láo vất vưởng ở xứ người. Thế nhưng văn chương của chúng ta thì vẫn cứ như là trò chơi của trẻ nhỏ. Cũng phơn phớt chút phấn son. Cũng uốn éo như mấy cô ca sĩ tập sự. Cũng lên bổng xuống trầm sặc mùi cải lương. Chúng ta đau đớn thực mà lại viết như là buồn vờ. Bi kịch lớn như núi, rơi xuống trang giấy, biến thành một mảnh bọt bong bóng xà phòng, nhỏ xíu, mỏng tanh, tan trong trí nhớ còn nhanh hơn cả mùi mực.

Có một điều cần để ý là, một sự thất bại tương tự cũng từng diễn ra trong sinh hoạt văn học trong nước sau năm 1975, chủ yếu là trong giới

cầm bút ở phía Bắc. Sau mười năm kháng chiến chống Pháp và ngót hai mươi năm chiến tranh Nam Bắc, giới văn nghệ sĩ miền Bắc cũng từng ấp ủ giấc mộng làm nên những tác phẩm lớn lao và đồ sộ cỡ *Chiến tranh và hoà bình*. Cuối cùng, họ cũng chỉ đẻ ra được những đứa con thiếu tháng, còi cọc, sống chủ yếu nhờ bình oxygen...tuyên truyền. Nhà cầm quyền đổ lỗi là do giới cầm bút thiếu vốn sống. Lý do ấy rất ít sức thuyết phục: tôi không tin là những người từng lội bộ ròng rã gần cả năm trời dọc theo dãy Trường Sơn, sống trong những điều kiện cực kỳ khắc nghiệt, hầu như lúc nào cũng đối diện với cái chết: chết vì bom, vì mìn, vì biệt kích, vì thú dữ, vì bệnh hoạn, vì đói rét, vì các "đồng chí" đầy nhỏ nhen và nghi kỵ của mình, v.v... lại thiếu "vốn sống" hơn các nhà văn, nhà thơ trưởng giả sống trong những căn nhà khép kín và đi du lịch toàn bằng máy bay hay xe hơi ở Tây phương. Giới cầm bút giải thích sự thất bại của họ bằng một lý do khác: thiếu tự do. Cũng chưa chắc. Đã đành là, không ai có thể chối cãi, các chính sách hẹp hòi và độc đoán của đảng cộng sản đã gây nên nhiều hậu quả tai hại khốc liệt trong lãnh vực văn học nghệ thuật, tuy nhiên, tôi không tin là người ta viết dở chỉ vì không được quyền viết hết sự thực như Nguyễn Minh Châu hay một số người khác từng tuyên bố (1). Cứ nhìn vào tình hình văn học năm, mười năm gần đây, chúng ta thấy ngay điều đó. Rõ ràng là từ khi có chính sách đổi mới, giới văn nghệ sĩ Việt Nam đã có khá nhiều quyền tự do để viết. Chính quyền chỉ còn khả năng ngăn chận yếu ớt ở khâu xuất bản. Nhưng nhà văn có thể thoát khỏi cửa ải ấy không mấy khó khăn bằng cách gửi in ở nước ngoài. Trên thực tế, đã có nhiều người chọn giải pháp táo bạo nhưng không còn nguy hiểm lắm ấy. Rốt cuộc, những tác phẩm lớn vẫn biệt mù.

Tôi ngờ sự thất bại của giới cầm bút Việt Nam, cả trong lẫn ngoài nước, có một nguyên nhân gì khác hơn là chuyện vốn sống hay chuyện tự do sáng tác. Nó cũng không đơn giản chỉ là vấn đề tài năng.

Nguyên nhân ấy là gì?

Tôi lờ mờ nhận ra nguyên nhân ấy khi gặp và chuyện trò với một nhà văn nổi tiếng là khí khái khi bị nhà cầm quyền tại Việt Nam sau năm 1975 bắt bớ và đày ải. Với sự khí khái ấy, ông từng được xem như hình ảnh tiêu biểu của kẻ sĩ thời đại mới. Gặp ông, tôi càng tin hơn những điều người ta kể về ông. Quả thật, từ dáng đi, dáng đứng đến cách nhìn, cách nói của ông, toát lên một vẻ gì thật thanh thản, vừa cứng cáp lại vừa hiền hoà, không uy hiếp ai và cũng không để cho ai uy hiếp được mình. Nhìn ông, tôi không còn ngạc nhiên về những câu chuyện liên quan đến tiết tháo

của ông khi đối diện với công an cộng sản nữa. Có điều, khi hỏi ông về đời sống của giới văn nghệ cũ của Sài Gòn sau năm 1975, đặc biệt đời sống của những người từng bị tù tội vì ngòi bút của họ, tôi vô cùng ngạc nhiên nhận ra là có vẻ như ông không biết nhiều. Không biết nhiều về cộng sản, về các chính sách văn nghệ, kể cả các thủ đoạn của đảng cộng sản đối với giới văn nghệ sĩ miền Nam. Ông kể về cuộc sống trong tù của ông một cách rời rạc, với rất ít chi tiết cụ thể, đến độ, nghe ông nói và nhìn thái độ thanh thản của ông khi nói, tôi cứ phân vân, có cảm tưởng như ông chưa từng bị bắt và bị giam giữ bao giờ cả.

Dần dần, tôi tin là có một quan hệ sâu sắc giữa thái độ ung dung, tự tại, uy vũ bất năng khuất của ông với sự hiểu biết mù mờ của ông về kẻ thù: để giữ được bình tâm trước bạo lực, một cách có thể là vô thức, ông đã chọn biện pháp là hư vô hoá kẻ thù và tội ác của kẻ thù. Giống như người bị tra tấn, để bớt đau, đã cố làm như những mảng da thịt đang bị tra tấn ấy không phải là của mình. Để quên đau, người ta phải quên luôn cả bản thân mình và thế giới chung quanh mình, trong đó có cả cái kẻ đang hành hạ mình. Nhờ thế, người ta mới đủ sức để chịu đựng bất hạnh. Bù lại, đến lúc cuộc tra tấn chấm dứt, người ta cũng không còn nhớ gì về nó nữa. Ngỡ như cuộc tra tấn ấy chỉ có trong giấc mơ hay với...một người nào khác.

Tôi cũng có cảm tưởng tương tự khi gặp một vài người trong nhóm Nhân văn - Giai phẩm ở miền Bắc. Khi tôi hỏi về những đoạ đày họ phải chịu đựng khi Nhân văn - Giai phẩm bị trấn áp, tôi ngạc nhiên nhận thấy, qua giọng kể của họ, những bất hạnh ấy có vẻ cũng là ..."thường" thôi. Cũng "thường" thôi, cái việc họ bị cưỡng bức lao động, bị mọi người nghi kỵ hoặc e dè như những tên tội phạm chính trị. Cũng "thường" thôi, cái việc họ bị đuổi ra ngoài biên chế, bị tước quyền sáng tác, phải sống vất vưởng ngoài lề của xã hội. Cũng "thường" thôi, cái việc họ bị xuyên tạc, bị vu khống, bị chửi bới sa sả trên các phương tiện truyền thông của nhà nước suốt gần cả nửa thế kỷ. Cũng "thường" thôi. Như mọi tai ách khác ở đời. Tôi biết chắc chắn những điều họ kể không giống với những gì họ đã thực sự từng trải. Ký ức của họ đã phản bội họ: nó đã thanh tẩy hết hoặc gần hết những khía cạnh tối tăm, bi thảm nhất để giảm nhẹ các *pressure* trong tâm hồn của họ. Mà cũng phải, nếu không, chắc gì họ đã sống nổi đến tận bây giờ. Tuy vậy, tôi vẫn cứ ngạc nhiên (2).

Tâm lý hư vô hoá bi kịch cũng như sự thanh tẩy nhanh chóng các

màu sắc đen tối trong ký ức có lẽ cũng là điều khá phổ biến ở nhiều người. Tôi có một người bạn thân, có thời đi vượt biên, bị bắt, bị ở tù và, cuối cùng, đã vượt ngục. Sau này, thỉnh thoảng tôi nghe anh kể về chuyện ở tù, vừa kể vừa cười. Những chuyện anh kể bao giờ cũng thú vị. Tôi chẳng có chút nghi ngờ gì về sự thành thực của anh. Tuy nhiên, nghe anh ấy kể, tôi cứ ngạc nhiên tự hỏi: chả lẽ ở trong tù chỉ toàn có những chuyện buồn cười thú vị như thế? Chắc chắn là không. Tôi biết rõ bạn tôi: là một trí thức nho nhã, hiền lành, thậm chí nhút nhát, chắc chắn anh không thể đủ táo bạo và liều lĩnh để vượt ngục nếu đời sống trong tù không có cái gì khủng khiếp khiến anh ghê sợ hơn cả cái nguy cơ bị bắn chết. Cái sự khủng khiếp ấy là gì? Tôi ngờ là anh cũng không nhớ rõ.

Tôi cũng ngờ là hiện nay chưa chắc đã có mấy người nhớ và còn cảm được cái nỗi khủng khiếp bao trùm cuộc sống ở Việt Nam từ năm 1975 đến ít nhất năm 1986, khi đảng cộng sản công bố chính sách "cởi trói"; cái nỗi khủng khiếp cụ thể đến độ khiến chúng ta phải run bắn người khi nghe tiếng gõ cửa vào ban đêm, phải thót người lại khi bắt gặp ánh mắt của bất cứ gã công an nào; cái nỗi khủng khiếp khiến cả triệu người phải cuống cuồng tìm cách trốn khỏi Việt Nam, bất chấp mọi sự hiểm nguy.

Vượt lên trên kinh nghiệm của từng cá nhân, tôi ngờ thói quen hư vô hoá bất hạnh và thanh tẩy bất hạnh không chừng cũng là tâm lý tập thể của dân tộc Việt Nam nói chung. Bị Pháp đô hộ gần ngót một trăm năm, kiến thức của chúng ta về Pháp cũng chỉ dừng lại ở mức bập bẹ mấy tên tuổi cũ kỹ như Racine, Pascal, Victor Hugo như những đứa học trò phổ thông đang chuẩn bị thi tú tài. Bị Trung Hoa đô hộ cả ngàn năm, kiến thức của chúng ta về cả kẻ thù (Trung Hoa) lẫn tội ác của kẻ thù (sự xâm lược và âm mưu đồng hoá) thật ít ỏi. Ít ỏi đến độ đáng kinh ngạc: trong cả lịch sử Việt Nam, không có lấy một người đáng gọi là nhà Trung Quốc học. Nhìn lại lịch sử dân tộc, chỉ thấy toàn bất hạnh, nhưng đọc thơ văn, chỉ nghe những tiếng thở dài nhè nhẹ bâng khuâng của tuổi mới biết buồn.

Tôi không bôi nhọ lịch sử. Tôi cũng chẳng miệt thị cha ông mình. Tôi chỉ muốn nhấn mạnh đến những cái giá chúng ta phải trả cho sự tồn tại của dân tộc. Tôi biết, nếu không tự trang bị tâm lý hư vô hoá bất hạnh hay thanh tẩy các bất hạnh thật nhanh ra khỏi ký ức, người Việt Nam khó mà có thể sống nổi qua những chuỗi trầm luân dằng dặc kéo dài cả hàng ngàn năm. Nói cách khác, chúng ta còn sống được, sau cả ngàn năm bị Trung

Hoa đô hộ, sau ngót trăm năm bị Pháp đô hộ, sau hàng mấy trăm năm nội chiến và cả ngàn năm dưới hoạ chuyên chế, từ chuyên chế phong kiến đến chuyên chế vô sản, một phần, nếu không nói là phần lớn, là nhờ chúng ta biết...quên. Quên kẻ thù. Quên tội ác của kẻ thù. Quên những vết thương kẻ thù cắt trên da thịt của chính chúng ta. Quên. Quên là phương cách tự vệ của những số phận khốn cùng.

Khi tâm lý hư vô hoá bất hạnh và thanh tẩy bất hạnh được sử dụng như những phương cách tự vệ, những biện pháp cuối cùng để tồn tại, chúng không có gì đáng trách. Và cũng không có gì đáng phải ân hận. Người ta không có sự chọn lựa nào khác. Chúng là lịch sử. Chúng đã như thế và không thể là cái gì khác. Lên án hay tiếc nuối cho những sự kiện lịch sử là một điều thừa thãi. Duy có điều chúng ta cần nhớ là cái giúp chúng ta tồn tại không phải là cái giúp chúng ta lớn lên, do đó, chúng ta không nên, hơn nữa, không được quyền biến thói quen hư vô hoá bất hạnh và thanh tẩy bất hạnh thành những đức hạnh, nhất là những đức hạnh cho hiện tại và tương lai, khi chúng ta đang và sẽ đối diện với những sự bất hạnh về tinh thần nhiều hơn là những sự bất hạnh về thể xác, trong đó, theo tôi, sự bất hạnh khủng khiếp nhất chính là sự nghèo nàn về kinh nghiệm bất hạnh.

Chúng ta đã tồn tại nhờ tâm lý hư vô hoá bất hạnh và thói quen thanh tẩy thật nhanh mọi dấu vết bất hạnh ra khỏi ký ức. Văn học Việt Nam, ngược lại, may ra chỉ có thể trưởng thành nhờ những kẻ thống dâm (masochist), những kẻ tìm thấy khoái lạc khi nhìn trừng trừng vào những lằn roi quất tới tấp trên da thịt của mình hay là tự tay cào, cấu những vết thương của chính mình cho toé máu.❐

Nguyễn Hưng Quốc
Melbourne, ngày cuối cùng của năm 1997

CHÚ THÍCH:

1. Xem Nguyễn Minh Châu, "Viết về chiến tranh" in trên *Văn Nghệ Quân Đội* (Hà Nội) số tháng 11.1978 và "Hãy đọc lời ai điếu cho một giai đoạn văn nghệ minh hoạ" in trên báo *Văn Nghệ* (Hà Nội) số 49-50 ra ngày 5.12.1987; Hoàng Ngọc Hiến, "Về một đặc điểm của văn học nghệ thuật ở ta trong giai đoạn vừa qua" trên báo *Văn Nghệ* số ra ngày 9.6.1979, v.và

Trong bài "Trần Dần, thủ lãnh trong bóng tối" đăng trên *Văn Học* (Califor-

Thiên cổ sự
NGHIÊM XUÂN HỒNG

Mua buồn đọc chuyện cổ xưa
Nửa vui chuyện cũ nửa soi phận mình
Người xưa vẽ quái thay hình
Vẽ trăng thay mộng vẽ mình tay không
Ngồi nơi Dũ Lý thong dong
Nhìn sao ẩn hiện qua song vẽ Kiền
Nhìn cô Đát Kỷ dảo điên
Éo le đứt nối vẽ hình quẻ Khôn
Đất trời nay đã dựng rồi
Làm sao vẽ được tình đời khó nguôi
Vẽ làn mây trắng trôi xuôi
Giăng ngang giăng dọc...bỗng trời đổ mưa
Mưa bao nhiêu kiếp cho vừa
Mưa tăng kỳ kiếp vẫn chưa thỏa lòng
Vẽ nàng Kiều nhỏ đa tâm
Giơ tay chỉ nguyệt hẹn chàng Kim kia
Hẹn rồi lại đổi tâm hành
Lạy cô em út thế lời nguyền xưa
Giăng bao nhiêu nẻo cho vừa
Nguyền bao nhiêu kiếp chưa vơi lòng sầu...

Ngoài kia nếu trời còn xanh dẹp
Vẽ lòng đi cho kịp hôm nay
Một mai nếu thấy lòng đơn lạnh
Về với nhau vẽ lại cho vui.

nia) số 136 ra tháng 8.1997, Phạm Thị Hoài phác hoạ chân dung Trần Dần như một biệt lệ. Bản thân tôi cũng đã gặp Trần Dần nhân chuyến về Việt Nam đầu năm 1996, tiếc, lúc ấy, bệnh tình của ông khá nặng, ông không còn nói năng gì được nữa. Hơn nữa, tôi cũng chưa được đọc nhiều thơ của ông sau này, nên không dám chắc điều gì về ông.

Khoa Hữu, nỗi bi phẫn bất tận

Trần Hữu Thục

Đặt bút viết về thơ Khoa Hữu, cái cảm giác đầu tiên không tránh khỏi của tôi là: anh là một nhà thơ phản kháng . Anh đang ở trong nước và những bài thơ của anh là "có vấn đề" đối với nhà nước chuyên chế ở đó. Do vậy, động lực thúc đẩy việc viết có thể không phải bắt nguồn từ bản thân thơ anh, mà từ thái độ "chính trị" của anh, từ sự can trường của anh. Nó nhắc nhở ta đến những trường hợp của một số nhà văn, nhà thơ bất đồng chính kiến khác ở trong nước.

Tất nhiên là có như thế. Từ khi đọc thơ anh trên báo, tôi vẫn nghĩ thơ anh được bí mật gửi ra nước ngoài và nhà nước Cộng Sản không biết anh là ai. Nghĩa là anh đã không hoặc chưa bị làm khó dễ ở trong nước. Nhưng khi cầm tập thơ, bìa sau ghi rõ lý lịch và hình ảnh của anh, tôi có phần sửng sốt: anh can trường đến thế sao? Sau đó, tôi được biết là anh đã từng bị nhà cầm quyền Cộng Sản gọi lên thẩm vấn nhiều lần về những bài thơ đăng tải ở nước ngoài. Cũng phải thôi. Chỉ cần một, hai câu thơ với nghĩa nước đôi, mập mờ là có thể bị làm khó dễ huống hồ gì , xuyên qua toàn bộ những bài thơ của anh, thái độ của anh được bày tỏ thẳng thắn, không cần qua một ẩn dụ nào. Trong tập "Thơ Khoa Hữu", thái độ đó còn được bày tỏ rõ hơn ở bài đầu tiên "Tuyên Ngôn Của Thơ":

Vì Hoà Bình, vì Tự Do
vì con người vì hạnh phúc
mỗi chữ viết oằn một niềm đau
thơ không khuất phục
(tr. 15)

và bài cuối "Bản Nháp Tờ Di Chúc":

Ta say quên chỗ ta nằm
dọc ngang thước đất nhớ trăng bốn bề

tháng ngày ta đã hôn mê
thân phơi bóng núi hồn về cửa sông
(tr. 129)

Phải chăng qua "Bản Nháp Tờ Di Chúc" này, anh đã trù liệu đến những hệ lụy không lường trước được khi tập thơ được in ra ở Hải Ngoại. Nhà văn Nguyễn Mộng Giác viết trong lời tựa *"Từ trong nước, sống âm thầm như một kẻ vô danh, anh gửi những vần thơ huyết lệ ra nước ngoài"* (tr. 12).

Giờ thì anh không còn vô danh nữa, hiểu theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng.

Có thể đó là lý do để viết về Khoa Hữu, hay nói đúng hơn về tập "Thơ Khoa Hữu" vừa được *Văn Học* xuất bản cuối năm rồi (1997). Nhưng khác với nhiều người khác cũng ở trong một hoàn cảnh na ná như anh, ở đây, vấn đề không phải chỉ như thế. Giữa khu rừng thơ văn hải ngoại bạt ngàn, bề bộn, hoa và lá và cỏ đua chen, thơ Khoa Hữu nổi bật lên đầy cá tính, với một phong cách rất riêng, một hơi thở rất riêng, một không khí rất riêng và tất nhiên, với một tâm cảnh rất riêng, nếu không muốn nói là vô cùng riêng. Tôi không làm thơ (hoặc làm nhưng chỉ để tự thưởng thức), nhưng rất sính đọc thơ. Trên báo chí trong nước cũng như ở Hải Ngoại, tôi tìm thấy nhiều bài thơ hay - và rất hay -, nhưng lạ là, lại hay, hoặc rất hay một cách chung chung. Chúng hay hao hao, tựa tựa nhau. Nghĩa là, dường như ít, hay khó, hay có thể không nhận ra lý lịch bài thơ chỉ bằng cách đọc bài thơ đó nếu không nhìn tên tác giả. Còn những bài thơ gọi là "hay hay", tôi vẫn thường mang máng lầm giữa tác giả này và tác giả khác. Tất nhiên, trừ những bài thơ với kỹ thuật, hoặc ngôn ngữ quá tân kỳ, quá bạo, khiến ta không thể lẫn được.

Riêng Khoa Hữu, chỉ qua một vài bài thơ là cá tính, phong cách và tâm cảnh anh định hình, tạo nên một chất thơ *khoahữu* riêng biệt, rất khó nhầm lẫn, đặc biệt là trong thể thơ "thất ngôn tứ tuyệt" . Trường hợp này nhắc ta nhớ đến Nguyễn Bắc Sơn với bài thơ đầu tiên đăng ở tờ *Khởi Hành* dạo nào:

Mai ta đụng trận ta còn sống
Về ghé sông Mao phá phách chơi
Chia sớt nỗi sầu cùng gái điếm
Đốt tiền mua vội một ngày vui

Chỉ với một đoạn thơ trên, chúng ta có ngay một chất thơ *nguyễnbắcsơn*.

Nguyễn Mộng Giác nhận xét, Khoa Hữu *"không cần, mà cũng không*

có thì giờ để tìm cách đổi mới câu cú, chữ viết" (tr. 11). Cách ngắt câu, xuống hàng, vần điệu...hoàn toàn làm theo lối cổ điển bình thường. Hầu hết là thơ lục bát. Phần còn lại làm theo thể "thất ngôn tứ tuyệt". Một hai bài "ngũ ngôn tứ tuyệt". Chỉ có bài đầu tiên và một bài thơ ngắn khác là được làm theo lối "tự do".

Đọc từng bài riêng lẻ của anh trước đây, cũng như đọc lại toàn bộ thơ anh trong tập thơ, lúc nào tôi cũng có một cảm giác u hoài, man mác rất cổ điển, cứ như đọc một bài cổ thi hay một bài văn thời xa xưa nào. Ừ, thì cũng buồn, chán, thậm chí thù hận. Nhưng cảm giác man mác , tựa như cảm giác khi ta đi dạo quanh một khu thành quách cũ rộng lớn, cứ đeo đẳng lấy ta. Nguyễn Mộng Giác bảo: *"Không khí thơ biên tái bàng bạc ở nhiều bài"* (tr.11). Vâng, "biên tái". Nhưng từ đâu ta có cái cảm giác đó?

Trước hết, có lẽ là cách dùng chữ của Khoa Hữu. Anh sử dụng rất nhiều từ ngữ và hình ảnh cổ điển trong thơ. Nhiều từ hay cụm từ loại này trở đi trở lại nhiều lần, hoặc giống nhau hoặc pha pha đôi chút: vầng dương, nhật nguyệt, niên sử, bóng hạc, gươm báu, trăm họ, mài gươm tạo hóa, anh hùng mạt lộ, thân phơi bóng núi, trang sách ước, chiến bào, vong quốc, mảnh áo bào, chiếu hoa, gió bạt oán cừu, thiên tử, thứ dân, hưng phế, cõi vô lượng, tà dương, nhà nghiêm, da ngựa bọc thây, bẻ bai...

Nhiều câu thơ của anh phảng phất mùi Đường thi:

- Đêm gối đầu đất Sở
mai thức về đất Yên (tr.120)
- Cởi chiến bào súng trận
trải vầng trăng Xuân Thu (tr. 121)

Có những câu khiến ta sống trong khung cảnh *Chinh Phụ Ngâm* hay *Cung Oán Ngâm Khúc*:

- Đồng trụ chiết, rung chiều cổ độ
-Vó ngựa sắt tung mùi thư sử (tr. 112)
- Người đi tủi giấc mơ kinh sử
một hồn trăng treo bóng giang đầu (tr. 97)

Đoạn sau đây khiến ta liên tưởng đến hình ảnh một tráng sĩ trong một giai đoạn lịch sử thời nào xa ngan ngát:

Ta về kẻ đường xa lỡ vận
chuyện tử sinh nặng bước phong trần
áo giang hồ đi chưa đủ ấm
ngày về ta vẫn bóng phù vân (tr.19)

Một số lượng lớn thơ Khoa Hữu được làm theo thể lục bát, một lục bát hoàn toàn, không cách tân, không đổi nhịp, rất cổ điển, rất bình dân, vần điệu ôm nhau rất chặt chẽ.

- Sài Gòn / tháng chín / đêm mưa
ta như / khách lạ / về thưa / bóng người (tr. 63)
- Mấy lời / đau gửi / non sông
khép thân / bức tử / mở vòng / bi ai
nghe trong / đất nấc / tiếng trời
nghe trong / tâm huyết / bóng ai / trở về (tr.84)

Họa hoằn lắm , ta mới bắt gặp một cách ngắt nhịp khác:

- Mười lăm năm / vết ung thư
- Bốn mươi năm / khúc đoạn trường (tr. 57)

Riêng trong thể thơ "thất ngôn tứ tuyệt", đa phần các câu thơ được anh ngắt theo nhịp 3/4, chứ không theo kiểu 4/3 (hoặc 2/2/3) như nhiều nhà thơ khác vẫn làm khi chọn thể thơ này (Tô Thuỳ Yên, Mai Thảo chẳng hạn). Cách ngắt câu này mang máng giống cách ngắt hai câu đầu thể song thất lục bát.

Bốn mươi năm / lạc phương trời khách
vẫn như chung / chia nỗi đọa đày
lời thề cũ / mừng khi gặp mặt
sao lạnh lùng / đau thuở chia tay (tr. 110)

Có nhiều câu đọc lên nghe không khác gì hai câu đầu thể song thất lục bát:

- Nén hương cháy/ hắt hiu đời trước
ngọn nến chong / vĩnh biệt đời sau
- Ta mong ta / gió giam đầu núi
hạ đi đày / mưa tủi qua sông
-Đây bằng hữu / đây con đây vợ
đây ngồi nhà giam giữ chung thân

Tuy làm thơ theo lối cổ điển như thế, anh hoàn toàn không lưu ý đến luật bằng trắc cổ điển "nhất tam ngũ bất luận, nhì tứ lục phân minh" áp dụng trong thể thất ngôn tứ tuyệt. Điều này trái hẳn với nhà thơ "tự do" Tô Thuỳ Yên. Hầu như trong tất cả những bài thơ thuộc loại bảy-chữ-bốn-câu, Tô Thùy Yên rất nghiêm chỉnh tuân theo luật bằng trắc nói trên

Hừng đông hùng vĩ và thanh thản
Sương hứa nguyên ngày nắng rực say
Ta dậy khi gà truyền nhiễm gáy
Chân mây rách đỏ vết thương dài (TTY, *Thơ Tuyển*, tr. 39)

Ở điểm này, Khoa Hữu "tự do" hơn Tô Thuỳ Yên nhiều. Tuy nhiên, tôi lưu ý một điểm đặc biệt ở thơ anh: anh rất chỉnh ở cách gieo vận các chữ cuối trong những bài thơ thể bảy chữ bốn câu, cả vần trắc lẫn vần bằng, trong lúc Tô Thùy Yên chỉ lưu ý đến vần bằng.

Ở Tô Thuỳ Yên:
Ta gọi thời gian sau cánh cửa
Nỗi mừng ràn rụa mắt ai sâu
Ta nghe như máu ân tình chảy
Từ kiếp xưa nào tưởng lạc nhau
Trong lúc đó, ở Khoa Hữu:
- Phát đạn nổ chiến tranh, đã bắn
tuyên án ta - bản án tử hình
đem sợi tóc treo ngàn cân nặng
vận mệnh trời hai chữ đinh ninh (tr. 93)
- Ta mong ta, gió giam đầu núi
hạ đi đây mưa tủi qua sông
mùa xuân ơi xanh trời trăn trối
cánh đào rơi như giọt máu đông (tr. 111)

Ở mấy câu trên, ta thấy bắn vần với nặng, *hình* với *ninh*, *núi* với *trối*, *sông* với *đông*.

Vần bằng, anh gieo đại loại như: *trăng - bằng, may- đày, xanh-tình,chồng-không, đầu - đâu, hồn-hôn, thù - ta, lưng - trầm...*

Vần trắc, anh gieo: *sử-sự, xứ-tử, biệt-hết, trước-được, chết-hệt, lá-lạ, giấc thật, trắng-tháng, bể- rễ, thật-trước, núi-trối...*

Chính vì thế, những bài thơ của anh rất giàu âm điệu, luyến láy nhịp nhàng, khiến cho âm hưởng của thơ càng thêm đậm đà, bàng bạc không khí cổ điển.

Tôi đồng ý với nhận định sau đây của Nguyễn Hưng Quốc: *" Hầu hết các nhà thơ miền Nam, trong những năm đầu, tức là vào cuối thập niên 50, hăm hở làm thơ tự do, từ đầu thập niên 60 trở về sau, dần dần quay lại các thể thơ cách luật, nhưng các thể thơ cách luật ấy, dưới ngòi bút của họ, khác hẳn các thể thơ cách luật cũ: thứ nhất là họ thường bỏ niêm; thứ hai là họ thường ngắt theo nhịp lẻ, nhịp 3/4, tức nhịp thất ngôn truyền thống hơn là thất ngôn Đường luật; thứ ba là mật độ các thanh trắc tăng lên; thứ tư là tần số xuất hiện của các từ láy, các từ đệm ngày một thưa thớt dần; cuối cùng, thứ năm là hệ thống vần cũng lỏng lẻo hơn"* (NHQ, *Thơ, v.v...và v.v...*, tr.212-213).

Rõ ràng là, cách tân gì thì cách tân, người ta không thể loại bỏ được thể loại thơ cũ mà nguyên tắc căn bản vẫn là vần điệu và các giới hạn về câu, chữ. Đọc thơ trong các tạp chí trong nước cũng như ngoài nước hiện nay, thơ cách luật vẫn chiếm ưu thế về số lượng và cả về chất lượng, vẫn được người làm thơ và người đọc thơ ưa thích. Tại sao có sự quay lại đó ?

Tôi cho rằng lối làm thơ tự do, trong lúc giải thoát nhà thơ ra khỏi một số ràng buộc hình thức vô lý để họ thoải mái bày tỏ tâm cảm họ, thì đồng thời cũng đẩy nhà thơ xa dần cội nguồn của thơ, theo đó thơ là một tổng hợp giữa âm thanh, cảm xúc, ngôn ngữ và ý thức. Nhà thơ quay lại, mang theo hơi hướm của tự do và do đó, thổi vào các thể thơ cũ một sinh khí mới, giúp nhà thơ điều hòa được hai đòi hỏi trái ngược nhau. Hình như khi muốn diễn tả một tình cảm mãnh liệt nào đó về cuộc đời, về tình người, về sự thống khổ, về hạnh phúc..., nhà thơ thường chọn lối cổ điển. Gọn, hàm súc, cô đọng. Mặt khác, nhờ tùy nghi châm chước về luật bằng trắc, vần điệu, khổ..., nhà thơ vẫn có tự do khi muốn diễn đạt cho tận cùng cảm xúc cũng như ý tưởng của mình. Tô Thùy Yên chẳng hạn, đã chọn lối bảy chữ bốn câu với bố trí chặt chẽ về luật bằng trắc, về vần điệu trong khá nhiều bài. Khoa Hữu là một trường hợp khác tương tự. Dường như cũng tâm trạng đó, nỗi lòng đó, mỗi khi được diễn tả bằng những vần thơ cân đối, chữ nghĩa sít sao, âm vận nối kết khiến cho lòng ta cảm khái hơn, dạt dào hơn, hòa nhập hơn với bài thơ và qua đó, với tâm cảnh của tác giả hơn. Và cũng dường như, làm thơ theo lối cổ điển có một cái thú là nhà thơ phải động não hơn trong khi tìm chữ cho phù hợp với cảm xúc đã đành, mà còn phải tìm chữ cho phù hợp với cấu trúc chung và với âm thanh, vần điệu. Điều đó đòi hỏi nhà thơ phải biết đào sâu hơn cái "thể tính" của ngôn ngữ. Một chữ phải "chết" một chữ, khiến cho mất chữ đó đi, bài thơ hoặc câu thơ trở thành chênh vênh, lấp lửng, không "đạt", không "hồn". Do vậy, khi hoàn thành, nó trở nên một chỉnh thể có giá trị tự tại của nó. Dở thì đành là dở. Hay nhất định là hay.

- Ta về - một bóng trên đường lớn
Thơ chẳng ai đề vạt áo phai
Sao vẫn nghe đau mềm phế phủ
Mười năm, đá cũng ngậm ngùi thay
- Ta về như lá rơi về cội
Bếp lửa nhân quần ấm tối nay
Chút rượu hồng đây, xin rưới xuống
Giải oan cho cuộc biển dâu này (TTY, *Tuyển Tập*, tr. 128)

Đấy ! Ngày trở về của người tù Tô Thùy Yên. Âm thanh quyện lấy chữ. Ý đan lấy lời. Cảm xúc níu lấy vần điệu. Dễ gì thay đổi được một chữ "lớn", một chữ "phai", chữ "cũng", chữ "rưới" hoặc thay cách gieo vần mà không làm tổn thương đến câu thơ, bài thơ, không khí thơ, và cái cảnh bi thiết của một kẻ trở về cô độc trên đường lớn !

Cũng cái cảnh trở về như thế, Khoa Hữu đã chọn kiểu diễn đạt "cũ càng" như trên để nói lên nỗi lòng của mình:

- Ta về mang dáng ngày phiêu bạt
nếp da nhăn trí nhớ âu sầu
như trẻ thơ cười trong tiếng khóc
ta về làm chứng cuộc bể dâu
- Quê nhà như cỏ hoang đồng nội
như gió mùa thổi vuốt tóc mây
quê nhà lời linh hồn - ta đợi
ba mươi năm giải nỗi oan này.(tr. 18)

Thơ Khoa Hữu, nói chung, như đã đề cập ở trên, "cũ càng" nhiều chỗ: cấu trúc, vần điệu, từ ngữ. Có nhiều bài thơ, anh đã dùng cả điển cố như đất Sở, đất Yên, Nhạn Môn Quan, đồng trụ chiết...Đã thế, nỗi buồn của anh, tâm sự của anh, nỗi bi phẫn của anh nào có gì mới đâu. Ai trong chúng ta chẳng kinh qua vô vàn đau đớn của cuộc phế hưng trong mấy chục năm rồi. Ấy thế mà, đọc thơ anh, ta vẫn cảm thấy có cái gì khác sâu hơn, xa hơn, tái tê hơn, ngậm ngùi hơn, thê thiết hơn những gì ta vẫn thường biết, thường nghe, thường cảm giác. Dường như thơ của anh đã làm mới lại cảm xúc, mài nhọn thêm nỗi bi thiết, đẩy cao thêm nỗi oan khiên, khoét sâu thêm niềm tủi nhục. Tuy thế, ngôn ngữ cũng như tư tưởng anh không có gì cầu kỳ, bí hiểm. Bằng tài năng, bằng sở hứng của mình, anh đưa thêm ý, thêm tình vào những điển cố, ngôn ngữ cũ, hiện đại hóa những hình ảnh, biểu tượng xưa, và ngược lại, "biên tái hóa" những tình, những cảnh hiện nay. Chúng pha trộn, lẫn quất, hòa vào nhau tạo nên những câu thơ, đoạn thơ rất thấm, rất đậm khiến ta ngẩn ngơ:

- Đêm đã trắng sao ta còn thức
nhớ quân đi gió bạt oán cừu
bỏ áo trận xanh trời Vạn Kiếp
xếp ngọn cờ vàng áng mây thêu (tr. 128)
- Đất báo oán người gây chinh chiến
thay áo bào , súng trận, ta đi
thiên hạ tứ phương thù, dấy loạn
trăng chiếm bao đưa bóng ta về (tr. 93)

Toàn bộ những bài thơ của Khoa Hữu là một chuỗi dài những tiếng kêu bi phẫn. Trăm bài thơ là một bài thơ. Một trường ca bi phẫn. Đó là một nỗi bi phẫn không cạn, không ngưng nghỉ, không mệt mỏi. Nỗi bi phẫn xuyên suốt phần còn lại của đời anh, xuyên suốt sự nghiệp thi ca của anh. Mỗi một giòng thơ, mỗi một đoạn thơ hay mỗi một bài thơ - dài hay ngắn - đều đầm đìa bi tráng. Tôi có cảm giác như nhà thơ đi suốt non sông, vác nỗi bi tráng trên lưng như một phần thịt da của mình, một phần

đời mình, câm lặng nhìn, câm lặng nghe, và câm lặng cất tiếng kêu bi thương cho chính mình nghe. Tất cả quanh anh đều nhuốm vẻ bi tráng: bạn bè, người, vật, thân phận, ngọn cỏ, khu rừng, giòng sông, nấm mộ, người tình...

Qua đèo Hải Vân:
Ơi Hải Vân đèo cao trăn trở
cắt ruột gan từng khúc lòng ta (tr. 29)
Đến biển Cà Mâu:
Vào thăm thẳm rừng gây thương tích
cây vô danh chết đứng đời ta (tr. 32)
Sài Gòn:
Sài Gòn ơi, máu điêu linh
trái tim thiên cổ trăm tình cưu mang (tr. 49)
Trên sông Cửu Long:
Chiều như thổ huyết trên sông
đỏ loang sắc nước mây giòng trường giang (tr. 58)
Ở Đà Lạt:
Lên cao dốc đứng cây ngồi
xuống sâu lưu lạc phận người về thăm (tr. 62)
Qua trường nữ Gia Long:
ta về mù mịt thế gian
môi khô bật máu cười khan tiếng cười (tr. 65)
Ban Mê Thuột:
ta về đỏ mắt hoàng hôn
rừng thay áo trận núi chôn mộ người (tr. 117)
Về Củ Chi:
Củ Chi ơi, gạch ngói
người lính cũ về thăm
chiến trường xưa ngọn khói
lòng ta bia đá câm (tr. 120)

Một trong những từ (và ý) được anh lập đi lập lại nhiều lần dính líu đến oan và oán: *oan khuất, oán cừu, u hờn, oan tình, hồn oan, giải oan, oan khiên, oán thù, oan hồn, kêu oan...*

- *những oan khuất đời con chưa hứa* (tr. 17)
- *một ly cố quận rót đầy oán sâu* (tr. 115)
- *tối đất oan khiên đỏ hận thù*(tr. 110)

Các hình ảnh máu me, chết chóc cũng trở đi trở lại nhiều lần: biển máu, ngậm máu, trăng thổ huyết, tẩm máu, cầm máu, nợ máu, bật máu, sặc mùi tanh, vết thương tươi, cắt ruột gan, mũi giáo còn tanh, xé bật tanh

hôi, xương cốt người, nắm hài cốt, đao phủ, quỷ sứ, quật mồ, hạ huyệt...

- *máu nào lăn lóc giòng thơ* (tr.34)
- *mũi dao đâm suốt tuyệt vời thế gian*(tr. 36)
- *thu vàng vấy máu trời kia* (tr.31)
- *lời máu đỏ ròng ròng phán xét*
- *mảnh da vàng thuộc đến chung thân* (tr. 103)

Nỗi oan khiên, phẫn uất , hình ảnh máu lệ bàng bạc hầu như trong tất cả các bài thơ. Nhưng tinh túy nhất, tài hoa nhất, cô đọng nhất và đánh động trái tim người đọc nơi sâu thẳm nhất, nằm ở những bài thơ bảy-chữ-bốn-câu. Có những bài rất dài: *Trở Về*, 17 đoạn ; *Gửi n.b.t*, 17 đoạn ; *Sự Yên Lặng Của Cát Bụi*, 27 đoạn ; *Tượng Lính*, 17 đoạn ; *Kẻ Lưu Đày Trên Quê Hương*, 21 đoạn.

Tôi cho rằng tài năng của Khoa Hữu biểu lộ rõ nhất ở những bài thơ vừa kể. Và cái chất *khoahữu* đặc biệt mà tôi đề cập ngay đầu bài cũng nằm trong những bài thơ trên. Qua chúng, hầu như tất cả những oan khiên, day dứt, đớn đau, bi phẫn của người thất trận, của người lính thất trận, của người tù, của người mất quê hương ngay trên chính quê hương mình, được giãi bày ở mức độ bi tráng cao nhất, ràn rụa nhất, sống động nhất. Nỗi bi phẫn của anh (hay của bạn bè anh, của đồng bào anh), theo lời thơ, theo hình ảnh trong thơ, theo nhịp điệu của thơ kết tụ, cô đặc lại trên từng câu, từng chữ, nâng ta lên từng bậc, lên mãi, ngút trời...Hờn thì hờn suốt biển sâu(tr.82), buồn thì buồn dâng tới đỉnh, ta chạm vô cùng (tr. 83). Nó là tiếng kêu đơn lẻ, thoát ra từ thân phận của một cá nhân, nhưng trở thành tiếng kêu trầm thống rợn người của cả một khối dân tộc, nếu không muốn nói là của toàn khối dân tộc bị hoàn cảnh nghiệt ngã đẩy vào một giai đoạyn lịch sử bi thương nhất, trong đó chiến tranh , hận thù và oan khiên đeo đẳng hoài không dứt. Đã hẳn kẻ bại trận thì buồn đau, thì tủi nhục, thì căm hờn. Nhưng trong giai đoạn lịch lịch sử vừa qua và hiện nay, cái buồn đau, tủi nhục đó vẫn có gì khác thường, có gì "không phải", có gì dường như không thật . Hay nói như anh, có cái gì oan trái, hàm oan, oan khuất:

- Khối tư tưởng núi ngồi hóa thạch
nặng nghìn cân đá chất hàm oan
ta hỏi cây, cây chờ giải thoát
đường lên đất lở đá hoang đường (tr.29)
- Em hát cho Việt Nam dĩ vãng
ba mươi năm rền cuộc chiến tranh
mười lăm năm còn người bại trận
còn ghê môi kẻ liếm máu mình
- Em hát ư hay lòng ta khóc

từng bóng ba về gọi đêm đêm
một triệu mộ phần xưa oan khúc
một triệu người ly tán quê hương (tr. 86,87)
- Ta về như nỗi oan này
bóng ma vô định một ngày lại đi (tr. 117)

Trong anh là sự hội tụ đến cực điểm của tâm thức người lính bại trận, của người tù chung thân, của người mất quê hương. Thêm vào đó là tình đồng đội . Theo tôi , những bài thơ nói về lính nằm trong số những bài thơ hay nhất của Khoa Hữu: *Sự Yên Lặng Của Cát Bụi, Tượng Lính, Qua Đất Quân Trường Vạn Kiếp*... Anh đi thăm nghĩa trang quân đội, thăm những chiến trường xưa như Cổ Thành, Củ Chi, các quân trường. Lòng anh trĩu nặng hình ảnh cuộc chiến tranh, trĩu nặng tình đồng đội. Trong chất ngất tủi hờn, trong ngập ngụa kỷ niệm, anh vẽ lại một cách sống động cuộc chiến tranh tàn khốc mà anh và đồng dội anh đã từng tham dự. Hết chiến trường này đến chiến trường kia: Khe Sanh, An Hạ, Trảng Bàng, An Lộc , Ba Thu, Creck, Snoul...Hết người bạn này đến người bạn kia nằm xuống giữa chiến trường.

- Lên Creck, Snoul chiều vĩnh biệt
xác tăng, thép súng cháy thành than
xuống Ba Thu, đạn còn người hết
tiếp máu ta rửa sạch chiến trường (tr.96)
- Cây súng trận trả về hậu cứ
phòng xác Tổng Y Viện lạnh nằm
tấm ảnh bóc từ quân bạ cũ
dán lên tường hẹn chuyến lại thăm (tr. 97)

Đấy, bên ngoài, người lính Khoa Hữu mất hết, nhưng bên trong, chiến trường xưa và đồng đội vẫn tươi rói kỷ niệm. Những người lính ấy chất ngất đời hai vai trận mạc, với chiếc nón sắt quên đời lăn lóc và tấm thẻ bài đây lời đính ước, để rồi:

đất nghĩa trang chung ngày hạnh ngộ
mộ mộ bia lớp lớp bảo tàng(tr.101)

Kẻ còn sống thì thua cuộc chiến tranh, nên:

Ta làm thơ gửi thằng cầm súng
hơn triệu thằng bỏ súng đi đâu
đưa đến quê người đời lận đận
ta quê nhà nhức vết thương sâu (tr. 102)

Có lẽ đó chính là lý do sâu xa nhất khiến Khoa Hữu bất chấp tất cả để làm thơ:

Đất ấy của ta ta còn hiểu

đồng đội của ta ta còn đau
giấy mực đời chép ra, ví thiếu
lấy da này viết để tạ nhau (tr. 102)

Vâng, đất ấy của ta. Anh ở lại trên quê hương của anh - một quê hương đã thống nhất, đã ngưng tiếng súng -, nhưng khốn nỗi trong tâm thức của một kẻ lưu đày. Sống trong quê hương, nhưng như người biệt xứ. Quê nhà vẫn chỉ là nỗi nhớ vì cá chậu chim lồng nhốt lịch sử. Anh nghe sấm truyền kinh ngọn gió rung. Quê nhà anh bị người ta phá ngôi đền họ, cướp nhà ta đất khói hương này, đòi nợ sống, đòi da người chết (tr.110). Bởi thế mà:

- Ta đi trăng huyết ràn rụa máu
tối đất oan khiên đỏ hận thù
- Ta đã sống khác gì thú vật
trả sưu thân trả thuế linh hồn

Quê hương, cái thực thể ấy, với Khoa Hữu, chỉ chứa đựng toàn những mất mát, hoang vu và thù nghịch. Trong lòng anh, quê hương chỉ còn là một mong ngóng vu vơ, một trông chờ bất tuyệt, một quê hương mà lịch sử bốn ngàn năm chỉ tóm lại trong một ngày với hình ảnh xác xơ, rách nát ách bần cùng lũ lượt qua đây (tr.11). Tất cả chỉ là một cõi chết. Sài Gòn, nơi anh ở toàn là những dấu chân nằm chết...những chiếc lá nằm chết...gạch ngói cũng nằm chết...lịch sử cũng nằm chết, để chỉ còn trong anh:

...trái tim phẫn nộ
thở cùng hơi thở Sài Gòn ơi (tr. 103)

Anh tự hỏi:

Về ư ? ví còn nơi về được
ví ta quên hết chuyện đau lòng
xin làm con dế mèn hóa kiếp
chốn bụi bời cất tiếng hát rong (tr. 112)

Thú thật, viết về Khoa Hữu, tôi chỉ muốn trích thơ anh hơn là viết. Mọi giải thích, mọi quảng diễn, mọi nói quanh nói co...cho dài, hình như đều thừa ra so với tiếng kêu đứt ruột thoát ra từ những giòng thơ bi phẫn của anh. Thơ anh là tiếng kêu, tiếng thét, tiếng khóc, tiếng la. Chúng bật ra từ một oan khiên tưởng chừng như bất tuyệt, một nỗi đau thương vò xé trong câm nín. Bởi thế mà thưởng thức thơ anh, theo tôi, không phải là thưởng thức chỉ cái thú đau thương, những tứ thơ hay, lại càng không phải là thưởng thức những hình ảnh đẹp, những ý tưởng siêu hình, hay những cảnh giới thiền, mà là đồng cảm với một tâm cảnh rất đặc thù của Khoa Hữu: đó là một bi phẫn không mệt mỏi, trộn lẫn giữa những oan trái, lạc

lõng, mất mát không gì bù đắp nổi. Chưa có nhà thơ nào sống trong , nuôi dưỡng trường kỳ và bày tỏ lên - ngay trong một hoàn cảnh vô cùng nghiệt ngã của bản thân - một nỗi bi phẫn như thế. Chính ở điểm này, thơ anh đòi hỏi người đồng điệu. Không đồng điệu, có lẽ khó đến được với thơ anh. Riêng tôi, tôi không nghĩ là mình hoàn toàn đồng điệu với anh. Nhưng tôi hy vọng (và tin rằng) anh là một nhà thơ chân chính, chân chính với chính anh, với bạn bè anh, và sau hết với non sông tổ quốc .

Tôi xin kết thúc bài này bằng cách trích ra một vài đoạn thơ khác nữa của Khoa Hữu mà tôi rất thích:

- Sẽ có một ngày trời không tuổi
tiếc thương ta đất cũng không già
một ngày, một ngày đích thực tới
trái tim này, em giữ giùm ta
- Em yêu, tóc dài thêm độ ấy
tiếng gà trưa dậy chỗ em nằm
thiếu thời em là hoa là trái
cỏ trầm hương mắt lá đăm đăm
Những cánh mai tung trời thân thuộc
vụt thời gian con én bay về
nắng xé lụa phơi mùa hạ trước
gốc phượng tàn còn đẫm tiếng ve (tr. 91)

Một đoạn nữa:

Ta cạn lòng ta không biết khóc
hãy như hoa nở báo tin mừng
như tảng đá xanh núi bất khuất
như lời vô tận sóng biển đông

Bốn câu thơ sau cùng này không phải trích từ tập "Thơ Khoa Hữu" , mà trích từ một bài thơ mới nhất của anh in trên tạp chí *Văn Học*, số Xuân Mậu Dần 141&142, trang 44, tựa đề "Hồng Hạc".

Hãy như hoa nở báo tin mừng! Mong lắm thay, giữa những oan khiên, bi phẫn, vẫn còn chỗ cho hy vọng - dù là nhỏ nhoi chăng nữa!❐

25/2/98

Xin liên lạc với Tạp chí Văn Học hoặc nhà xuất bản Văn Nghệ:

thơ Khoa Hữu

Thi tập kết tinh nỗi đau chung của một thời đại

Giá 10 Mỹ kim.

Ánh trăng

NGUYỄN XUÂN THIỆP

1.
chiều xanh. rơi một câu thơ cổ
màu ráng trời thoảng nét hoàng hoa
bông sậy lao xao lời trẻ dại
gọi ai còn lãng đãng bờ xa

trăng lên. ồ một vầng hư tưởng
tuổi nhỏ cười nhô mặt nước xanh
dâu đó sông lam chừng trở giấc
rào rào muôn lượn sóng xô nhanh
gió như chim ngủ trong tầng lá
phút chốc xôn xao dậy khắp cành
trăng sáng. bạn đường ai đó thức
nhìn trăng có nhớ một mùa xuân

trăng đã lên. ơi bầy thỏ nhỏ
khắp nơi ra đứng đón chào trăng
những em côi cút trong đời tối
những bé gầy teo không miếng ăn
những trẻ lang thang cùng cát bụi
ấu thơ ơi. tuổi sáng lên đèn
chạy qua đồng cỏ mừng trăng mới
soi xuống ao hồ vạt nước loang
tất cả đua tay lên trời vẫy
vầng trăng nối tiếp chuyện thần tiên

trăng lên. quả bóng xanh lồng lộng
lơ lửng treo trên mấy xóm nhà
ta đứng bồi hồi sau song cửa
nhìn trăng. ai thức hãy cùng ta
cùng ta uống cạn ly trà đậm
dẫu đắng còn thơm vị mật hoa
dẫu đắng như đời qua khổ nạn
còn đây đêm ủ mộng sơn ca
chút hương trời đất ngây ngây dại
quyện bước trăng đi rộng hải hà

trăng sáng. kìa ai nơi xóm cỏ
hong khô ngấn lệ thời gian chua
dẫu cho thi sử đau vàng đá
thì cũng qua rồi theo gió đưa
trăng chiếu. những ai sầu góa bụa
khăn sô cắn giấu vành môi tươi
những ai trót sẩy đàn tan nghé
hãy đứng trông trăng sáng lại đời
những kẻ mù sâu đôi mắt tối
những hồn mê sảng lạc đôi nơi
trông trăng thấy bóng đèn hoa nở
soi áng gương xưa mặt rạng ngời

trăng đã về đây đêm xá tội
cõi vàng. cây tạ. nét bia phai
kìa trông tận cuối trời thu xám
đêm tạnh. hồn nương bãi sậy dài

lều vắng. vệt trăng tìm lửa ấm
chồn hoang lang thang qua mồ gai
bằng hữu đem thân vùi cát bụi
tiếng tù và động giấc bi ai
này nghe nếp áo sông thu vỗ
hồn ơi hồn. nhập khúc trăng trôi

2
vầng trăng từ dạo rời châu thổ
cuộc lãng du qua biết mấy trời
biển bắc con cá côn quẫy sóng
thiên thu còn dội tiếng bồi hồi
của sông thủy triều lên xuống gọi
người cuỗi trâu xanh đi biệt khơi
xây trên đá đền xưa vượn hú
ánh trăng soi di cảo của người
sa mạc xa tượng nhân sư rống
bão cát xô thế kỷ đổi dời

dời rộng. ta nằm nghe hiu quạnh
tiếng tắc kè gõ xuống ngói hư
tù trở giấc. đèn chong ngọn đỏ
thuở trăng qua trên nóc nhà mồ

về đâu. chuyến lữ hành rất vội
sân ga đã tắt tiếng còi chưa
vầng trăng đứng cuối đường ray. gió
những toa tàu. qua. khuất. lau thưa
thức trong cây. trái tim sầu úa
như trăng. người của thuở không nhà

trăng chiếu. thành không. hào lũy sụp
còn nghe sắt thép rền cỏ khâu
tỳ bà đá dựng. hồn u khốc
uổng ngọn cờ treo ải địa đầu

a kẻ sĩ cuồng nơi ảo phố
nằm dây lảm nhảm dưới đêm thâu
của đời bỗng gõ âm thanh lạ
trăng. bóng thiền sư về cổ lâu
nam ai. tưởng khúc sầu trăng lặn
lắng tiếng đàn tranh. dậy gió lùa
hỡi ơi. giữa cánh rừng săn bắt
ta chỉ nghe rền giọng sói tru

giữa cuộc bạo hành. cơn sốt dữ
nỗi đau này cháy vỡ thịt da
thủ ngẩng nhìn trăng đêm phán xét
ai công. ai tội. dưới trời khuya
ai xô trăm họ vào gai gốc
ai hái dâng đời một đóa hoa
hãy xét trong cơn đau lịch sử
nỗi đau nào đau của riêng ta
áo quan chưa đóng. thời chưa hết
có kẻ cùng ta thức đợi chờ
nay dẫu đường đi đôi dặm khuất
trăng treo đầu ngõ. thấy quê nhà

nở cho ta cánh đồng hoa cúc
vàng phới ánh trăng thu mùa sau
về hái đóa vô thường sót lại
nghe nghìn mùa vỗ cánh qua mau

3.
trăng đã lên cao. trời tĩnh lặng
không gian xanh màu nam hoa kinh
những cụm mây trôi từ hư huyễn
chờ ta đi hết cuộc lữ hành
đời ta biết mấy mùa xiêu lạc
biết mấy vầng trăng qua cỏ tranh

ôi những vầng trăng thời biệt xứ
trôi trong tâm thức. một dòng khuya
ta nghe nước khỏa bờ lau dại
có một vầng trăng đi trong mưa
có một vầng trăng hư mọc muộn
tóc ai còn vướng cánh đồng mưa
khi trăng theo con đường đất đỏ
bước cheo leo. khúc khuỷu. ngựa thồ
ta thấy trăng soi đầm nước rộng
mùa thu. mùa thu. im cành trơ
đêm tù bạn đọc thơ đầu núi
tưởng chim rừng động ánh trăng xưa
gió mùa thổi lộng trên miền bắc
trăng rét căm căm. vệt sáng mờ
ta thấy vầng trăng quầng khóe mắt
chiêm khê. mùa thối. cánh đồng thưa
trăng nghiêng xuống xóm làng dịch tễ
qua gò trâu. giọng gió ru hờ
vầng trăng nào đứng trên đầu dốc
dậy tiếng tù đóng ván giữa khuya
một thuở trăng qua miền động đất
ngời ngời muôn sợi thủy ngân sa
nhìn qua đất rạn ta còn thấy
mảnh trăng trên đồi golgotha

4.
trăng đã khuya. và đêm huyễn tượng
bắt đầu từ một ánh chớp xa
dường như ở tầng sâu mê tưởng
hiển hiện rồi lời sấm ký xưa
những vạt mây từ trong cổ tích
rào rào theo trận gió nguồn mưa
như chim của một thời không sử

cánh rộng che hằng thế kỷ qua
như lũ thú hoang trên đồng cỏ
rộn ràng thức dậy dưới trăng khuya
ôi mây từ những cơn hồng thủy
biến hiện hoài lớp sóng ảo hư
trong biển tuần du. trăng sáng mãi
cho rộng thêm dời nhân loại đi

ta nghe cuộc chuyển dời im lặng
những thời phủ rêu trong sử thi
bỗng dậy. bàng hoàng cơn sốt biếc
ta nghe gió rỉ siết qua mùa
ta nghe sấm dội rền trong đất
những cuộc tương tranh máu lệ nhòa
thấy động ngựa xe. tầng khói phủ
những đoàn quân hạ trại trong mưa
những đốm lửa khuya nhòe nhoẹt nước
ôi mùi cháo ấm tỏa trên môi
đèn giăng trăm nến. biên thùy rộng
lầm lũi qua mau những kiếp người

5.
trăng cẩm thạch biển trời chợt hiện
mây lìa đàn bay đi. mây trôi
hạo ca. biển rạng ngời tan hợp
trăng bỏ neo thôi. hải phận người

ta thấy giữa triều mây xao động
lệ ngân hà. tóc rũ sô gai
chia ly màu xám. sương và khói
lửa. thép. tro. than. những tiếng còi
ta thấy tàu đi. những đốm tía
chiếc hôn nồng. và lệ đọng môi

ngày vui sum họp. như hoa, nến
chia cách dài hơn gió chiến thời
cái chết im như niềm vắng mặt
trước sân con trẻ vẫn dùa chơi
ngày reo trong khóm tường vi nở
nghe thoảng dêm về. cánh nhẹ rơi

ta thấy. ôi. mây trời ảo biến
dưới trăng lấp lánh bãi hằng sa
dất ơi. nỗi lầm than muôn kiếp
nhân loại đi như những bóng mờ
nhân loại yêu đời trong cõi chết
vượt biên thùy. sa mù. và mưa
từng nơi đi dưới triền hoe nắng
gùi nặng mang theo cả lợn gà
riêng lão già điên còn ở lại
dêm dêm ra nhìn dòng sông. ca

6.
trăng khuya vằng vặc soi tâm thức
dêm tịnh. trời trong. gió lắng sâu
mây từng cụm nhỏ trôi. trôi khuất
lũ vịt trời. ô. trăm ánh sao

trăng khuya như một loài chim quý
bay suốt nghìn năm hót một lần
dưới mái chùa tây vang tiếng kệ
vị sư già dã thức. chuông ngân

âm thanh như một làn hương sữa
chảy xuống hồn ta dã lặng dần
hạt lệ muốn rơi giờ dọng lại
trăng nguyệt cầm ơi. ngọc mới dông

những cuộc chiến tranh dần dịu lửa
người về nghe câu chuyện dòng sông
reo vui ấm nước bên đồng cỏ
uống chén trà thơm. thức đợi trăng

giữa cuộc vui này ta có mặt
sao tâm xao xuyến những trời xưa
đếm sao. nào biết sao mờ tắt
trận bão mùa qua dã dứt chưa

về ghé lại cây đa quán dốc
thấy con trăng nằm phủ cỏ khô
trăng đợi chờ ai trên bến nước
hành nhân ơi. đã lỡ chuyến đò

trở về. những bảng nhà phai số
cánh cổng đong đưa. gió lọt rào
chợt tiếng người reo bên giếng nước
ai cười. như vỡ giấc chiêm bao

trở về vườn cũ khi mùa tới
trái ngọt trên cành má chín au
hỏi thăm. em dã yên ngoài nội
tấm ván mòn vẫn cạnh bờ ao

về lượm trái thông khô rớt vãi
nhặt cành cây mục. lá thu phơi
đốt lên đống lửa. đêm ngồi sưởi
lúc ngó quanh. nào thấy có ai

người về bên gốc dương già cỗi
thuở nhỏ thường ra đứng ngắm trăng

cúi nhặt dưới chân viên ngói vỡ
thấy đời còn những tấm gương tan

nhưng thôi. nhân loại vui vầy cả
yêu cuộc đời trong lẽ bất toàn
chút nghĩa thủy chung ta giữ vẹn
lòng ơi. trải rộng gió nhân gian

trong khuya nghe một bông quỳnh nở
phiến lá ngời. vàng óng búp trăng
hương biếc chạm vào trang sách quý
mở ra thôi. ước cũ hàng hàng

dưới trăng. những mảnh đời han rỉ
sáng lại. ô hoa đã rộ cành
nhựa úa thân cây rào rạt chuyển
vườn sao. lọt một tiếng ve ran
qua đêm. lớp trái cây dần chín
chín đỏ lòng ai giấc mộng thường
mai sau. ôi những mùa đang tới
khép mi trong một chút hương trà
lòng ta. một ánh trăng trong suốt
trên những nẻo đường nhân loại qua
bên bữa ăn xanh người dạo sĩ
những buồn vui của khắp mọi nhà

trăng khuất. nhưng mùa sau lại mọc
loài người ơi. nghe tiếng võng đưa
lên cao. thấy một vầng trăng ngọc
xuống thấp. còn trong giấc ngủ mơ
soi bóng thời gian hồ nước tịnh
đông phương này. đêm ủ mật hoa.r

Để tưởng nhớ Giáo-sư Thạc-sĩ Phạm Duy Khiêm

Một mối tình Việt-Pháp tuyệt đẹp

Nguyễn Đình-Hoà

Bức thư dài mười-một trang viết tay, đề ngày 26 tháng 2 năm 1975, cô F. gửi từ Nhật sang cho tôi (lúc đó đang được nghỉ dạy nửa năm ở Viện Đại-học Nam Illinois để qua tìm học thêm về Hán-Nôm tại Viện Đại-học Luân-đôn bên Anh-quốc). Bức thư hàng-không ấy, viết bằng tiếng Pháp, có một đoạn tôi dịch như sau:

Từ khi được tin đó về tấn thảm-kịch, tôi bám giữ những mẩu tin, tôi đã tìm và đọc đi đọc lại những bức thư cũ. Lòng tôi nặng trĩu, mà không biết nói với ai. Giáo-sư Nguyễn Khắc-Kham đã kinh-hoàng về tin người bạn cũ, có lẽ gần bằng tuổi nhau.

Tin kia chính là tin dữ về một ngôi sao sáng đã vắng tắt trong bầu trời trí-thức Việt-nam: Giáo-sư Thạc-sĩ Phạm Duy Khiêm tự-sát năm 1974, cách đây 24 năm.

Cô F. hỏi tôi:

Có lẽ giáo-sư biết rằng tại Pháp đã có một cuộc đình-công của nhân-viên bưu-điện lâu gần hai tháng (từ 17 tháng 10 đến đầu tháng chạp 1974). Mãi tới mồng 3 tháng 12 thư-từ mới lại bắt đầu được gửi đi. Hôm 12 tháng 12, tôi nhận được một thư phong-bì aérogramme của ông Phạm Duy Khiêm nói rằng:

"Thứ bảy 2 novembre. Đình-công vẫn tiếp-tục. Lá thư chót của anh và có lẽ, hay chắc-chắn nữa, lá thư trước đó đã không được gửi đi, và bị giữ lại ở một nơi nào, có thể mất hẳn. Và lẽ tất-nhiên, anh chẳng nhận được thư nào của em."

"Một hai hôm sau: Dù có bị cúm hay không, anh vẫn có những "ý-nghĩ đen-tối".

"Một ngày sau, một ngày sau: Vẫn còn đình-công. Tối hôm qua, mệt

quá, anh đã quên tắt ga: thành ra thắp cả đêm."

"Xin gửi cho anh ít quần-áo. Mấy hôm rồi, anh có ý-nghĩ đó."

"13 novembre: Anh vừa đọc lại câu trên. Cái "ý-nghĩ mà anh có mấy hôm rồi ấy" bao giờ nó sẽ đến với em nhỉ? Anh có cảm-tưởng rằng nó sẽ chẳng bao giờ đến được tới em. Anh mong em biết rằng tại Pháp vẫn còn đình-công ở bưu-điện. Nhưng dù em biết thế đi chăng nữa, anh cũng tự hỏi rằng không biết sự thiếu dấu-hiệu là anh còn sống nó có ảnh-hưởng gì đến em không?"

"16 novembre: Anh vào nhà thương. Cuộc đình-công tiếp-diễn. Nhưng anh vẫn cứ bỏ thư này vào thùng thư. K."

Cũng hôm ấy, 12 tháng 12, tôi nhận được một bức thư của ông NKK từ Tokyo cho biết tin cái chết của ông bạn bên Pháp.

Tôi vẫn còn hi-vọng vì Giáo-sư K đã viết: "Xin gửi cho anh ít quần áo!" (Envoyez vêtements!) Tối hôm đó, tôi soạn một gói quần-áo. Tôi không khóc được. Tôi trông thấy gia-đình xếp hàng nhìn tôi. Trong có vài tiếng đồng-hồ, tóc tôi bạc hẳn.

Tấn thảm-kịch kia chính là việc Giáo-sư Thạc-sĩ họ Phạm tự-tử bằng cách vặn khí đốt trong bếp, rồi khi đã bắt đầu ngạt thở thì vẫn quần áo chỉnh-tề, còn bò ra ngoài sân và trầm mình xuống dưới ao bên cạnh nhà, "mặc cho làn nước kết-liễu đời mình," theo lời xác-nhận của Nhạc-sĩ Phạm Duy trong thư viết cho tôi. Còn cô F. thì cũng ngày 12-12-1974, cô nhận được thư của Giáo-sư Nguyễn Khắc-Kham (năm ấy đang dạy học ở Đại-học Ngoại-ngữ Tokyo) cho biết ông bạn học cũ đã tự chọn cái chết "ở ngay nhà riêng, La Hertaudrie, thuộc Montreuil-le-Henri."

Cô F. viết tiếp:

Tôi đã viết thư hỏi tin ở làng ông ta, ở thị-xã, hỏi linh-mục, hỏi sở cảnh-sát, sở Xã-hội. Mãi về sau mới có trả lời..... Trong khi đó, thì những lá thư phong-bì của ông Phạm Duy Khiêm lần lượt đến nơi từng bức một.

"Ông thợ mộc bảo anh chắc khó sống lâu đâu."

"Anh đã mất việc..... Làm sao sống được những tháng tới đây? ...".

Cái làng đó hình như giống như những cái làng được miêu-tả trong tiểu-thuyết của Balzac, người ta cứng rắn và vụ-lợi, đàn-bà cũng thế.... Tôi có vài món quà của học-trò, tôi tính gửi cho họ để cầu xin họ cho tin-tức ông giáo-sư, nhưng họ không trả lời vì tôi đã không gửi kèm những con tem hồi-đáp. Vì những sự câm-lặng đó, tôi hầu như hi-vọng ông Khiêm vẫn còn sống .... Nhưng rồi gói quần-áo bị gửi trả lại.

Cô y-tá kiêm phụ-tá xã-hội trong vùng đã viết như sau: "Ông Khiêm đã lâm vào tình-trạng suy-sụp tinh-thần kinh-sợ, nên phải đưa vào bệnh-viện. Sau 15 ngày, ông đòi về nhà hôm thứ bẩy, và ban đêm ông đã tự-tử."

Nếu tình-trạng gọi là kinh-sợ thì sao họ lại cho ông Khiêm xuất viện!

Trong những bức thư cũ tôi đem ra đọc lại, ông Khiêm nói đến chuyện lo thiếu tiền, mỏi mệt vì dọn nhà, và có ý không muốn ở một mình. Ông ấy đã tìm được một cô bạn gái cũ, nhưng cô ta chỉ nghĩ đến hôn-nhân và ông ta cho đi luôn vì cô ta không vâng lời. Còn ba cô khác ở trong làng đều nuôi hi-vọng, nhưng ông Khiêm đã nói với tôi là "các cô ấy không đáng hôn !" Ông giáo-sư không bao giờ nói đến chuyện quyên-sinh!

Người chủ trại nông La Gâte ở Evaillé khi trước thì chuyên-môn ăn cắp của ông Khiêm, mà người làng cũng không phải lúc nào cũng tử-tế cả. Giáo-sư đã quyết-định chỉ ở trong nhà, và đã tậu cái trại La Hertaudrie ở Montreuil-le-Henri. "Tiền sửa-chữa sẽ tốn kém bằng cả giá nhà lẫn giá đất gộp lại." Lúc đó là sắp vào hè.

Khi ấy, người ta đã cho Giáo-sư biết là "có thể sẽ không có việc giao cho ông làm nữa." Uỷ-ban Xét lại Pháp-ngữ trước vẫn nhờ ông Khiêm sửa bài và duyệt sách trong thời-gian ba năm gì đó. Tiền thù-lao là mỗi tháng 1.000 phật-lăng Pháp. Nhưng từ mùa hè Uỷ-ban không gửi việc gì cho ông, mà thợ thì đã khởi-công tu-bổ ngôi nhà trại mới tậu. Những tin này đến với tôi sau tấn thảm-kịch. Trong suốt hai tháng đình-công ở Bưu-điện, hình như không ai ghé thăm ông, ngay cả người làng cũng không.

Cô F. "chưa hề bao giờ gặp ông Phạm Duy Khiêm." Cô viết:

Dù biết rằng ông đã bước lên tột đỉnh của đài vinh-quang, chưa bao giờ tôi có thể xua-đuổi khỏi tim tôi ý-nghĩ là định-mệnh đã khắt-khe đối với những người thuộc thế-hệ ông! Bây giờ tôi hết sức cầu mong cho bạn-bè của ông được sung-sướng, khiến cho hạnh-phúc của họ có thể an-ủi cho những bậc tiền-bối không may-mắn ....."

Riêng người viết bài này thì được cái may-mắn biết đôi chút về cuộc đời và sự-nghiệp của Giáo-sư họ Phạm. Tại Hà-nội, vì học Trường Bưởi (tức Trường Trung-học Bảo-hộ, Lycée du Protectorat) từ 1937 đến 1944 nên tôi không được học Thầy Khiêm, Giáo-sư của Trường Albert Sarraut, là trường dành cho học-sinh Pháp và một số ít học-sinh Việt "con ông cháu cha." Thời đó, tôi chỉ nghe tiếng là Giáo-sư Khiêm chấm bài Pháp-văn rất nghiệt, cho nhiều điểm âm (dưới zéro), đến nỗi có thí-sinh tú-tài bị trượt vỏ chuối đã doạ sẽ tạt át-xít vào mặt Giáo-sư!

Con trai trưởng của nhà văn lớn Phạm Duy Tốn, cậu học-sinh ưu-tú Phạm Duy Khiêm, sinh tại Hà-nội ngày 24 tháng tư (April) năm 1908, đã học bậc tiểu-học tại Collège du Protectorat, rồi bậc trung-học tại Lycée Albert Sarraut. Học-trình rất vẻ-vang: Năm 1931 được vào Trường Cao-đẳng Sư-phạm bên Pháp. Năm 1935 đỗ đầu kì thi bằng Thạc-sĩ Ngữ-pháp,

và sau khi về nước, dạy học tại mẫu-hiệu của mình từ 1935 cho đến 1938, thì được bổ-nhiệm vào Sở Báo-chí của Toàn-quyền Brévié và làm việc ở đó năm 1938-39. Năm 1939 ông trở về dạy tiếng Pháp, tiếng La-tinh và tiếng Hi-lạp ở Trung-học Sarraut. Ông đăng lính vào Lục-quân Thuộc-địa Pháp và phục-vụ quân-ngũ cho đến ngày Đình-chiến, rồi lại trở về dạy học.

Khi có người hỏi tại sao ông lại tình-nguyện đi lính cho Pháp, thì ông trả lời một bạn Việt như sau (vào tháng 10 năm 1939):

Chúng ta có thể bất-mãn nhưng vẫn chiến-đấu cho nước Pháp khi nước ấy bị nguy-hiểm. Người Việt-nam nào lại không hiểu thứ ngôn-ngữ đó? Trong chúng ta, ai quên được truyền-thống hào-hùng và ý-niệm xưa về quân-tử, con người có lòng cao-cả.

Có bạn hỏi tôi: "Nhiều người tình-nguyện đăng lính hơn nữa thì Pháp sẽ có cải-cách chính-trị ư ?" Tôi không đồng-ý như thế! Ai mà suy-tính như vậy thì có thể bị thất-vọng. Tinh-thần cao-thượng đâu có cần được tiền tưởng-thưởng ! Khi cháy nhà hàng xóm thì dù ông láng giềng không thích mình, mình cũng không thể bảo: "Tôi đem cho ông thùng nước thì ông sẽ trả tôi bao nhiêu tiền?"

[Trích lá thư "Lettres d'un engagé volontaire" trong sách *De Hanoi à la Courtine* đã được đăng lại trên tạp-chí *Indochine* số 58, mồng 9 tháng 10 năm 1941, tr. 7-8.]

Một phụ-nữ Pháp cư-ngụ tại Lyon hỏi, thì Giáo-sư Khiêm trả lời từ Marseilles hồi tháng 11 năm 1939 như sau:

Như Bà biết, tôi đã thụ-hưởng được nhiều điều thuộc văn-hoá Pháp. Tôi không muốn nói những cái dĩ-nhiên, nhưng muốn nói tới những cảm-tình, những mĩ-ý dịu-dàng, cuốn an-bom lật giở từng trang dưới ánh đèn, bầy trẻ con chơi đùa ngoài nắng, những cây hạt dẻ, ...

Những cái tôi nhận được nơi đây lúc thiếu-thời, những cái mà chính Bà cho tôi, tôi không bao giờ quên được mặc dầu ngần ấy năm tháng, và con đường chúng ta đã tách ra đôi ngả. Khi ta đã chia-sẻ những ngày hạnh-phúc, thì tại sao ta lại không quay trở lại để chia-sẻ những ngày khốn-khổ?

Viết từ Paris cho viên trung-uý L. C. người Pháp, Phạm Duy Khiêm nói:

Điều khó nhất không phải là từ-bỏ hiện-tại và tương-lai, nhưng mà là tách mình tôi ra khỏi dĩ-vãng của tôi. Trong khi phá tan những cái đó trước khi lên đường, tôi nhận thức rằng những kỉ-niệm rất xa-xưa vẫn còn sống-động. Tuy nhiên chỉ có một dấu ấn sâu-đậm nhất: đó là tôi cảm thấy nỗi đau-buồn của mẹ tôi.

Mùa thu năm 1945, người viết bài này dự kì thi tuyển giáo-sư sinh-ngữ của Nha Trung-học-vụ do Giáo-sư Nguỵ Như Kontum phụ-trách. Hai bài thi viết là dịch và luận, sau đó là phần vấn-đáp. Biết rằng Giáo-sư Phạm Duy Khiêm vừa chấm bài thi viết, vừa hỏi vấn-đáp nữa, tôi khá run – vì ở bậc trung-học Thầy Carjat chỉ dạy dịch từ Anh sang Pháp rồi từ Pháp sang Anh mà thôi, chứ học-sinh có được nói mấy đâu. Nhưng may thay tôi được trúng-tuyển, và vì đỗ đầu nên được cử vào dạy ở Trường Trung-học Chu Văn An, mà tiền-thân chính là Trường Bưởi, mẫu-hiệu yêu-quí của tôi, nơi tôi mài đũng quần trong bảy năm, từ 1937 đến 1944 ..... Mãi về sau tôi nghe tin Giáo-sư được cử làm Đại-sứ của Việt-nam Cộng-hoà tại Paris, và sau khi bị Tổng-thống Ngô Đình Diệm cách chức thì Giáo-sư quay về dạy học ở miền quê nước Pháp, hàng ngày cưỡi chiếc xe mô-bi-lét đi đến trường làng.

Tập truyện cổ-tích Việt-nam mà Giáo-sư kể bằng thứ Pháp-văn trong-sáng cổ-điển trong cuốn sách phần thưởng của tôi *Légendes des Terres Sereines* [Nhà in Taupin tái-bản Hanoi, 1943] thì tôi mang theo sang Mĩ mùa thu 1948 khi tôi được học-bổng của Viện Giáo-dục Quốc-tế tại Nữu-Ước giới-thiệu cho tôi theo học ở Union College. Lưu-học tại thành-phố Schenectady thuộc tiểu-bang New York từ 1948 đến 1950, năm đầu được ăn-ở miễn-phí trong Hữu-xã Delta Upsilon Fraternity, những lúc nhớ nhà, tôi thường đem ra đọc và thưởng-thức "văn tây" của ông Thạc-sĩ, không hoa-mĩ như văn Giáo-sư Tiến-sĩ Nguyễn Mạnh Tường (là thầy giáo Pháp-văn của tôi ở hai lớp Đệ-tam và Đệ-nhị bên bờ Hồ Tây), nhưng ngắn-gọn và sáng-sủa vô-cùng.

Vị giáo-sư mà tôi ngưỡng-mộ bao năm thì mãi đến năm 1972 tôi mới có dịp liên-lạc và về sau được diện-kiến. Chả là Viện Đại-học Nam Illinois (Southern Illinois University, nói tắt là SIU) ở Carbondale, tiểu-bang Illinois – nơi tôi làm Giáo-sư Ngữ-học và Ngoại-ngữ Ngoại-văn từ 1969 – có Trung-tâm Việt-học do tôi kiêm-nhiệm từ năm 1969 với tư-cách Phó Giám-đốc (Giám-đốc là Giáo-sư H. B. Jacobini) rồi từ năm 1972 với cương-vị Giám-đốc. Trung-tâm đó, Center for Vietnamese Studies (nói tắt là CVS), ngoài những giảng-khoa về tiếng Việt, tiếng Lào, tiếng Mên, xã-hội-học, nhân-loại-học, kinh-tế-học, văn-hoá Việt-nam, v.v. có xuất-bản mấy tập chuyên-luận về văn-hoá Đông-dương và cả một quí-san về Đông-nam Á tên là *Southeast Asia*. Số ra mắt tập-san này được gửi biếu các học-giả khắp thế-giới có liên-hệ xa gần đến nền học-thuật và văn-minh Việt-nam ta.

Ngày 17 tháng giêng năm 1972, Giáo-sư Phạm Duy Khiêm viết thư từ địa-chỉ La Gâte, 72 Evaillé, Vùng Sarthe, để cám ơn Trung-tâm. Thư đó

có câu: *"Tôi nhận được báo chắc là do sự giới-thiệu của ông Nguyễn Đình Hoà, mà em tôi mới gặp gần đây. Có lẽ cũng là do kỉ-niệm mà Giáo-sư Wesley Fishel đã giữ về những lần ông ta gặp tôi trong Dinh của Cố Tổng-thống Ngô Đình Diệm...."*

Bức thư đề ngày 20-5-72 của Giáo-sư Phạm cho tôi thấy vị giáo-sư này không phải là dễ tính:

Bạn,

Tôi bận vì nghèo và phải kiếm ăn, nhưng không phải vì vậy mà chậm giả nhời bạn.

"Tôi đường-đột viết trước sợ thất-lễ chăng?" Thế gửi tập-san có khác gì? Vì : sao người-nhận-được khỏi "giả nhời" được? Tôi buồn rằng: chính bạn Nguyễn Khắc-Kham từ nhỏ đến giờ bẩm tính như vậy, cử-chỉ như vậy.

"Viết trước" – Thế nào là trước, là sau? Làm sao tôi biết được bạn (là ai? ở đâu? muốn nói gì?) mà tự tôi viết "trước" cho bạn được?

"Khuyên tôi nên liên-lạc, vân vân." Kham nói đùa, hay riễu tôi? Còn ai lạ gì : tôi không phải là người chuyên-môn về tiếng ta.

Trong những bài bạn gửi cho, tôi thấy có nhắc đến tên tôi và quyển "Văn-Phạm", tôi lại càng buồn. Buồn, đau, khổ : vì ..... chẳng phải kể hết, nếu bạn đọc cái bài tựa là đủ hiểu : vì nhiều lẽ, tôi không chối được, phải để tên trên cuốn sách ấy. Nhưng thật là một việc không phải, tôi đau đớn từ khi sách chưa in ra, cho đến bây giờ, mỗi khi ai nhắc đến.

[Đó là cuốn *Grammaire annamite* (bản tiếng Pháp) của Trần Trọng Kim, Phạm Duy Khiêm & Bùi Kỷ, do Lê Thăng xuất-bản tại Hà-nội năm 1943.]

"Nhã-ý bắt đầu cuộc đối-thoại", thật là không phải thế.

Bao giờ gặp nhau (bạn có dịp sang Pháp chứ?), tôi sẽ kể thêm, nối tiếp chuyện bạn nhắc lại: kỳ thi tuyển giáo-sư Anh-ngữ, hồi 1945, cũng là một chuyện buồn.

Nhưng không hoàn-toàn buồn, vì đó cũng là một dây liên-lạc bạn cùng tôi, may mà bạn kể cho biết.

Mong bạn khang-an. Khiêm.

Trong thư trả lời của tôi, đề ngày mồng 1 tháng 6 năm 1972, tôi nói tôi "rất mong có dịp qua Âu-châu để thăm Giáo-sư." Và tôi gửi biếu Giáo-sư Khiêm hai tấm ảnh màu chụp tại nhà chúng tôi ở thành-phố Carbondale tháng 11 năm 1971, hồi nhạc-sĩ Phạm Duy (Cẩn) cùng nhạc-sĩ Nguyễn Vĩnh-Bảo và Giáo-sư Trần Văn Khê được mời qua Viện Đại-học Nam Illinois diễn-tấu và nói chuyện về âm-nhạc Việt-nam.

Giáo-sư Khiêm có nói là *"bận vì công việc để sinh-sống,"* mãi đến

hôm 19-6-1972 mới mở tập-san *Southeast Asia* ra xem qua, ít ra là những trang tiếng Pháp, thì lấy làm lạ là *"sao viết tiếng Pháp kém như vậy, lủng-củng, vụng-về, lại nhiều chỗ sai lầm !"* Ông thẳng-thắn hỏi : *Ai mang cái trách-nhiệm đó? Bạn cũng là "associate director" kia mà! Không có thì giờ để xem và sửa chữa hay sao? Hay là: độc-giả rặt là người Mỹ, và biết ít tiếng Pháp?*

Vẫn dùng loại thư phong bì (aérogramme) tốn 1 franc 15, Giáo-sư nói : *Tôi mong gặp bạn để nói chuyện cũ, chứ không phải để bạn "thỉnh-giáo về vấn-đề Việt-học vân vân" : tôi không nhận cái trách-nhiệm đó.*

Giáo-sư tâm-sự : *Xin bạn cho tôi nói thật: tôi nghèo, không hay đi Paris, mỗi bận đi, chỉ ở Paris 24 giờ thôi, cũng phải tiêu một số tiền (vừa xe "ca", xe-lửa, buồng và ăn) ngang tiền đi chợ một tháng. Vậy xin bạn, nếu có thì giờ, chịu khó "xuống" tận nơi tôi ở; có xe hơi, chỉ mất hơn hai giờ, ba giờ là cùng: Evaillé cách Paris hơn 200 km.*

Đầu tháng 9, 1972, tôi viết thư cho Giáo-sư báo tin sẽ qua Pháp thăm ông. Ông trả lời: *"Thế nào tôi cũng xin xuống tận nơi ...." Cái câu quý-hoá thay ! Tôi sẽ chờ bạn, hoặc thứ bảy 9 này, hoặc chủ-nhật 10. Định hôm nào, bạn cho tôi biết trước.*

Giáo-sư còn cẩn-thận dặn tôi có gửi thư thì đề địa-chỉ theo cách mới (La Gâte, Evaillé, 72120 St. Calais), còn nếu đánh điện-tín, thì đề : KHIEM LA GATE EVAILLE SARTHE cũng đủ.

Giáo-sư chỉ đường rất kĩ:

Đi xe hơi từ Paris, phải hai hay ba giờ, tuỳ ngày và giờ, nhiều hay ít xe và "embouteillage". Đường Chartres, Brou, Mondoubleau, St Calais. Evaillé = làng nhỏ, cách St Calais mười cây, về phía Nam-Tây [ông dịch tiếng Pháp "Sud-Ouest"].

Ngày 10-9-1972, tôi nhờ một ông bạn Pháp (tên là Gilbert Policard) lái xe riêng cho tôi tới thăm Giáo-sư Khiêm, theo đúng lời chỉ-dẫn rõ-ràng của Giáo-sư : từ Paris, qua Chartres và Saint-Calais, rồi đi 10km nữa. Giáo-sư đã dặn là ông ở xa làng Evaillé và không có điện-thoại, nhưng dân làng ấy *"đều biết tôi cả – nhất là sau khi các báo trong vùng Sarthe và miền tây nước Pháp đã đăng những bài về tôi."*

Phong-cảnh dọc đường miền quê nước Pháp nên thơ lắm. Nhà thờ Chartres danh tiếng cũng nguy-nga tráng-lệ. Theo lời chỉ-dẫn, qua làng Evaillé, chúng tôi rẽ tay trái, về phía cái hồ nước. Khỏi cái *château d'eau* đó thì rẽ tay trái, độ vài chục thước, có cái bảng "La Gâte" do chữ Giáo-sư viết, ở tay mặt. Lái quanh vào cái đường nhỏ, "không nhựa, xe vô được": đó là biệt-thự La Gâte, ở cạnh một cái ao nhỏ, và *"chỗ ấy là hết đường, không nhầm được."*

Chúng tôi vui mừng bước vào căn nhà trại ẩm-ướt và lạnh-lẽo nhưng gọn-gàng sạch-sẽ. Giáo-sư Khiêm (năm ấy mới 64) tóc hoa râm, dáng người mảnh-khảnh trong bộ com-lê màu xám, rất đẹp lão, vui-vẻ đón tiếp ông bạn Pháp và tôi. Chúng tôi trò chuyện rất thoải-mái cởi mở.

Tôi biếu Giáo-sư một cuốn từ-điển Việt-Anh của tôi, một cái ca-vát và một chai rượu uýt-ki, nhưng Giáo-sư nói không uống rượu. Ông kể chuyện đã phải tự tay khó nhọc sửa chữa căn nhà trại, chứ lúc trước lụp-xụp, nền nhà sũng nước, và nội-thất không ngăn-nắp như bây giờ. Nói chuyện giờ lâu, Giáo-sư nói có bản thảo một cuốn sách về bà cụ thân-sinh, là cụ Hội Tốn – như me tôi ngày xưa gọi cụ, mỗi khi được mời đến đánh tổ-tôm ở phố Hàng Dầu (tên Pháp là Rue Fellonneau). Tôi có đưa ý-kiến xin Giáo-sư cho tôi đem bản thảo đó sang Mĩ để tôi dịch rồi lo xuất-bản bên đó. Giáo-sư vội xua tay: "Không, sách này phải xuất-bản ngay bên Pháp này mới được."

Vì thì giờ ít ỏi, chúng tôi xin phép mời Giáo-sư ra dùng cơm chiều gần đó tại phòng ăn của cái khách-sạn độc-nhất trong làng ấy. Sau bữa cơm Pháp khá ngon, chúng tôi đưa Giáo-sư trở về nhà trại, và hứa hôm sau, qua một đêm tạm trú ở khách-sạn kia thì sẽ quay lại nhà Giáo-sư trước khi trở về thủ-đô Paris. Khách-sạn đó chỉ còn có vẻn-vẹn một phòng, nên tôi với ông bạn Pháp cũng phải thuê và ngủ chung giường ! Tiếc rằng, hôm sau ông bạn Pháp phải trở về Paris sớm để đi làm, thành ra tôi cứ tiếc là không ghé nhà Giáo-sư được, tuy rằng Giáo-sư muốn nói chuyện thêm với tôi, chứ có "ông tài-xế" kia (tức bạn tôi) thì Giáo-sư không được bằng lòng cho lắm.

Bức thư đề ngày 25-9-1972, Giáo-sư viết thư mở đầu: *Bao nhiêu công việc mà còn tìm được thì giờ và tài-xế [sic] để tới chốn quê thăm tôi, tôi rất cảm-động, và cảm-tạ bạn. Thật tôi không mong gì, nhưng còn có người nhớ đến mình, lại hiểu biết mình, thế là tôi quá mừng, còn mong gì nữa?*

Nhưng xin bạn nghe tôi : nói thật = tôi không "sáng-tác" gì nữa, đã lâu năm thôi cả rồi. Sao tôi đã nói, bạn không tin. Mong bạn khoẻ như tôi, yên-tĩnh như tôi, và đời còn dài hơn tôi nhiều.

Ngày mồng 6-12-1972, Giáo-sư còn trách:

".....The benefit of your comments" Đã nói thật với nhau rồi, sao bạn còn viết những câu xã-giao như vậy? "Comments" gì? Trừ ra: buồn và tủi, trông người mà nghĩ đến ta?

Có câu này, tôi chưa nói ra, trong thư trước: tối hôm gặp nhau, bạn nói: "có lẽ hôm sau sẽ tới". Tôi mong, vì tối hôm ấy, có điều muốn nói, nhưng ông tài-xế [sic] bắt nói chuyện khác .... Tôi mong : "hôm sau, may

ra gặp lần nữa; hơn nữa: có lẽ không có mặt ông tài-xế [sic], để nói chuyện hơn." Nhưng bạn không đến, không đến được. Tôi không trách. Tiếc thôi. Thân và thực. Khiêm.

Thư nào, lời lẽ của Giáo-sư Khiêm cũng có vẻ buồn như thế. Chẳng hạn, *tôi rất cảm ơn bạn thỉnh thoảng nhớ đến tôi. Nhưng xin nói thật: mỗi bận, lại thêm tủi. Em tôi "think my duty is to harmonize the society, to normalize the people," vân vân. "He survives to ....." vân vân. But I survive to nothing !* (thư ngày 21-4-1973). Qua năm 1973, tôi lại có dịp sang Pháp vào mùa hè, tôi viết thư cho Giáo-sư nói rằng khi nào tới nơi (Paris) tôi sẽ gọi điện-thoại lại nhà ngay. Giáo-sư trả lời: *Có việc gì cần như vậy? Tôi rất ít khi đi Paris. Nhưng có thể đi được: tuy nghèo nhưng cũng có thể bỏ tiền ra mua vé xe "car" và xe lửa được, rồi tìm chỗ ngủ một đêm .... Nhà tôi không có điện-thoại. Có gì phải điện-tín. Em tôi có gửi cho sách "Dân-nhạc." Cũng như những công-việc của bạn: tôi nhìn mà buồn, và tủi: thân mình vô-dụng !* (thư ngày mồng 2-7-1973).

Lần đó, Giáo-sư còn nói : *nhờ giời vẫn được mạnh, tuy vừa ngã (một lần vì chạy, một lần ngã xe "mobylette"), nhưng đều chóng khỏi cả.*

Trong bức thư chót của Giáo-sư Khiêm mà tôi lưu-giữ trong văn-khố riêng, ngày 17-1-1974, ông nói là đã biết việc Phạm Duy xây nhà ở Saigon, nhưng mắt chưa được trông thấy và khi nhận được ảnh tôi chụp nhân chuyến về thăm VN cuối 1973 thì Giáo-sư mới rõ. Câu kết làm tôi rất bùi-ngùi: *Thật tình, tôi ân-cần nhắc bạn: bận sau, có dịp đi qua Âu-châu và Pháp, thế nào cũng liệu dành thì-giờ tới thăm tôi, nói chuyện một lần : vì lần trước không nói được.* Tôi vẫn ân-hận không có dịp nào trước khi Giáo-sư qua đời.

Vào thế-hệ tôi, hầu như ai cũng thán-phục phong-cách Phạm Duy Khiêm biểu-lộ qua hai tập sách truyện cổ-tích *Légendes des Terres Sereines* và *La Jeune Femme de Nam-Xương*. Nhân-viên Toà Đại-sứ Việt-nam tại Paris thì hay kể chuyện rằng công-văn từ Bộ Ngoại-giao Saigon cũng bị ông đại-sứ gạch lỗi văn-phạm bằng bút chì xanh đỏ. Anh Trương Bửu Khánh còn kể chuyện là cuối tuần nhiều khi ông đại-sứ cao hứng gọi mấy ông cố-vấn và tham-vụ ngoại-giao trẻ đến tư-dinh để nghe vị trưởng-nhiệm-sở bình văn của mình.

Thật ra, Việt-văn của vị giáo-sư thạc-sĩ cũng rất nghiêm-túc như Pháp-văn, mà cũng biểu-lộ tình người nơi ông, "thân và thực" như trong những bức thư dẫn trên kia, khiến tôi vô cùng quí-mến. Tôi đặc-biệt chú-ý đến cách ông chấm câu, xuống dòng, lại thường hay dùng hai dấu chấm (:) và dấu bằng (=), thật đúng là văn viết của ngài thạc-sĩ ngữ-pháp.

Cô F. thì rất thích học tiếng Việt-nam, nói là có viết thư cho tiệm

sách bên Paris hỏi mua cuốn *Légendes des Terres Sereines*, nhưng nhà sách trả lời là cuốn đó đã tuyệt-bản. Vì thế Giáo-sư Phạm Duy Khiêm đã phải cho cô mượn bản sách độc-nhất mà ông còn giữ, rồi cả những cuốn khác như *Nam et Sylvie* (thuật lại truyện tình giữa một anh sinh-viên du-học tên Nam và một cô đầm Pháp). Cô kể là Giáo-sư đã dạy cô cái tính-từ tiếng Việt đầu tiên là "khó tính" và kể cho cô nghe nhiều truyện về các cô tiên tha-thướt dịu-dàng.

"Tuổi-tác chúng tôi chênh-lệch gần bốn mươi năm: cuộc đời thật độc-ác," cô nói.

Mãi về sau tôi mới biết rằng ông là một đại-giáo-sư và đã phục-vụ xứ-sở của ông. Nhưng tôi cứ suy-nghĩ một mình trong thâm-tâm đến sự lẻ-loi của một người đã bước cao trên thang danh-vọng. Tôi đã tự nguyện bất cứ trường-hợp nào cũng trung-thành với ông. Một hôm Giáo-sư đã đề-nghị cùng tôi chung một mái nhà. Nhưng gia-đình tôi không chịu, sợ mất thể-diện và cũng vì lí-do tài-chính nữa. Tôi đã bỏ nhà ra đi ba lần để bắt buộc gia-đình phải quyết-định. Tôi nghĩ Giáo-sư đã chờ-đợi. Tôi đã xin ông đừng đợi chờ như thế, tôi nhất quyết không bao giờ phản-bội lời hứa tự đáy lòng của tôi. Sự chênh-lệch tuổi-tác làm tôi run sợ. Tôi nghĩ đến căn nhà trại lẻ-loi..... Giáo-sư sẽ không bao giờ cho phép một người đàn bà – từ xa hay ở gần – làm cho các bạn gái cũ của ông phải xa lánh.

Ông trung-thành, chưa bao giờ bỏ rơi họ cả, và họ cũng thỉnh-thoảng tới thăm ông. Nhưng không cô nào ở lại nhà trại vì họ không kiên-nhẫn để tiến tới hôn-nhân. Mùa hè này cũng thế, sau vụ thảm-kịch, tôi đã viết thư cho từng bà – ai cũng hơn tuổi tôi nhiều – tôi không hổ-thẹn, cũng không ghen-tuông.... Ông Khiêm là người thuỷ-chung, chắc không thích cho các bà ấy bị bỏ rơi. Nhưng mỗi bà hình như đều có cuộc sống riêng của mình, và họ đã hầu như quên cả rồi.....

Đôi khi, thư Giáo-sư kể lại những kỉ-niệm về ông cụ thân-sinh, về thời thơ-ấu, và lúc nào cũng nói đến quê-hương. Một hôm ông nói đến chuyện các cụ bà thế-hệ song-thân thời ấy hay tự trầm mình xuống Hồ Gươm ở Hà-nội. Tôi đã run lên, tôi có cảm-tưởng ông không thiết sống. Tôi đã sợ. Tôi đã kính-cẩn van xin ông giữ-gìn sức khoẻ "phòng khi tổ-quốc kêu gọi đến ông." Tự đáy lòng, tôi không chắc là Saigon sẽ đòi hỏi cái gì, nhưng tôi chỉ muốn xua đuổi ý-nghĩ sống không mục-đích ....

Mỗi tuần, ông giáo-sư viết cho tôi một bức thư phong bì, trong vài hàng chữ ông kể cuộc sống từng ngày một. Ông cho phép tôi mỗi ngày viết hai lần để trả lời. Có khi là chuyện bạn bè đến thăm: "Xứng và các con đến thăm..... Hoà đã đến chơi anh, khiến anh vui thích lắm.....Em anh, nhạc-sĩ, cũng có đến." Ông giáo-sư kể chuyện từng người. Anh có một

tấm ảnh nhỏ ông Xứng và các con, một bức ảnh khác : "Đố em biết người nào là nhạc-sĩ em anh, người nào là Hoà? Em nhớ trả lời trong thư tới nhé !" Đó là những tia ánh nắng, nhưng thường thường lại những câu nhớ nhà, nhớ quê-hương, than-vãn về hiện-thực phũ-phàng: "Em thấy chưa? Pompidou thế nào? Senghor thế nào? Còn đời anh thế nào?" Tuy nhiên, theo tôi ông Khiêm vẫn là người lớn hơn hết, như những nhà vua hay-chữ thời xưa trong lịch-sử nước ông .....

Tôi thường có một giấc mộng lớn: là Giáo-sư Khiêm sẽ trở về Việt-Nam, quê-hương muôn thuở của ông. Tại Pháp, ông không phải là người ngoại-quốc, nhưng bên châu Âu người ta lạnh nhạt quá, không có chút tình thương nào, không có chút tình người nào. Chứ ở Việt-Nam thì mặc dầu có khó-khăn nhưng không ai lại dám đụng tới bậc trưởng-thượng .....

Tôi vụng trộm hết sức tìm cách học tiếng Việt. và nghĩ đến tương-lai, có thể làm việc tại Việt-Nam mà không ăn bám vào ai. Tôi không thuộc một danh-gia, tôi cũng chỉ là người nước ngoài, và tôi lại có chồng. Tôi không thể hi-vọng có địa-vị tốt trong xã-hội ở gần giáo-sư của tôi. Nhưng như thế tôi cũng sẽ đủ sung sướng nếu thấy ông mạnh-khoẻ. Tôi đã chấp-nhận từ lâu rằng nhỡ có chuyện không hay thì người ta, nhất là các bà kia, sẽ dành cho tôi sự khinh-bỉ người ta vẫn dành cho vợ lẽ, nàng hầu.

Hai năm nay người ta càng ít đến thăm nhà trại. Trong hai tháng có đình-công, chẳng ai tới cả, không có lá thư nào có thể tới nơi để an-ủi ông. Từ Pháp và từ Nhật mỗi người vẫn tiếp-tục viết thư để nhét vào thùng thư, song cuộc bãi-công kia đã đánh cắp mất những tháng cuối cùng của một đời sống.

Nhờ Nhạc-sĩ Phạm Duy cho tôi biết chi-tiết về cái chết của Giáo-sư Khiêm, rồi tôi thông-báo cho cô F. thì cô mới rõ, chứ trước ngày 26-2-1975 cô hoang-mang, vì người thì đồn là "ông mất trên giường tại nhà ở Montreuil-le-Henri," người thì nói là "ông tự trẫm mình tại Evaillé."

Mãi đến khi đọc về những chi-tiết do ông Phạm Duy cung-cấp tôi mới rõ và đã thấy hiện ra trước mắt tôi những hình-ảnh dữ-dội kia – và tính hiên-ngang, sự lẻ-loi tuyệt-đối của một con người sắp ra đi vĩnh-viễn và đơn-độc, vẫn đợi chờ cái chết !

Cô F. viết: *Đầu mùa hạ, ông giáo sư còn viết: "Dù anh có lấy vợ chăng nữa, anh vẫn biết là em sẽ sang đây. Có lẽ sau khi anh chết. Nhưng thế nào em cũng sẽ tới, anh nói với các bạn anh như thế!" Khi được tin dữ, tôi chưa tin hẳn, và nghĩ có thể ông bị ám sát chăng: vì đã hai lần ông bị hành hung ở Evaillé và sau đó đã phải mua một khẩu súng ca-ra-bin. Bây giờ thì tôi sẽ hối tiếc trọn đời, mỗi ngày trong đời tôi, thấy ông Khiêm độc-hành lần chót trên con đường vào hư-vô.*

Tại Nhật, người ta đã đinh-ninh tôi sẽ tự-sát. Cho đến phút chót, ông giáo-sư vẫn tin là tôi sẽ qua thăm căn nhà của ông. Tôi nay ôm chặt những cuốn sách Việt-văn, và tôi tin là phải trung-thành, ít nhất sống tới ngày lời hứa của tôi thành hiện-thực, chứ không chịu để cho định-mệnh vùi-dập. Có lần ông giáo-sư đã dạy tôi: "Tổ-tiên, các vị đã khuất núi, ta có giỗ tết hay khóc thương các vị ấy cũng chẳng có ích gì cả. Tốt hơn là hàng ngày phải sống sao cho các vị đó hài lòng và hãnh-diện về ta." Ông giáo-sư rất nghiêm-khắc, nhưng bây giờ tôi thấy rằng ông luôn luôn có lí, nhất là về tất cả cái gì ông đã để lại cho chúng ta từ tấm lòng hiền-dịu nhân-từ của ông .....

Cô F. nói là bên Nhật, cô hay đi chùa, mượn sách của các nhà sư, và tha hồ học-tập cho thêm can-đảm, vì *"vườn cây thanh-tịnh quanh mái chùa làm dịu bớt nỗi khổ đau của con tim người ta."* Cô hẹn tôi mùa thu 1975 có sang Đài-loan và Nhật-bản theo chương-trình văn-hoá thì nhớ ghé Kyoto, nơi cố-đô cổ-kính, để cô tỏ bầy thêm nỗi lòng của Cô đối với thần-tượng đã quá-cố của Cô. Mối tình trong-trắng và lòng kính-phục của cô đối với Giáo-sư Phạm được giãi-bầy qua nhiều bức thư máy bay mà Cô viết cho tôi về mối tình lãng-mạn "viễn-liên" vượt trùng-dương của hai người. Tôi cho rằng mối tình "quốc-tế" đó đẹp tuyệt, đẹp như hoa anh-đào vào ngày thịnh-khai trên đất Phù-tang, như lâm-viên Nara mùa thu đầy hương sao và nai vàng, như bữa cơm sukiyaki và tempura mà cô thết tôi hôm đó tại cựu-đô diễm-lệ của nước Nhật. Tôi khó quên hình-ảnh thơ-mộng biết bao khi một cô gái da trắng mặc kimono, che dù ra tận ga xe lửa Kyoto tiễn tôi, đứng tần-ngần chờ cho chuyến tàu tốc-hành chuyển bánh trở về Tokyo, ... còn tôi cũng bâng-khuâng thấy dần-dần khuất bóng người đẹp hai dòng máu Nhật-Pháp. Thịnh-tình đó, tôi phải cảm ơn không những riêng Cô, mà tôi mang ơn sâu-đậm hơn nữa đối với vị giáo-sư khả-kính Phạm Duy Khiêm, học-vấn uyên-bác, tính-tình cương-trực một cách nhất-quán – và theo lời ông, chỉ "phải cái tội : nói thật, không nể ai, từ Âu tới Mỹ, qua Nga qua Tàu, cho đến tướng Việt ....." [Trong một bài nhận-định của ông ngày 17-12-1972 về cuộc hoà-đàm Paris: "Hanoi et Washington ou farces-attrapes mortelles" (Hà-nội và Oá-sình-tần hay những trò giễu-cợt chết người).]

Tuy không được trực-tiếp thụ-giáo Thầy Khiêm, nhưng tôi đã có hân-hạnh và diễm-phúc được Thầy cho coi tấm gương một kẻ sĩ Việt-nam đặc-thù – được đào-tạo về văn-minh La-Hi của phương Tây nhưng vẫn giữ cốt-cách và bản-lĩnh của bậc quân-tử trời Đông!❐

Mùa xưa

TRIỀU HOA ĐẠI

khuấy ngày lên chút động
vỡ ra chùm hoa. Không
em từ trong bóng nắng
tưởng như lòng dưng dưng

rồi lỡ mai kia,khuất
còn nhớ cỏ, nhớ hoa
yêu nhau chi hở nhỏ
để nỗi dời nhau chia

chở thêm ngày gió tới
thinh không mờ hương ai
nhủ tình quen về lại
những ngày mong xa rời

ta hỏi ta mùa xưa
mùa nào chim với cỏ
ngủ hoài trong giấc mơ
mà thiên đường chẳng rõ

chút bụi thời gian.Rơi
cũng về theo ngày lấp
thương ai đó ngậm ngùi
không về chia nhật nguyệt

ngày khuấy lên dứt đoạn
tình có về nữa không
hình như là ta đó
xa vắng chiều mênh mông

Lạc khúc tình ca

Hoàng Chính

"Nữ phải không. Chị là Nguyệt đây. Chị nói chuyện với em trên điện thoại bữa trước đó..." Người đàn bà vừa mở hé cánh cổng vừa hỏi han ân cần. "Tìm nhà dễ không em?"

Nữ ngại ngần, liếc nhìn bóng mình đổ dài trên sân cỏ mướt xanh, rồi ngước nhìn thiếu phụ, e ấp một nụ cười làm quen, "Dạ, cũng dễ..."

Chị Nguyệt mở rộng cánh cổng sắt sơn xanh, đứng tránh qua một bên, nhường lối cho Nữ bước vào. Một con chó trắng như cụm bông gòn vừa tung tăng chạy trên con đường rải sỏi vừa sủa tíu tít. Những bàn chân nhỏ bé khuấy động sỏi đá rào rạo, reo vui. Con vật quấn quýt bên chân, làm Nữ lúng túng, chỉ sợ đạp lên nó.

"Không sao đâu em," Chị Nguyệt trấn an với nụ cười căng đôi môi thoa son đỏ. "Nó nhanh lắm."

Chờ cho Nữ bước hẳn vào trong sân, chị Nguyệt vừa khép cánh cổng lại, vừa hỏi, "Em đi xe bus lại à?"

"Dạ." Nữ rụt rè níu quai chiếc túi xách da đeo một bên vai.

Chị Nguyệt nhắc lại câu hỏi ban đầu bằng giọng thân thiện, "Tìm nhà có dễ không em?"

"Dạ, cũng hơi khó. Em không ngờ..."

"Gì em?"

Nữ không biết có nên nói hết ra những điều mình nghĩ, rằng cô không ngờ căn nhà lại đồ sộ đến như vậy. Cô ngỡ những người Việt nam tha hương, chẳng bao giờ ở được trong ngôi biệt thự lớn như một toà lâu đài kín cổng cao tường đến thế. Thành ra cô mỉm cười, tìm lời giải thích, "Em chỉ sợ xe *bus* làm trễ giờ hẹn..."

"Không sao đâu Nữ ơi. ở nhà chứ có phải cơ quan chính phủ gì đâu mà ngại. Vào nhà đi em."

Con chó nhỏ chạy tung tăng quanh chân Nữ. Cô muốn ngồi xuống,

vuốt ve lớp lông trắng mịn như bông gòn của nó, nhưng chị Nguyệt đã bước đi như mở đường cho cô trên lối đi lót đầy sỏi xám.

Căn phòng khách làm Nữ choáng váng, ngất ngây. Tất cả đồ đạc trưng bày bên trong đều lạ lẫm đối với Nữ. Cái vẻ sang trọng của chúng làm cô hồi hộp, bứt rứt như sắp sửa phải bước vào ngồi trên ghế bị can của phiên tòa gay go. Bàn ghế trên mặt thảm đỏ dày, lò sưởi đục sâu vào vách tường, tranh sơn mài cẩn vỏ ốc xà cừ lấp lánh ánh bạc trên nền đen treo khắp chung quanh, tượng đồng đứng ngồi rải rác... Tất cả như vây chung quanh Nữ, làm cô hoa cả mắt. Cô rụt rè gỡ đôi giầy cao gót ra khỏi chân, bỏ lại bên khung cửa.

"Ngồi đi em." Giọng chị Nguyệt ngọt ngào.

Một người đàn bà già nua mặc bộ đồ lụa vàng bóng bẩy và một thiếu phụ mặc áo đầm mầu tím ngồi sẵn quanh bộ sa lông da đen bóng. Nữ gật đầu, líu ríu chào hai người, rồi rụt rè ngồi xuống một góc ghế, chiếc bóp da đặt gọn ghẽ trên lòng.

Nữ cố thu mình lại thật nhỏ, tưởng chừng như khoảng không gian căn phòng khách rộng thênh thang đang loãng dần, và không bao lâu cô cũng sẽ tan, sẽ mòn vẹt đi, như cành mai mảnh khảnh cắm trong chiếc bình vững chãi những chữ tầu kê ở góc phòng.

"Mẹ và chị dâu của chị đấy." Chị Nguyệt giới thiệu vắn tắt.

Nữ lại gật đầu chào hai người.

"Tôi là Liễu." Người đàn bà áo tím, tóc uốn quăn nhìn Nữ đăm đăm với nụ cười vén khéo trên môi, "Cô hát cho chúng tôi nghe bài hát *Dấu Chân Mùa Hạ* được không?"

"Dạ được, nhưng..." Sững người trước câu hỏi đột ngột, Nữ không biết trả lời thế nào, cho dù cô đã chuẩn bị sẵn những câu trả lời. Cô ngập ngừng mấp máy đôi môi. Khi không hình ảnh những quán nhạc ngập khói thuốc nhập nhòe trong trí. Nữ băn khoăn, "Em không thích đi hát phòng trà..."

"Việc này không liên hệ gì tới phòng trà hết, cô cứ yên tâm." Người đàn bà trấn an, rồi nói như ra lệnh cho Nữ, "Hát tụi tôi nghe xem sao!"

"Bài gì ạ?"

"Dấu Chân Mùa Hạ!"

Những bài học về cách cư xử khi đi phỏng vấn việc làm Nữ còn nhớ như in trong trí. Cô mím môi lắng nghe máu chạy rần rật trên hai má. Không cần soi gương, cô cũng biết mặt mình đỏ ửng như mầu trái táo chín cây. Cô nhìn đăm đăm bức tượng đồng đen ở góc phòng, nuốt nước miếng, rồi hát từng lời, từng chữ ngọt ngào của bài tình ca Việt nam nổi tiếng.

"Em hát hay đấy chứ!" Chị Nguyệt vui vẻ nói.

"Not bad!" Bà chị dâu của Nguyệt nháy con mắt có hai vệt lông mày kẻ đậm, mảnh và sắc như lá mía.

Nữ ngồi thẳng người, hai tay xoắn lấy nhau trên lòng, "Em cũng không dự tính trở thành ca sĩ *karaoke* đâu, bác với hai chị làm ơn nói cho em biết em phải làm những việc gì..."

Người mẹ, từ lúc Nữ bước vào nhà, dường như đã cố tình không nhìn đến Nữ, bây giờ đôi mắt mới xoay qua cô, nhám nhúa một tia nhìn. Những vết nhăn trên mặt bà căng lên, rồi chùng xuống.

Qua tia nhìn sắc cạnh của bà, Nữ biết mình đang bị dò xét, tra vấn âm thầm.

"Chúng tôi chỉ nói cho biết sau khi đã quyết định nhận vào làm với chúng tôi." Người mẹ nói bằng giọng lạnh lùng.

"Thì cứ nói cho cô ấy nghe luôn đi, có chết ai mà sợ!" Người con dâu ngắt lời.

Mẫu đối thoại của ba người đàn bà làm Nữ bối rối. Con chó nhỏ lẩn quẩn quanh Nữ, hít ngửi làm quen. Cô lúng túng đưa bàn tay thừa thãi vuốt ve lớp lông dày mát rượi. Những chữ trong mẫu đăng quảng cáo rao vặt hiện ra rõ mồn một trong trí Nữ. *Thiếu nữ, cao khoảng một thước sáu mươi. Biết hát nhạc Việt-nam. Công việc thoải mái, dễ dàng. Thù lao rất cao. Xin liên lạc số điện thoại...*

Lúc quyết định điện thoại tới để hỏi thêm về việc làm, Nữ đã thầm mong đây là một cơ sở tuyển lựa ca sĩ hay làm băng nhạc gì đó muốn tìm tài năng mới.

Từ lúc biết mộng mơ, đã không biết bao nhiêu lần Nữ mơ tưởng mình đứng trên sân khấu, đem giọng ca dỗ dành cuộc đời. Nhưng mơ ước rồi cũng vẫn chỉ là ước mơ còi cụt và Nữ vẫn chỉ là cô gái tỵ nạn được Liên Hiệp Quốc chấp nhận cho đi định cư một ngày trước khi trại đóng cửa. Và hôm nay, Nữ bơ vơ xứ người.

Chị Liễu nhìn xuống con chó, rồi quét tia nhìn lên khuôn mặt bầu bĩnh phúc hậu của Nữ, nói tiếp bằng giọng cay đắng, "Nó tên *Lắc-ky* đấy. *Lắc-ky* đâu không thấy, chỉ thấy tốn tiền tốn bạc!"

Nghe chưa quen những lời châm chọc nên Nữ bỡ ngỡ như cô gái quê lạc về thành thị. Những ngón tay thôi vuốt ve lớp lông bông gòn của con chó nhỏ; những ngón tay co rút, xoắn lấy sợi dây đeo của chiếc bóp đặt trong lòng.

"Bao nhiêu tuổi rồi?" Người mẹ hất hàm, hỏi bằng giọng khàn khàn.

Nữ nói tuổi mình rồi hồi hộp lén đưa con mắt rụt rè liếc quanh những khuôn mặt khó đăm đăm vây bọc chung quanh.

"Trẻ hơn con Thuỷ Tiên quá làm sao mà làm được!" Người mẹ cau có.

"Già hay trẻ thì anh ấy cũng có thấy được đâu mà má lo!" Liễu ngắt lời mẹ, môi dưới trề xuống, khinh mạn.

Nữ như lạc giữa phiên tòa của xứ sở nói không cùng ngôn ngữ. Bàn tay cô lại rời sợi dây đeo bóp, thả xuống rờ rẫm lớp lông trắng mịn của con chó lúc này đã ngoan ngoãn nằm xuống bên chân cô. Hai chữ *Thuỷ Tiên* vang động trong trí tưởng Nữ. Cái tên quen thuộc nhưng con người thì lạ lẫm. Thuỷ Tiên nào vậy. Có phải...

"Chắc được mà mẹ!" Chị Nguyệt dịu dàng.

Người mẹ nhún vai, giận dỗi, "Chúng bay muốn làm sao thì làm, đừng để cho nó biết. Nó cắn lưỡi tự tử thì đừng có hòng mà ăn bảo hiểm!"

"Mẹ à!" Nguyệt gằn giọng.

Nữ muốn đứng dậy, xin phép ra về ngay lúc đó. Hai đầu gối cô nhúc nhích. Trong lớp vớ lưới mỏng, những ngón chân cô bấm xuống nền thảm dày. Cô ngỡ mình là người thiếu nữ đang bị người ta kỳ kèo thêm bớt giá cả trước khi bán cho một gia đình giàu có nào đó, làm nô lệ.

Cố gắng mãi, Nữ mới nhấc nổi thân hình nặng trĩu của mình lên khỏi mặt ghế nệm êm ái, khúm núm gài hai bàn tay vào nhau, nhỏ nhẹ, "Thưa bác, thưa hai chị, em xin phép..."

Chị Nguyệt đứng bật dậy theo Nữ. "Ơ kìa, cô đi đâu thế?"

"Chắc em làm không được..."

Chị Nguyệt vỗ về, "Không có gì cả cô Nữ à. Nữ chỉ cần hát cho anh của chị nghe một lần."

"Anh của chị? Còn Thuỷ Tiên là ai? Có phải ca sĩ Thuỷ Tiên..."

"Ừ ca sĩ Thuỷ Tiên, chắc em biết mà..."

Người chị dâu lớn tiếng ngắt lời Nguyệt, "Ai mà không biết cô Thuỷ Tiên, còn phải hỏi."

Người mẹ xen vào, "Mẹ để mặc hai đứa bay tính toán sao cho gọn thì tính. Tao đi nằm một tí..." Rồi bà chống tay lên đầu gối, run run đứng dậy, lầm lũi bước ra phía sau, và mất hút phía sau cánh cửa kính phản chiếu lung linh bẩy sắc cầu vồng chấp chóa.

Không để ý đến mẹ và bà chị dâu, Chị Nguyệt kiên nhẫn cúi đầu, lẩm bẩm một mình, "Anh tôi, bị bệnh nặng lắm!"

Nữ đăm đăm nhìn người thiếu phụ. Cô thấy rõ trong đôi mắt buồn của chị bao nhiêu là gió mưa, giông tố.

Chị Nguyệt quay qua Nữ, ân cần, "Em ngồi xuống đi đã, chị nói chuyện cho nghe. Anh của chị bệnh nặng lắm. Mơ ước duy nhất của anh ấy là trước khi chết, anh ấy được ca sĩ Thuỷ Tiên hát cho nghe một lần.

Hát live đó em. Anh ấy bệnh nặng lắm rồi..."

"Thì cứ nói thật là sắp chết đi." Người chị dâu ngắt lời.

Cơn bối rối chụp lấy Nữ như chiếc lưới vây quanh con cá nhỏ. Cô thấy mình vùng vẫy tuyệt vọng. Con cá nhỏ vẩy bạc lấp lánh trong ánh nắng ban mai mặn mòi gió biển. Làm sao bây giờ hở Trời! Cô than thầm trong đầu.

Loay hoay một lát, Nữ đành ngồi xuống theo bàn tay níu kéo của chị Nguyệt.

"Cả đời anh ấy chỉ mê một mình Thuỷ Tiên." Chị Nguyệt vẫn rầu rĩ những lời cầu kinh.

Nhưng người chị dâu không để cho Nguyệt yên, đôi môi tím ngắt mầu son xen vào bằng giọng chua chát, "Ông ấy như ông vua vậy, cô ơi. Bây giờ muốn gì là phải có cái ấy liền. Ấy là nằm một chỗ đấy, chứ như còn rục rịch được chắc ông ấy cũng dám đòi lấy vợ bé..."

"Nhiều chuyện quá, bà ơi!" Nguyệt nguýt chị dâu bén ngọt, rồi đứng dậy, "Nữ ngồi đây, chị đi lấy cái này cho xem."

Chị Nguyệt bước đi, gấu váy đầm mầu đen thêu hoa vàng phất phơ vẽ lên nét đài các của một tiểu thơ kín cổng cao tường. Nữ nhìn theo cho tới khi bóng chị khuất sau khung cửa, đầu óc rần rật mớ hình ảnh hỗn độn về một kiếp đời cao sang, quyền quý.

Người chị dâu của Nguyệt đánh thức Nữ, lôi cô ra khỏi vùng ảo giác mịt mờ bằng giọng chua chát, "Ngoài ba mươi rồi, ế mốc ế meo lên rồi mà còn *chổng lỏn*!"

Rồi chị toét miệng cười với Nữ. Nữ ngượng ngập cười theo và ngây ngô hỏi, "*Chổng lỏn* là gì hở chị?"

Người đàn bà chưa kịp trả lời thì Nguyệt đã trở lại với một bọc ny lông căng cứng. Chị tháo sợi dây thun buộc quanh, đổ tuột tất cả giấy tờ bên trong bọc ra bàn, "Em coi, đây là xấp thư gửi cho ca sĩ Thuỷ Tiên. Có đến năm chục lá thư, thấy không. Chị phải *photocopy* lại, mẹ chị khó khăn, chi li lắm. Đến nỗi sau này - nói cái này em đừng cho mẹ chị biết - chị viết một lá thư rồi *photocopy* lại nhiều tấm, cứ mỗi tuần gửi đi một tấm. Em thấy không, viết đến như thế này đã là tận cùng của sự van xin rồi phải không. Chỉ có thư đi, không bao giờ có thư về. À có chứ, một đôi lần cũng nhận được vài tấm quảng cáo băng nhạc. Nhưng anh ấy thì vẫn mê mải đợi chờ, đến độ ung thư đã chuyển di khắp nơi. Bây giờ anh ấy bị mù. Chết đến nơi rồi mà anh ấy vẫn chỉ lo không gặp được Thuỷ Tiên một lần trước khi lìa đời."

"Mà cái con Thuỷ Tiên ấy thì có đẹp tốt gì cho cam," Người chị dâu lại xen vào bằng giọng chì chiết. "Ăn mặc cứ như là..."

Không thèm để ý đến bà chị dâu, Nguyệt vẫn rì rầm kể lể, "Anh ấy nhớ tỉ mỉ từng nét trên khuôn mặt, vóc dáng cô Thuỷ Tiên. Từ những sợi tóc loăn quăn trên trán đến cái răng khểnh bên phải..."

"Cái răng khểnh thì chĩa ra như răng nanh chó sói." Bà chị dâu lại chêm vào, "Hai cái vú *silicone* thì cứ như hai trái bưởi. Người gì đâu mà chỗ cần sửa thì không sửa..."

"Em rán giúp anh ấy một lần," Nguyệt ngắt lời chị dâu. "Cả nhà này mang ơn em suốt đời. Em có giọng ca hay, em giả làm Thuỷ Tiên, hát cho anh ấy nghe. Một lần để anh ấy yên tâm nhắm mắt."

Nữ hoảng hốt co mình lại như con sâu phải lửa, "Em đâu có đẹp bằng Thuỷ Tiên."

"Chả sao," Chị Nguyệt ngắt lời, giọng tẩm đẫm nỗi buồn phiền. "Anh ấy có thấy được đâu mà sợ!"

"Sao vậy? Anh ấy mù hả chị?"

Chị Nguyệt âu sầu gật đầu. Nữ nghe lòng mình quay cuồng réo gọi, Nữ ơi là Nữ, sao mà hỏi làm gì cái câu vô duyên, tàn nhẫn vậy. Cô cuống cuồng chuyển hướng câu chuyện, "Em cũng không hát hay bằng Thuỷ Tiên. Cho em xin kiếu, em về..."

Nữ lại nhúc nhích hai đầu gối, cố sức nâng mình dậy, nhưng thân thể cô trĩu nặng.

Chị Nguyệt đặt tay lên bàn tay ướt mềm mồ hôi của Nữ. Bàn tay chị nóng ran như miếng vỉ lò sưởi trong vách tường căn phòng chung cư nhỏ bé của Nữ vào mùa đông. Giọng chị Nguyệt vỡ ra nỗi nghẹn ngào.

"Giúp anh ấy một lần đi em. Chị trả trước em năm trăm đô. Chị đưa em tất cả băng nhạc của Thuỷ Tiên. Em về nhà tập dợt sao cho thật giống cô ta. Trình diễn xong, chị giao thêm năm trăm nữa."

Nữ nhìn chị Nguyệt trân trân. Và ngay khi bắt gặp những giọt nước long lanh trên khóe mi của chị, cô vội vã gật đầu.

"Thôi được, em sẽ cố. Em chỉ sợ hát không giống, anh ấy chê..."

Người chị dâu nãy giờ nhấp nhổm trên sa lông, bất chợt đứng dậy, ném vào cuộc đối thoại câu nhận xét lạnh băng, trước khi tất tả bỏ đi, "Cô đừng lo, ông ấy cũng điếc đến nơi rồi, hay dở gì nghe cũng giống nhau thôi!"

Chị Nguyệt nhìn theo người đàn bà đang vặn vẹo những bước đi của một người mẫu giới thiệu thời trang mùa thu với áo thun bó sát thân mình và chiếc váy dài phủ kín bàn chân. Chị nâng cao cái giọng chua chát, "Giá như anh ấy bị thứ bệnh gì mà phải xài máy thở, tôi cũng dám tắt máy đi, để anh ấy chết cho đỡ phiền người ta. Cái đồ đàn bà độc đỉnh!"

Nữ bỡ ngỡ nhìn chị. Trong đầu óc non dại của cô, không có lời giải

thích nào hợp lý về sự đổi thay quá mau trong thái độ con người. Mới mỏng mềm, ngọt ngào nhân nghĩa đó, đã đắng chát, chua cay, độc địa như nọc rắn không ngờ.

Cô bối rối hỏi nhỏ, "*Độc đinh* là gì hở chị?"

"Độc đinh là cái thứ đàn bà không con ấy mà!"

Nữ lại ngỡ ngàng như lần đầu đối mặt với sự sỗ sàng của đời sống. Lòng thẳng băng như giấy vở học trò, lần đầu xốn xang mở ra cho cuộc đời viết lên những dòng nguyệch ngoạc, tối tăm.

"Em muốn gặp... anh ấy được không chị?"

Nữ nhỏ nhẹ một lời đề nghị. Cô vẫn nhớ những chuyện kể, những phim ảnh mô tả người bệnh điên loạn vì bệnh tật, trở chứng, lên cơn, làm tội làm tình những người thân bên cạnh.

Chị Nguyệt tư lự nhìn vào khoảng không. Đôi mắt có đuôi, mặn mà đường chỉ đen mỏng mượt của chị làm Nữ băn khoăn tự hỏi không hiểu sao một người thiếu phụ mặn mà nhan sắc như thế mà vẫn sống độc thân với mẹ già, với anh trai và chị dâu.

Một lát, chị Nguyệt gật gù, "Để chị hỏi lại mẹ chị, với vợ anh ấy nữa, xem sao. Em ngồi đây nghe."

Chị bỏ Nữ lại bơ vơ trong gian phòng khách rộng thênh thang như phòng tiếp tân của tư dinh một vị đại sứ.

Một lát, chị trở lại, nụ cười đọng sẵn trên môi.

"Cũng được, nhưng em đừng ho, đừng nói, đừng để anh ấy biết em có mặt ở đây nghe."

Nữ ngoan ngoãn thanh thản gật đầu mà lòng cô hồi hộp như người dân tỵ nạn chờ nghe danh sách định cư ở đệ tam quốc gia.

Căn phòng đầy những bích chương có hình Thuỷ Tiên. Thuỷ Tiên đứng, ngồi, nằm ngửa, nằm sấp, nằm nghiêng. Thuỷ Tiên mơ mộng, Thuỷ Tiên ỡm ờ trẻ thơ, Thuỷ Tiên đong đưa gợi tình, Thuỷ Tiên mời mọc...

Mùi dầu gió văng vẳng không gian. Chai lọ để đầy trên bàn ngủ. Cái ti-vi mầu. Cuốn băng nhạc Thuỷ Tiên đang chiếu dở dang trên màn ảnh. Chiếc giường gỗ nâu bóng chạm khắc công phu. Và cái hình người khô khốc, xám ngoét cuốn gọn trong chăn nệm trắng tinh. Cánh tay thò ra ngoài, nhùng nhằng những dây nhợ truyền nước biển trong veo.

Người mẹ ngồi hờ hững, bất động như pho tượng bên giường con trai tự lúc nào. Người vợ lẩn quẩn bên cạnh, dáng vẻ băn khoăn, bồn chồn.

Nữ rụt rè đứng nép sau lưng chị Nguyệt. Cô thì thào, "Sao không chỉnh mầu ti-vi lại cho rõ hở chị, tím ngắt thế này làm sao coi!"

Chị Nguyệt xoay lại, ngượng ngùng nói nhỏ vào tai Nữ, "Có mình anh ấy coi, mà anh ấy có thấy trời trăng gì nữa đâu..."

"*Oh, sorry*!" Nữ sựng lại. Hai tay đưa lên miệng như cố ngăn lại những câu vô tình sắp nói ra.

Cô len lén nhìn người đàn ông hấp háy hai mắt, như đang thả lên khoảng không trên trần nhà tia nhìn dài lê thê, vô hồn, vô nghĩa.

"Khỏe không anh Phong?" Chị Nguyệt thân mật.

Nữ căng mắt nhìn cái hình người khô khốc, cố gắng tìm một dấu vết của sự sống, nhưng không thấy gì ngoài những cái chớp mắt ơ hờ.

"Đêm ngủ được không vậy?" Chị Nguyệt kiên nhẫn hỏi.

Vẫn không một cử chỉ, một âm thanh nào thoát ra từ đống chăn nệm cuốn tròn trên mặt giường trải khăn trắng muốt.

"Anh nhớ uống thuốc cho đều..." Chị Nguyệt tiếp.

Nấp sau lưng chị Nguyệt, Nữ kín đáo nhìn người chị dâu và bà mẹ già của chị. Sự giàu sang không che lấp được nỗi khổ đau pha với tia nhìn, khắc vào nét mặt, tan trong giọng nói. Nỗi khổ đau ấy làm nhòe đi cái lòe loẹt, rực rỡ của những áo quần và đồ trang sức ba người đàn bà đeo trên người. Nhìn họ, Nữ chỉ còn thấy sự chán chường, mệt mỏi, và tủi hờn mênh mang.

"Em liên lạc được với ca sĩ Thuỷ Tiên rồi đó, anh Phong à!" Giọng chị Nguyệt ngọt ngào.

"Vậy hả, cô ấy... có nói... gì về... tôi không?" Câu hỏi bật ra khỏi cặp môi khô tóp lại của người bệnh.

"Cô ấy sắp... qua bên này."

"Đi *show*... phải không?"

"Không."

Nữ hồi hộp lắng nghe từng câu, từng chữ. Cả người mẹ lẫn bà chị dâu cùng săm soi nhìn chị Nguyệt. Không gian đặc lại, tưởng chừng có thể cắt thành những lát mỏng như thạch đông.

Chị Nguyệt vòng tay ra sau, bấm những móng nhọn vào cổ tay Nữ, ngập ngừng, từng lời, từng chữ, "Chị ấy... chị ấy..."

"Cô ấy đi... thăm ông đó!" Người chị dâu ngắt lời cô em chồng.

Nữ ngỡ mình nhìn lầm trong ánh sáng nhá nhem của căn phòng âm u mùi bệnh tật. Nhưng không. Cô thấy rất rõ từng con sóng ảo mờ đổ theo chiều dài thân thể người đàn ông ốm yếu. Những con sóng xúc động quẫy động thân thể vùi dưới lớp mền dày, đổ xuôi chiều hai cánh tay làm lúc lắc sợi dây truyền nước biển. Tràn lên khuôn mặt, qua chiếc cổ khẳng khiu, những con sóng trào ra thành nước, dàn dụa hai hố mắt sâu.

"Chừng nào... cô ấy đến?" Giọng người đàn ông lạc đi vì xúc động.

Chị Nguyệt lặng thinh. Nữ thấy người chị dâu và bà mẹ già nhìn chị Nguyệt chăm chăm. Như thể bất cứ câu nào chị nói ra cũng sẽ ảnh hưởng

nặng nề đến tương lai của người bệnh.

"Tuần sau." Chị Nguyệt dịu dàng.

Đôi môi khô bỏng run run mấp máy mất cả phút đồng hồ, rồi cái giọng khàn khàn mới thoát ra, "Nhớ giúp tiền... cho cô ấy... ra băng... nhạc, CDs."

"Người ta giầu gấp trăm lần ông, ở đó mà giúp!" Người vợ lạnh lùng.

Lòng Nữ chợt nao nao như có ai thả vào đó nỗi buồn phiền da diết.

Ai đó chôn cứng đôi chân Nữ trên nền nhà. Khi không, tình thương giữa con người với con người ứa ra khỏi trái tim cô như máu hồng trào ra ngoài vết cắt. Máu nóng nhân loại ấy sủi bọt, trộn chung với chất mủ tanh tưởi mầu ngà của sự hận thù cũng giữa con người với con người. Nữ thương, Nữ ghét, Nữ bao dung, Nữ hận thù quay cuồng trong căn phòng mênh mang mùi dầu gió làm cay mờ con mắt.

Lúc đưa Nữ ra cổng, chị Nguyệt ngậm ngùi, "Nữ thấy không? Anh ấy không thiết tha đến bất cứ thứ gì. Anh ấy thù ghét, hằn học mọi thứ. Vậy mà khi nhắc đến tên Thuỷ Tiên, anh ấy vui như không còn bệnh tật gì nữa cả." Chị bóp chặt bàn tay Nữ. "Chỉ có Nữ là giúp anh ấy được thôi. Nhìn anh ấy, đâu ai ngờ được rằng ngày xưa anh ấy giỏi giang đến bực nào. Hồi xưa, lúc chị còn bé, anh ấy dạy chị học, cốc đầu chị hoài, nhờ vậy mà bây giờ không đến nỗi dốt." Chị Nguyệt ngưng nói, liếc mắt nhìn vào phía nhà trong, rồi mới lại chua chát, "Nhờ anh ấy dạy học mà bây giờ người ta có nói cạnh, nói khóe mình thì mình cũng hiểu."

"*Nói cạnh, nói khóe* là gì hở chị?" Nữ ngây ngô hỏi lúc hai người bước vào phòng khách.

Chị Nguyệt nhìn Nữ, mỉm cười.

Lần đầu tiên bước lên sân khấu, Thuỷ Tiên hẳn cũng xôn xao, hồi hộp và lo âu, nhưng Nữ dám chắc người nữ ca sĩ lừng danh ấy không làm sao có được cái lo âu Nữ đang mang chật cứng hai lồng ngực. Nỗi băn khoăn võng xuống hai chồi ngực con gái no căng, xốn xang như mỗi lần có tháng.

Nữ chưa hát mà môi miệng đã tê, lưỡi đã cùn mằn và cổ họng đã khô rang như chảo không đặt trên bếp nóng.

Không khí căn phòng người bệnh đặc quánh những keo hồ khô hạn, tưởng chừng mỗi bước đi, mỗi cử động đều nặng trĩu bọc hành lý bên mình. Tiếng máy lạnh rù rì đâu đó ở góc tường. Bao nhiêu tranh ảnh Thuỷ Tiên rải rác chung quanh. Trong thoáng giây, Nữ thấy niềm tủi hổ nào đó giăng ngang cõi lòng như một vầng mây vướng lại giữa khung trời lặng gió. Thuỷ Tiên. Tại sao lại là Thuỷ Tiên mà không phải Nữ. Tại sao không

là chị Nguyệt hay chị Liễu. Người đàn ông mơ tưởng viễn vông, thả mồi bắt bóng. Công việc Nữ sắp làm, có phải để tô thêm son, điểm thêm phấn cho một người đàn bà chỉ có giọng ca hốt hồn và một thân hình giông gió; ngoài ra, chẳng có chút lòng nhân nào trong trái tim.

"Thuỷ Tiên... tới... chưa?" Giọng đàn ông run run hỏi.

"Tới rồi!" Chị Nguyệt vừa trả lời vừa cầm tay Nữ kéo sát đến bên giường người bệnh. Nữ muốn co rúm lại như con sâu để ôm cho chắc, để dấu cho bền cái quặn thắt trong ruột non, ruột già.

"Anh Phong đây Thuỷ Tiên à!" Chị Nguyệt nói bên tai Nữ. Những ngón tay chị bấm vào cổ tay cô, cho bật ra câu chào hỏi ngượng ngùng.

"Chào anh Phong."

Lớp da bọc bên ngoài bộ xương chùng lại rồi căng ra trên khuôn mặt rải đầy hang hốc. Hai lỗ mũi phập phòng. Cái miệng há ra nhưng hơi thở bị kềm lại bên dưới lồng ngực nhấp nhô.

"Thuỷ... Tiên đấy à?"

"Vâng. Em đây..." Nữ thều thào.

"Thuỷ Tiên đến... lâu chưa?"

Nữ nhìn chăm chú vào khuôn mặt xương xẩu, "Em... mới lại."

"Đi đường chắc... mệt... Bay từ... Cali qua đây..."

"Cũng không mệt gì mấy, anh..."

"Sao... Thuỷ Tiên lại... đến thăm... tôi vậy?"

Nữ ngước nhìn chị Nguyệt, dò hỏi. Chị Nguyệt nhướng cao cặp chân mày tô đậm cái hình vòng cung đen nhánh, cố gắng gửi gấm một dặn dò.

Nhưng Nữ không hiểu chị muốn bảo gì. Cô nói đại, "Thuỷ Tiên nhận thư của anh..."

"Thuỷ Tiên... tốt quá. Tôi biết... đền ơn... Thuỷ Tiên cách... nào đây!" Người đàn ông vất vả gỡ từng chữ tẩm đẫm keo, hồ ra khỏi đôi môi khô hạn.

"Không sao, anh..." Nữ nhìn ba người đàn bà đang vây quanh giường bệnh, rồi nhìn xuống đống chăn nệm trắng tinh, nhỏ nhẹ, "Để Nữ... à để Thuỷ Tiên hát cho anh nghe..."

Có ngón tay nào đó ngắt nhẹ trên trái tim Nữ. Mình lơ đãng quá thôi. Thiếu chút nữa là lỡ lời, làm mất toi buổi trình diễn ra mắt, cuộc thử thách đầu tiên trên sân khấu không có ánh đèn, mà chỉ có tiếng thở dài xót xa của người bệnh ung thư giai đoạn cuối. Và thiếu chút nữa là mất tiêu một ngàn bạc đóng góp thêm vào cái ngân sách èo uột. Nữ cố nén nỗi xôn xao hỗn độn trong lòng, và cố nhớ tên những bài hát mà cô đã tập mòn cả miệng lưỡi.

Môi người đàn ông mấp máy. Như thể chàng đang thì thầm những

lời tạ ơn đất trời. Nữ nghiêng đầu lắng nghe. Thời gian ngừng trôi. Những nhịp đập trì trệ của trái tim trong lồng ngực. Máu đông dần trong huyết quản. Nỗi lo âu ràng cứng miệng môi. Tưởng chừng chỉ giây lát nữa thôi mà Nữ không cử động, cô sẽ vĩnh viễn biến thành tượng đá.

Nữ nhìn người bệnh đăm đăm. Giọng cô rạn vỡ nỗi băn khoăn, "Thuỷ Tiên hát tặng anh vài bài nghe!"

"Cám ơn... Thuỷ Tiên; cám ơn..."

"Anh thích bài *Dấu Chân Mùa Hạ* phải không?"

"Sao Thuỷ Tiên... biết tôi... thích... bài đó?"

"Em... đoán."

"Thuỷ Tiên biết cả... ý thích của... tôi nữa, Trời ạ! Nhưng... làm cách nào... Thuỷ Tiên biết... được?"

Nỗi xúc động của người đàn ông lây qua Nữ, siết lấy cổ họng cô, làm cô mềm như lá xanh, như cỏ non đầu mùa xuân, "Thuỷ Tiên đọc thư anh..."

"Cám ơn..." Người bệnh thì thào.

"Thuỷ Tiên hát tặng anh. Có điều không có nhạc đệm theo, chắc không hay..."

Cánh mũi người đàn ông phập phồng, "Không sao, nhạc nào... trên đời này... hay được bằng... giọng... hát Thuỷ Tiên!"

Nữ ngây người, đắm chìm vào cơn cuồng phong cảm xúc. Kim châm ruột rà, gai móc tim gan. Lời của bài ca đã thấm sâu vào máu thịt sau bao nhiêu lần nghe Thuỷ Tiên hát trong cuốn băng cát-sét. Âm điệu du dương đã nhập vào xương cốt sau bao nhiêu lần tỉ tê hát một mình. Trong phòng, trên giường ngủ, trong sở làm giữa tiếng máy chạy lịch xịch, ngoài phố xá đông người. Ngôn từ bài hát nghe quen như chính tên tuổi của riêng mình, vậy mà sao uốn lưỡi cả trăm lần những lời tình ngọt ngào vẫn không thoát được khỏi khóe môi.

Nữ mở lớn hai mắt, nhìn đăm đăm mép vải trắng của tấm khăn trải giường. Cô nghe được tiếng thở của tất cả mọi người trong căn phòng phảng phất mùi dầu gió. Người mẹ thở nặng nề như vừa leo những bậc cầu thang chập chùng. Người chị dâu của chị Nguyệt hối thúc nôn nóng qua nhịp thở không đều của một tâm tư không quen chờ đợi. Chỉ tiếng thở của chị Nguyệt làm làm cho Nữ yên lòng. Rán lên đi Nữ, cố lên đi em, giúp anh ấy một lần này... Nữ nghe ra trong tiếng thở của chị những lời thì thầm săn đón.

Bỗng nhiên, chị Nguyệt ngâm nga cái âm hưởng quen thuộc của bài tình ca. Tiếng ngâm của chị lênh đênh trong không gian đặc quánh. Nữ thì thầm hát theo. Cơn sợ hãi rã ra từng giọt thành mồ hôi rịn đầy chân tóc

mai. Nữ hát, mê mê, cho đến khi giọng ngâm nga của chị Nguyệt lắng xuống, tan đi trong không gian. Chỉ còn lại giọng hát của người con gái hát thuê lần thứ nhất trong đời.

Nữ vật vã với cảm xúc, quằn quại với những khổ đau mất mát của đời người gài trong lời ca, giắt trong tiếng nhạc. Bài hát phổ thơ. Thi sĩ khóc trăm ngàn lần để những giọt nước mắt kết thành lời thơ óng chuốt. Người nhạc sĩ khóc bao nhiêu lần nữa để nỗi khổ đau đan thành chuỗi âm thanh phù phép. Tới ca sĩ Thuỷ Tiên, đã bao lần khóc thật thà trên sân khấu khi ngỡ mình là kẻ cô quạnh trên dương gian đi tìm những dấu chân của một mùa hạ đã qua, đã mất. Đến phiên Nữ. Người con gái mới lớn, còn nguyên vẹn những cảm xúc ban đầu cho tình yêu, bỗng dưng thấy mình là kẻ cô đơn nhất cõi đời. Và Nữ run lên với niềm cô đơn, nỗi tuyệt vọng. Nước mắt chan hoà hai bên má. Và khi không giọng hát Nữ khao khao.

Thấy Nữ xúc động, người vợ nhắc chồng cho Nữ nghỉ xả hơi. Chị Nguyệt mang lại cho Nữ ly nước cam mát lạnh. Nữ đón lấy nhưng lại run run đặt xuống chiếc bàn ngủ ở đầu giường.

Nữ lẩn vào nhà vệ sinh, chạy trốn cơn xúc động. Cô nhìn mình tái nhợt trong gương. Mồ hôi nhỏ giọt ở những chân tóc mai. Cô mở hai bàn tay đón dòng nước lạnh ấp lên mặt. Cơn xúc động dịu đi, lắng xuống như thuỷ triều.

Lúc rón rén trở vào, đứng nép bên ngoài khung cửa chữ nhật, để dằn bớt nỗi xôn xao xuống đáy lòng, cô tình cờ nghe mẩu đối thoại rời rạc.

Giọng đàn ông khàn đục, "Cô ấy hát... không còn... hay như... ngày xưa..."

Lòng Nữ chùn lại như con giun bị xéo. Vẫn cái giọng đàn ông ấy vò xé tim cô.

"Không bằng... lúc... thâu băng."

"Chắc tại thiếu hệ thống âm thanh." Giọng chị Nguyệt pha đầy nhẫn nhịn.

"Hay tại ông bệnh quá, nghe không còn rõ như trước chứ gì." Người vợ xen vào cuộc đối thoại bằng giọng chì chiết, khinh miệt.

Nữ rụt rè bước vào phòng. Thuỷ Tiên huy hoàng bước ra sân khấu. Những con mắt nhìn cô soi mói. Cô nhẹ nhàng ngồi xuống chiếc ghế gỗ mun bóng kê bên cạnh giường. Nghe tiếng động, người bệnh mò mẫm đưa bàn tay khẳng khiu nắm lấy tay cô, hơi thở hì hục khuân vác giọng nói xôn xao.

"Tôi nhớ... bàn tay thon... của... Thuỷ Tiên quá, Thuỷ Tiên... thấy... những *poster*... tôi treo đầy... trên tường... không? Toàn hình của... Thuỷ

Tiên... Bây giờ không còn... nhìn... thấy... nhưng tôi nhớ... rất rõ cách... Thuỷ Tiên... diễn tả nỗi... tuyệt vọng trong... tình yêu. Lúc đó... Thuỷ Tiên hay... đưa bàn tay lên... ngang tầm mắt... Ngón tay trỏ... và ngón tay... cái cong lại... với nhau trông... như người ta... ra dấu... *perfect.*"

Những ngón tay người bệnh tấy máy bàn tay tê bại của Nữ.

"Thuỷ Tiên hát... lại cho tôi... nghe bài... *Dấu Chân... Mùa Hạ*... được... không?"

Trong giây lát, Nữ chuyển từ trạng thái tê tái, nhột nhạt, sang cái đăm đắm, mê muội thấy mình thực sự là Thuỷ Tiên, mình là kẻ đem lại nguồn vui cuối đời cho người bệnh khốn khổ.

Thuỷ Tiên nhún nhẩy trên sân khấu. Áo mỏng khoe thế gian hai phần ba khuôn ngực trắng hồng. Thuỷ Tiên thả hồn vào hư không, chập chờn bay trên từng dòng nhạc mê hồn, say đắm của những khúc tình ca ngọt ngào, óng ả. Thuỷ Tiên vấy ngắn lập lờ vùng tối ám, hoang vu, mời gọi. Thuỷ Tiên đôi chân dài và thon như chân hình nhân trong các cửa tiệm thời trang phụ nữ. Thuỷ Tiên môi mềm, cong cớn nỗi chờ mong, hờn giận trên nét nhạc u trầm, thống khổ. Thuỷ Tiên xuất thần trong cơn khoái lạc mê hồn của thịt da vỡ oà cơn cuồng dâm sóng vỗ. Thuỷ Tiên làm vỡ tan những bức tường kiên cố bao nhiêu nhạc viện xứ người. Thuỷ Tiên bay về quê hương làm đắm đuối thế gian, làm cau mày đám nhân loại giả hình, dối trá. Nữ là Thuỷ Tiên; Nữ vĩ đại hơn Thuỷ Tiên. Nữ làm gió làm mưa trong khoảng không gian chật hẹp bão bùng của căn phòng người đàn ông bệnh hoạn, yếu đuối. Giọng hát vẫn vút cao. *Dấu Chân Mùa Hạ;* bài tình ca tuyệt vời về một tình yêu dang dở. Thuỷ Tiên hát cho mình, Thuỷ Tiên hát cho người.

Nữ dạn dĩ cầm tay người bệnh, đắm chìm vào cơn mê đắm tột cùng. Nữ thấy mình thành danh ca. Nữ vĩ đại hơn Thuỷ Tiên. Nữ nổi tiếng. Nữ bất tử.

Nữ vuốt ve năm lóng xương khô cong quẹo. Mai mốt người đàn ông này chết đi mang theo giọng ca Nữ. Giọng ca Nữ theo người ái mộ đi vào cõi khác. Không ca sĩ nào làm được chuyện đó. Không một ai làm được chuyện đó; kể cả Thuỷ Tiên.

Gỡ ra khỏi bàn tay Nữ, cánh tay người đàn ông đưa lên, quờ quạng, cào cấu không gian. Thuỷ Tiên nghe lòng mình nhói buốt niềm thương cảm đậm đà của một tình yêu nhân loại vô bờ bến. Cô bỏ chiếc ghế, ngồi qua bên mép giường người bệnh. Cô ngồi sát vào người bệnh. Cô muốn nằm xuống, ôm lấy cái thân thể mục ruỗng của người thanh niên. Khoảng nệm êm trũng xuống. Thuỷ Tiên cầm lấy bàn tay gầy gò, xương xẩu. Bàn tay lạnh khô, còi cọc. Thuỷ Tiên vẫn vút cao giọng hát đo đếm nỗi buồn

phiến của ngày tháng xa vắng người trăm năm hò hẹn. Cái đầu méo mó, xanh mờ chân tóc. Căn bệnh ngặt nghèo đi qua thân thể gầy gò đang trải ra trước mặt cô, để lại dấu vết cùn mằn trên môi miệng khô cháy nứt nẻ những vết nhăn giao nhau trên da. Thuỷ Tiên không còn e thẹn, ngại ngần, cô miết một bên đùi vào cái thân thể trơ trụi xương khô. Mùi dầu gió xanh phảng phất tỏa ra từ những mảnh xương vụn bọc bởi lớp da nhăn nhúm. Những giọt nước mắt trào ra hai mí. Người đàn ông khóc như mưa dầm. Âm thầm. Lẻ loi. Những ngón tay sôi nổi bóp chặt bàn tay Thuỷ Tiên. Thuỷ Tiên như mê đi trong giọng hát của chính mình. Thuỷ Tiên ru mình, ru người qua cơn đau, qua thống khổ trần gian.

Thuỷ Tiên nhìn người bệnh, bắt gặp nước trào đầy ắp hai hố mắt nhắm nghiền. Rồi hai con mắt không hồn mở ra. Dòng nước lăn dài xuôi hai gò má xám ngoét, nhăn nheo. Con mắt ném lên trần nhà tia nhìn mang theo thứ ý nghĩa bí hiểm nào đó mà không ngôn ngữ nào trên thế gian có thể dịch cho trọn.

Bài hát ngưng. Không kèn không trống, nhưng tiếng ca rơi xuống vực thẳm, ném lại những vọng âm não nuột. "Cám ơn... Thuỷ Tiên... Cám ơn Thuỷ... Tiên..."

Thuỷ Tiên cúi đầu nhìn khán giả với nụ cười khả ái trên môi. Tiếng vỗ tay đổ vào không gian. Bốn bức tường thiết kế chi li để những tiếng vỗ tay rộn ràng như trống trận và tiếng reo hò bùng vỡ như tiếng đoàn quân thời trung cổ dũng mãnh tràn qua cổng thành một lâu đài thù địch. Thuỷ Tiên cúi chào khán giả. Thuỷ Tiên quý phái, duyên dáng chưa kịp quay lưng bước vào hậu trường sân khấu thì bàn tay khô cứng, sần sùi của người bệnh quơ lên mặt Nữ.

Những ngón tay thô chạm môi Nữ. Hai ngón lạnh nhám vén môi cô, rồi những ngón tay kia tìm tòi, chớp nhoáng miết trên hàm răng cô. Nữ bàng hoàng há miệng nhưng từ cổ họng cô không bật ra được tiếng la nào trong cơn á khẩu ngặt nghèo. Ngón tay chạm vào lưỡi Nữ; những ngón tay sần sùi, nhạt thếch, vô vị. Cô hoảng hốt xoay đầu qua một bên, tóc buông rèm che kín khuôn mặt. Cảm giác nhờn nhợn tởm gớm gò thắt cuống họng.

Cái sọ khô thì thào những âm thanh khô hạn, "Thuỷ Tiên không... còn cái... răng khểnh... ngày... xưa nữa nhỉ... Tôi nhớ cái... răng khểnh thật... dễ thương phía... bên phải... Tôi nằm mơ... thấy Thuỷ Tiên... cười với tôi, khoe... cái... răng chó... thật dễ thương... ấy... bao nhiêu... lần rồi..."

Người Nữ mọc gai. Tay chân Nữ rụng rời. Thân thể Nữ bại xụi. Bàn tay thô nhám của người bệnh chuồi ngang vai Nữ, đổ xuống trên đồi ngực

ấm ấp của người con gái. Những ngón tay miết lên thịt da sần sượng, e ấp bên dưới lớp vải mỏng. Cơn chịu đựng đến hồi bung vỡ, Nữ đứng bật dậy, lảo đảo như người say thuốc. Cô mím môi cắn chặt cái tái tê trên đầu lưỡi. Cô vận dụng đôi chân chống chỏi với cơn quay cuồng chóng mặt của căn phòng mênh mang mùi dầu gió. Ngực con gái mọc gai nhám nhúa. Bao nhiêu năm trời, chưa một lần hình dung được rằng sẽ có một bàn tay sỗ sàng bốc hốt vô tâm.

Khuôn mặt người đàn ông méo xệch đi, vặn vẹo trong cơn đau khổ tột cùng, "Và ngực... Thuỷ Tiên... bây giờ cũng... không còn như... ngày xưa..."

Bệnh hoạn đến như thế mà những ngón tay xương xẩu vẫn tỉnh táo no căng dục vọng trong phút giây tìm kiếm hung hăng. Rồi bỗng dưng cánh tay ham hố ấy rụng xuống, dán chết trên mặt nệm.

"Chắc... Thuỷ Tiên... trồng răng giả... chứ gì... Y khoa... bên này... tân tiến... Ngày xưa, ngực... Thuỷ Tiên... căng như ngực... Thẩm Thúy Hằng... sao bây giờ... Uổng quá!"

Người bừng bừng nóng, Nữ bật khóc. Cô run rẩy dò tìm từng bước chân hụt hẫng. Thân thể nặng nề như tượng đá.

"Mà có phải... cô... là Thuỷ Tiên... thật... không vậy?" Tiếng thì thầm thoát ra từ đôi môi teo tóp.

Bỗng dưng Nữ bừng tỉnh. Sức lực từ đâu đổ về căng cứng cả tay chân, cô chạy ra phòng khách, quơ vội chiếc bóp, mở bung dây kéo như bão tố, lôi ra những đồng tiền giấy còn sắc cạnh.

"Trả lại tiền mấy người nè. Tôi không quen nói dối, tôi không quen lường gạt..."

Nữ cuống cuồng, nói năng mê sảng. Nữ tất tả đẩy tung cánh cửa, lướt đi như giông gió qua khoảng hành lang rộng thênh thang, con chó nhỏ quấn quýt bên chân làm cô suýt ngã.

Những con mắt sững sờ nhìn theo bóng người con gái hấp tấp bước xuống bậc thềm. Nữ chạy băng băng ra cổng. Những đồng tiền vung vãi trong sân. Con chó tưởng cô đùa giỡn, cũng chạy miết theo.

Trong tiếng gió thổi vù vù bên tai, cô nghe giọng nói bà chị dâu của Nguyệt hoảng hốt dội vào những bức tường thênh thang, "Đem con *Lucky* vào, không người ta bắt mất bây giờ!"

Và mơ hồ trong tâm tưởng, cô tưởng như nghe được tiếng gọi thảng thốt của người đàn ông nằm co mình trên nệm giường trắng muốt, "Xin lỗi... Thuỷ Tiên. Tôi nói... năng... bậy bạ... quá... Chắc tại... Thuỷ Tiên trồng răng... giả nên... hát không còn hay... như dạo... trước đó thôi... Phải không... Thuỷ Tiên... Thuỷ Tiên ơi... Thuỷ Tiên... đâu rồi..."❐

Thơ Khánh Hà

Cành hoa tưởng nhớ

Người về qua biển Đông
Xin thắp nén hương lòng
Bao oan hồn vất vưởng
Còn trong biển trầm luân

Tháng Tư nhát dao dâm
Vết thương xưa máu dầm
Thịt xương còn đau nhức
Sao trí nhớ mù tăm

Buổi chiều nào tang tóc
Non nước vội qua đời
Niềm đau như núi lở
Không hóa được sông bồi

Đường về sao xa xôi
Từng con chim bỏ đàn
Từng trái tim rơi rụng
Ước vọng xưa phai tàn

Dõi tìm trong bóng đêm
Một đốm lửa chưa tàn
Gởi vào huyệt lãng quên
Một cành hoa tưởng nhớ.

Tâm

Trên mặt hồ yên tĩnh
Cơn gió vụt thổi qua
Lao xao mặt nước động
Đáy tĩnh tụ tâm ta.

Auld Lang Syn

Song Thao

Coi thử xem nhóm này có bao nhiêu người cả thảy. Đầu tiên phải kể đến Giulio, tên Ý có cái miệng lép nhép chẳng kéo được da non. Khuôn mặt Ý rặt, bảnh trai, nhẵn nhụi, ria mép nâu đen, cặp mắt sâu mơ màng. Cái miệng hắn thì khỏi nói. Ngạn bảo là miệng nó mở cửa 24 trên 24. Được cái nó nói có duyên. Mở miệng ra là những cái miệng khác cũng phải ngoác ra hết cỡ.

Giulio đang ba hoa về đám cưới của hắn trong dịp hè vừa qua. Giọng hắn hạ nho nhỏ vừa đủ nghe. Đôi mắt láo liên liếc nhìn đám cử tọa đang nín thở để đo lường sức hấp dẫn của câu chuyện hầu hắn có thể gia giảm liều lượng.

"Theo phong tục Ý của tụi tao - tao cũng chẳng hiểu thằng cha quỉ quái nào đặt ra phong tục này - thì đêm trước ngày cưới đám bạn trai của chú rể phải tổ chức lễ Giã Từ Đời Trai cho chú rể. Tùy theo sáng kiến của đám bạn mà chúng nó bày ra đủ trò nhưng trò căn bản là phải cho chú rể..."

Mặt Giulio đỏ nhừ. Hàng ria mép nhếch lên. Hắn nhìn khắp lượt những cặp mắt đang mở rộng.

"Xin lỗi tụi bay. Có mặt mấy bà chằng ở đây nên tao không tiện nói."

Mặt Loan bối rối. Miệng Jeanne bĩu dài ra cả thước. Cái mặt lanh chanh của tên Sam, người El Salvador, cụt hứng thấy rõ. Miệng hắn trơn tru:

"Yêu cầu mấy bà ra chỗ khác chơi cho tụi tôi nói chuyện! Chỗ này là chỗ của đàn ông nói chuyện đàn ông, mấy bà nghe lỡ có mệnh hệ nào thì khổ chồng con ở nhà."

Loan e dè dợm đứng lên. Jeanne nắm tay kéo nàng ngồi xuống. Những chữ lập cập đổ xô ra khỏi chiếc miệng tô son đỏ chót đang cong lên:

"Mày ngồi yên đây không phải đi đâu cả! Thưa các ông thân mến, các ông đừng giở trò kỳ thị nam nữ ra ở đây mà mang họa vào thân. Tôi nhắc nhở cho các ông nhớ trong cái đầu hẹp hòi của các ông là xứ này là xứ tự do, nam nữ gì cũng bình quyền tuốt. Đừng có vi phạm hiến pháp!"

Đôi mông vạm vỡ của cô nàng người Pháp nhấp nhổm chấm câu. Bàn tay chuối mắn hùng hổ gạt mái tóc dài màu nâu đậm tưởng chừng như mái tóc có thể phi thân vào mặt Ngạn đang đứng ở phía sau. Đám đàn ông chong mắt nhìn cơn giận dữ đang lên men thật chua. Tên Hy Lạp George - không biết có anh Hy Lạp nào không mang tên George không - máu tếu đầy mình, điếc không sợ súng, bai bải cái miệng:

"Bảo đi thì không chịu đi. Ngồi nghe thì lại rêu rao rằng chúng tôi...sách nhiễu tình dục! Đàn bà lúc nào cũng rắc rối!"

Cái đầu bóng lưỡng lưa thưa vài sợi tóc mềm oặt của hắn chực chờ lủi đi sau câu nói. Jeanne kéo tấm thân nhiều thịt đứng phắt dạy, một tay chống nạnh, một tay xỉa xói ra phía trước.

"Đừng có chê đàn bà. Mày kiếm cả đời cũng chẳng có con đàn bà dư thừa nào cho mày đâu. Đến mấy sợi tóc cắm lên đầu mà kiếm cũng không nổi nữa là!"

Tiếng cười oà vỡ ra. Câu nói của Jeanne như một mũi tên hăm hở ghim trúng một lúc vào hai nỗi thương tâm của George. Một là nỗi loay hoay kiếm mãi không ra một cô bạn gái cho có với người ta. Hắn vốn có tính quí tiền trên hết mọi sự. Hai là sự ít ỏi của mấy sợi tóc còn cố bám víu vào chiếc đầu nhẵn thín bóng lộn như đánh xi của hắn. Đứng trước gương hắn luôn luôn gượng nhẹ vuốt mấy sợi tóc mỏng tanh như chỉ sợ có một sợi chán nản buông mình xuống đất.

Tiếng cười của cả đám kéo bước chân lê lết nặng chình chịch của ông chủ có đôi tai lớn nhưng điếc khá nặng tới. Vẫn tứ thời một bộ quần áo. Chiếc cà vạt to bản thời trang cỡ bốn thập niên trước treo toòng teng cũn cỡn đuôi không chấm được thắt lưng. Chiếc sơ mi màu mỡ gà cổ lỏng le không ôm kín những đường gân lớn như những chiếc đũa nổi cộm dưới làn da nhăn nheo như một miếng vải loại xấu không được ủi. Chiếc áo veste len đã sờn cổ sờn tay lại dài quá khổ phủ lên trên chiếc quần mếu máo nhàu nhĩa. Chỉ có đôi giày là có vẻ mới, loại giày chắc chắn dành cho những bàn chân không tự bước vững nổi. Thường thì ông hay chạy quanh nhà máy trên chiếc xe lăn có gắn động cơ dành cho người tàn tật nhưng mấy ngày nay ông hay bỏ xe run rẩy đi bộ, ngó chỗ này, ngó chỗ kia. Như một người tình chung lẳng vảng bên mộ người yêu vừa nằm xuống. Một đời ông đã bỏ ra để xây dựng một xí nghiệp từ không nên có. Vậy mà sự nghiệp sáu chục năm đang ở những ngày cuối tàn tạ. Chỉ vài ngày nữa

những cánh cửa lớn nhỏ sẽ sập xuống. Như vít kín một ngôi mộ. Từ nhiều ngày nay ông thơ thẩn trong nhà máy mỗi ngày mỗi tiêu điều như một người mất trí lang thang trong công viên lạnh tanh. Ông giương cặp mắt lờ đờ đục ngầu sau cặp kính trắng dày cỡ một cặp đít chai như han hỏi những điều vô vọng. Ông quét ánh nhìn thờ thẫn qua từng khuôn mặt vừa rời một trận cười thoải mái. Những khuôn mặt đã ngày ngày lui tới với ông, có người trên bốn chục năm, có người mới vài năm nhưng cũng có người cỡ hai chục năm. Như Ngạn. Như Loan. Chạy ra khỏi nước trong cơn hồng thủy táp tới gót chân, kiếm được việc làm, mừng muốn chết, chẳng ai đuổi nên cũng ngại ngùng chẳng màng tới việc đi tìm việc khác tốt hơn. Đời sống bị chặt ngang phũ phàng dễ làm cho con người chán nản buông tay mặc cho đời trôi nổi.

Đôi môi run rẩy trên thân người ngả ngớn níu chiếc gậy như cố chống đỡ những cơn gió vô hình thều thào hỏi:

"Không có hàng làm à?"

Cả đám người làm thinh. Họ nhìn vào chiếc trán cao đội một vệ tóc trắng như cước thầm thương hại không biết đang có những ý nghĩ nào bồng bềnh ở bên trong. Tuổi già đã tặng con người sắc bén trên thương trường một chiếc đầu lẫn lộn lúc mê lúc tỉnh. Vài ngày nữa đóng cửa còn hàng với họ gì nữa. Chẳng phải lần đầu họ nghe câu hỏi này. Mấy chục năm qua, mỗi khi hàng vơi hụt, ông chủ lại chạy đôn chạy đáo, miệng hỏi câu mà không ai biết trả lời sao ngoài việc trình diễn một bộ mặt u sầu chia sẻ nỗi lo lắng của ông chủ năng nổ. Nhưng lần này, đối diện với ông chủ, là những bộ mặt trơ ra bất cần. Loan cảm thấy ái ngại cho một uy quyền suy sụp, trả lời lấy lệ:

"Hãng sắp đóng cửa rồi còn hàng chi nữa ông chủ!"

Khuôn mặt vốn đã sụp xuống bỗng như rời rã thêm.

"Ờ, sắp đóng cửa!"

Đôi mắt vô hồn như cánh cửa gương mùa đông bị hơi nước phủ mờ đục che dấu tất cả phía bên trong bỗng long lanh hai khóe nước mắt. Ngạn như nhìn thấy sự bất lực đang trào ra. Ông già Pedro, trên bốn chục năm thâm niên trong hãng, phơ phất chiếc đầu tóc bạc, cất giọng ồm ồm:

"Ông chủ đãi anh chị em một bữa tiệc chia tay chứ! Mình sống với nhau lâu quá rồi!"

Miệng ông chủ méo xệch thảm thương. Ông nức nở như một đứa bé bị đòn. Nước mắt, nước mũi rủ nhau ào ra xối xả. Ông run rẩy móc túi lấy miếng giấy nhàu nát ra quệt băng xiêng băng nai trên mặt rồi lập cập chống gậy quay đi. Nỗi buồn đứt ruột của ông làm đứt luôn bữa ăn già Pedro đề nghị. Loan thở dài.

"Tội ông già quá!"

Giulio nghênh mặt ngó Loan:

" Tội gì mà tội. Có tội là tội cho cả trăm công nhân tụi mình đây này. Như già Pedro cả đời chôn chân trong nhà máy, nay già bạc đầu ai mướn làm nữa. Ngày mai biết ra sao. Bà tưởng ổng khóc cho bà đấy à? ổng khóc cho ổng! Có bao giờ ổng nghĩ tới ai!"

Giọng hằn học của Giulio như kéo mọi người ra khỏi cơn xúc động. Hắn còn trẻ, vào làm chưa được chục năm nhưng cũng nếm được nhiều đắng cay nơi cái tính kỹ càng với đồng tiền của một ông chủ khởi nghiệp từ một ngàn bạc vay của ông già vợ. Chính cái tính chất chiu, kỹ lưỡng hợp cùng vận may đã thổi phồng một cơ sở từ một ngàn bạc lên vài chục triệu như ngày nay. Sáu chục năm trời nắm đồng tiền nhét kỹ trong túi tạo cho ông đức tính chẳng bao giờ làm rơi rớt một đồng nào ra ngoài. Những người mang sức lực cả đời ra làm giàu cho ông có bao giờ được ông tự động tăng lương. Phải khéo léo đòi hỏi, phải giơ mặt nhắc ngày một may ra mới được thêm dăm mười xu một giờ. Ngày tết dễ mà được ông dúi cho mười đồng vào túi áo. Phải là người ông vừa bụng lắm mới có dịp được hưởng số tiền mưa móc còm cõi đó. Ngạn bỗng nhớ tới già Thanh, một chủ nhân ông của Chợ Lớn, bỏ của chạy lấy người trong những giờ phút cuối của Saigon hấp hối. Bao nhiêu tiền bạc chôn vào nhà, vào máy, vào nguyên liệu sản xuất hết. Tới lúc chạy thì tiền dính túi nhẹ thênh thang. Vào hãng làm được ít lâu, ông nổi máu xì thầu chửi vung vít. Mẹ nó chứ! Có tiền phải cư xử cho ra người có tiền. Như ngộ đây nè. Trong nhà máy của ngộ, ngộ ăn chung với mọi người, chăm sóc công nhân như chăm sóc người trong gia đình. Vợ bệnh con đau, cháy nhà, tai nạn hoặc ngay cả cờ bạc lỡ trớn, cần tiền là ngộ lo cho liền. Ngày lễ ngày tết, người nào cũng có quà ăn tết đầy đủ. Lạp xưởng, thịt muối, gạo, tiền, rồi cả mai quế lộ nữa chứ. Mấy năm nhà nước cho đốt pháo, ngộ còn tặng mỗi người một cối pháo toàn hồng dài năm thước đốt nghe mỏi tai luôn. Có đâu như cái thằng chủ này. Hà tiện quá lớ!

Máu tác giãng của ông Thanh không ngừng lại nơi những câu chửi xuông. Một bữa ông chủ đi ngang, ông chặn lại.

"Tôi làm hai năm nay không được tăng lương, ông chủ phải tăng cho tôi chút đỉnh chứ!"

Ông chủ nhìn chăm chăm vào mặt ông Thanh như con rắn đang thôi miên con mồi. Ông Thanh chường mặt chịu đựng cặp mắt tóe lửa của ông chủ. Tiếng máy xình xịch như hồi trống dục dã của một trận đấu quyền. Ông chủ bỗng nhảy bổ tới cỗ máy, đập mạnh bàn tay vào chiếc nút đỏ ngừng khẩn cấp. Chiếc máy rung lên rồi ngừng bặt. Như một con vật hết

hơi. Ông chủ tay chống nạnh chỉ thẳng vào mặt ông Thanh:

"Nếu phải chọn một trong hai, hoặc tăng lương cho mày, hoặc đóng máy, tao sẽ đóng chiếc máy này lại!"

Mặt ông Thanh xám ngắt. Miệng ông mím lại. Quai hàm bành lên. Ông lặng lẽ bấm nút mở máy lại.

Cả tuần lễ sau đó, ngày nào ông chủ cũng tới chỗ ông Thanh, khoanh tay đứng nhìn ông làm việc, gục gặc đầu bày tỏ quyền uy, dằn mặt một anh công nhân dám mở miệng đòi tăng lương để làm câm miệng những người khác. Ông Thanh lại nổi máu chửi đổng. Mẹ nó chứ! Không làm thì thôi. Ngộ đếch cần! Và Tác-giăng nghênh ngang trở về rừng.

Hình ảnh một ông chủ đầy uy thế đã bị thời gian bào mòn tới xương. Cái dáng đi chông chênh gây phiền hà cho cây gậy làm Ngạn thấm thía lẽ xuất xử. Biết được mệnh trời, nương theo thiên mệnh mà sống, con người dễ tránh được bẽ bàng. Giả như ông chủ ngay từ khi bước vào tuổi lục tuần, biết được sự đành hanh của con tạo, sắp xếp lui về đúng lúc, hẳn cuối đời đã không phải nếm mùi ê chề của thời gian. Nhưng con người mấy ai ngộ được lẽ suy vong trong lúc thịnh thời. Cứ quay quắt chạy theo quyền cao, chức trọng, danh lợi, tiền tài con người dễ phớt lờ cái bóng đen quái ác nằm chờ trước mặt.

Ông chủ đã say mê nhà máy hơn vợ con. Cuộc đời ông gắn liền với cái văn phòng bừa bộn giấy tờ và mẫu hàng hơn là căn nhà tối tối ông trở về ngủ. Ông làm lơ với cuộc sống gia đình để say mê với sự hãnh tiến của một người thành công trong thương trường. Ngạn nhớ một lần làm thêm vào sáng thứ bảy, buổi trưa anh đang đứng rửa tay để ra về, ông chủ lân la tới gần anh, đứng nhìn anh chằm chặp, cất tiếng hỏi:

"Mày không làm nữa à? Lương overtime gấp rưỡi đấy!"

"Không! Hôm nay thứ bảy tôi phải về."

"Có việc bận hả?"

"Không! Tôi về với gia đình."

"Về với gia đình à?"

Mặt ông chủ ngẩn ngơ với câu hỏi mà Ngạn cho là ngớ ngẩn. Ông đứng lặng yên, đôi mắt vô hồn, quên cả trả lời câu chào của Ngạn.

Cái chép miệng, tiếng thở dài rất nhẹ kèm theo câu nói của Loan lướt qua đôi tai thẫn thờ của Ngạn:

"Điệu này, hãng đóng cửa, ông chủ buồn chắc cũng gục theo quá!"

Ngạn không mấy sốt sắng:

"Ối dào! Bà lo gì chuyện con bò trắng răng! Có tiền thiếu gì thứ giải trí."

"Có những lúc đồng tiền cũng phải bó tay bất lực chứ."

"Bà quên câu 'có tiền mua tiên cũng được' rồi à?"

"Có cho ổng năm bảy cô tiên bây giờ ổng cũng chỉ cười trừ!"

Ngạn nhìn Loan bật cười thành tiếng. Mặt Loan ngượng ngùng thấy rõ làm Ngạn không nỡ bồi thêm vào câu nói hớ hênh của Loan. Loan vốn có máu tếu và nhiều khi chân ga lẹ làng hơn chân thắng nên những câu tếu nhảy xổ ra khỏi miệng trước khi cái đầu thấy có sự bất ổn. Chờ cho câu nói bất cẩn loãng tan vào không khí, Loan mới nhẹ nhõm tiếp tục câu chuyện:

"Nói vô duyên chứ nếu tôi là con gái ổng, tôi sẽ bằng mọi cách tiếp tục cho hãng hoạt động để ổng vui lòng. ổng có chết cũng sung sướng nhắm mắt khi thấy công khai phá của mình vẫn vững vàng truyền qua thế hệ sau."

Ông chủ quả có một cô con gái. Con có thương bố không là chuyện Ngạn không rõ. Thường thì con gái, nhất là con một, hay quấn quít bố. Nhưng một ông bố thích tung tăng thời giờ cho việc làm giàu hơn là cho vợ con thì Ngạn chẳng biết ra sao. Cô con gái con nhà giàu, học giỏi, chẳng khó khăn gì mà không kiếm được một anh chồng môn đăng hộ đối. Họ đều là nha sĩ thành công trong nghề nghiệp, mở tới ba cái clinic lớn, mướn thêm nhiều nha sĩ, bác sĩ chuyên ngành khác. Công việc của họ quá bận rộn, tiền vô như nước, họ đâu có lý tới cái hãng lộn xộn, nhếch nhác của ông bố. Bán quách đi lấy thêm một số vốn, khuếch trương công việc làm ăn của họ là một điều hợp lý và dễ chịu. Ba cái chuyện tình cảm vặt vãnh làm gì có chỗ bấu víu vào những cái đầu quen tính toán so kè. Ý nghĩ của Loan là một ý nghĩ hợp lý với Loan. Và cả với Ngạn. Uốn mình vào trong tim trước khi săn tìm lợi lộc bên ngoài. Những ý nghĩ như vậy chỉ có một chỗ đứng hẹp, rất hẹp, trong cái thế giới hích nhau mà sống ở đây.

Một vài chiếc máy còn rỉ rả chạy để hoàn tất đợt hàng chót ném ra những tiếng kêu lê thê buồn bã. Khu máy khởi đầu của dây chuyền sản xuất đã nằm im lìm từ mấy ngày trước. Một toán dăm bảy người đẩy một chiếc xe trên có những tấm bạt sậm màu lặng lẽ đi trùm kín từng chiếc máy đang an nghỉ. Họ căng tấm bạt thẳng băng trên từng máy rồi nhịp nhàng hạ xuống. Ngạn như nhìn thấy những đô tùy đang hạ huyệt những chiếc quan tài cô đơn. Chẳng có ai muốn ném xuống một cục đất. Tất cả đang cố gân mình làm mặt bình thản với những giờ phút cuối của một đời sống đã thành nếp từ nhiều chục năm qua.

Giulio nhún nhảy một điệu mambo tưởng tượng tiến tới sát bên Loan và Ngạn. Miệng hắn đánh lưỡi những tiếng chóc chách nhịp nhàng cùng với cặp mông lắc lư dẻo queo. Loan xua tay.

"Trông mày như một con công vô duyên múa may trong một khu rừng vừa bị cháy rụi."

"Thì sao?"

"Trông không được mắt!"

"Lý gì tới tôi, bà ơi! Dù có cả một hồ nước mắt, tôi cũng chẳng phí phạm một giọt cho những mất mát của một anh già chẳng ăn nhậu gì tới tôi cả. Bây giờ mình tính chuyện của mình đi. Anh già muốn cột tiền quanh mình như cột phao vào lúc tàu đắm thì mặc kệ anh ấy. Cần gì mấy đồng tiền máu vô tình đó. Tụi mình sống với nhau lâu, chia nhau vui buồn ngày ngày, xa nhau cũng xót xa lắm chứ. Tôi đề nghị chúng mình góp tiền làm một party chia tay nhau cho phải phép." Hắn bỗng nghẹt mặt, gân cổ lên hát. *"Should auld acquaintance be forgot, and never brought to min' ? Should auld acquaintance be forgot, and auld lang syne? For auld lang syne, my dear..."*

Văng vẳng bên tai Loan lời hát nghịch ngợm ngày thơ. ò e con ma đánh đu...Nàng lắc đầu nhìn tên Ý trẻ đang vênh râu rống lên với bộ mặt nhăn nhó cố làm ra vẻ thiểu não. Tuổi trẻ như những cơn sóng khỏe mạnh. Buồn vui gì cũng phá phách được hết. Chia tay mà như làm hề trên sân khấu.

Cà giỡn vậy mà Giulio có biệt tài tổ chức. Bữa ăn trưa tạm biệt chẳng thiếu một mống nào trong nhóm bạn cùng chung một department. Có thịt sấy kẹp bánh mì, gà quay, hamburger, pizza. Lại có rượu vang đỏ do mấy anh Ý già làm lấy mang tới. Lệ nhà máy cấm uống rượu, nhưng vào lúc nhá nhem hỗn quân hỗn quan này, luật lệ có ra cái gì. Mọi người nâng ly chẳng cần cụng cũng tỏ được tình. Ly giấy cụng nhau kiếm đâu ra được tiếng kêu thắm thiết. Già Pedro nói trỏng:

"Hôm nay mình ăn với nhau bữa cuối, ngày mai mỗi người mỗi ngả biết ra sao. Già như tôi hay nói năng tầm ruồng chứ nghĩ cũng thấy tức cười. Tụi mình từ đầu từ đâu tụ lại, mỗi người một tiếng nói, mỗi người một màu da, sống lâu với nhau, so kè kèn cựa nhau cũng có, vậy mà tách ra cũng bật được nước mắt chứ không à!"

Mấy bộ mặt được rượu nhuộm đỏ cố cười nhưng hầu như chẳng có cặp mắt nào biết cười cả. Tên Sam tưởng khô rang như ngói, đang gặm dở cái đùi gà vàng cháy, vội bỏ xuống đĩa, vớ ly rượu đổ xoạch vào miệng, lấy giấy chậm mắt.

"Già Pedro ác thật! Làm hư cái đùi gà hấp dẫn của tớ!"

Chẳng ai buồn chia xẻ tiếng thở than của Sam. Người nào cũng vướng vít nỗi buồn ẩn dấu trong tâm. Peter, có chút hồng trên da mặt đen nhánh, thường ngày chỉ lo chúi mũi đọc một đoạn kinh thánh trong giờ nghỉ giải

lao, ít khi nói cười với mọi người, cũng bùi ngùi:

"Hợp tan là do ý Chúa cả. Chúng mình chỉ biết vâng theo ý Người thôi. Chẳng có gì tồn tại và cũng chẳng có gì mất mát cả. Một sợi tóc trên đầu rụng xuống cũng có bàn tay Chúa quan phòng."

Máu tếu trong người Loan cộm lên.

"Thưa cha!" Mọi người cười ồ lên, Loan tỉnh bơ. " Đoạn thánh kinh cha đọc hôm nay có nói gì về việc Sam mất hứng gặm chiếc đùi gà thơm ngậy không ạ?"

Trên chục cái miệng ngoác ra thoải mái. Loan thú vị nhìn Peter với đôi mắt của kẻ vừa nhấc được mình lên cao hơn một chút. Peter không một chút bối rối, nhẩn nha nói bằng cái giọng khàn đục đặc sệt của người da đen:

"Không thấy chép việc đó nhưng Chúa biết là việc quân dữ nhạo báng Người trước khi treo Người lên thập giá chẳng phải chỉ diễn ra có một lần."

Ngạn thấy nhột dưới gáy. Máu tếu trong người Loan hôm nay pha thêm chất đắng hơi nặng tay khiến nàng bị hạ không phương chống đỡ. Anh giả lả mở đường máu cho người bạn lâm nạn:

"Ông bạn Peter không ăn cơm Chúa một ngày nào mà coi bộ được việc cho Chúa dữ! Tôi đề nghị mình nâng ly tạm biệt nhau rồi dọn dẹp cho kịp trước khi chuông reo. Nào, mời các bạn!"

Ngạn giơ cao chiếc ly của mình. Chiếc ly giấy nhẹ tênh chao đảo trong tay anh. Tất cả những chiếc ly trắng xốp vươn cao trên đầu mọi người. Chiếc ly trên tay Giulio cao hơn cả. Hắn nhắm nghiền mắt, há rộng miệng hát. Giọng hắn như có đổ vào chút rượu lê thê đắng chát. *For auld lang syne, my dear. For auld lang syne. We'll tak a cup o' kindness yet. For auld lang syne...* Mọi người tự động hòa vào giọng hát trầm buồn của Giulio. Âm điệu đều đều buồn bã kéo dài thảm thiết như một bài thánh ca lạc điệu.

Bài hát dứt. Mọi người bắt tay nhau. Chặt chẽ và vướng víu. Đường đời muôn nẻo, có chăng nẻo này chồng lên nẻo kia. *Good luck!* Cặp mắt ướt đỏ. *Good luck!* Chiếc miệng cố giữ cho khỏi xộc xệch. *Good luck!* Tiếng khịt mũi dấu diếm. *Good luck!* Bàn tay rung lên yếu ớt.

Thời gian như đuổi sau lưng. Mọi người hối hả thu dọn những vật dụng cá nhân trước khi ra về. Những chiếc locker mở toang nhả ra tất cả những gì chúng ôm trong lòng từ bao nhiêu năm qua. Từng đống, từng đống đồ đoàn ngả nghiêng trên sàn nhà. Ngạn nhìn Loan giọng như bị ngạt mũi:

"Cứ như ngày 30 tháng 4 ấy nhỉ!"

So làm sao được với cái hoang tàn, hốt hoảng, bề bộn của ngày đó, Loan nghĩ. Nhưng sao trong nàng vẫn cảm hết được sự trống trải của một đổi thay khắc nghiệt. Có lẽ vì chung quanh nàng giờ đây toàn là những khuôn mặt da không vàng, mũi không thấp. Nàng nhìn sang Ngạn thấm thía sự liên tưởng của anh. Nàng cười với anh. Nụ cười không được tròn.

Đoàn người xếp hàng chờ bấm thẻ lần chót để ra về. Cả trăm người rồng rắn với túi đeo, bao xách trông như quang cảnh nơi một trại tỵ nạn. Đời Ngạn, đời Loan đã bao lần chông chênh những di chuyển, những cắt đứt phũ phàng. Xá chi một vết xước tay cỏn con hôm nay. Phút cuối, Loan nước mắt doanh tròng đưa tay cho Ngạn nắm.

"Chúc anh may mắn! Mọi sự rồi sẽ qua. Nhớ lúc mình mới tới đây, lạ nước lạ cái, tay trắng túi rỗng không, chẳng biết sẽ sống ra làm sao. Vậy mà cũng chẳng chết! Giờ thì nhằm nhò gì..."

Ngạn rộng miệng cười không thành tiếng:

"Ờ! Nhằm nhò gì ba cái lẻ tẻ. Giữ cho chân cứng đá mềm nghe Loan!"

Loan nháy mắt hất mặt về phía sau. Ngạn quay lại thấy ông chủ đứng như trời trồng nhìn đoàn công nhân từng người một khuất dần. Mắt ông đẫm lệ. Người ông như ngã ra trên chiếc gậy chống. Những xây dựng ông say mê cả đời đang vụn ra tới mảnh cuối cùng. Một đời người ra công ra sức chỉ có đi lên làm ông chuếnh choáng trong bước đi xuống. Ông chỉ nếm có lẽ thắng mà không ngộ được lẽ thua. Cái thua muôn thuở của tuổi già lụn bại.

Trước khi khuất tầm nhìn phía bên trong nhà máy, Loan thấy ông chủ run rẩy từng bước đi, đưa tay rờ rẫm từng chiếc máy nằm im lìm dưới những tấm bạt phủ như những chiếc khăn liệm. Nàng bất giác quẹt tay lên mắt. Những vệt nước lóng lánh trên tay nàng là có thực.❐

Xin tìm mua tại các hiệu sách
đặng trần huân
NHỮNG NGƯỜI THÍCH DẤU HUYỆN
Nhà xuất bản Văn Mới, los Angeles, California

Nơi không có tiệm sách Việt, xin gửi chi phiếu, lệnh phiếu về:
Đặng Trần Huân, P.O. Box 3022
Industry, CA 91744 (USA)
(Châu Mỹ: 10 Mỹ kim Các châu khác: 15 Mỹ kim

Hải

Hoàng Nga

Về đến Sài Gòn, cái tin đầu tiên làm tôi giật mình là Hải đã lấy vợ. Lấy một cô vợ già hơn Hải gần sáu tuổi. Bình thường đàn ông lấy vợ trẻ, hay được người khác khen có duyên. Hên! Còn Hải thì ngược lại. Nên đám bạn chúng tôi lao nhao:

- Thằng Hải giờ cũng có cái mác... Việt kiều như người ta, cũng có tên Tây, tên Mỹ đàng hoàng rồi. Nó là Hải-antique!

Hải-antique! Hải-đồ-cổ! Trời ơi, tội nghiệp Hải của tôi! Tội nghiệp cậu thư sinh con nhà giàu đẹp trai! Ngày xưa Hải đánh *bass* cho ban văn nghệ của trường. Là một trong những "minh tinh" sân khấu làm nhiều cô chết mê chết mệt. Nếu không vì "lý do kỹ thuật", mặc cảm tự ti thời mới lớn, chê con trai bằng tuổi mình chỉ là đàn em, dám tôi cũng đã trở thành một trong những nạn nhân ấy rồi. Tôi thử điểm lại một vòng đám bạn gái chưa có dịp được lên xe hoa, thấy con nhỏ nào coi bộ cũng... không xứng với Hải. Tuy nhiên nếu bảo già hơn đến gần sáu tuổi, thì quả là không có đứa nào! Tôi cười:

- Bà con làm ăn kiểu gì mà để cho hắn đắm đò sảng như vậy rồi giờ lại than phiền?

Tuấn trợn mắt:

- Bà nói vậy đâu có được! Hắn ngon lành nhất bọn, quơ tay là có cả hàng chục em, cái chuyến đò này là hắn tự đắm, tụi này không có... trách nhiệm!

Một giọng rất đểu vang lên giữa đám đông ồn ào:

- Hắn muốn bắt chước giáo sư Vương Hồng Sển làm học giả đó bà Nga ơi!

Cái lũ bạn! Giả đâu mà giả! Tôi nhớ Hải học... thiệt đàng hoàng. Học hết chương trình cử nhân của trường đại học kinh tế. Cái thời bọn tôi chạy

xấc bấc xang bang, đứa lo kiếm chỗ làm, đứa chuyên lo đào tẩu ra nước ngoài như tôi, thì Hải đã ung dung có một chỗ ngồi ngon lành rồi. Cu cậu được phân công làm việc ở ủy ban kế hoạch của tỉnh cận Sài Gòn, sáng sáng bệ vệ chạy xe Honda đến sở, chiều mặt mày đỏ gay đỏ gắt từ quán nhậu nào đó trở về. Tôi hay giễu bảo giữa những bô lão thời kháng Pháp, giữa những "chiến sĩ ta nằm đâu ngủ đó" thời chống Mỹ còn sót lại, thì công tử Hải, đẹp trai thanh tú, rực rỡ sáng như... ánh sáng nghị quyết, chói lòa soi rọi màn đêm tăm tối. Và mặc dầu xuất thân từ thành phần tư sản, nhà cửa bị tịch biên trong một thời gian rất dài, nhưng công tử vẫn vững như bàn thạch, vẫn đều đều mỗi năm được một bằng khen tiên tiến, đạt chỉ tiêu, đạt thành tích.

Mà kể ra anh chàng cũng lạ. Ở đâu, hoàn cảnh nào, trông hắn cũng sáng rạng hơn những người chung quanh. Hồi đi học, công tử trội hẳn so đám bạn bè nhà quê nhà mùa của mình một trời một vực thì đã đành, mà so với những anh chàng thanh niên con nhà giàu, chỉ được cái nước chuyên đội sổ và chuyên làm phách, thì hắn cũng ngon lành hơn nhiều. Tháng nào công tử cũng được lãnh bảng danh dự, cũng được thầy cô ngợi khen! Tôi không biết anh chàng có sớm tiên đoán vận mạng đất nước thế nào cũng rơi vào tay thành phần giai cấp công nông hay không, mà ngay từ trước bảy lăm, hắn đã cặp kè với tất cả mọi người, không biệt giàu nghèo gì cả. Ứng xử của Hải rất đàn ông, và lịch sự văn minh phương tây ra phết. Tôi nhớ sau những đêm đi trình diễn văn nghệ, bao giờ anh chàng cũng là người nhẫn nại đưa các cô ở xa về nhà, mặc cho những thằng bạn "con nít" đứng trên thềm léo nhéo chọc ghẹo. Đêm nay ai đưa tui về...

Hải như thế mà mười mấy năm sau, đoạn đành đi lấy một cô vợ già! Tôi nghĩ mãi mà không biết lý do vì sao. Hỏi Tuấn. Tuấn cười khề khà trong điện thoại khi gọi cho tôi hẹn ngày đi ăn với đám bạn cũ:

- Thằng Hải nó bảo tại bà sang ngang sớm quá.

Tôi phì cười. Sau ngày tôi lấy chồng, lâu lâu gặp nhau, Hải lại la:

- Lấy chồng chi sớm vậy không biết nữa!

Chồng tôi không ưa Hải. Chắc trước hết là tại... cái mã đẹp trai của anh chàng, thứ hai là tại Hải thành công! Và thứ ba có lẽ là tại Hải hay tỉnh bơ, ngang nhiên trêu chọc tôi trước mặt mọi người. Hải thường gọi tôi là người trong mộng, kể cả lúc tôi đã thành hôn. Ngày cưới tôi, có đứa đòi hát "giết người trong mộng", bị cả bọn lao nhao phản đối, nhưng Hải thì hưởng ứng nồng nhiệt. Hải xách cây đàn chạy theo sau lưng cô bạn, hát theo, rồi quay lại nói với tôi:

- Nghe không Nga, "tiếng lòng tôi" đó!

Đám bạn chúng tôi chia ra hai phe, đứa nói Hải thương tôi thiệt, đứa

nói làm gì có. Nhưng tôi thì tôi biết Hải có cảm tình với mình. Và tôi cũng vậy. Chỉ có điều, "cảm tình". Vậy thôi. Bây giờ lớn, nghĩ lại giá ngày xưa Hải tán tỉnh, nói yêu tôi thật, không biết tôi sẽ phản ứng như thế nào. Không biết có dám đáp lại, yêu lại, và lấy Hải hay không...

Buổi chiều Tuấn mang xe đến đón tôi. Ngồi sau yên xe ngã chúi về phía trước, tôi phải lấy bàn tay đặt lên tấm lưng đã bắt đầu trở nên vĩ đại của ông bạn cũ, la ơi ới:

- Ê, cái yên xe của ông coi bộ đồng lõa với tinh thần... sư cụ quá, ông Tuấn ơi!

Tuấn cười khì khì:

- Thời buổi... khó khăn mà bà. Đi lựa hết hơi mới ra cái loại xe này đó.

Tuấn nói thời buổi khó khăn, nhưng nhìn quanh, tôi thấy chừng như cũng không đến nỗi. Ra đường, không phải lác đác mà nhan nhản, nhiều cô chỉ cỡ bằng tuổi tôi thời học chung với Hải và Tuấn, mặt tơn tơn ôm eo ếch các "chú" một cách rất âu yếm và điệu nghệ. Người nhà tôi gọi đó là những đóa hoa làm đẹp cuộc đời, làm trẻ đất nước, san bằng mọi mặc cảm về tuổi tác; là những công dân ưu tú của đất nước, luôn luôn sẵn sàng thể hiện tình đồng chí, tình yêu giai cấp vĩ đại qua việc coi tất cả nam giới, trừ "bác" Hồ, thì già trẻ lớn bé gì cũng đều ngang hàng như nhau, đều anh anh em em ráo trọi!

Tôi nói lại với Tuấn điều này. Tuấn phì cười. Tôi hỏi:

- Ông có... theo kịp thời đại không vậy?

Giọng Tuấn bạt lại trong tiếng ồn ào của đám đông xe cộ đang hớn hở bóp còi qua mặt nhau:

- Cũng có khi thôi.

Có khi, nghĩa là lúc nghiêm lúc nghỉ, lúc em nọ lúc em kia. Lúc mai lúc lựu, lúc trăng lúc đèn! Tôi nói, hái hoa ừ cho khéo, hoa nào heo héo thì hái bỏ đi hả ông Tuấn? Tuấn ậm ừ:

- Không theo kịp thì sẽ bị... bánh xe lịch sử nghiền nát, bà Nga à!

Tuấn xem ra cũng có vẻ thuộc thành phần "được giá" ở đây. Hắn bảnh bao hẳn ra. Hôm vừa nhát thấy hắn ở phi trường, tôi đã giật cả mình. Lúc còn đi học, tôi hay nghĩ những thằng như... Tuấn, chắc khó có thể làm nên một cái tích sự gì đó cho chính bản thân mình, chứ nói gì đến chuyện phục vụ cho gia đình và tổ quốc! Vậy mà hình như bây giờ hắn đang nắm trong tay hơn phân nửa số "tài sản của nhân dân" từ một cái công ty thương mại nào đó.

Tôi hắng giọng:

- Nè, nói ông đừng buồn nghe ông Tuấn, chứ tôi nhớ ngày xưa ông nhát gan lắm mà.

Tuấn cười khành khạch:

- Ôi, "dĩ vãng" rồi, bà ơi!

"Dĩ vãng" rồi, nên gặp lại đứa nào tôi cũng hết hồn. Tôi nhận ra đám bạn cũ của tôi, ngoại trừ những đứa vẫn còn đeo đuổi các thiên chức cao cả như dạy học, nuôi trẻ...; hầu hết đứa nào cũng đã thay đổi. Có nhiều đứa đã trở thành những phu nhân đẫy đà, oai vệ. Đứa mập ù, tròn lẳn như một bà xẩm. Có đứa già chát. Đứa son phấn, hột xoàn kim cương đeo đầy cổ, đầy tay, y hệt một cửa hàng nữ trang di động. Đứa lòe loẹt quần áo. Đứa cưa sừng làm nghé, *mini jupe* ngắn lưng chừng mộng, phơi trần cả hai phần ba bắp vế trắng nõn ra trêu ngươi thiên hạ. Lại cũng có đứa sửa sang toàn bộ từ đầu đến... đít, không khác gì những con búp bê chưng trong các siêu thị quần áo bên tây. Vô số đứa tôi nhìn không ra!

Chung chung, đám phụ nữ, có vẻ giống một gánh hát bội. Trong khi đó thì các nam nhân trông trẻ trung, bảnh bao hơn nhiều. Tuấn khoe, bây giờ nhiều đứa đi làm phải... mang giày, đeo "cà la oách", vì thường xuyên tiếp khách ngoại quốc! Và có lẽ mập đang là một cái "mốt", như thể không đạt được sáu chục ký không thấy mình sang trọng, nên "thằng" bạn nào của tôi ngày xưa, ho hen ốm yếu cỡ nào, giờ cũng rán sức trèo lên được cái con số chỉ tiêu ấy. Tất cả đều có vẻ tai to mặt lớn. Theo cả hai nghĩa, đen, bóng.

Tôi quét một tia nhìn khắp chung quanh. Hỏi:

- Hải không tới à?

Đám bạn tôi lao nhao:

- Tới chứ. Tới chứ.

- Chỉ trừ trường hợp hắn không đủ can đảm gặp lại cố nhân thôi!

Liền ngay sau đó, để đáp lời tôi, là một trong những máy điện thoại di động trên bàn tiệc reng lên ỏm tỏi. Hải gọi đến báo cho biết sẽ tới trễ. Cái máy được chuyền tới tay tôi. Loại máy cầm tay nhỏ xíu, tối tân, hiện đại. Tiếng Hải nghe lạ hoắc:

- Nga đó hả? Chờ mình với nghe!

Tôi đùa với Hải. Chứ không chờ thì làm gì bây giờ? Hải cười, nói thêm dăm câu rồi cúp máy. Một giọng nam nào đó gào lên phía đằng kia:

- Thằng Hải đòi hôm nay phải uống một chung rượu nhạt với bà Nga!

Tiếng khác cười hi hi:

- Không "chơi" một cái XO thì thôi, chứ rượu nhạt mà uống làm mẹ gì!

Đám đông cười vỡ ra. Tôi hỏi XO là cái gì. Trang, ngồi gần tôi, quay lại:

- Việt kiều mà không biết XO sao?

Tôi lắc đầu. Trang cười:

- Là rượu. Hạng nặng. XO là V.V.S.O.P.; viết tắt của những chữ Very, Very Superior Old Pale, loại rượu để từ mười đến hai mươi, hăm lăm năm trở lên. Lần nào trước khi chia tay, mấy ổng cũng "chơi" một, hai chai này.

Tôi nhìn đống bia bắt đầu được sắp lên bàn, mà lạnh cả gáy. Tôi chỉ cần uống hết một, hai lon, rồi "chơi" nửa ly XO là đủ tiêu ngay tại chỗ. Trang nói thêm cho tôi biết, mỗi ông ngồi trên bàn sẽ "bắt" một thùng. Và ai cũng sẽ phải uống giống như nhau, bất kể nam hay nữ.

- Luật đó!

Tôi muốn la trời. Cái luật gì mà quái gỡ, chưa từng thấy ghi trong "hiến pháp" của bất cứ nước nào trên trái đất này! Trang hỏi:

- Không biết uống phải không?

Tôi lắc đầu. Không. Trang chặc lưỡi:

- Vậy thì phải kiếm người uống đỡ cho bà. Tui chỉ "cưa" được giùm cho bà vài cái thôi!

Tôi ngó Trang. Cám ơn. Nhưng sửng sốt hỏi thầm, không biết tại sao con bạn hiền từ lúc nào cũng e thẹn, không đời nào dám giơ tay phát biểu ý kiến trong giờ học, cũng như trong bất cứ cuộc họp nào, vậy mà giờ nói chuyện ăn nhậu ngon lành, tỉnh ráo như ruồi thế này? Trông con nhỏ có vẻ ra dáng "con người mới, thời đại mới" lắm. Cái cổ áo trễ tràng, vẻ... chờ đợi cũng nói lên nhiều thứ, trông vượt trội lên tôi, một người vừa từ bên kia trái đất, từ xã hội phương tây đồi trụy trở về, mà kín cổ dài tay một cách quê mùa. Tôi nhìn lại đám bạn đang nói cười oang oang, tự nhiên như ở nhà, như coi thực khách bàn bên cạnh không ra ký lô gờ ram nào hết, mà bỗng... tự ti mặc cảm lạ lùng. Ở đây đứa nào trông cũng tràn đầy vẻ tự tin. Xài tiền cũng có vẻ như xài nước lã. Chứ không như cái kiểu gà chết, sinh khí mười phần thiếu hết tám của tôi. Tôi buồn rầu ngó Tuấn khui chai Champagne tóe bọt, đổ tràn lan lên bàn, miệng chí chét la làng như một cái loa phát thanh:

- Mừng ngày hội ngộ! Mừng ngày hội ngộ!

Mừng ngày hội ngộ. Và vì chỉ thiếu Hải, nên không khí vẫn cứ sôi động, ầm ĩ đến nhức cả đầu. Tuy nhiên uống chưa hết một vòng, thì Hải đến. Mặt mày đỏ ké. Chắc có lẽ cũng vừa được "phóng thích" từ một cái nhà hàng nào đó. Đi phía sau cậu chàng là một bà, mà chưa cần giới thiệu,

tôi đã biết ngay là phu nhân của Hải. Tôi hơi ngạc nhiên vì thấy Hải không tỏ chút gì ngần ngại khi đem theo "món đồ cổ" của mình tới chỗ họp mặt bạn bè như thế này. Hải sà ngay tới chỗ tôi:

- Trời ơi. Trời ơi! Người trong mộng!

Hai đứa, chỉ thiếu chút xíu nữa là ôm nhau như dân Tây. Hải mừng thật sự ra mặt. Còn tôi thì có cảm tưởng như mình vừa vớ được chiếc phao. Gần gũi, quen thân. Tôi sực nhận ra từ hôm về, cho đến lúc ấy, mặc dầu tình cảm bạn bè dành cho tôi vẫn không khác xưa bao nhiêu, nhưng cái cách nói chuyện, cách đùa giỡn, đến cả cách nhắc nhở kỷ niệm với những chữ dùng lạ tai vang lên giữa những gương mặt nhầy nhầy bóng, dày mỡ, đã khiến cho tôi cứ có cảm giác mình giống hệt một kẻ xa lạ. Với đứa nào, tôi cũng thấy như mình mới được gặp gỡ lần đầu, mới sơ giao, tao ngộ.

Hải là người duy nhất không thay đổi nhiều, không "leo thang chiến tranh" số mỡ dự trữ như những ông bạn cũ. Tôi nói với Hải:

- Trông Hải đến quá chừng!

Hải cười hỏi, thật không? Rồi ngỏ lời xin lỗi đã không đi đón, cũng như không gọi cho tôi mấy hôm nay. Sau đó Hải quay lại phía sau, giới thiệu:

- Nga, bạn thân của tụi anh. Và đây là Duyên, vợ mình.

Tôi ngập ngừng gật đầu chào vợ Hải. Người đàn bà nhìn gần trông già dặn hơn tôi đã tưởng rất nhiều. Trên khuôn mặt nặng phần son phấn, trông khô khan, cằn cỗi hơn những con bạn tôi đang ngồi quanh đây, có vẻ hơi thừa những nếp nhăn; nụ cười càng làm những đường gấp ở khóe mắt và hai bên mép hằn rõ lên. Mùi nước hoa nồng nặng bay ra. Tôi bối rối, lúng túng tìm mãi một câu xả giao lịch sự cho phải phép, nhưng vì chẳng biết xưng hô ra sao, nên cuối cùng chỉ nhe răng ra cười. Hải "anh anh em em" nghe tự nhiên như... đóng phim. Tuy nhiên điều làm tôi ngạc nhiên hơn, là đám bạn nam của tôi, tên nào cũng có vẻ thân mật, và coi vợ Hải chỉ ngang tuổi hoặc nhỏ hơn mình. Cả cách đối xử cũng lạ. Hai ba ông gào lên cùng một lúc:

- Sang đây Duyên ơi, để cho Hải nó "tao ngộ" với người xưa!

Tôi giật thót mình. Sợ người đàn bà sẽ có những phản ứng khó chịu. Nhưng không, nụ cười với những nếp nhăn ấy lại nở ra, trông hết sức dịu dàng và chịu đựng một cách không ngờ. Tôi kinh ngạc thầm hỏi, chẳng lẽ đây lại là một "luật chơi" nào đó hay sao? Hay vì người đàn bà lớn tuổi hơn Hải, già dặn hơn Hải, mà bắt buộc phải dùng đến cái cách đối xử vượt trội hơn những đối xử bình thường? Tôi trố mắt ngó Hải vuốt lưng vợ:

- Tụi nó nói đúng đó. Em sang bên kia, chỗ thằng Tuấn, anh ngồi với

Nga một tí.

Người đàn bà gật đầu rồi bước đi. Vạt áo mỏng đung đưa. Sợi dây nịt ngực đắt tiền với những đường viền đăng ten màu đen ẩn ẩn, hiện hiện sau làn áo, đập vào mắt tôi cách không bình thường. Tôi ngơ ngác tự hỏi lòng, nếu tôi là vợ Hải, có chắc là tôi sẽ quay đi một cách dễ dàng như thế hay không? Có chắc là tôi sẽ để cho Hải nói năng âu yếm với cô bạn gái cũ một cách lộ liễu như thế hay không? Hải ngồi xuống bên cạnh tôi, hỏi:

- Sao, vui không Nga?

Tôi cười. Chẳng biết trả lời như thế nào. Cái cảm giác không gần gũi, không quen thân vẫn lao xao quanh tôi. Tôi vẫn thấy mình "khách"! Vẫn thấy bị đẩy về một phía nào đó. Vẫn không bắt kịp được những mẩu đối thoại, những câu chuyện của mọi người.

Tôi nói với Hải. Hải cười. Nhưng lúc vừa định trả lời gì đó thì tiếng ồn ào lại tóe ra bên tai:

- Ê, thằng Hải phải chào bàn một cái đã chớ!

- Đúng rồi! "Dzô" một cái đi chứ!

Cái giọng Bắc lai Nam của Tâm "con" vang lên như trống trận ở cuối bàn. Tôi nhướn cổ nhìn. Tâm con giơ giơ cái ly lên bằng bàn tay chuối sứ. Tâm con là đứa đầu tiên trong đám học sinh miền Bắc chơi thân với lũ miền Nam chúng tôi. Tâm con làm phó bí thư đoàn trường, oai ra phết, nhưng tính tình hiền lành như cục đất. Hắn cũng là đứa đầu tiên thú nhận, lúc còn ở một cái làng nhỏ nào đó ngoài Hà Nam Ninh, một năm mới được trông thấy ô tô một lần khi có người ở tỉnh về thăm nhà. Bị Vũ hỏi "đía", thế mà tao nghe ngoài ấy TV còn chạy đầy đường nữa cơ mà; Tâm con vừa nhăn mặt vừa cười, đáp, ừ thì đại khái cà rem thu hoạch ăn không hết phải phơi khô để dành! Kiểu thành thật của Tâm con làm chúng tôi khoái. Ngày bầu cử, đứa nào cũng rán giơ tay cho "người hùng" được lãnh một cái "chức vụ" gì đó. Thế nhưng lúc "người hùng" giật được chức trưởng ban học tập, thì giờ ra chơi lại lôi cả lũ ra chửi:

- Mẹ bố chúng mày, chơi ông! Đồ đểu!

Lên đại học, Tâm con học trường Đảng. Khi ra trường, làm phó phòng hành chánh cho một cái cơ quan vớ vẩn, không "ăn uống" được gì. Gặp nhau, lại Vũ, Vũ cà khịa hỏi:

- Nghe nói lúc này mày khá lắm hở Tâm?

Tâm con đấm vai bạn:

- Nhà ông đầy giấy pơ luya đi cầu, mày có muốn thì đến nhà ông, ông cho một tấn về mà chùi đít!

Lúc tôi đi rồi, Tâm con bỏ ra ngoài làm ăn cá thể. Tôi về, Tâm con giàu sụ. Không còn xài giấy pơ luya đánh máy dày như cái mo để đi cầu

nữa, mà Trang kể, đám bạn trai giễu Tâm bây giờ làm công tác vệ sinh xong, có người mang khăn ướp nước hoa để lạnh như khăn ăn thường thấy ở các nhà hàng Việt Nam, vào tận buồng tiêu mà kính cẩn chùi lau, đánh bóng sạch sẽ như lau tượng!

Tôi rảo mắt nhìn đám bạn cũ. Tiền đồ đất nước, vận mệnh tổ quốc, và tương lai dân tộc, phơi ra quanh bàn. Vũ làm ở nhà máy giấy, mỗi năm lỗ mấy tỷ đồng. Hoàng làm bác sĩ quang tuyến X, ở bịnh viện Chợ Rẫy. Ngày xưa đi học hắn to con, được "nâng" lên làm trưởng ban lao động. Tôi không biết trong "quá trình đào tạo" thì hắn đã học được cái quái gì, chứ hồi còn ngồi lớp mười hai với chúng tôi, bình thường Hoàng rặn mãi mà vẫn không bao giờ cân bằng được cái phản ứng hóa học đơn giản. Lũ bạn xạo xự với tôi lúc hắn chưa có mặt tại nhà hàng:

- Nó chuyên môn... bắn tia la de vào người bịnh nhân!

Hoàng học đúp hai năm ở trường đại học dự bị Tiền Giang trước khi mũ mão vào y khoa. Không biết được hắn đã làm tốn bao nhiêu cơm gạo của chính phủ và cha mẹ để trở thành đốc tờ. Lúc hắn ra trường, tôi đã chuồn ra hải ngoại. Tuấn phịa:

- Người ta đã nổ lực tìm hết mọi thứ có thể cho hắn làm một cái gì đó trong bịnh viện nhưng không có, cuối cùng đành phải để hắn chụp quang tuyến X. Như thế đỡ nguy hiểm trực tiếp! Bởi vì nếu như có bịnh nhân nào vô phước bị nhiễm phóng xạ do hắn... chụp ẩu, "bắn" đại, thì trong hồ sơ bịnh án sẽ ghi là nạn nhân chất độc hóa học thời chiến tranh chống Mỹ!

Lũ bạn tôi, coi bộ tình cảm vẫn còn tràn đầy, còn thắm thiết hơn mối tình môi hở răng... hô giữa Việt Nam và Trung Quốc, nhưng vẫn cứ cười nhau khành khạch, trước mặt và sau lưng nhau! Chỉ sót tôi, ở xa, chẳng biết vô phước vô phần hay đức độ ông bà còn sót lại mà được lọt ra khỏi những họng trọng pháo vĩ đại ấy.

Tôi bỗng nhớ đến cái tên gọi tàn nhẫn mà lũ bạn gán ghép cho Hải. Tôi hỏi:

- Hải cưới vợ hồi nào mà không thông báo gì hết vậy?

Hải cười cười:

- Có cưới hỏi gì đâu mà thông báo. Tụi này chỉ ra phường ký giấy hôn thú, xong dẫn thằng Tuấn đi nhậu một chầu thôi.

- Chỉ có Tuấn thôi à?

Tôi gặng lại. Hải chép miệng:

- Ờ, thì sau đó cũng có dẫn tụi nó đi uống bia.

Tôi so vai:

- Tui đâu có nói mấy đứa ở đây. Nói tui kìa!

Hải lại cười. Lát sau, Hải nhỏ giọng, than:

- Khổ quá!

Và tiếp:

- Khó dễ nhau chi. Hả cố nhân?

Tôi im re. Hai tiếng "cố nhân" của Hải nghe mềm và ấm như hơi người nằm trong chăn, nhưng cái âm thanh vang ra có vẻ buồn rầu không tả được. Như đã cố, để không bị nghẹn nửa chừng. Tôi chớp mắt ngó Hải:

- Hải gặp chị ấy ở đâu vậy?

Hải không đáp, mà lại nói:

- Ông bà già giận quá trời. Không bằng lòng cái đám cưới.

Tôi tưởng tượng ra cảnh Hải về nhà châm ngòi nổ. Nổ tan tác những niềm ước vọng của ông bà già. Có lẽ mọi sự nếu không vụn nát như pha lê rơi nhằm đá tảng, thì chắc cũng đã lật lìa, tan thương như cây cối sau trận bão, không còn phương nào để cứu chữa được nữa. Hải thở dài. Tôi thở dài theo. Hải quay lại, hỏi nhỏ:

- Biết vợ Hải ngày xưa làm gì không?

Tôi lắc đầu. Làm sao mà biết! Hải im. Quay người gắp thức ăn bỏ vào chén cho tôi. Cái kiểu cách vẫn một mực dịu dàng không thay đổi. Dưng không tôi bỗng thấy ganh tị với cái may mắn của vợ Hải. Trời ơi, biết vậy, ngày xưa... ! Tôi than thầm. Ở đời, khi con người ta "biết khôn" thì "sự rồi" thật. Tôi quay ra rủa những con bạn ngu ngốc của tôi còn ở lại, không hiểu tại sao chẳng đứa nào biết nhào vô cái vị trí của người đàn bà ấy trước khi Hải thành hôn?

Tôi khều tay Hải, hỏi lại, ngày xưa vợ Hải làm gì. Hải quay nhìn tôi. Mặt nghiêm trang. Rồi Hải nói, khẽ khàng:

- Cô ấy ở lầu xanh.

Cái gì? Cái gì? Hải đã nói cái gì? Tôi há hốc mồm, muốn kêu lên mà không được. Ở lầu xanh? Có thể nào tin nổi không được không, một câu trả lời như thế, cho dẫu là bạn tôi có lẽ đã tìm ra được một từ ngữ nhẹ nhàng nhất, lịch sự nhất. Ở lầu xanh! Hải nhắc lại. Tôi nuốt nước bọt. Lặng người. Vợ Hải! Một cô gái điếm. Vợ bạn tôi? Tôi nhìn Hải không chớp mắt. Có lẽ nào như thế? Như thế sao Hải? Tôi sững sờ, và rồi không hiểu sao tôi bỗng bật ra một câu hỏi khá ngu xuẩn. Thật không?

Thật không? Hải khẽ mỉm cười, một nụ cười dịu dàng mà tôi chưa từng trông thấy ở bất cứ một người đàn ông nào trước đây, Hải ừ. Và Hải đưa tay vỗ vỗ nhè nhẹ vào bàn tay tôi đang đặt trên bàn:

- Đâu có sao, phải không?

Tôi gật đầu như máy. Ừ, đâu có sao! Đâu có sao, tôi lặp lại. Nhưng tôi không nói được điều gì thêm nữa. Cũng không dám đưa mắt về phía vợ

Hải. Cả người tôi cứ chao lên không ngừng. Như đang lắc lư trong cơn đông bóng. Tôi tự nhủ lòng, đâu có sao Nga ơi. Đâu có sao, vì nhiều người vẫn làm như thế! Vẫn lấy vợ như thế!

Rồi tôi quay lại, cố trấn an mình, bằng một nụ cười với Hải. Nhưng những cơn đau ác quái cứ quặn lên, thắt cứng tim tôi. Tôi nghẹn ngào hỏi mình. Tại sao, lại là Hải? Lại là Hải nhỉ?

Tôi nắm hai bàn tay lại với nhau. Thật tình, tôi không biết làm sao để gỡ mình tránh khỏi những vụng về có thể lộ ra, làm cho Hải khó chịu và buồn. Tôi tự trách câu hỏi vô duyên, không đúng lúc của mình khi nãy. Và thấp thỏm lo mặt mày mình biến đổi kỳ quặc, không giống ai! Nhưng để tìm ra một câu nói, lựa ra được một lời, lúc này, đối với tôi, thật khó như đi thi. Mãi đến lúc có tiếng của đứa nào đó vỡ ra, làm giật mình, tôi mới nhận ra tôi đã ngồi giữa những bồng bềnh như thế rất lâu.

- Ê, Hải, uống hết ly của mày đi chứ!

Rồi một tiếng khác chen vào:

- Cả bà Nga nữa, còn gặp nhau nhiều ngày mà làm gì tâm sự lắm vậy?

Tâm sự. Có tâm sự gì đâu! Hải nói lớn:

- Tụi mày, thiệt tình! Tao gặp người xưa mà không cho... dê một chút hả?

Đám đông cười ầm ầm. Tuấn la to hơn:

- Trời ơi, Duyên ơi, em có nghe mùa thu mưa giăng lá đổ...

Người đàn bà của Hải cũng nhẹ nhàng cười. Vũ xôn xao:

- Chăm phần chăm một cái đi! Chiều nay thằng Tuấn lấy hóa đơn đỏ!

Tôi ngó Hải. Hải cười, giải thích. Hóa đơn xanh, tự trả, hoá đơn đỏ, mang về cho cơ quan thanh toán lại. Sau một tua cụng ly, trút hết mớ bia bọt vào bụng với các ông bạn vàng, Hải nghiêng đầu thầm thì vào tai tôi. Giọng hết sức thành thật. Hải sợ mấy cái hóa đơn có màu đỏ ấy lắm nha Nga. Trước khi nặng nợ đá vàng với nhau, vợ Hải là một cô Kiều. Một cô Kiều đúng nghĩa đó...

Hai tai tôi lùng bùng. Hai mắt tôi hoa đi. Mấy ngón tay tôi ngọ ngoạy mãi trên bàn không ngừng. Tôi trông thấy Hải nghiêng qua bên Trang. Nhưng lát sau Hải lại nghiêng về phía tôi, nhỏ giọng. Hơi thở đã tràn đầy men rượu. Hải cù cưa, ví dầu. Mình nói cho Nga nghe điều này nghe, là cô ấy đã cứu mình. Thật đó, cô ấy đã cứu mình... Tôi chớp mắt. Không gian chung quanh tôi tranh sáng tranh tối, chập choạng một cách khó chịu. Tôi nghe tiếng Hải tha thiết rầm rì như cầu kinh bên tai mình. Nga à, Nga có tin là cô ấy cứu mình hay không?

Mùa Hạ Cũ

PHẠM VIỆT CƯỜNG

dịu dàng qua đi những chiều nắng ấm
dịu dàng qua đi mênh mông đêm vàng
lạnh vầng trăng cao và mùi hương xa

dịu dàng qua đi những ngày gió hát
dịu dàng qua đi yêu thương không lời
nụ cười trong veo là bài thơ vui

khibênnhauthomvainụhôn
như hoa muôn đời
em thành tình yêu đầu
như đêm không cùng
em là tình yêu cuối
vai thơm đắm đuối góc trời xa nhau

dịu dàng qua đi những ngày tháng dẹp
mùa hè thênh thang giữa lòng phố hẹp
và đời riêng trôi thầm lặng mây trời...

Tôi ơi, tôi có tin không? Tôi lạng quạng ngó quanh bàn. Đám bạn chúng tôi lại hô hào nâng ly. Hải rót bia cho tôi. Tôi ngơ ngác cầm ly của mình lên, nhưng đồng thời cũng sực nhớ ra không hiểu tại sao mình lại có thể uống nhiều đến thế. Và rồi tôi lại hỏi mình. Tôi ơi, tôi có nên tin hay không?❐

Người đàn bà lạ mặt

Nhật Nguyễn

Tỉnh dậy. Vật đầu tiên đập vào mắt anh, là lớp vải màng lù xù của chiếc mùng nhà binh đắp vài chỗ vá, nhăn nhúm. Bóng tối lờ mờ xung quanh làm anh khó xác định rõ thời gian, chiều hay tối. Người vẫn ê ẩm, nhức mỏi nhưng chỗ chân đau không còn nhói buốt như mấy ngày trước. Anh chống tay. Vạch mùng. Theo thói quen, đảo vội một vòng mắt. Khi tia nhìn quen bóng tối, anh nheo mắt suy nghĩ. Khung cảnh xung quanh lạ quá. Ngoài bộ bàn ghế gỗ thông kê sát vách đắp bằng đất sét, không còn một vật dụng nào khác, để anh có thể xác định mình đang ở đâu.. Ngồi lặng yên, anh căng tai nghe ngóng. Hy vọng một vài tiếng động nào đó, đáp lại sự chờ đợi của mình. Tuyệt nhiên không. Căn nhà yên ắng đến nỗi, chỉ hơi thở người và tiếng tặc tè của con thạch sùng bám vách cột. Mình đang ở đâu đây? Vỗ vỗ trán. Cố lần hồi nhớ lại những sự việc đã xảy ra trong mấy ngày trước, anh chợt giật mình. Còn thằng bạn của mình đâu? Nó và anh cùng trốn tù trên đường giải về tỉnh. Tội phản động. Lợi dụng lúc xe lọt ổ gà, anh nhào kẹp cổ thằng công an áp tải, dùng cùi chỏ, dộng mạnh một cú ngay ót, đầu nó đập bộp vào mép ghế. Anh lên đầu gối cú thứ hai. Ngay cằm. Nó ngoẹo đầu xuội lơ, bên mép rỉ lòng thòng dòng máu. Bạn anh, cũng vật một thằng khác. Cướp súng. Anh và nó làm nhanh đến nỗi thằng tài xế không dám kháng cự, líu ríu giơ hai tay đầu hàng, trước khi bị cột trói và giẻ nhét đầy miệng.

Hai thằng chạy bán mạng, tìm đường thoát thân. Giữa đường, trời tối, anh lạc về xóm mé rẫy. Còn nó không hiểu thoát hiểm chỗ nào. Vết thương của anh, bị mưng mủ từ mấy ngày trước, sưng tấy, di chuyển thật khó khăn. Lê từng bước, lội qua bùn sình, nhiều chỗ trũng lởm chởm gai nhọn, anh cắn răng bò lết từng gang. Ban ngày ẩn trốn. Ban đêm mò nhắm phía xóm dân. Với cái đau xé thịt, tay chân rũ liệt và bụng cồn cào rã ruột. Anh nghĩ. Có lẽ mình sẽ bị bắt lại. Và nếu vậy chọn cách chết nào

để thoát khỏi sự tra tấn của bọn chúng. Một lần nữa? Thế mà... Bây giờ anh đang ở đây. Ít ra, Anh biết. Mình được sống.Thậm chí bình yên. Còn bạn anh. Thì sao?

Bước xuống giường, thử vươn vai. Nhấc chân. Tốt lắm. Chỉ cần một vài ngày dưỡng sức, mình có thể đi lại khá dễ dàng. Lòng thầm cảm ơn vị ân nhân lạ mặt đã giúp đỡ, anh suy nghĩ tìm một lý do nào đó, giải thích cho trường hợp trốn chạy. Nếu cần.

Đang phân vân với mớ lý lẽ cần sắp xếp, chợt có tiếng cửa mở rột rẹt. Anh nín thở, chạy nấp sau cánh cửa bằng phên tre ngăn giữa gian ngoài và trong. Một người đàn bà bước nhanh vào nhà. Ngọn đèn dầu được thắp lên. Vì bà ta đứng quay lưng lại nên anh nhìn không rõ mặt. Già hay trẻ. Nhưng bộ quần áo rộng thùng thình giấu cái dáng ốm o, còm cõi, anh đoán chừng bà ta phải ngoài ba mươi. Bà ta để vật gì đó lên bàn. Và, thay vì đi vào nhà như anh tưởng, người đàn bà bước vội ra ngoài, khép cửa. Tất cả sự việc xảy ra. Nhanh. Gọn. Đến nỗi anh há hốc mồm, mắt trợn tròn. Kinh ngạc.

Anh hít một hơi sâu. Nghe ngóng. Không chút động tĩnh. Có lẽ, ngoài anh, không còn ai trong căn nhà tranh tối tranh sáng nầy. Đợi một lúc, anh bước về phía ngọn đèn. Trên bàn, ngoài gô cơm và thức ăn còn nóng, một tờ giấy kẹp dưới chân đèn "Ông. Thức ăn của ông. Sau khi ăn, uống một viên trụ sinh và một viên an thần."

Ngồi xuống ghế, anh nhìn phần thức ăn với nhiều câu hỏi. Đúng người đàn bà nầy đã cứu mình. Và, có thể, vết thương mưng mủ cũng đã được bà ta tận tình chữa khỏi. Rõ ràng, bà ta biết mình đã hồi tỉnh. Tại sao không đứng lại, tìm hiểu xem, ít ra, kẻ mình cứu thuộc loại đối tượng nào. Hay có điều gì làm bà ta khó xử. Thây kệ. Tới đâu hay đó. Anh ăn hết phần cơm một cách từ tốn, ngon lành. Lâu lắm, được một bữa cơm canh, không phải vội vàng trợn mắt, đối với anh lúc nầy, thật không cao lương mỹ vị nào sánh bằng. Còn ngồi đây yên ổn là tương đối đã thoát nạn rồi. Chuyện may rủi thôi thì phú mặc cho trời đất.

Anh khươi lớn ngọn đèn, nhìn quanh quất. Ngoài chiếc tủ thờ và cái chõng tre, cũng như gian trong, đồ đạc chẳng có gì. Căn nhà hình như ít khi có người lui tới. Bây giờ anh mới cảm nhận sự vắng vẻ của nó. Nhìn bóng lờ mờ chiếu lung linh trên vách, anh thót giật mình, vội thổi tắt ngọn đèn. Thật nguy hiểm nếu có người nào tình cờ nhìn lén qua khe. Trong bóng tối phủ ập, anh nghe tiếng cành lá đập lào xào trên mái tranh. Rồi chợt im ắng,chợt lạch cạch như tiếng bước chân ai rình rập bên thềm. Hé cửa nhìn ra ngoài, trong tầm mắt, anh thấy từng hàng bạch đàn đang đùa theo gió, lướt thướt nhánh lá mềm ve vuốt đưa đẩy đùa giỡn với bóng tối.

Xa xa vài ánh đèn dầu tù mù leo loét. Phía bên kia mờ cuối chân trời, chạy dài dãy núi đen cong mềm mại như đường vẽ. Căn nhà nầy có lẽ nằm ngoài rìa xóm.

Đâu đó, tiếng chó giật mình sủa ăng ẳng...

Ngọn nắng len liếp tre, chiếu thẳng mùng, đập vào mắt anh là ánh sáng đầu tiên anh nhìn thấy sau một đêm ngon giấc. Vươn vai đứng dậy, anh đi mấy đường quyền theo thói quen, cảm thấy toàn thân khá dễ chịu. Vết thương tuy còn sưng đỏ nhưng lúc nầy, anh nghĩ nếu phải chạy trốn thêm vài chặng đường dài nữa, chắc cũng chẳng hề hấn gì. Có lẽ nhờ mấy viên thuốc trụ sinh của người chủ nhà tốt bụng kia. Hy vọng sáng nay gặp bà ta, tỏ bày vài câu cám ơn, anh cảm thấy nhẹ nhõm. Dù rằng, sự giúp đỡ của bà ta đối với anh trong lúc nầy, thật tình, anh không biết sẽ đền ơn bằng cách nào. Với hoàn cảnh bây giờ, thân còn lo chưa xong, nói chi đến chuyện ơn nghĩa. Nếu bà ta biết, đã cứu nhầm một tên tù vượt ngục, phản ứng sẽ như thế nào? Anh không muốn che giấu sự thật, càng không muốn vô tình làm liên lụy đến kẻ đã cưu mang mình. Đầu tiên gặp chủ nhà, anh sẽ hỏi đường ra đi sớm.

Gian nhà vắng vẻ. Cửa đóng kín mít. Móc khóa cài bên ngoài. Anh ghé mắt nhìn qua khe cửa. Ngoài sân, tiếng chim hót líu lo, nhảy tí tách trên chuồi táo đuổi theo từng vạt nắng sớm đung đưa cọng lá. Hàng bạch đàn đêm qua vươn mình níu những cánh tay mạnh mẽ đan vào nhau, đùa giỡn từng đợt gió. Anh không dám mở cửa sổ, mặc dù không khí ban mai ngọt ngào len lén lùa vào buồng phổi, làm anh thèm quá hơi thở thiên nhiên của tự đất trời.

Trên bàn, lại một phần cơm như hôm qua. Sờ tay còn ấm. Người đàn bà kia chắc cũng chỉ vừa rời khỏi vài phút trước đây. Mấy dòng chữ nguệch ngoạc trong tờ giấy: "Ông. Thức ăn của ông. Bốn tiếng uống một viên trụ sinh và một viên an thần vào buổi tối. Có gói thuốc lá và xấp báo. Không mở cửa."

Lạ lùng. Thật là người đàn bà khó hiểu. Anh lắc đầu, mỉm cười một mình. Giở phần cơm và nhìn thức ăn được chuẩn bị chu đáo, anh chống cằm nghĩ ngợi. Mình đã đào thoát bao nhiêu ngày rồi. Thằng bạn mình bây giờ thế nào. Tại sao người đàn bà lại tránh mặt mình. Có điều gì khó xử. Hay còn lý do nào khác... Lẽ nào.Thây kệ...Mình đã từng nếm mùi tù CS, đâu còn khổ ải kinh khủng nào hơn chốn địa ngục đó. Cùng lắm là chết. Thế thôi. Chậm rãi lật tờ báo, một bản tin ngắn đập vào mắt anh. Hai tên tù cực kỳ nguy hiểm đã vượt ngục. Chúng đánh bị thương công an áp tải, cướp súng, tháo chạy về phía...Hiện công an địa phương đang ráo riết

truy lùng bọn tội phạm.. Anh thở phào, cảm thấy như trút được gánh nặng canh cánh trong lòng từ mấy ngày nay. Vậy là bạn anh cũng đã thoát. Nhưng cùng lúc, gáy anh như có lưỡi thép lạnh cứa ngọt lịm ngứa ngáy cổ. Chắc chắn, người đàn bà đã biết lai lịch kẻ mình đã cứu. Vậy thì.. Có khi nào bà ta sẽ báo công an để bắt mình. Không. Nếu như vậy thì giờ nầy, mình đã bị còng rồi. Chỉ còn duy nhất một lý do dễ hiểu: Tuy cứu người vì lòng nhân ái,, bà ta vẫn phải tránh mặt vì sợ đối diện với một kẻ tội phạm nguy hiểm. Như anh.

Lắc đầu. Xua tan ý nghĩ vừa nhen nhúm, anh lại nghĩ ngợi tiếp. Bây giờ thì làm gì đây. Thoát bằng cách nào. Đi thì dễ rồi, chờ đến tối là tìm cách trốn thôi. Nhưng trước mắt, chưa nắm rõ địa hình ở đây, cũng phải đợi bà ta hỏi đường đi nước bước, và cũng nói vài lời cảm ơn cho phải đạo. Anh ném tờ báo sang một bên, ăn cơm, mồi điếu thuốc, sảng khoái thả một vòng khói dày và thích thú nhìn dải mây nhỏ uốn éo lượn lờ xung quanh.

Anh mở hé cửa sổ, nhìn ra vườn. Căn nhà lọt thỏm trong rừng bạch đàn. Xung quanh, cỏ mọc um tùm. Dọc hàng rào, hàng mít xanh um lưa thưa quả non. Mút mắt, từng hàng táo cắt sát gốc, nhú mầm bé xíu đọt xanh non. Quanh quẩn trong gian nhà, anh không biết làm gì để giết thời giờ, chờ đêm tới mau. Đứng cạnh chiếc bàn thờ cũ kỹ, chơ chỏng chiếc bát nhang mẻ miệng còn vướng một nhúm gạo, anh chăm chú nhìn con muỗi mắc nạn trong ổ nhện, đang vẫy vùng tuyệt vọng tìm lối thoát, anh nghĩ đến thân phận kẻ trốn chạy như mình, chẳng khác gì nó, không biết sẽ bị bắt vào lúc nào. Tương lai thật mù mịt. Trại tù khổ sai, viên đạn tàn bạo dành cho kẻ chống đối, bản án tử hình ngày đêm lượn lờ, ám ảnh, không lúc nào yên. Có án nào kinh khủng hơn là cái giá tử hình dành cho kẻ phản động? Anh chỉ còn duy nhất một con đường. Nhưng bằng cách nào đây? Cố giữ đầu óc tỉnh táo, anh phùng mang thổi đám bụi bám đầy trên nóc tủ thờ. Một quyển vở học trò được chặn dưới con ốc xa cừ to bằng nắm tay, lấm đốm chấm trắng đen gây sự chú ý nơi anh. Anh ngắm nghía con ốc biển. Tiếng u u sóng biển làm anh nhớ hồi còn nhỏ, anh thích áp tai vào vỏ ốc, nghe tiếng gió thổi mát dịu, nhồn nhột chân tóc. Anh cầm quyển vở. Một quyển nhật ký.

Thật thú vị. Anh mang nó ra bàn, ngồi ngay ngắn...Và như những kẻ nhàn hạ nhất trên đời, mấy ngón tay anh lật nhẹ tờ bìa...

Đôi khi, trở lại ngôi nhà cũ. Buổi tối, ngồi trước thềm nhà, nghe bước gió chạm khẽ mấy thân tàu lá chuối, nghe mùi hương dạ lý quấn quít đầm từng bụi cỏ, và ngoài kia, trong đám cỏ mần trầu rậm rạp, tiếng dế gáy

ren rét, tiếng ri ri không ngừng của côn trùng làm không khí ban đêm của miền quê thật đặc biệt, khó tả. Bất cứ lúc nào, khi đứng lại nơi chốn nầy, tôi hết sức nhớ mẹ tôi. Nhớ mẹ. Ngày mưa, hối hả thu dọn từng đống lúa khô vào bồ lớn, che từng đám bí, bầu mới nhú đọt non. Ngày nắng, mẹ để dành từng lu đựng nước mưa, kiên nhẫn lọc từng gàu nước giếng, để dành cho đám con nhỏ nghịch ngợm, phá phách. Tôi nhớ. Với anh Hai, chúng tôi đã sống với nhau những ngày tháng thật vui vẻ.

Tôi theo anh đi đào hang dế, soi đèn bắt ếch. Đêm mưa, nghe ễnh ương kêu ồm ộp như tiếng bò con ngái ngủ. Mẹ nói ban đêm, ma quái nhiều lắm. Có những oan hồn rong chơi vất vưởng thích tìm bắt con nít. Nên từ 7 giờ tối, chúng tôi không được chạy nhảy ngoài sân, trừ những đêm trăng. Trăng ở đây đẹp lắm. Sáng vằng vặc. Tròn trịa như cái nia. Hồi nhỏ, tôi thường đòi anh Hai bắt trăng xuống chơi với tôi. Anh mang một cái thau nước to, để giữa sân nhà, và tôi tha hồ vọc trăng trong nước. Khi tôi lớn lên, anh nói: Tỉ à. Em đâu cần bắt trăng nữa. Tự tâm hồn em đã có bóng trăng rồi. Tôi thật sự không hiểu. Nhưng lớn hơn một chút, tôi nghiệm một điều. Trăng là nỗi khao khát của tôi. Của một hạnh phúc không có thật. Và tôi. Dù ở đây.Vẫn thở. Vẫn sống. Nhưng chẳng bao giờ thấy mình tồn tại.

Mùa nắng. Khu vườn thật xơ xác, lá rụng đầy sân. Hai anh em chúng tôi, chiều nào cũng ôm một cái thúng to, theo mẹ hốt lá. Tôi thích ngửi mùi lá đốt, nó nồng nồng, ngai ngái thơm đến lạ. Hầu như tôi mê cái mùi cháy nồng lẫn hun khói đó. Và lớn lên, tôi bị dị ứng với mùi lá cháy, từ trận đốt rừng mà con chó nhà tôi bị nướng đen thui. Đến tội.

Từ hồi mẹ mất, tôi ít khi trở lại ngôi nhà cũ, trừ một đôi khi, phải ở lại tưới táo. Trở lại nó là dẫm lại bước chân thời thơ ấu. Mà nơi đây, tôi đã giấu quá nhiều kỷ niệm. Tôi sợ nhìn lại bậc thềm nhà ngày xưa, những đêm nằm trong lòng mẹ ngắm trăng. Sợ nhìn từng gốc mít, nghe đâu đó, âm thanh dòn tan của tiếng cười nắc nẻ trong trò chơi trốn tìm với anh Hai. Nhiều khi tôi tự hỏi: Có gì quyến luyến tôi nơi đó? Có phải từng mảng tường vôi, vách lá thẫm, từng thân cột mọt, cơn gió mơn man, mảnh trăng mười sáu đã một thời âu yếm cưu mang tôi tuổi nhỏ? Có phải từ những bước chân chập chững theo mẹ với mấy ngón tay xòe như búp hoa. Mẹ suýt xoa, nựng nịu khi con vấp ngã? Trong tiếng cười và tiếng khóc ngày xưa, bây giờ, trong tôi chỉ duy nhất nỗi đau còn ở lại, nỗi cay đắng cam nín mà dẫu có đi suốt hết cuộc đời, dấu răng vẫn gặm nhấm mãi không ngừng. Và tôi, không biết có ai để cùng chia sẻ.

Lật từng trang vở học trò, lòng anh chùng theo từng nét chữ mềm

mại, dễ ưa. Trái tim mẫn cảm. Vầng trăng dịu dàng – mỗi dòng chữ, dường như anh thấy những giọt lệ long lanh, cả những nụ cười giấu nỗi ngậm ngùi của người đàn bà anh chưa biết mặt. Nàng thật dễ thương, và dịu dàng biết bao. Anh định bụng khi nàng trở lại, sẽ nói với nàng trăm nghìn lần lời cám ơn, trăm nghìn lần lời thân ái. Vì, nhìn tâm hồn nàng qua những dòng chữ nhỏ, cảm giác thân thiết và gần gũi mà nàng đã mang lại cho anh, như ngọn lửa nồng nàn sưởi ấm trái tim của đời kẻ lữ hành cô độc. Và, anh chợt nhận ra, người phụ nữ xưa nay đối với quan niệm của mình, chỉ là bóng sắc, là đóa hoa, đẹp nhưng quá ít ỏi hương thơm. Và anh cũng lấy làm ngạc nhiên khi nhận ra tình cảm hấp tấp, bất ngờ của mình khi nghĩ về nàng.

Giở những trang tiếp theo, anh đọc từng dòng, từng hàng với một vẻ thích thú đặc biệt. Đôi lúc, anh phải ngưng lại, nhắm mắt để xua đuổi bớt những hình ảnh quá sống động mà nàng vẽ ra trước mắt anh, hoặc ngừng đọc rất lâu để cùng chia sẻ với nàng những tiếng thở dài mà nàng đã cô đọng sau mỗi dòng chữ. Một đoạn gần cuối làm anh chú ý...

Người đàn ông đã bất tỉnh. Khó khăn lắm tôi mới lôi ông ta vào nhà. Một phần, ông ta hơi nặng. Phần nữa, con chó Lu cứ chạy xoắn chân tôi rên ư ử. Ngoan nào. Lu. Tiếng ủng ẳng của nó làm tôi sợ nhiều hơn tiếng thân người nặng nề kéo theo đám lá khô xềnh xệch.

Người ông ta bê bết bùn đất. Và hôi nữa. Khuôn mặt có vẻ dữ dằn, đáng sợ. Nhưng ông ta đang bị thương, và tôi không nỡ lòng bỏ đi.

Vết thương nơi chân sưng tấy, bốc đậm mùi tanh. Tiếng rên của ông ta làm tôi nhớ tiếng rền rĩ của mẹ tôi, những ngày đau đớn cuối cùng của cơn bệnh vật vã, không phương cứu chữa. Khi đứng kề biên giới sống-chết, người ta thường khốn khổ như vậy sao? Không biết bằng cách nào, tôi đã vực được cái thân hình to lớn, nặng nề đó lên giường và băng bó vết thương cho ông ta.

Ông ta là ai? Một kẻ sát nhân? Một tên tù vượt ngục? Mặc kệ. Dù ông ta nguy hiểm như thế nào, giữa người -và- người, có lẽ lòng thương hại lớn hơn sự sợ hãi. Và ngay cả những hậu quả mà ta phải gánh chịu. Tôi nhớ mẹ thường nói: Cứu người trong cơn nguy khốn, như tích phước xây được bảy ngôi chùa.

Kể ra, khi mặt mũi lau sạch sẽ, trông hắn cũng không đến nỗi dễ sợ.

Hôm nay đọc báo, tôi biết hắn chính là tên tù vượt ngục. Tin tức về hắn và người bạn làm tôi sợ hãi. Tôi không hiểu cứu hắn là đúng hay sai. Nhưng đã qua mấy ngày rồi, dù vô tình hay cố ý, tôi cũng mang tội chứa chấp kẻ phản loạn. Tội nầy cũng dễ sợ không hơn gì tội của hắn. Thật tình,

cái đám công an rằn ri kia, người dân ai cũng ghét. Chết được đứa nào đỡ đứa đó.

Nhưng cho đến bây giờ, điều tôi lo lắng, người đàn ông có đủ sức để trốn chạy tiếp đoạn đường còn lại không. Và, khổ sở cho tôi, làm cách nào để giúp ông ta thoát khỏi sự truy nã của chúng đây?

Anh mỉm cười, gấp quyển vở trả lại chỗ cũ. Những lời thì thầm, tấm lòng hồn hậu của nàng mang lại cho anh cảm giác thật dễ chịu. Anh xé một trang nhật ký (Không biết để làm gì) xếp cẩn thận bỏ vào túi áo. Những nét chữ mềm mại rất con gái, vẫn không ngừng nhảy múa trong dòng suy nghĩ mơ hồ, lãng đãng. Áp nhẹ vỏ ốc bên vành tai, anh nghe trái tim thì thầm: Nhỏ! Em thật dễ thương.

Tờ giấy của sáng hôm sau : "Ông. Thức ăn của ông. Hai túi cơm nắm mang đi đường. Tình hình nguy hiểm. Ông PHẢI đi khỏi chỗ nầy nội trong đêm nay. Chập tối, theo con đường phía sau vườn, đi độ một cây số gặp đường đất nhỏ, rẽ tay mặt vào hướng rừng, cặp dọc theo bờ suối, đi thêm hai cây số nữa, queo trái, bọc trong vườn nhà dân, tránh trạm gác ngay đầu ngã ba, ông ra quốc lộ, đón chuyến xe đò đầu tiên về TP.

PHẢI lên xe trước bốn giờ sáng. Thay bộ đồ của anh Hai tôi. Cạo râu. Giữ tiền nầy làm lộ phí. Chúc ông may mắn."

Đi nội trong đêm nay? Ái chà, tôi không hề nghĩ đến điều nầy, nếu chưa gặp em. Anh tần ngần nhìn những vật dụng nàng chuẩn bị cho anh trên đường chạy trốn. Nếu mình ở thêm một đêm nữa, tìm cách gặp nàng, đâu có gì nguy hiểm. Tình hình nầy, theo như tin tức báo chí, cũng chẳng đáng sợ lắm. Nếu không gặp nàng hôm nay, biết chừng nào mới có cơ hội, lần nữa? Thoát được, chắc chắn anh phải tìm đường bỏ xứ, và, dĩ nhiên, khi được tự do, thâm tâm anh tự hứa, sẽ bù đắp cho nàng những gì mà nàng đã làm cho anh ngày hôm nay.

Tiếng người lao xao ngoài đầu cổng làm anh giật mình. Vội vàng vơ đám đồ đạc trên bàn, anh nhảy vào nhà trong, nhẹ nhàng áp sát tai vào cửa sổ, nghe ngóng. Qua khe liếp, anh thấy khoảng chừng bốn năm thằng du kích, súng ống đầy đủ, đứng chỉ trỏ, hạch hỏi vây quanh nàng. Anh nhận ra nàng dễ dàng qua bộ đồ bà ba rộng thùng thình của ngày hôm trước. Tình hình nầy quả thật nguy hiểm. Nếu chúng vào khám nhà, anh chẳng biết phải trốn vào đâu. Chỉ còn cách chạy ra phía sau vườn. Anh nhìn quanh, suy nghĩ dò xét tình hình. Và, một lần nữa, cặp mắt chăm chú dồn về phía nàng. Giữa đám người lố nhố, nàng đang hoa tay múa chân chỉ trỏ gì đó hướng sau vườn. Có lúc, nàng đứng sát vào một tên du kích, ra vẻ tình tứ. Nó cười hô hố, vòng tay ôm qua vai nàng. Anh tha thiết, cầu

mong nàng quay mặt lại. Quay mặt lại giùm anh, Nhỏ ơi. Và anh muốn khóc, sau khi khua tay chỉ hướng nọ một lần nữa, nàng vạch đám du kích, bỏ đi thẳng một mạch về phía con đường lớn.

Thật ngoài sức tưởng tượng. Thay vì vào cổng, bọn chúng rẽ qua ngõ hẽm khác, cách nhà nàng một dãy hàng rào dâm bụt, vừa đi vừa chửi thề inh ỏi.

Giọng một thằng du kích:

- Mẹ nó. Tìm từ đầu trên xóm dưới mấy ngày, vẫn không tóm được nó. Thằng khốn nạn đó chỉ quanh quẩn đâu đây thôi..

- Nó không chạy xa được đâu. Nó bị thương mà...

Một thằng khác:

- Tao mà bắt được, mẹ bà nó, vài phát què giò..

- Bắn bỏ mẹ mấy thằng phản động.

Anh biết rằng. Ít ra, lúc nầy mình cũng đã thoát khỏi sự nguy hiểm một cách hết sức tình cờ, may mắn chỉ trong đường tơ kẻ tóc.. Nội trong đêm nay, anh phải rời khỏi chỗ ẩn trốn tạm thời nầy. Lòng anh chỉ buồn vì sắp ra đi mà đến gương mặt nàng, anh cũng không hình dung được.

Tiếng nói chuyện vẫn tiếp tục kéo dài trên đường đi:

- Con đó chỉ rẫy thằng Năm ở chỗ nào?.

Rồi giọng cười khục khặc:

- Coi bộ con nhỏ khoái mày dữ đa. Hôm nay được dịp ôm người đẹp hả. Bảnh tỏn à nghen.

- Ngó nó cũng đẹp dữ thần hén.

Bất ngờ im lặng. Rồi. Tiếng thằng kia chửi thề :

- Mẹ bà nó. Đẹp thì cũng đẹp thiệt. Nhưng mặt mũi tao mà cặp bồ với cái thứ vừa câm vừa điếc đó à?❐

ĐÃ PHÁT HÀNH KHẮP NƠI

TƯỞNG MỘ

MAI THẢO

Nhà Xuất Bản **VĂN** ấn hành
Sách dày trên 200 trang. Đề giá 8 MK.

Hỏi nhà sách gần nhất hoặc liên lạc tòa soạn Văn:
P.O. BOX 89, MIDWAY CITY, CA 92655 TEL: [714] 531-7297

Thơ Ngu Yên

Ảnh gia đình

cúi sát vào
nhìn cái lỗ nhỏ
chụp quá khứ không giữ được tương lai

mẹ đứng giữa
con đứng một bên
chỗ này chừa cho bố
nhìn thẳng không nháy mắt
kéo áo quần cho ngay
em cười như đám cưới
anh chạy đuổi ánh đèn
chớp nhá
hạnh phúc đóng khung chỉ một giây
ba người liền như một

mười năm sau em xé
anh ra khỏi gia đình

houston 12-02-98

những lời thiếu lịch sự
(che mặt nói thật)

đơn diễn
tùy bối cảnh nói lời mở đầu
đại ý:
xin được nói lớn những điều nghĩ thầm
những điều đáng lẽ không nên nói
xã hội hôm nay bảo vệ người giả hình cố ý hoặc vô ý
và ghét bỏ kẻ nói thật

nên phải uốn lưỡi bảy lần trước khi nói
mà uốn lưỡi bảy lần thì sự thật dã trở nên dối
thôi thì xin phép được giả hình deo mặt nạ để nói thật
điễn viên lấy khăn hoặc giấy che mặt lại trước khi dọc bài thơ

thằng đó cà chớn
thằng đó đĩ bợm
vậy mà nó có vợ dẹp

thằng đó lưu manh
thằng đó lường gạt
vậy mà nó giàu

thằng đó gian ác
thằng đó biển lận
vậy mà nó sống lâu

thằng đó tham sân si
thằng đó đạo đức giả
vậy mà được hoan hô ca tụng

thằng đó ký chi phiếu nhờ công bình bác ái
thằng đó lên cấp nhờ độc lập tự do
thằng đó lấy vợ bé nhờ quốc gia dân tộc
thằng đó là ai?
tại sao quí vị biết mà im lặng?

tôi che mặt nên thằng đó không biết
để tôi chửi bới nguyền rủa cho thỏa lòng
chốc nữa khi cởi mặt nạ
quí vị đừng mách nó tôi là ai
xin cảm ơn

houston 07-03-98

Không lời để lại

Hoàng Du Thụy

chim bay không lời để lại
ngày xanh xót chút ngậm ngùi
(thơ Triều Hoa Đại)

Lần đầu tiên tôi xuống phố với một tấm lòng rộn rã. Tại nắng hanh chiếu vàng khắp phố hay tại gió mùa đông mải vui chơi cực Bắc quên lối về phố tuyết tháng mười hai? Cũng có thể tại tuyết đang say tình yêu mới, quẩn quanh bên người tình ở tận trời cao quên dời gót xuống đây? Cố gắng suy nghĩ tôi vẫn không cắt nghĩa được tại sao mình vui mà chỉ nghe lòng rộn lên vô cớ.

Băng qua con lộ Jasper Avenue, tôi xô cửa bước vào cửa hàng The Bay, nằm trong khu thương mãi lớn thuộc *downtown*. Khi bước ngang quày mỹ phẩm, một phụ nữ bán hàng người Trung Hoa tưởng tôi là đồng hương nên đon đả chào hỏi bằng một tràng tiếng Quảng Đông. Thấy tôi lúng túng, bà ngượng nghịu xin lỗi và hỏi lại bằng tiếng Anh:

"Bà cần mua mỹ phẩm gì không? Chúng tôi có nhiều mỹ phẩm thượng hạng, thích hợp với làn da của người Á Đông."

Tôi cười lắc đầu thì bà đã bước lại thật gần, săm soi làn da mặt tôi:

"Bà có làn da mặt mịn màng quá. Nếu bà dùng thêm loại kem đặc biệt của hãng chúng tôi, chắc chắn làn da bà sẽ sáng hơn, mịn màng hơn."

"Cám ơn bà, tôi rất ít khi dùng mỹ phẩm. Tôi chỉ trang điểm sơ sài khi đi làm thôi. Chuyện phấn son tôi không rành rẽ lắm."

Kéo tôi đến quầy kính, người bán hàng chộp lấy một chai kem, mở nắp và bôi lên tay một chút kem màu sữa đục, thơm ngát:

"Bà thử đi, đây là loại kem chống khô rất tốt. Nó đã được thử nghiệm

và thích hợp với tất cả các loại da, nhất là nó không có chất cồn làm cho da bị khô. Đặc biệt hôm nay chúng tôi có nhân viên trang điểm hãng *Clarins* gửi đến từ Toronto. Ông ta sẽ chỉ dẫn cho bà cách trang điểm thích hợp với màu da và gương mặt của bà. Những khuyết điểm sẽ được che đi, còn ưu điểm sẽ được tăng lên."

Nghe bà nhắc đến chữ *Clarins*, tôi bỗng xôn xao. Đã từ hai năm nay, tôi không dùng mỹ phẩm hiệu này. Hầu như tôi đã quên hoàn toàn mùi nước hoa và son phấn danh tiếng của Pháp. Người phụ nữ tiếp tục thuyết phục tôi:

"Bà biết không, đây là loại mỹ phẩm nổi tiếng nhất của Pháp. Công nương Diana cũng dùng toàn mỹ phẩm của chúng tôi. Sở dĩ chúng tôi không quảng cáo rầm rộ như những hiệu mỹ phẩm khác là vì sản phẩm của chúng tôi có chất lượng, ai đã xài qua cũng đều yêu thích. Chúng tôi dùng tiền để nghiên cứu, cải tiến sản phẩm hơn là để quảng cáo."

Nhất quyết không buông tha tôi, người đàn bà kéo tôi về phía sau quầy, nơi có một người đàn ông, cũng Á Đông, ngồi đợi sẵn với những chai, lọ tuyệt đẹp bày trên mặt kính. Một tấm gương lớn được dựng sẵn chờ đợi hắt ra những gương mặt rạng rỡ phấn son và niềm tin vào nhan sắc. Tôi cứ thả trôi tư tưởng của mình vào cái tên gọi *Clarins*, mặc cho người đàn bà ấn tôi ngồi xuống chiếc ghế cao, lấy hai mảnh khăn trắng che trên vai tôi để tránh bụi phấn rớt lên. Trước khi người đàn ông bắt tay vào việc *make over*, người đàn bà tiếp tục quảng cáo:

"Bà cứ để Tony trang điểm cho bà đi rồi bà sẽ thích sản phẩm của chúng tôi. Chỉ tốn có hai mươi đô thôi mà bà biết được cách thức trang điểm và màu sắc thích hợp với bà. Nhưng nếu bà mua hàng của chúng tôi, bà không phải trả tiền *make over*."

Có lẽ nhận được tín hiệu nào đó từ người đàn ông, người đàn bà lặng lẽ rút lui. Người đàn ông bắt đầu ngắm nghía gương mặt tôi. Tôi cũng không hiểu tại sao hôm nay mình dễ dãi đến độ để cho người ta đặt đâu ngồi đó. Nghĩ thật buồn cười khi đưa mặt mình cho một người đàn ông làm đẹp. Không hiểu lý do nào thúc đẩy đàn ông làm cái việc này? Vì họ yêu cái đẹp? Vì họ được trả nhiều tiền? Hay vì họ muốn được ve vuốt những pho tượng đẹp mà tạo hóa đã ban cho cuộc đời? Người đàn ông trang điểm. Tên của hãng mỹ phẩm ông đang làm. Tất cả gợi cho tôi một điều tôi cố quên và hình như đã gần quên được: Một mối tình đã cũ. Tôi không nhớ mình còn bao nhiêu chai lọ hiệu *Clarins* ở nhà. Son môi. Nước hoa. Kem thoa tay. Kem thoa mặt. Phấn thơm. Mọi thứ đều mang một hiệu duy nhất: *Clarins*. Và mọi thứ đều là quà tặng của Thường. Những

món quà đã làm ngạc nhiên tôi không ít. Rất hiếm đàn ông biết chọn mỹ phẩm cho đàn bà. Nếu cần phải tặng bạn gái hay xếp lớn, thường họ phải nhờ đến vợ hay chị em gái. Lần đầu tiên gửi cho tôi hộp phấn màu gạch cua, Thường hãnh diện khoe chính tay mình chọn. Tôi không tin tưởng cho lắm vì hộp phấn không những chỉ vừa ý tôi mà các nữ đồng nghiệp của tôi cũng xuýt xoa. Bây giờ mối tình năm năm chỉ còn nằm vỏn vẹn trong một cái tên mỹ phẩm.

Trong khi ngồi im cho người đàn ông tô vẽ gương mặt mình, tôi quan sát gương mặt, hình dáng của ông để đoán xem lý do tại sao ông hành nghề này. Chuyện phấn son là chuyện của đàn bà. Đàn ông bán mỹ phẩm đã khó coi rồi mà đàn ông đi làm đẹp cho đàn bà lại càng khó coi hơn. Tôi không nhịn được cười khi liên tưởng đến hình ảnh mình chìa chân cho đàn ông tô dũa móng, hoặc đưa đầu cho người thợ đàn ông chải. Tôi vẫn quan niệm những chuyện đó phải là của đàn bà nhưng thực tế cho thấy đàn ông làm việc đàn bà ăn khách hơn. Thấy tôi cười to thoải mái, người đàn ông dừng tay:

"Bà có chuyện gì vui?"

"Không, ông đừng để ý."

Người đàn ông bắt đầu đưa ra những nhận xét về nhan sắc của tôi:

"Bà có đôi mắt đẹp lắm nhưng bà không để ý trang điểm làm đẹp thêm đôi mắt. Hiếm người mang kính mà lại có đôi mắt đẹp như bà."

Miệng lưỡi nghề nghiệp đây. Tôi chẳng cảm kích lắm nhưng cũng rối rít cảm ơn. Chỉ vừa xong mấy lời xã giao thôi mà đôi mắt tôi nhìn thấy đẹp thật. Khi ông đưa cho tôi chiếc gương cầm tay cán bạc, nhìn vào đó tôi không tin đôi mắt trong gương là đôi mắt của mình. Đôi mắt thật to, đường viền đen nhu nhuyễn chớ không xấc xược, mí tô đủ màu, vừa xanh, vừa nâu trên một nền màu da sậm. Khóe mắt dưới lại điểm thêm chút xanh lá đậm. Nhìn vào đôi mắt trữ tình đó, tôi không tin mình lại là chủ nhân. Tôi sửa soạn bước xuống ghế thì người đàn ông ngăn tôi lại:

"Tôi chưa xong mà. Mới có đôi mắt thôi. Còn cả gương mặt nữa."

Tôi cười, ngồi ngay ngắn trở lại. Tôi chưa quan sát được gì về ông cả. Tôi cũng cần ngồi nán lại đôi chút. Người đàn ông chăm chú vào công việc của mình, không tán gẫu nữa. Nhìn kỹ, ông là người có bề ngoài không đến nỗi tệ. Dáng hơi cao so với khổ người Á Đông. Đôi mày sậm, nét mũi thẳng, cũng khá hiếm nơi người Á Đông. Cũng có thể nhờ vào khoa học tân tiến mà ông có được nét mũi thanh tao đó chăng? Chuyện đàn ông sửa sắc đẹp bây giờ là chuyện bình thường. Cố gắng lắm tôi vẫn chưa tìm được chút thiện cảm nào dành cho Tony. Tôi cũng không tìm ra khuyết điểm nào nơi ông. Có lẽ nghề nghiệp của ông đã gây ấn tượng

không hay trong tôi. Dán mắt vào chiếc huy hiệu Clarins bằng vàng gắn trên ve áo ông, tôi chợt hiểu tại sao mình không thích người đàn ông này. Có điều gì gắn bó với hiệu Clarins và một người đàn ông. Chính sự liên kết này đã làm cho tôi nhớ về một vết thương. Nó không giống như những vết thương tình yêu nào khác vì nó không có sự phản bội, chia lìa. Nó chỉ là một sự lường gạt tình cảm mà chính người bị lường gạt không biết mình mất mát những gì. Không hẳn là tình yêu. Không hẳn là con tim. Cũng không hẳn là một thứ tơ duyên trao lầm tướng cướp. Tôi ước ao mình bị phụ rẫy bởi một người đàn ông để tôi có thể hãnh diện mở áo khoe vết thương tình yêu muôn đời không khô máu.

Cái vết thương vô tình khơi lại dắt tôi trở về khu chung cư sầm uất của New York mùa hè hai năm trước. Đó là lần tôi nhận được vé mời đi xem *Miss Saigon* trình diễn ở Broadway. Thường bảo nhân dịp sinh nhật anh, anh muốn hai người phải gặp nhau và cùng thưởng thức vở ca kịch nổi tiếng này. Anh đã phải mua vé từ một năm trước. Với tấm lòng yêu thênh thang như nắng gió, tôi vui mừng hứa hẹn sẽ bay sang. Không hiểu vì đâu, tôi dè dặt đặt chân đến New York một hôm trước ngày hẹn. Tôi định bụng sẽ thông báo cho Thường đến đón mình ở sân bay sáng mai. Vừa bước vào nhà bà chị, tôi hối hả bảo thằng cháu chở đi dò địa chỉ nhà Thường. Tôi cũng hồi hộp lắm về cái địa chỉ này. Thường chỉ cho tôi địa chỉ sở làm nhưng trong một lần tình cờ gởi quà do Thường tặng tôi, hãng Clarins đã ghi địa chỉ người đặt hàng. Nhờ đó mà tôi có được cái địa chỉ trong tay. Thằng cháu dán miếng giấy có ghi địa chỉ trên tay lái, gương mặt có vẻ khó hiểu. Tôi nghĩ nó thắc mắc về người tôi sắp gặp nên giảng giải:

"Nhà bồ của Út đó."

Đôi môi nó hơi hé cười nhưng ánh mắt vẫn lộ vẻ băn khoăn. Sau mấy lần đèn xanh, đèn đỏ, rẽ trái, quẹo phải, nó ngừng ở một khu chung cư sang trọng. Với sự cẩn thận của một người đàn ông, nó mở cửa xe bước xuống:

"Út ngồi đây chờ chút xíu để con vào trước dọ thử."

Tôi hài lòng vì mình đã nhờ thằng nhỏ chở đi. Nó thật chu đáo và biết lo xa. Trong khi chờ đợi nó, tôi mở bóp lấy tấm hình của Thường xem lại. Người đàn ông trung niên trong hình oai vệ ngồi trong chiếc ghế dựa nơi sở làm, đồ lớn đúng mode, giày da bóng lộn. Sau lưng ông là tấm bulletin với đủ thứ mẩu tin gắn trên đó. Trong một góc bảng là một tấm quảng cáo mỹ phẩm nền đỏ, nhìn kỹ mới thấy hàng chữ nổi Clarins bằng kim nhủ. Tôi hồi hộp chống tay lên cằm chờ thằng cháu trở ra. Khi cánh cửa chung

cư xịch mở, tôi nhổm người lên chờ nhận tin vui nơi nó. Ngờ đâu bước ra khỏi chung cư là một cặp, không biết phải gọi là vợ chồng hay tình nhân. Người đàn ông có cái đầu hói và gương mặt y như người trong tấm ảnh tôi đang cầm trên tay. Còn người đàn bà là một người đàn ông khác, ăn diện đỏm dáng, cuối mày bên trái có đeo một khoen vàng, còn lỗ tai bên phải thì đeo một lúc năm chiếc khoen vừa vàng, vừa bạc, vừa kim cương. Tôi nhanh nhẹn so tấm hình với người đàn ông đang âu yếm mở cửa xe cho "người đàn bà." Hai tay tôi run như người lên cơn sốt rét. Khi người đàn ông mà tôi chắc chắn là Thường đóng cửa xe lại và đi vòng qua phía người tài xế, tôi cúi mặt để Thường đừng thấy tôi. Năm năm trời, tôi vẫn tin Thường là người đàn ông tôn thờ chủ nghĩa độc thân. Năm năm trời, tôi vẫn tin là cuộc đời dành Thường cho riêng mình. Ngờ đâu Thường là người có vợ, mà vợ Thường lại là một tên lại cái! Tôi hiểu ra tại sao Thường rất có gout trong việc chọn mỹ phẩm cho tôi. Tôi hiểu tại sao có mảnh giấy quảng cáo mỹ phẩm trà trộn vào mớ giấy tờ tạp nhạp của sở làm mà mấy năm qua tôi không để ý đến. Tôi cũng rõ vì sao Thường thành thạo chuyện phấn son và áo quần phụ nữ. Có ai vừa mới đặt một trái bom làm nổ tung thành phố New York. Cả thân hình nhỏ nhoi của tôi phút chốc bỗng nằm yên dưới chân thành phố nức tiếng ăn chơi. Tôi không biết mình là bột hay là mây. Tôi chơi vơi, bay bổng như người không còn trọng lực.

Thằng cháu tung cửa chạy ra báo tin cho tôi không ai ở nhà cả. Nó nhận chuông nhưng không người trả lời. Tôi mếu máo đưa tấm hình cho nó coi và chỉ tay về hướng cặp vợ chồng lại cái kia:

"Không ai trả lời vì họ bước ra đây khi con vào gọi cửa."

Nó không ngạc nhiên gì khi biết ra sự thực:

"Lúc nhìn cái địa chỉ Út đưa là con đã nghi rồi. Khu này là khu của *gay* Út ơi. Đó là lý do tại sao con muốn đi dọ thử trước cho Út."

Vừa de xe lại, nó vừa nói:

"Thời buổi này loại đó nhiều lắm. Con bị dê hoài nên biết."

Dĩ nhiên tôi không có cơ hội để xem vở kịch *Miss Saigon* vì tôi đã được xem một vở kịch khác lớn hơn vở kịch *Miss Saigon*. Dù không xuất hiện trong một vai trò nào, tôi cũng đã là một nhân vật chánh, một thứ đào thương không thể khóc những giọt nước mắt mỏng mềm làm xót lòng khán giả. Tôi âm thầm chia tay với người trong mộng, trả lại cuộc đời cái phần thưởng mà tôi tưởng nó trân trọng dành riêng cho tôi. Sau bao lần kén cá chọn tôm, tôi được một mẻ to. Đàn ông lớn hơn tôi một vài tuổi, tôi

chê con nít. Không chơi với con nít, tôi chơi với ông già lớn hơn tôi mười tuổi. Cuộc đời chơi khăm, tôi vớ phải ông già "ghê!" Mấy tay đã từng săn đuổi tôi nếu biết được chuyện này chắc sẽ bỉu môi cười "đáng kiếp!" Bao nhiêu thư từ của Thường tôi hoàn trả lại cho bưu điện hết. Lâu dần Thường cũng im hơi. Tôi ví Thường như một cánh chim bay xa hút mắt. Có dõi tìm cũng chẳng thấy tăm hơi. Dù tôi không liên lạc với Thường nữa nhưng vết thương kia thỉnh thoảng vẫn nhói lên nhức buốt. Một nỗi đau chỉ mình tôi biết để "ngậm mà nghe."

Sau bao nhiêu lớp kem nọ, phấn kia, tôi thấy gương mặt mình trong gương sáng như có ngọn đèn trăm watts chiếu vào. Quả thật, làn da tôi trông tươi tắn và mịn màng hơn trước rất nhiều. Có phải nhờ vào bàn tay mầu nhiệm của người đàn ông, hay nhờ vào son phấn đắt tiền? Có lẽ cả hai. Người đàn bà trở lại nhìn vào mặt tôi rồi kêu lên:

"Bà lại đây với tôi, nhìn vào trong chiếc gương to kia. Bà có nhận ra bà không? Trông bà đẹp ra và sang trọng hơn lúc nãy rất nhiều. Bà có tin lời tôi chưa, Tony là tay trang điểm số một của hãng chúng tôi đó."

Tôi cũng ngắm nghía mình trong gương thích thú. Quả tình tôi lạ đi rất nhiều. Đúng là người sang vì lụa, lúa tốt vì phân. Trong khi Tony hý hoáy ghi lên giấy những loại mỹ phẩm đã dùng cho tôi, tôi móc ví ra trả tiền. Người đàn bà dụ dỗ:

"Bà mua một ít mỹ phẩm đi, không phải trả tiền make over. Đó là một cách chúng tôi cám ơn khách hàng vào dịp lễ Giáng Sinh."

Tôi cương quyết lắc đầu và hẹn khi khác sẽ trở lại. Tôi buồn chân đi vòng thương xá. Không khí Giáng Sinh nhộn nhịp cũng làm tôi vui. Bỗng dưng tôi nghe tiếng vỹ cầm văng vẳng đâu đây. Lần bước theo tiếng nhạc, tôi nhận ra ba người nhạc sĩ quen mặt vẫn thường hòa tấu mỗi năm vào dịp Giáng Sinh. Một trong ba người là phụ nữ. Bà mặc chiếc áo đầm màu nâu rộng, dài phủ gót. Mái tóc dầy bính thành một bím buông thả phía sau lưng trông vô cùng mạnh mẽ. Tôi dừng chân lắng nghe một lúc lâu. Tôi vẫn luôn trân quý những người đàn bà nhạc sĩ. Dù họ chơi đàn hay viết nhạc, với tôi, họ luôn là người đem lại một luồng không khí khác lạ cho cuộc đời. Và giờ đây, tôi đang đứng yên hít thở cái không khí mới lạ đó với một tấm lòng vô cùng thanh thản. Chăm chú vào đôi tay người nữ nhạc sĩ trên những sợi tơ rung, tôi chợt nhớ mấy dòng thơ thuở trước. *"Ngồi với mùa thu, mây bay quyện tóc. Lòng mênh mang nhớ đến ai kia. Gió khuya. Rụng, bám đầy nỗi nhớ. Tơ chùng. Đàn dỗi. Tay lìa."** Tôi nhớ lại cái cảm giác hụt hẫng của mình trong buổi chiều nơi chung cư nọ. Sợi tơ lòng buổi ấy không chùng mà đứt ngang. Đòi đoạn.

Khi họ chấm dứt bài nhạc cuối cùng, tôi chạy đến tiệm bán hoa gần đó mua một đóa hồng vàng tặng họ. Người đàn bà cầm đóa hoa trong tay, mắt đầy vẻ xúc động. Tôi bước vào đám đông, đi ngược trở về con đường cũ. Bận trở về lòng tôi vẫn rộn vui. Khi tôi bước qua cửa hàng Sony, như có một sự sắp đặt nào đó, đài phát thanh Power 92 đang quảng cáo vở kịch *Miss Saigon* sẽ được trình diễn vào ngày 25 tháng sáu tới đây. Vé bán trước tại thính đường thành phố. Tôi nghĩ mình cũng nên mua một vé để xem vở kịch lẽ ra mình đã được xem hai năm trước đây.❐

* *thơ Triều Hoa Đại*

Tạp chí sáng tác, phê bình và lý luận văn học
Việt ngữ đầu tiên ở Úc.
Phát hành mỗi năm hai số (tháng Giêng và tháng Bảy)

Chủ nhiệm: **Phan Việt Thủy**
Chủ bút: **Nguyễn Hưng Quốc**

Giá dài hạn:
Tại Úc: Một năm: 12 Úc kim. Hai năm: 20 Úc kim.
Các nước khác:
Một năm: 16 Mỹ kim (máy bay), 10 Mỹ kim (đường thủy)
Hai năm: 30 MK (máy bay), 18 MK (đường thủy)
Ngoài nước Úc, xin trả bằng International Money Order.
Ghi trả TAP CHI VIET và gửi về địa chỉ:
VIET 117 Civic Parad D Altona, VIC 3018 Australia
Có thể đọc VIET trên Internet qua website:
www.vietnet.com.au/viet/

Số 1: Đã phát hành đầu tháng 2.98: Chủ đề *Thơ*
Số 2 sẽ ra đầu tháng 7.98, chủ đề:
Sống và Viết ở Hải ngoại

Chuyện ngày mưa

Trúc Chi

Mấy hôm nay mưa nhiều. Lại thêm cái kỹ thuật truyền thông quái ác ở đây: chưa mưa mà riêng cái khoản dự báo thời tiết người ta đã nhắng lên cả rồi, bắt đầu lấm tấm là các đài phát thanh và truyền hình liền thi nhau mà lải nhải, ra rả suốt ngày. Bật ti vi lên mà nghe, mà nhìn chừng năm phút thì mình có cảm tưởng là trời gần sập, là nạn Hồng Thủy tới nơi rồi. Thật ra, tổng cọng vũ lượng nhiều khi không lớn hơn một đôi ngày mưa dầm ở Huế, ở Đà Nẵng. Nhưng mà cũng không trách các ngành truyền thông được. California thường mỗi năm chỉ có chừng mươi mười lăm ngày mưa là nhiều. Cho nên mưa là một chuyện lạ, là tin tức. Họ áp dụng câu châm ngôn mà một chàng hoặc nàng ký giả ở đây, nếu không muốn mất job, phải xem như là bùa hộ mệnh: "chó cắn người không phải là tin tức, nhưng mà người cắn chó thì là tin tức đó." Khai thác triệt để, không có lôi thôi chi cả.

Thật ra, không riêng gì trên mặt báo hay trong ti-vi, mà trong cuộc sống hằng ngày, phải tỉnh táo lắm mình mới khỏi phải tin những chuyện nhảm nhí, hoặc không đúng sự thật. Bà mẹ của thầy (tại sao lại phải thầy?) Tăng Sâm, đã từng quẳng cả con thoi mà bỏ chạy sau ba lần nghe người ta nói rằng con mình giết người. Đành rằng đó là chuyện bên Tàu đã hơn hai nghìn năm nay, nhưng mà so với kỹ thuật nhồi sọ được đem ra áp dụng ngày đêm trong ngành quảng cáo ở khắp nơi trên thế giới hiện nay, cái nghệ thuật làm cho người khác phải "nhập tâm", cũng không khác nhau chi cho lắm. Ở đây, nhiều lần bị hố vì một đôi lời quảng cáo - hố to có, hố nhỏ có - tôi đã phải ngước mặt lên trời mà than dài như một nhân vật nọ cũng trong truyện Tàu: "Ngu vậy thay!" Là bởi vì mình đâu phải là mà một thiền giả cỡ thượng thặng mà luôn luôn sống tỉnh thức cho khỏi hố!

Mới mưa có hai hôm mà họ làm nháo nhào cả lên. Cứ một chỗ nước xoáy đó mà họ đặt máy camera thật gần, chụp theo lối close-up mà mô ma tài tử Orson Welles đã sử dụng một cách hết sức tài tình đầy nghệ thuật trong những phim do ông đạo diễn, tuyệt diệu nhất là phim *The Third Man*, rút từ một tác phẩm của Graham Greene. Rồi cũng cái vũng nước xoáy đó đem lên ti-vi chiếu đi chiếu lại suốt ngày. Buổi sáng, biết trời mưa to, nhưng vì chưa có tách cà phê cho nó ấm cổ ấm bụng, tôi không để ý lắm. Rồi đến trưa thì cũng một cảnh ấy mà tôi có cảm tưởng là đang nhìn thác Gù-Gà hay là thác Pông-Gua ở Đà Lạt. Vậy là cả tiểu bang hoảng lên. Đủ thứ báo động. Lo đất sụt. Lo nước vào nhà. Lo xe tắt máy giữa đường.

Mình là dân xứ khí hậu gió mùa, dân miền nhiệt đới, đã từng thấy những trận giông tối trời tối đất, những trận lụt cuốn trôi hàng trăm nóc nhà, đã từng tơi nón lội nước lụt đến trường. Như vậy có nghĩa là trên nguyên tắc, ít ra cũng là cái nguyên tắc cơ bản trong Tiến Hóa Luận của Darwin, mình phải có một loại đề kháng nào đó, nếu không hẳn trong cơ thể, thì cũng trong trí óc, đứng trước mưa lụt. Ở nhà đã an toàn rồi. Ra đường lại ngồi trên xe có máy sưởi, bước ra khỏi xe đã có dù. Cứ cẩn thận thì mưa có tạt mạnh cũng ướt được đến đôi giày là nhiều, không thấm vào tận bít-tất. Tự nhủ rằng mưa một hai bữa thì nhằm nhò gì, ăn thua chi.

Nhưng mà hình như nguyên tắc khoa học là một chuyện, còn con người lại là một chuyện khác. Cái lượng vốn là một thứ được dùng làm tiêu chuẩn cho một loại giá trị nào đó ở nước Mỹ này. Cho nên con số đài truyền hình ở đây cao lắm. Tôi không biết rõ họ có mấy chục đài ti-vi, nhưng mà tôi bấm máy, đổi hết đài này sang đài khác: hơn mười lăm phút, đài nào nào cũng toàn nói chuyện mưa. Không khéo rồi ướt cả máy ti-vi của mình. Riết một hồi, thần hồn nát thần tính, tự nhiên mình cũng đâm ra lo luôn, tuy không biết là lo chuyện gì? Vậy mới tức. Chả bù với cái tỉnh queo của một người bà con ngày xưa ở Huế. Trong một trận mưa dầm mà tôi không cần mất công tả chân tả cẳng làm gì (cả nước, nếu không biết cũng đã từng nghe nói đến mưa ở Huế rồi) ông ra đứng ngoài hiên, nhìn mưa, vuốt râu rồi gật gù: "May mà cái mũi mình mọc xuôi chớ nếu nó mọc ngược thì mỗi lần mưa như vậy chắc chắn là bị sặc nước ." Thế nào gọi là lạc quan.

"Ai bắt anh vặn ti-vi lên đâu?"

Vợ tôi vừa lặt mớ đậu cô-ve vừa nói vọng ra từ trong bếp sau khi nghe tôi bình luận rằng "Mấy cái thằng ti-vi này nó khôn dễ sợ." Giữa vợ chồng, đây là một loại câu hỏi mà mình cứ lờ đi cũng không bị cho là vô lễ hoặc bất lịch sự cho nên tôi làm thinh. Quả tình, tôi bật máy lên cốt là

để theo dõi cái ván xì-phé giữa hai ông Bill Clinton và Saddam Hussein. Chưa ngã ngũ ra sao cả. Lúc đầu thì định xem hai bên đi tiền như thế nào, sau tôi bị mưa nó...cuốn đi.

Việc chính trong đời tôi, cho đến nay tôi cũng chưa biết rõ nó là cái gì, nhưng mà việc phụ, tức là việc làm tiền để sinh tồn chứ không phải để sống theo cái quan niệm riêng của tôi về cái cuộc trăm năm này, thì vào những ngày mưa như hôm nay, có hăng cho lắm cũng không đi làm được, vì đó là việc làm ngoài trời giữa nơi thanh thiên bạch nhật.Vậy là nằm nhà. Nói nằm nhà là vì cái thành ngữ tiếng mình nó như vậy, chứ thật ra tôi ngồi không yên. Lăng xăng hết việc đến việc khác. Cái bóng đèn trong ga-ra cháy từ mấy bữa nay mà làm biếng. Bản thảo mấy bài viết lăng nhăng nằm lì trên bàn đã non nửa tháng rồi mà cũng chưa có thì giờ xem lại. Cái xe của con gái tôi cần phải thay bình điện, một vài cú điện thoại vớ vẩn mà quan trọng, viết chi phiếu trả mấy cái hóa đơn lặt vặt vân vân và vân vân. Hình như cuộc đời toàn những cái vân vân như vậy cả. Vẫn biết không thể đem gà vịt cọng lại với nhau mà có được một tổng số, nhưng mà cứ giả định rằng bài toán đã có giải đáp, cứ cho rằng mình có thể cọng những cái vân vân ấy với nhau thì có vẻ như tổng số (của đời tôi và chỉ có một mình đời tôi mà thôi) là một là một thứ hổ lốn gồm một mớ những hành động tấp nham, có khi vô nghĩa.Hình như trong cái mớ hầm bà lằng kỷ tố đó, loại hành động có suy nghĩ lại thuộc thiểu số. Tôi thoáng nghĩ đến cái chủ nghĩa phi lý trong một đôi tác phẩm của Albert Camus.

Dẫu sao thì được một ngày nghỉ, dù là bị nghỉ, cũng có cái thú của nó. Nhà cửa ở đây không kín cổng cao tường, nhưng mà đóng cửa lại rồi thì âm thanh bên ngoài khó lọt vào lắm. Lắng mãi, không nghe tiếng mưa, tôi mở cửa bước ra bao lơn. Mưa nhỏ hột, nhưng mà muôn nghìn sợi nhỏ lại dày như là.... như là những sợi tơ trong bài thơ của Vương Ngư Dương viết bên giàn dưa chăng. Nghĩ mãi không ra một hình ảnh để tả mưa cùng cái tâm sự của tôi vào phút này, tôi đành mượn cảnh đó trong một câu thơ cũ.Cái cảnh tịch liêu mà cũng lạnh thật. Hình như những điều mình muốn nói, người trước cũng đã từng nói cả rồi. Mà nói một cách tài tình hơn mình. Vậy mới bực.

Trời đứng gió nên những sợi nước rơi song song, không đan vào nhau như màn mưa trong những buổi có gió liên tiếp đổi chiều. Tiếng nước chạm nền xi măng ngoài thềm cứ đều đều một nốt dài liên miên, kể như là bất tận. Cái nốt kéo dài ấy xoáy mạnh vào lòng một người xa xứ đang nghe lòng mình chĩu xuống dưới một cái gánh sầu. Bài trường ca độc vận này của thiên nhiên đang rót vào lòng tôi chút phiền muộn, chút thương nhớ vẩn vơ. Những ngày mưa mà lại không đi làm như hôm nay, ngồi hút

thuốc, uống trà, nghĩ lung tung. Chuyện cũ, người cũ, bóng dáng ngày cũ không biết từ đâu cứ lũ lượt đội mưa đến mà phá rầy mình.

Cũng một ngày mưa dầm như hôm nay, mà lạnh hơn nhiều, đã lâu lắm rồi, qua lớp kính mờ mờ, tôi nhìn ra biển Manche xám xịt. Mưa nhưng không có gió thành ra sóng cũng không to. Chiếc tàu nhỏ không bị nhồi mạnh. Qua chiếc loa đâu đó, có tiếng viên thuyền trưởng dõng dạc cho biết rằng hành khách được khuyến cáo - are advised - không nên ra ngoài boong. Khi người Anh họ khuyến cáo như vậy là họ cấm rồi đó. Uống trà sữa cũng đã xài lưỡi, thành thử tôi không còn lạ gì cái lối nói của cái giống Hồng Mao rất khôn ngoan này. Họ cấm đấy, nhưng mà họ không nói ra, người nghe cũng đỡ bực. Ở bên Pháp thì họ cứ oang oang ra là họ cấm. Đừng đi đâu xa, ngày giống Pháp Lang Sa còn chễm chệ ngồi trên giang sơn gấm vóc của ông cha mình để làm tròn cái sứ mạng khai hóa mà chính họ tự giao phó cho họ, những cái mệnh lệnh như *défense de fumer, défense d'afficher* (cấm hút thuốc, cấm dán giấy) vẫn đập vào mắt người bộ hành trên nhiều nẻo phố, nhiều rạp chiếu bóng.

Để cho khói thuốc vụt biến mất vào cái mênh mông của trời biển vẫn là một cái thú của tôi mỗi lần dựa vào thành tàu trên biển Manche trong những lần qua lại giữa hai nước Pháp và Anh. Thường là vì có công việc, nhưng không có gì khẩn cả, mà hình như ở cái thuở tóc còn xanh ấy lòng cũng còn thênh thang lắm, những chuyến đi như vậy, khi đi cũng như lúc đến, lòng mình nhẹ nhàng lạ. Dựa mình vào thành tàu, có lần tôi đã nghĩ đến di hài của hàng vạn thủy binh trong những chiến hạm bị đánh đắm qua bao trận đánh ác liệt trên cái eo bể lịch sử này. Mình là người da vàng mũi tẹt, ở tận bên kia trái đất qua đây, không có mắc mớ gì đến cái đánh đấm của mấy tay anh chị bự ở châu Âu lúc đó, thời đó, vậy mà lớp sóng bạc đầu chạm vào thân tàu, hắt vào mặt mình chút mằn mặn, chút tanh nồng của một loài rong biển, cũng khiến lòng hơi bùi ngùi khi cố tưởng tượng ra những thân tàu đầy rêu rong dưới biển tối. Những nấm mồ vô chủ dưới đáy đại dương. Nghĩ vẩn vơ vậy thôi chứ còn đã là mồ vô chủ rồi thì dù là ba thước trong lòng đất hay mấy trăm thước trên mặt đáy bể cũng vậy thôi, cũng vẫn là cái lạnh lẽo của cảnh không hương khói.

Bị trận mưa dầm cướp mất một buổi ngắm biển, tôi đành ngồi trong khoang. Mà rồi thành ra tái ông thất mã, xui chuyện này, hên chuyện khác. Đang xục xạo trong túi áo tơi tìm cái bật lửa bỗng có người đập nhẹ vào vai tôi:

"Anh K. đây phải không?"

"Còn ai vào đây nữa?"

"Anh đi một mình à. Tôi cũng vậy. Ngồi nói chuyện một chút được

chớ? Lâu ngày không gặp nhau."

Tôi nhích sang một bên để lấy chỗ cho Chất ngồi.Tôi quen Chất từ hồi còn ở trong nước, nhưng không thân lắm. Mấy năm mới ra nước ngoài thỉnh thoảng có gặp nhau trong một quán cơm sinh viên, nhưng sau đó rồi mỗi đứa một đường. Một phần thì cũng là vì Chất phục cụ Hồ, mà phục lăn. Tôi lại phục toàn các cụ của thế kỷ trước như cụ Nguyễn Du, cụ Nguyễn Công Trứ! Còn như các cụ dấn mình vào việc đại sự gần đây, quả tình có người tôi có thiện cảm, có người tôi có ác cảm, nhưng mà không có cụ nào làm cho tôi phục cả. Chính trị trong nước mình từ 1945 đến nay nó phiền lắm, nó làm cho tôi buồn lắm. Thời Pháp thuộc, người làm "quốc sự" chỉ lo đuổi Tây đi thôi, chưa có dịp thi thố khả năng tương tàn.

Chất học xuất sắc, dân Grandes Écoles, tức là mấy cái lò đào tạo ra đa số các chuyên gia lỗi lạc của nhiều ngành trong cái hệ thống giáo dục của nước Pháp. Dạo ấy Chất đang làm việc trong một công ty hóa học. Không thân lắm, nhưng Chất và tôi gặp nhau vẫn tay bắt mặt mừng thật sự. Chất ngồi xuống ghế châm điếu thuốc Gitane:

"Thằng nào thằng đó kéo cổ áo tơi kín mít. Tôi phải nhìn mãi mới dám vỗ vai anh. Mạnh khỏe luôn?"

"Cám ơn anh. Thường cả.Tại trời mưa, nên tôi mới chui xuống đây. Thường qua biển Manche tôi vẫn thích đứng trên boong. Xây mặt ra biển chắc là anh không nhận ra tôi. Mà anh đi đâu đây?"

"À, tôi vừa đi họp xong cái *conférence* của hãng, trên Edinburgh. Còn anh?"

"Chà! Mùa này trên Tô Cách Lan chắc bắt đầu có tuyết rồi.Tôi có chút việc phải qua Paris."

Chuyện trò thuộc vào cái loại đó. Sức khỏe. Công việc.Thời tiết. Không dám đụng đến thời thế. Những quan điểm bất đồng về tình hình trong nước có thể đưa đến chỗ lý luận, cãi vả. Đã tốn hơi mà còn mệt óc nữa. Hồi nãy tôi nói chính trị nước mình nó phiền lắm là vì vậy. Muốn làm tổn cái thiên chân của mình thì cứ thử nhảy ra mà hăng say với một chủ thuyết chính trị nào đó. Mà muốn cho lý tưởng của mình bị sụp đổ với tốc lực siêu thanh thì cũng không có cách nào hay hơn nữa. Thì cứ coi đó, trước năm 1945, thường chỉ nghe nói đến cái nghĩa hợp quần trong xã hội, sống với nhau cho tử tế, cho nó ra con người. "Độc lập" xong một cái là đánh nhau chí chạp. Đi đâu cũng nghe kêu gọi đoàn kết. Không chia rẽ thì điên hay sao mà phải hô hào đoàn kết! Ấy là chưa nói đến một mớ những danh từ khác, kêu to đến hàng trăm décibels, thuộc vào loại dùng để hù những người nhẹ dạ, yếu bóng vía. Đa số những kẻ sử dụng thứ chữ nghĩa to lớn ấy lại không vất vả lắm mà có được cái tự do ngôn luận của họ, sau khi tự

phong cho chính họ cái quyền bịt mồm bịt miệng người khác.

"À anh còn nhớ con Anne-Marie không?" Chất đột ngột hỏi tôi câu đó, khi tàu sắp sửa cập bến Calais.

Tiếng máy tàu chợt kêu to khiến tôi nghe không rõ, hỏi lại Chất:"

"Ai?"

"Thì con Anne-Marie đó."

Chất cất tiếng nói lớn khiến một ông hành khách người Anh ngồi trước mặt chúng tôi, thuộc vào loại cay co khó chịu, nhích tớ báo Times đang đọc dở, nhướng đôi mắt hơi đục sau đôi kính lão, nhìn Chất rất nhanh, rồi thản nhiên đọc tiếp. Tôi nháy mắt nói nhỏ với Chất:

"Lão ấy đang sửa lưng anh vì cái vụ nói to nơi công cọng đó."

Có vẻ như lòng tự ái của người kỹ sư Việt Nam này ở trên mức trung bình, nên Chất cũng không vừa vặn gì, dùng tiếng Anh nói với tôi, mà cốt để cho ông hành khách nọ nghe:

"Tôi biết rồi, nhưng tàu vào hải phận nước Pháp rồi. Bên này, người ta quen nói to vậy đó."

Phản ứng trên mặt ông hành khách khó tính nọ, tôi không thấy được vì tờ báo Times che mất đầu ông ta. Nhưng nãy giờ ông ta đang duỗi chân ra cho thoải mái, tôi thấy ông chợt sửa người lại trong một tư thế nghiêm chỉnh ngay ngắn của người biết tự trọng trong cách đứng ngồi nơi công cộng. Ông này mà cho ăn cơm Việt Nam chắc ông sẽ nhìn cái nồi trước! Còn anh bạn kỹ sư của tôi, nếu sống vào thời phong kiến, được cử đi sứ nước ngoài chắc là không để nhục đến vương mệnh, đến quốc thể. Tôi bật cười vì cái lanh trí của Chất một phần mà cũng vì trước đó một phút Chất sử dụng một lối đối thoại đầy dân tộc tính. Trong lúc nói chuyện, nếu có một tên người hay tên đất mà người nghe chưa kịp nhớ ra, thì cứ việc nhắc lại nó một lần nữa, mà phải nói lớn lên một chút, không cần phải thêm một chi tiết nào [illegible], tự khắc người nghe biết ra ngay.

"Ai?"

"Thì con Anne-Marie đó."

Biết rồi, một năm trước lần gặp Chất trên biển cả, tôi có ngồi nói chuyện với Anne-Marie trong một quán rượu. Còn tại sao lại *con* Anne Marie thì tôi cũng biết rồi, nhưng mà tôi thản nhiên nói:

"À, Anne-Marie hả? Nhớ rồi. Mà sao?"

Lần này Chất hạ giọng:

"Nó bị lao phổi, có vẻ nặng. Tuần trước, tôi có vào thăm. Con đó ẩu lắm. Tôi biết nó từ hồi nó còn nhỏ. Ăn xài lớn lắm. Bây giờ hết tiền rồi nó...anh cũng biết rồi."

Đúng. Tôi biết rồi. Trước khi chia tay nhau ở sân ga Calais, tôi hỏi

địa chỉ của cái viện bài lao trong đó Anne Marie đang điều dưỡng. Thật ra, tôi cũng đi Paris như Chất, nhưng liếc nhìn cái bảng ghi những chuyến tàu xuôi về thủ đô nước Pháp, tôi thấy hôm ấy còn một chuyến nữa, tuy rằng tàu chợ, phải ghé nhiều trạm ga xép.Tôi nói dối với Chất là tôi có chút việc phải nán lại Calais. Đi cùng chuyến xe lửa với Chất thì không có lý do gì mà không ngồi cạnh nhau. Ngồi cạnh nhau mà chuyện tẻ nhạt thì cũng chán. Thà đi một mình, đốt cái tẩu thuốc lên mà nhìn trời mưa trên phong cảnh đồng quê lại thích hơn, thú hơn. Những phút ấy, dẫu sao tôi vẫn được sống với cái ảo tưởng là mình hoàn toàn tự do, không có gì buộc mình vào bất cứ nơi nào, vào bất cứ cái gì.

Còn hơn hai tiếng đồng hồ nữa mới lại phải đáp chuyến tàu chiều ấy, tôi gửi cái va-li nhỏ ở nhà ga, băng qua đường, mua một tờ nhật báo rồi tạt vào cái quán rượu nhỏ ở một góc phố. Tháng chạp, những chỗ ngồi ngoài trời bên vệ đường đã được sắp xếp lại, gọn gàng hơn trong một cái lồng kính lớn, có sưởi ấm. Tôi chọn một chỗ ngồi trong góc. Trời về chiều, mưa càng lớn. Cái khoản dự báo thời tiết trong tờ báo nói rằng trận mưa này còn kéo dài cho đến ba hôm nữa. Liếc qua tình hình chiến sự ở Việt Nam: sôi động mạnh. Bài xã luận đặc giọng trịch thượng khá quen thuộc của báo chí Pháp dạy cho người Mỹ hết điều này đến điều kia ở Việt Nam, đọc kỹ, nghe có vẻ khá cay cú. Mất dạy ra thì phải nói " Ông đã bảo mà, chớ có nhúng tay vào. Trót nhảy vào rồi thì nghe ông đây này." Đã từ lâu rồi, tôi chán đến phát ngấy trước tấm lòng vị tha của các cường quốc đứng trước cái khốn khổ của một nước nhỏ. Thả ra, ông nào cũng xông vào mà trục lợi ngay. Buồn vì cái bội bạc của người yêu, Nguyễn Bính đã từng than rằng *Một trăm con gái đời nay ấy/ Đừng nói ân tình với thủy chung.* Đem mấy chữ *Các anh cường quốc*...thay cho...*Một trăm con gái*...tôi nghĩ câu thơ có thể dùng làm châm ngôn cho các chính khách tập tễnh nhảy vào chính trị ngoại giao quốc tế. Không nhớ chính trị gia Tây Phương nào đã từng nói rằng trong lịch sử, chuyện phản bội chỉ là vấn đề thời gian.

Nói cho ngay, bực mình vì cái đạo đức giả của lối lập luận trong bài báo rồi tôi nghĩ vậy, chứ buổi chiều mưa dầm dai dẳng bên cảng Calais hôm ấy, tôi nghĩ đến Anne-Marie nhiều hơn. Nghĩ đến chuyện trùng lao đang đục hai lá phổi của người bạn vui tính và rất dễ thương ấy, tôi nốc cạn ly Ricard, gọi thêm một ly nữa: tôi thấy lành lạnh trong người.

Anne-Marie thuộc lớp con gái nhà giàu ở Saigòn, học trường Pháp, nói tiếng Pháp như gió. Anne-Marie là bạn của Chất, hai gia đình họ quen biết nhau đã mấy đời. Tôi gặp Anne-Marie lần đầu vào một dịp vui trong đời anh Chất. Lúc ấy anh vừa mới tốt nghiệp kỹ sư. Dạo ấy giữa Chất và

tôi cũng chưa lơ là lắm, thành ra anh nhất định kéo tôi đến cái buổi tiệc ăn khao mà anh tổ chức trong một tiệm cơm pháp ở khu La Tinh. Tối hôm ấy cũng không có "mục" chi đặc biệt nên tôi nể bạn mà nhận lời, gác chuyện cụ Hồ sang một bên.

Rồi cũng tình cờ mà Anne-Marie ngồi bên cạnh tôi trong bữa cơm thật là ồn ào vui nhộn đó. Đến cái màn sâm-banh cuối bữa tiệc thì tội chợt nhận ra rằng Anne-Marie uống rượu rất khỏe. Hai ly rượu khai vị, ba bốn ly vang trong bữa cơm rồi mà tôi thấy nàng vẫn cạn luôn ba ly sâm banh. Đàn bà Việt Nam, tuy tên Tây, mà có được cái tửu lực như vậy kể cũng hiếm. Dĩ nhiên, mới quen nhau trong một không khí náo nhiệt như vậy, nên chuyện trò cũng còn dè dặt. Chuyện trời mưa trời nắng, chuyện đời sống ở Paris ngày càng đắt đỏ, và chuyện ...ăn. Vô thưởng vô phạt. Chúng tôi nhắc đến các món khoái khẩu, các loại trái cây ở từng vùng, từng tỉnh bên Pháp và bên Việt Nam rồi hoàn toàn đồng ý với nhau rằng cơm Việt Nam không những ngon hơn mà còn ngon nhứt nữa! Về cái vụ ăn uống này thì có lẽ mình phải là một người chân tu đã đạt, đã ngộ, đã hòa tan cái *tôi* của mình vào cái đại ngã của cả vũ trụ rồi, may ra mới có thể khách quan được. "Tôi cho trái sầu riêng của mình là ngon nhứt, không có thứ trái nào bằng được." Anne-Marie vừa nói với tôi như vậy vừa cầm một chùm nho chín mọng, ngắm nghía trước khi ăn.

Ra về, chúng tôi nói xã giao với nhau là mong có dịp gặp lại. Tôi giữ lại hình ảnh một người con gái có thân hình đều đặn nở nang, khá xinh. Ăn mặc sang trọng từ giày đến xắc tay, đến cái nhẫn hột xoàn trên bàn tay thon dài. Vui tươi, mạnh khỏe, bặt thiệp, không kiêu nhưng hơi phớt đời một chút. Cái vẻ phớt đời ấy hiện rõ khi Anne-Marie bảo người bồi bàn đem cho nàng một ly cognac trong khi trên bàn tiệc có người chưa cạn hết ly sâm banh. Lạ!

Nói xã giao vậy mà gặp lại thật. Băng đi mấy năm, tôi cũng quên mất người con gái uống rượu rất tài tình đó. Cho đến một hôm, đi làm về tôi nhận được thư của Anne Marie, gửi từ Cambridge. Thư cho biết Anne-Marie được sở gửi đi học thêm tiếng Anh, cuối tuần lễ đó sẽ lên Luân Đôn, muốn nhờ tôi đưa đi xem một vài thắng tích tại thủ đô nước Anh. Tái bút có mấy hàng: "Ở Paris tôi không ngại, nhưng qua đây tiếng Anh của tôi chưa đủ để mà xoay xở một mình. Chất gửi lời thăm anh." Nét chữ cứng, hơi thoáng, nhưng vẫn đọc được dễ dàng. Khi trả lời bức thư nọ, tôi khách sáo mấy hàng nói rằng được dịp đưa một người đồng hương đi xem Chợ Trời Portobello Road, British Museum, Old Curiosity Shop... là một vinh dự lớn. Lớn chừng nào tôi không biết, nhưng mà trong thâm tâm tôi cũng không hồ hởi lắm, nhận lời vì cái tính cả nể thôi. *Sự tích* những nơi

danh thắng ấy, tôi chỉ biết lờ mờ. Làm người hướng dẫn thì phải giảng giải. Biết ít mà lại phải nói nhiều, lắm lúc nó lòi dốt ra. Người ta cười. Tôi hơi ngại.

Vậy mà rồi, lần ấy, sau khi làm tròn nhiệm vụ "hướng đạo sứ", chúng tôi biết nhau nhiều hơn và trong khoảng bảy tám năm sau đó có nhiều dịp gặp nhau rồi trở thành một đôi bạn khá thân . Lúc đó, Anne-Marie giữ một chức vụ giao tế trong hãng Air France, mới đính hôn với một người Pháp làm giám đốc một công ty thực phẩm. Sau đó, tôi có nhận được thiếp mời dự tiệc cưới. Kèm theo bức hồng thiếp đó - màu hồng phơn phớt thật mát mắt - đó là một cái tẩu Ropp đắt tiền mà Anne Marie gửi biếu tôi, với mấy hàng chữ: "Cám ơn anh đã đưa đi xem Luân Đôn. Nếu anh thu xếp được mà qua Paris ăn cưới thì quí lắm. Chắc chắn anh sẽ gặp Chất. Fiancé của tôi thích nói tiếng Anh lắm. Anne Marie."

Cái tươi sáng rực rỡ của buổi tiệc cưới xa hoa sang trọng, nét mặt hân hoan, sung sướng của Anne-Marie hôm ấy, sao mà nó tương phản một cách lạ lùng, sầu thảm nữa là khác, với cái ảm đạm của một chiều mưa thu dai dẳng vào cái giờ u ám này của một thành phố Calais chưa lên đèn. Chưa đến giờ tan sở, tan trường nên đường cũng vắng, quán cũng vắng. Tôi nhìn mãi giòng nước đang đổ nhanh xuống một cái miệng cống trước quán rượu. Cuối thu rồi, không có lá khô trên giòng nước. Lâu lâu lại có một mảnh giấy vụn, một cây diêm, một mẩu thuốc lá bồng bềnh chìm nổi.. *Chiếc thuyền bào ảnh lô xô mặt ghềnh*...Những thứ nó khiến mình nghĩ đến cuộc đời của những người bị đời cho là rác rưởi, đến những người bất hạnh như Anne Marie: không đầy hai năm sau ngay cưới, Anne Marie khám phá ra là chồng nàng ngoại tình ngay với người bạn gái Việt Nam thân nhất của nàng. Chuyện lại xảy ra chỉ có mấy tháng sau khi đứa con gái đầu lòng bị mê man bất tỉnh trong một tai nạn xảy ra vào lúc hai vợ chồng lái xe xuống nghỉ hè ở miền Nam nước Pháp. Mãi hơn một năm sau ngày xảy ra tại nạn đứa bé mới qua đời.

Có nhiều người đàn bà chỉ yêu một lần trong đời. Anne-Marie thuộc vào loại đó. Yêu chồng mà rồi mất chồng. Có những người đàn bà, mất chồng rồi, tìm lẽ sống ở nơi tương lai của con. Anne-Marie mất luôn đứa con mà nàng nói với tôi là tại lỗi nàng, lái xe bất cẩn, quá mau trên một đoạn đường đèo, ở một chỗ đường quặt rất ngặt. Anne-Marie và chồng chỉ bị xây xát bầm dập nhẹ trong cái tai nạn ấy. Đó là phần thể xác. Còn cái phần tâm thần...nói sao bây giờ? Với cái mặc cảm tội lỗi ấy, khó mà có được một nếp sống bình thường.

Tôi gặp lại Anne-Marie ít lâu sau khi những chuyện buồn ấy xảy ra trong đời nàng. Lúc ấy, ly thân hay ly dị tôi không được rõ, nhưng Anne-

Marie đã dọn về ở chung với người em trai, tên là Robert, ở gần đường Rue de l'Université. Tôi đến đón Anne-Marie tại nhà. Chúng tôi thả bộ xuống khu Saint Germain des Prés. Đi bộ ở Paris với tôi vẫn là một cái thú, cái thú mà thi sĩ Baudelaire gọi là đắm mình trong đám đông - un bain de multitude. Hè rồi, đường phố đã đông du khách ngoại quốc từ các nước lân cận đổ đến. Những hàng cây platane xanh mát xum xuê trong nắng chiều. Các tiệm cà phê lớn dọc đường Saint Germain, mười mấy năm trước đó, khoảng đầu thập niên 50, đầy những đôi trai gái tóc để dài như tóc ông Lý Bạch, quần bò bó sát người như là quần của hoàng đế Nã Phá Luân, giày dép lếch thếch giống loại thảo hài của một ông Samurai vừa thất trận. Ấy là chưa nói đến cái lem luốc trên mặt nhiều người. Lúc mới đến Pháp, tôi nghĩ thầm trong bụng là nghe nói người Pháp thường ăn mặc lịch sự lắm, cớ sự làm sao mà lớp người này...trông chả giống ai cả. Hỏi ra mới biết đó mà môn đệ, thứ thiệt và thứ giả, của chủ nghĩa hiện sinh. Mình có quê thiệt. Vậy mà cũng còn ấm ức một chút. Tôi không biết chi nhiều về triết lý của ông Jean Paul Sartre, nhưng mà cứ như một đôi tác phẩm mà tôi có xem qua thì không thấy chỗ nào nói là thuyết hiện sinh chủ trương mặc quần bò bó sát đùi cả.

Cái hôm tôi đi bộ với Anne-Marie trên đường Saint Germain, mốt cũng đổi rồi.(đã gọi là mốt thì có thứ nào trường thọ đâu, ngay cả cái mốt tả khuynh gần đây của cả một lớp người mệnh danh là trí thức, bây giờ có vẻ cũng tàn rồi). Cách ăn mặc dạo ấy trông tươm tất hơn, người ngợm xung quanh mình coi cũng sạch sẽ. Trời hè ấm áp, màu sắc trên y phục mọi người, không sặc sỡ mà đa số là những màu xanh, hồng, trắng. Trông mát mắt lạ. Nhìn xa rồi lại nhìn gần. Đi bên cạnh Anne-Marie, tôi đã chú ý đến bộ *taillleur* màu xám lạt rất vừa vặn ôm sát bờ vai, giúp cho dáng đi của nàng thêm uyển chuyển. Thường thường, âu phục phụ nữ, vai mà vừa là trông được ngay. Cái vai mà chật hay rộng trông dáng bước không dịu dàng thoải mái được. Nổi hẳn trên bộ tailleur đó là một cái áo cánh màu xanh đậm có chấm trắng nhỏ, mẫu **polka dot**. Bà này diện kỹ lắm, mà kín đáo.

Chúng tôi rẽ vào một con đường nhỏ, vào một tiệm cơm mà Anne-Marie nói là "nấu nướng có hạng lắm, mà lại rẻ hơn mấy tiệm ngoài đường lớn." Ngồi đối diện Anne-Marie, tôi thấy nàng có ốm đi nhiều.Tuy trang điểm kỹ nhưng vẫn không dấu được quầng đen dưới đôi mắt hơi kém linh động. Cái nét hồn nhiên mấy năm về trước đã biến hẳn.Thoáng một đôi chút chán nản trong một vài cái nhìn, một chút mệt nhọc qua vài động tác. Suốt bữa cơm, Anne-Marie uống nhiều ăn ít. Nàng tâm sự với tôi về những điều bất hạnh trong mấy năm trước đó. Hai ba lần, nàng đặt

muổng nĩa xuống để châm thuốc lá. Loại Gauloise. Thấy tôi nhìn nàng đang hít khói rất đã, Anne-Marie cười hơi chua chát::

"Tôi mới hút một hai năm nay. Buồn, tập hút chơi rồi ghiền luôn.Tôi mất hết cả rồi anh à. Cái *appartement* hồi nãy anh tới đó, chắc là tôi không còn ở lâu được nữa đâu. Thằng Robert, em tôi, nó sắp sửa cưới vợ. Nó muốn tôi dọn ra. "

Lần ấy, đưa Anne-Marie ra trạm métro sau bữa cơm tối, tự nhiên tôi hơi buồn, Tôi có cảm tưởng như mình đang đứng trước một cái gì đó, đang bắt đầu tàn tạ, mà tàn quá sớm,trước thời kỳ của nó trong cái chu kỳ sinh thành hoại diệt tất nhiên của vạn vật. Mấy lần sau, mỗi khi công việc đưa tôi qua Paris, tôi đều cố gắng dành chút thì giờ gặp người bạn dễ thương và đáng thương ấy. Qua những lần gặp gỡ cách quãng ấy, qua những lời tâm sự với cái giọng khi thì bất cần đời, khi thì chán nản, dần dà tôi thấy rõ con đường dốc trên đó Anne-Marie đang bị số mệnh (biết tin vào cái gì bây giờ) lôi tuột xuống.

Ở cái tuổi hăm lăm hăm sáu ấy, không đủ sức để đối phó với một nghịch cảnh quá thê thảm, thất tình, sống với cái mặc cảm là mình đã gây ra cái chết của con, bị người em tráo trở đoạt gần hết của cải mà cha mẹ trước đã đầu tư ở bên Pháp, ông Trời lại gài sẵn một cái bẫy rất tinh vi là cái tửu lực rất mạnh ấy, dần dà Anne-Marie nghiện rượu, buông xuôi cả. Rồi Ane-Marie xoay sang cái nghề xưa nhất trên thế giới. Tuy không đến nỗi phải đứng đường, nhưng Anne-Marie là một thứ điếm thượng lưu, được mấy anh nhà giàu thích của lạ phương Đông bao hết. Có khi là một thương gia, khi thì một tay thầu khoán. Khi thì hai ba người cùng trong một khoảng thời gian.

"Anh biết không, khi tôi ngủ với đàn ông lần đầu tiên để lấy tiền, khi tôi mất trinh lần thứ hai , tôi cũng đau lắm chớ. Nhưng có lẽ như mọi thứ trên đời này, riết rồi mình cũng quen cả. Ba hồi, tôi cũng...không cần nữa."

Đáng lẽ thì tôi không nên, nhưng mà tội vọt miệng hỏi Anne-Marie:

"Còn tương lai?"

Anne-Marie không trả lời. Nàng cầm ly rượu mạnh lên uống cạn một hơi, ngoắt bồi bàn tính tiền. Tôi dành trả như Anne-Marie nhất định không chịu:

"Mấy năm anh cho tôi uống rượu nhiều rồi, để cho tôi mời anh một lần chớ. Mà có phải là tiền của tôi đâu. "Anne-Marie nháy mắt nhìn tôi. Đã lâu lắm tôi mới thấy được chút nghịch ngợm vui vẻ trên mặt Anne-Marie.

Anne-Marie đã thốt ra câu nói ấy với tôi một chiều bên ngoài một

tiệm rượu ở Place du Contrescarpe, một khoảnh đất ngay giữa Paris mà lại có cái yên tĩnh của khu ngoại ô. Hôm ấy, chừng một năm trước hôm tôi gặp Chất trên biển Manche, để giúp Anne-Marie xua đuổi được những ý nghĩ đen tối đang ám ảnh nàng, tôi kể cho Anne-Marie nghe những mẩu chuyện trên trời dưới đất, hồi tôi vẫn hay tới Place du Contrescarpe để gặp ông bạn triết gia Phạm Công Thiện, ông cháu mấy đời của Tuy Lý Vương là họa sĩ Vĩnh Ấn và ông bạn họa sĩ kiêm văn sĩ Võ Đình, con người luôn luôn ăn mặc rất có gu. Mỗi lần gặp nhau như vậy, chuyện nở như bắp rang. Thôi, khỏi nói. Trong một hai tiếng đồng hồ, mà chúng tôi duyệt qua hết cả văn minh kim cổ Âu Á, tư tưởng Đông Tây! Đúng là thiên văn địa lý, tam giáo cửu lưu, bá gia chư tử không có chỗ nào không biết, không có chỗ nào không thông. Chuyện chi cũng nói được .Vấn đề nào cũng có lời bàn của Mao Tôn Cương...Tuổi trẻ mà! Vui lạ. Tôi thấy cảm thấy phấn khởi vì những mẩu chuyện thời thanh niên của tôi đã làm ấm lòng Anne Marie, đã ươm được một đôi nụ cười trên gương mặt thường buồn bã của Anne-Marie.

Trên chuyến tàu chiều xuôi về thủ đô nước Pháp hôm ấy, có một người lữ khách nhìn mưa lạnh tạt vào cửa kính mờ mờ mà nhớ đến những năm tháng vô tư thật đẹp, mà nghĩ về những người thân của mình trong một vùng khói lửa ở bên kia địa cầu, mà ái ngại cho số phận của một người bạn. Lòng tôi ngổn ngang lắm.

Hôm sau tôi đến thăm Anne Marie.

Tôi theo cô y tá đang bước thoăn thoắt trong cái hành lang dài thoang thoảng mùi thuốc sát trùng. Một thứ thuốc mà tôi không biết tên, nhưng lại quen thuộc với nó lắm vì ngày trước, bệnh viện ở Việt Nam cũng có cái mùi hơi hăng hăng ấy, mà tôi gọi là mùi nhà thương. Đến trước cửa vào phòng bệnh, người y tá dừng lại nói nhỏ với tôi:

"Xin ông cho biết quí danh để tôi báo cho cô ấy biết. Ông vui lòng chờ một chút. Bệnh nhân trong phòng này,buổi chiều thường hay sốt.Có khi sau cơn sốt, mệt quá, họ không muốn nói chuyện." Một lát sau người y tá bước ra, mỉm cười nhìn tôi gật đầu:

"Mời ông vào. Giường cô H. ở góc bên trái. Mà ông đừng thăm lâu quá. Cô ấy đang mệt."

Tôi cám ơn cô y tá đã sốt sắng thu xếp cho tôi đặc biệt gặp Anne Marie vì hôm ấy lại đúng vào ngày không ai được vào thăm bệnh nhân. Phải chìa giấy thông hành có đóng dấu cảnh sát nhập cảnh ghi rõ là tôi mới vào nước Pháp một hôm trước đó, họ mới tin. Phòng bệnh có sáu giường. Sưởi ấm quá, tôi phải cởi ngay áo mưa, vắt lên vai. Tôi tiến đến bên cạnh giường có cái bảng nhỏ đề tên Anne Marie H. và một bảng ghi

nhiệt độ sáng chiều của người bệnh. Thấy nàng đang thiêm thiếp. Nghe bước chân tôi,Anne-Marie mở mắt. Cánh tay gầy nhẹ vuốt lại mớ tóc hơi rối rồi chìa tay cho tôi bắt. Bàn tay yếu quá. Tôi đặt bó hoa lên chiếc bàn nhỏ cạnh giường, trên đó có một quyển Thánh Kinh lớn và một cái thập tự giá nhỏ bằng gỗ. Tôi kéo cái ghế gần đấy, ngồi xuống cạnh giường. Anne nói rất nhỏ:

"Merci. Ai nói cho anh biết vậy?"

"Tôi gặp Chất ở Calais hôm qua."

Chừng một phút sau, Anne-Marie nhìn tôi:

"Chất là người độc nhất biết tôi nằm ở đây."

"Và tôi là người thứ hai. Chấm hết. Không có ai nữa đâu. Anne Marie cứ yên tâm."

Tôi hiểu rồi.Người đàn bà bị số mệnh xô ngã xuống trong cuộc sống, nay lại ngã xuống giường bệnh. Khi một người đàn bà đã có một đoạn đời như Anne-Marie, khi người ta đã "không cần" gì nữa, như câu nói mà Anne thốt ra năm trước đó, thì chắc chắn là người ta muốn được yên thân mà đi một mình trên quãng đường còn lại, mà gánh cho hết cái nghiệp của mình, mà vác cái thánh giá của mình. Người ta không muốn phiền đến ai nữa cả. Người ta đã tự cắt đứt mọi liên lạc, đã đoạn duyên với cuộc đời ở bên ngoài cái viện bài lao này.

Đưa mắt nhìn những hạt mưa lớn đang tạt mạnh vào khung cửa sổ phía đầu giường, Anne-Marie nói:

"Mưa to vậy mà anh cũng chịu khó..."

Tuy không biết bệnh tình Anne-Marie trầm trọng đến mức nào, nhưng linh tính cho tôi biết rằng hôm ấy là lần cuối cùng mà chúng tôi gặp nhau. Dù vậy, tôi vẫn đùa:

"Đáng lẽ thì chúng mình phải ra ngoài phố mà uống một ly chớ."

Anne-Marie cũng mỉm cười nói giỡn với tôi:"

"Hết thèm rồi Nhưng nếu muốn, anh uống dùm tôi một ly."

Tôi ngồi chừng mười lăm phút bên giường bệnh. Anne-Marie mệt nên tôi không khơi chuyện. Có một lúc, hình như Anne-Marie ngủ. Tôi định lẳng lặng ra về thì nàng mở mắt:

"Chất có nói gì về tôi không?"

"Không."

"Chất tìm đến thăm tôi vì quen nhau từ hồi còn nhỏ, vì biết tôi sắp chết, nhưng mà...Chất không coi tôi ra gì đâu."

"Nếu quả Chất không biết thương, không trọng Anne-Marie thì đã sao."

"Không sao cả."

Tôi nói một câu nói thừa:

"Quên hết đi. Anne-Marie cứ an tâm mà tĩnh dưỡng."

Không biết Anne-Marie có để ý đến câu nói của tôi hay không, nhưng nàng nhắm mắt lại, thở mạnh và đều, như để lấy hơi. Một lát Anne-Marie lẩm bẩm bằng tiếng Pháp, như nói với chính mình:

"Ở đoạn cuối của con đường, hình như mình biết mình hơn ai hết."

Tôi nghĩ thầm rằng cái tính hơi phớt đời của Anne-Marie, lộ rõ trong câu nói ấy, cũng là một trong nhiều lý do nó đẩy nàng vào con đường lầy lụa trong mấy năm trước đó.

Khi bắt tay Anne Marie để ra về, tôi giữ lấy bàn tay yếu ớt ấy thật lâu:

"Anne-Marie có cần chi không?"

" Cám ơn anh, không. À, có...anh kiếm cho tôi một quyển Thánh Kinh nhỏ. Quyển này nó bự quá. Cầm lâu nhiều khi nặng." Anne-Marie vừa nói vừa chỉ vào chiếc bàn con bên giường.

Tôi hứa sẽ gửi cho Anne-Marie vì không đủ thì giờ để đích thân đem đến cho nàng. Chiều hôm sau tôi đã phải rời Paris, mà ban ngày thì còn công việc. ở ngoài hành lang, gặp lại cô y tá đã dẫn tôi vào phòng bệnh, tôi hỏi nhỏ:.

"Liệu cô bạn tôi có qua khỏi không?"

Cô y tá ngần ngại một vài dây:

"Lúc người ta đưa bạn của ông vào đây có lẽ đã hơi chậm."

"Người ta?"

"Hình như cô ấy biết mình bị lao phổi đã lâu mà không chịu chữa trị . Cô ấy té ngất vì quá mệt không đủ sức trèo lên hết năm tầng lầu mà về phòng trọ.. Xe cứu thương chở cô ấy vào một bệnh viện gần nhà cô ấy, sau đó người ta đưa vào đây. Chắc ông cũng biết rồi, ở đây bác sĩ chuyên môn đều giỏi cả tôi có thể nói ngay là giỏi nhất nước Pháp, thuốc men đương nhiên là không thiếu. Kinh nghiệm cho tôi biết là, ở một giai đoạn nào đó trong thời kỳ chữa trị, ý chí muốn sống của người bệnh có một vai trò quan trọng lắm..." Cô y tá bỏ dở câu nói, nhìn thẳng vào mắt tôi.

"Mà hình như Anne Marie lại không muốn sống nữa." Tôi nghĩ thầm như vậy. Tôi cám ơn cô y tá rồi khoác áo, đi vào cơn mưa dai dẳng, với những bước nặng chịch trên lối đi rải sạn sũng nước dẫn ra cổng viện bài lao.

Hôm sau, ngồi trong khách sạn, trước khi gói quyển Thánh Kinh nhỏ mà tôi mua trong một tiệm sách bên đường Saint-Germain, con đường mà Anne-Marie đã một lần cùng tản bộ với tôi, tôi cầm bút định viết vài chữ tặng Anne-Marie. Tôi không phải là người Thiên Chúa giáo, nhưng một đôi lần cũng đã từng tò mò lật xem nhiều đoạn trong Thánh Kinh, những

lúc cần phải tìm hiểu những điển tích rút từ trong đó, vốn đầy rẫy trong văn học Tây phương. Tôi biết quyển sách nhỏ ấy không thiếu chi những lời an ủi, vỗ về cho niềm đau khổ của con người. Ngồi thừ đến mười phút mà không biết viết cái chi. Hình như có những hoàn cảnh trong đó mình cứ làm thinh là tốt hơn cả. Vừa rọc xong tờ giấy để gói cho gọn, tôi sực nhớ mấy câu thơ của Thái Can:

Đứng dậy em ơi sống cõi đời
Đời dù khổ nhục đến mười mươi
Em nên điểm phấn tô son lại
Ngạo với nhân gian một nụ cười

Tôi chép bốn câu đó ở trang đầu quyển Thánh Kinh, đem đi bưu điện. Nhưng mà Anne-Marie không đứng dậy nữa. Nàng trút hơi thở cuối cùng ít lâu sau đó. Thôi thì cũng rồi một cuộc đời.

Đúng ra, nếu mà tôi làm văn hay viết truyện thì có thể chấm than và chấm hết ngay ở đây được rồi. Không cần phải lôi thôi gì nữa.Trong tiểu thuyết, truyện ngắn cái chết vẫn được người viết dùng làm cái chỗ mãnh liệt nhất, cái *climax* của chuyện. Ngoài đời thường lại không vậy. Người ta nói và biết nhiều về cái vinh, cái nhục, cái khổ, cái sướng, của một người bạn, người thân, người quen sau khi người ấy đã nằm xuống rồi. Trong đám tang, người ta hạ giọng xuống thật thấp mà trao đổi với nhau về những bước thăng thầm của người vừa bỏ lại hết cả mà ra đi. Ấy là chưa kể đến những thứ mà đến giờ chót ấy, chúng nó mới lòi ra, xì ra: hồi ở bên Sài Gòn, đi đưa đám một người quen, thuộc hạng công chức gương mẫu, tôi đã chứng kiến một tiết mục không có trong chương trình tang lễ: hai bà vợ bé của ông ta dẫn một đàn con -bà Nam hai trai hai gái, bà Bắc hai trai, vị chi là sáu đứa - đến khóc bù lu bù loa bên huyệt. Mô Phật!

Đáng lý ra, như tôi nói hồi nãy, dừng lại ở trận mưa chiều bên ngoài cái viện bài lao nọ cũng đã là được rồi, nhưng mà ngồi lắng tiếng mưa rơi đều đều, nghĩ đến cuộc đời của Anne-Marie, chỉ được cái tiền vận là sáng sủa, tôi không khỏi không nhớ đến anh Chất, bởi vì không gặp anh Chất trên biển Manche hôm ấy, dù tôi có muốn gặp Anne-Marie cũng không biết đâu mà tìm.

Chuyện quan điểm chính trị, thôi bỏ qua đi, có nói nay cũng thừa. Là vì, sau năm 75, Chất đem vợ con xung phong về nước để phục vụ, thành thật muốn đóng góp cái phần của mình vào công cuộc mà ngày nay thường được gọi là "xây dựng đất nước" sau khi đất nước đã bị phá nát. Ai phá người ấy biết, nói làm chi, tốn giấy tốn mực mà lại còn mất lòng mất bề nữa. Nhức đầu lắm. Nhưng mà người kỹ sư rất phục cụ Hồ ấy, khi về nước lại không được ai phục cả. Lạng quạng mất ba bốn năm, lại quảy cái gánh

thê nhi ấy sang Pháp. May mà vợ là người Pháp, không thì cũng còn kẹt dài dài.

Mới năm ngoái đây, Chất có điện thoại thăm tôi khi qua thăm con trai, cũng là kỹ sư Grandes Écoles, đang làm việc cho một công ty lớn đâu trên vùng Palo Alto. Trong khi nói chuyện, Chất trịnh trọng nói với tôi rằng anh khuyên con nên ở lại làm việc ở Mỹ vì kinh tế nước Mỹ đang khỏe lắm, phát triển mạnh. Chứ gì nữa! Ngày còn nhỏ, tình cờ tôi đọc một quyển sách mỏng, thuộc loại sách tuyên truyền của Việt Minh nói về chuyện bóc lột công nhân, thặng dư giá trị gì gì đó. Tôi không hiểu chi hết, nhưng tôi còn nhớ được một số danh từ dùng trong đó, kể cả mấy chữ "tư bản rẫy chết". Trong hơn nửa thế kỷ nay, hình như càng rẫy tư bản nó càng mạnh. Nó vẫn chưa chịu chết.

Lần nói chuyện qua điện thoại ấy, chúng tôi có nhắc đến Anne-Marie. Anh Chất vẫn lập lại câu nói cũ: "Tôi biết nó từ ngày còn nhỏ, nó ăn xài quen rồi, hết tiền phải..." Vẫn thêm chữ NÓ trước tên Anne-Marie. Tôi có đủ bằng cứ và cách lập luận để mà làm luật sư cho cuộc đời của Anne-Marie, mà bào chữa cho nàng, nhưng mà thôi. Anh Chất là một người may mắn. Bẩm sinh đã thông minh, mạnh khỏe, chuyện học hành cũng như công việc, đời sống gia đình, mọi thứ đều suông sẻ cả, sách tướng gọi là hanh thông. Hình như đời chưa gửi cho anh một cái hóa đơn nào mà anh không trả nổi. Tôi không nghĩ rằng anh Chất ác hay xấu, nhưng tôi ngờ rằng anh thiếu một chút bao dung. Cuộc đời nó xam xám, nó không không đen mà cũng không trắng. Đối với những người như anh Chất, tôi tự nhủ mình rằng, có nói cho lắm cũng khó mà gieo được một chút trắc ẩn trong lòng họ. Tôi làm thinh.

Đặt máy điện thoại xuống, hôm ấy, tôi nghĩ đến một câu thơ đầy lòng nhân ái của thi hào Victor Hugo: *Oh! n'insultez jamais une femme qui tombe*. (Này bạn, đừng bao giờ xúc phạm một người đàn bà sa ngã)

Có tiếng vợ tôi hỏi vọng ra từ trong nhà:

"Anh nghĩ chi mà ngồi hoài ngoài ban-công vậy?"

"Đang nghĩ đến Anne-Marie."

"Anne-Marie nào?"

"Thì Anne-Marie đó." Tôi nói lớn.

"Biết rồi."

Mùa El Nino/98

Tạp Ghi

Nguyễn Quốc Trụ

● Nhẹ và đều

Đó là ý kiến một số bạn đọc, về *Văn Học* Xuân năm Dần, nhân trao đổi cuối năm giữa người viết và tòa soạn. Có thể, vẻ trang nhã của trang bìa, của một hai bài biết đã đã đưa tới cảm tưởng trên. Ngoài ra, còn nỗi nhớ nhà, kèm nỗi đau: *Tết này con vẫn không về được*. Thời gian trôi, nỗi đau, nỗi nhớ ngày nào như xé gan xé thịt, nay lặn sâu, tưởng như nhẹ, nhưng mà là *nhẹ khôn kham!*

Bởi vì có tới hai cuộc phỏng vấn, *nhẹ khôn kham*, về tình hình văn học, xuất bản trong và ngoài nước. Và cùng với nó, cuộc thảo luận tiếp theo: bảo tồn văn hóa, về nguồn...

Hỏi là có trả lời. Trong cuộc chơi (nghiêm trọng, tương kính?), với những câu hỏi câu trả lời nhằm làm sáng tỏ một số vấn đề, quyền của mỗi đương sự là bắt buộc. Người hỏi có quyền tỏ ra không tin tưởng, có quyền nhận ra sự mâu thuẫn, có quyền đòi hỏi thêm những dữ kiện, những thông tin, hoặc chỉ ra những suy luận sai lầm. Còn người trả lời có quyền không đi quá vấn đề nêu ra. Do tính cách luận lý, anh ta phải có trách nhiệm về những gì đã nói, kể cả câu hỏi được đặt ra, một khi chấp nhận cuộc chơi.

Michel Foucault, trong một cuộc trả lời phỏng vấn, khi được hỏi, tại sao không dính vô mấy vụ bút chiến (polemics), ông trả lời: Tôi thích bàn luận (discussion), và khi được hỏi, tôi cố gắng trả lời. Nhưng đúng là tôi không khoái dính tới mấy vụ bút chiến. Nếu tôi mở một cuốn sách mà thấy tác giả của nó buộc tội địch thủ, một kẻ tả phái ấu trĩ, tôi đóng liền nó lại. Đó không phải là cách làm việc của tôi. Tôi không thuộc về thế giới những người làm việc kiểu đó. Đây là điều thiết yếu đối với tôi. Toàn thể vấn đề đạo đức được đặt ra. Đạo đức liên can đến việc truy tìm sự thực, và

liên hệ với tha nhân. Những câu hỏi và trả lời tùy thuộc cuộc chơi - vừa thích thú vừa khó khăn - trong đó mỗi bên chỉ được dùng quyền của mình do đối phương ban cho, dưới hình thức đã được chấp nhận của cuộc đối thoại. Người bút chiến, ngược lại, tự cho mình quyền ưu tiên. Anh ta chẳng bao giờ bằng lòng hỏi. Đối phương không phải là bạn, *partner*, trong cuộc truy tìm sự thực, mà là một kẻ thù, một kẻ sai, gây hại, một mối đe dọa. Và anh ta có bổn phận phải tiêu diệt, không cho phép đối phương được quyền thảo luận. Mục đích tối hậu của anh ta không là tiếp cận sự thực khó khăn, được chừng nào tốt chừng đó, mà là chiến thắng sau cùng, của cùng đích (just cause) anh ta đeo đuổi từ đầu. Kẻ bút chiến tự cho mình cái quyền hợp tình hợp pháp, điều mà đối phương của anh bị từ chối ngay từ đầu cuộc chơi. Theo M. Foucault, bút chiến là hình nhiễu (parasite figure) của bàn luận.

Giờ nói về sự thực (truth). Trong bài *Tác giả là gì?*, ông phân biệt hai thứ sự thực, giữa bản văn khoa học, và văn học. Ông đưa ra sự khác biệt về tầm quan trọng mang tính lịch sử về vai trò tác giả, trong khoa học, và trong văn chương. Tại Tây Phương, ông chỉ ra, tới thế kỷ 17, những bản văn khoa học liên can mật thiết tới tiếng tăm, và thẩm quyền của tác giả. Những bản văn mà chúng ta bây giờ gọi là khoa học (bàn về vũ trụ, bầu trời, y học, bệnh tật...), được chấp nhận vào thời Trung Cổ, và chỉ được chấp nhận như là sự thực khi có tên tác giả. Bây giờ, tên tác giả không còn là trung tâm mang tính thẩm quyền của bản văn (khoa học). Sự thực trở nên *vô danh*. Nhưng về văn học, ngược lại. Vào thời Trung Cổ, những văn bản văn học cứ tự nhiên được chấp nhận, được lưu truyền mà chẳng ai thắc mắc về căn cước của tác giả; tính *vô danh thị* này chẳng làm phiền một ai, bởi vì tính cổ xưa, cho dù thực hay ảo, là đủ bảo đảm cho tư cách bản văn. Nhưng từ đầu thế kỷ 19, văn chương với chữ Văn viết hoa, nổi lên như một hoạt động có giá trị, có một thế giá tự thân trên diễn đàn văn học (ông đề nghị coi R. Barthes, *Độ Không của Văn tự*), vai trò của tác giả mới trở nên có giá, được luật pháp bảo vệ. Sự thực trở nên *hữu danh*!

Bài phỏng vấn chớp nhoáng, về sách xuất bản, trong và ngoài nước, và về Internet. Chớp nhoáng, nhưng có thể là mối bận tâm đã từ lâu, của tòa soạn *Văn Học*, và của bạn đọc. Nó liên can tới số phận của văn học hải ngoại. Liệu chăng, chúng ta là *những* nhà văn *Mohican* (một sắc dân da đỏ) cuối cùng? Sau chúng ta sẽ chẳng còn văn học Việt Nam, bởi vì văn học trong nước kể như chưa có, chừng nào mà chủ nghĩa CS vẫn còn thống trị?

Khi trả lời cuộc phỏng vấn, người viết thay vì trực diện với câu hỏi,

đã đưa ra thông điệp, của một người viết trong nước, khi trả lời tạp chí T*hơ*, số mùa đông 1997. Nhà thơ Lê Đạt, khi tỏ ra không thích từ *hải ngoại*, mặc nhiên ông đã thừa nhận một điều, chỉ có một từ *văn học* ngắn gọn mà thôi. Và cái thông điệp mà ông muốn gửi tới chúng ta, tuy chỉ liên can tới thơ, nhưng cũng thật rõ ràng: *"Nhược điểm của thơ Việt là đã quá lâu không được tiếp xúc với thi ca thế giới, bị gò bó bởi hiện tượng cách biệt và tính chất địa phương... Cần phải có nhiều cố gắng hơn nữa trong việc dịch thơ, giới thiệu thơ thế giới. ở hải ngoại có những điều kiện đóng góp đó."* (người viết nhấn mạnh). Bản thân người viết, qua mục Tạp Ghi, khi cố tình đưa ra một liều lượng thật nặng tay, những thông tin, thật sự chỉ mong, một phần nào những thông tin đó tới được người đọc, bạn bè ở trong nước. Hãy thử tưởng tượng hai thứ ký sinh, trên một thân thể, bà mẹ Việt Nam. Văn học hải ngoại cũng chỉ là một thứ ký sinh, theo hai nghĩa:

1/ Nó không thể sống nổi, khi tự cho rằng, đây là một thứ văn chương tuẫn nạn, đây là những người viết cuối cùng, của một dòng văn học tự do, sau chúng ta là hết, chỉ còn một thứ văn chương người Việt viết bằng tiếng Anh, tức văn chương mất gốc, vong thân (?).

2/ Khi sống bám vào bà mẹ, tuy ở xa, và tìm đủ đủ mọi cách để làm cho cái thân cây đó không bao giờ lụi tàn, bởi vì nếu nó lụi tàn thì khúc ruột ngàn dặm cũng chết theo. Vẫn là ký sinh, nhưng là một thứ ký sinh hữu ích (văn học hải ngoại có những điều kiện đóng góp đó, Lê Đạt).

Còn văn chương trong nước, chừng nào còn chủ nghĩa CS, nó vẫn chỉ là một thứ văn chương phục vụ một số người, và là một thứ ký sinh làm hao mòn, kiệt quệ bà mẹ Việt. (Đây là nói về văn chương chính thống).

Nguyễn Huy Thiệp, qua phỏng vấn đã được đăng trên trên Văn Học (tháng 11/96), đã ví văn chương trong nước như trong cơn đau đẻ. Văn chương hải ngoại, hình như cũng đang trải qua một cơn đau đẻ như vậy. Sự xuất hiện ồ ạt của nhiều nhà văn nữ cho thấy hiện tượng này. Đàn bà thường vẫn nhạy cảm với thời tiết, với đổi thay. Với riêng tôi, văn học hải ngoại bây giờ mới bắt đầu: Bây giờ Hồi ức ***là*** Hy vọng. (Now the party of Memory ***is*** the party of Hope. Harold Bloom, The Western Canon, nhà xb Harcourt Brace & Company). ở một số nữ tác giả như Miêng, Lê Minh Hà, Hoàng Nga... mỗi tác giả là một cách sử dụng hồi ức, như một khí giới, trong cuộc truy tìm hy vọng.

(Trong ba tác giả, Miêng có lẽ *khó đọc nhất*. Kinh nghiệm của riêng tôi, khi đọc Miêng, tương tự như lần đầu đọc Kafka. J. Brodsky nói về Kinh Cầu, của Akhmatova: *Đối với tôi, chuyện chính ở đây là sự rã rời, bất lực của tác giả, khi biết mình không sao phản ứng, trước Kinh Hoàng. Akhmatova miêu tả những điều khủng khiếp ghê rợn, nỗi Kinh Hoàng*

Lớn do Stalin gây ra, và luôn luôn nghĩ rằng, mình sắp phát khùng. Đây là tâm trạng nhà thơ nhìn mọi chuyện xẩy ra cho chính mình, như thể đứng tách ra một bên. Bạn bắt đầu trù ẻo chính bạn, ta là thứ quái vật gì đây: nhìn cơn ác mộng, nhìn trọn nỗi khủng khiếp, như nó chẳng liên quan gì tới ta?... Tôi nghĩ đó là kinh nghiệm của một số nghệ sĩ: họ phân thân, chẻ làm hai, vừa là kẻ khổ đau vừa là nhà văn. Chuyện trò với J. Brodsky, Solomon Volkov, The Free Press, 1998). Có người cho rằng Miêng viết không đều, truyện được, truyện không, nhưng có lẽ phải mượn tri thức của nhân loại, khi tiếp cận tư tưởng Nietszche, Kafka, hoặc M. Foucault, để giải thích. Tôi muốn nói kinh nghiệm về khùng điên, madness, *ở những bước ngoặt của lịch sử.* Những tác giả như Miêng, Linda Lê hình như đã kinh qua những giai đoạn sinh tử này, và mỗi người giải quyết một cách. <f1>ở Miêng, là kinh nghiệm Phật giáo. ở Linda Lê, với tác phẩm mới nhất, *Les Trois Parques* - nữ thần Địa ngục, Clotho, Lachésis, Atropos, thường được coi như những vị thần quyết định số mạng con người - là kinh nghiệm King Lear của Shakespeare, theo như nhận định của giới phê bình Pháp).

Trong bài trả lời phỏng vấn của Thanh Tâm Tuyền (La Part d'Exil; trong lời giới thiệu, Lê Hữu Khóa đã coi ông là một tác giả đáng gờm nhất, le plus redoutable, đối với giới phê bình Việt Nam, do tính sáng tạo đa dạng, do lý thuyết văn chương tổng hợp), ông viết: *Sau khi được giải phóng* - après ma libération, tức là sau khi ra khỏi trại tù, chứ không phải sau 1975 (người viết bài này thêm vô) - *trên con đường trở về, việc đầu tiên mà tôi làm, là cúi gập mình ghi chép những bài thơ đã được ký ức lưu giữ suốt thời gian bị giam giữ... Tôi là một kẻ sống sót, nhưng tôi không muốn là nhà văn nữa, như tôi hằng mong muốn. Khi ở trong trại tù, tôi đã viết trong ký ức: Viết, phải làm sao, đối với tôi, như chẳng có gì xẩy ra, chẳng có gì thay đổi. Và bây giờ, tôi tự bảo mình:* Một việc như thế, khi nào tôi có thể?*: Lại-viết (re-écrire).* Vẫn là tinh thần câu nói của Adorno. Sự xuất hiện của những nhà văn nữ cho thấy một điều: Họ chẳng nợ nần gì thứ văn chương làm dáng của miền Nam trước 75, cũng chẳng mắc mớ gì tới văn chương ai thắng ai của miền Bắc. Như chẳng có gì xẩy ra, chẳng có gì thay đổi. Chỉ có hồi ức, là hy vọng. Là truyền thuyết: *Khi truyền thuyết trở thành sự kiện, hãy in truyền thuyết. (When the legend becomes fact, print the legend.* John Ford, Steven Spield trích dẫn. Time, March 16, 97).

Dương Nghiễm Mậu, tên thật là Phí Ích Nghiễm. Bút hiệu của ông, theo như tôi được biết, là từ một tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu: *Dương*

Từ Hà Mậu. Sau 1975, ở lại, ông coi mình là một Khuyết Danh Thị. (*Không tên. Tôi về như bóng ma hờn tủi. Sans nom. Je reviens comme un fantôme humilié*. Tô Thùy Yên. La Part dõ Exil).

Trước 1975, thời gian tác phẩm của Dostoevsky được ào ạt dịch ra tiếng Việt, tôi nói với một người anh, tiểu thuyết của nhà văn Nga này có lẽ từ bi hùng kịch Hy lạp; ông ngẫm nghĩ một hồi rồi nói: bi hùng kịch Hy-lạp thật ra cũng chưa đạt tới *đỉnh cao* Thuyết Đường: Cảnh tống tửu Đơn Hùng Tín. Cả một đám bạn bè từng uống máu ăn thề, đồng sinh đồng tử, vậy mà cứ khơi khơi cụng ly với bạn, rồi sau đó đưa bạn ra chặt đầu! Cảnh Kiều Phong uống rượu với anh em Cái Bang tại Tụ Hiền Trang, rồi sau đó mở một trường sát đấu, trong tiểu thuyết chưởng của Kim Dung, theo tôi, là từ Tống Tửu Đơn Hùng Tín. Con rồng xanh này còn là *nguyên mẫu* cho rất nhiều *anh hùng hảo hớn* trong giới giang hồ miền Nam. Họ chọn *bút hiệu này*, chỉ vì nỗi bất hạnh, kết cục bi đát, chứ không vì võ công cao cường, đức hạnh của một anh thảo khấu, chuyên bắt đàn em đóng hụi chết! Người Việt coi trọng quan niệm đạo đức *trai thì trung hiếu làm đầu, gái thì tiết hạnh làm câu trau mình* của Nguyễn Đình Chiểu. Nhưng nước mất, vua băng rồi, còn gì đâu mà trung? Hiếu thì mù rồi, cứ cõng mẹ chạy vô chạy ra, chứ làm gì được bây giờ! Nỗi bất hạnh của ông, người dân thông cảm, quan niệm đạo đức của ông, người ta cố noi theo. Sau này, tư tưởng trung/hiếu/thảo/tình bè bạn kết nghĩa đầy rẫy trong tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh là vẫn nằm trong truyền thống Nam Bộ, đất biên cương xa cung đình, và người ta chẳng hề biết đến nỗi u hoài trung quân/trung nguyên: *từ thuở mang gươm đi mở cõi, ngàn năm thương nhớ đất Thăng Long* (thơ Huỳnh văn Nghệ). Những truyện hiện diện đủ cả love&sex mà có Hồ Biểu Chánh ở trong đó thì thật lạ quá. Giữa ông và những tác giả như Thụy Vũ, Lê Xuyên là trùng trùng lớp lớp tang thương dâu bể: Người Pháp tới rồi đi, rồi người Mỹ, người Tầu, những gái bán bar, những cô hộ lý, những người chết hai lần, những năm tháng tủi nhục - ngay cả khi những tủi nhục đã chấm dứt: làm sao tất cả cùng ngồi một chiếu, nói chuyện love&sex được! Cá nhân một ông đồ mù làm sao chống lại được cả một thế lực thực dân, chủ nghĩa tư bản? Ngay Marx cũng phải công nhận thành quả 100 năm chủ nghĩa tư bản thống trị thế giới; nếu có thêm một trái đất nữa thì nó cũng biến thành thuộc địa, thành thị trường tiêu thụ, và chiếm đoạt tài nguyên.

Câu ca dao *Vân Tiên ngồi dưới gốc môn*... trong bài viết về ca dao của Nguyễn Hưng Quốc, có lẽ nên hiểu theo khung cảnh đồng ruộng bát ngát

miền Nam, chứ không như cảnh tượng trong một câu ca dao khác: *Sáng trăng em tưởng tối trời, Em ngồi em để sự đời em ra, Sự đời như cái lá đa....* ở câu này, là sự chê trách cô gái hớ hênh, nhưng trong câu ca dao trên, có lẽ không phải như vậy. Nguyệt Nga làm sao biết được giữa trời đất bao la, giữa cảnh trăng sáng mênh mông lại có một Vân Tiên ngồi núp? Câu ca dao được trích dẫn trong cùng bài viết lại càng cho thấy Vân Tiên chẳng có gì đáng chê trách: *Đêm thì quan lớn tần mần như ma*! Ngày phải làm thần, nhưng thần thì vẫn chỉ là người, giá được làm ma, nghĩa là làm những chuyện bóp biếc gì đó, trong bóng tối, như ma, thì được! Bùi Kiệm đâu có chờ đến lúc trăng lặn mới làm việc của ma! Tại sao Vân Tiên lại ngồi núp, mà không phải một người khác? ở đây, tôi nghĩ, người bình dân muốn đẩy cuộc thí nghiệm về quan niệm đạo đức của Nguyễn Đình Chiểu vào một hoàn cảnh éo le, sau thái độ *khoan khoan ngồi đó chớ ra* của Vân Tiên, nhưng họ cũng phải kết luận bằng một câu tám: *chờ cho trăng lặn...*

Nghệ thuật tiểu thuyết đến với thế gian như là âm vang tiếng cười của Thượng Đế (Kundera). Khi lịch sử sang trang nhân loại vẫn muốn nhìn ngoái lại bằng tiếng cười. Người bình dân không phê phán thái độ đạo đức cứng nhắc của Đồ Chiểu, không buồn vì ông tuy *cũng là thi sĩ* nhưng kém tài so với Nguyễn Du, nhưng khi họ cho Vân Tiên *ngồi dưới gốc môn*, có lẽ là muốn bù cho ông cái phần thiếu đó. Ngay cả thời cực thịnh của chế độ phong kiến, bên cạnh ông vua cũng có một tay hề. Chúng ta không có những tác phẩm lớn, có thể do không nhận ra yếu tố hề, ở những thời điểm bi đát như vậy. Nỗi lo lớn nhất của Kundera, trong chương mở đầu *Những di chúc bị Phản bội:* Ngày mà Panurge (Rabelais) không làm ai cười nữa.

Câu ca dao *Trèo lên cây bưởi hái hoa* có thể hiểu theo ngôn ngữ ca tụng thân xác. Ca tụng thân xác ở đây, tôi nghĩ, nên hiểu theo tinh thần của G. Bachelard, về Thi tính của trời đất, *La poétique de l'espace*, 1958, như câu (than thở): *Anh đi em ở lại nhà, Cái dưa thì khú, cái cà thì thâm.* Bây giờ, người ta có một cách diễn tả khác: *Anh đi rồi còn ai tình tự?* Câu ca dao trên, theo tôi, chỉ là tiếc nuối thời con gái, còn tươi mơn mởn như nụ tầm xuân vừa mới nở ra xanh biếc, hơn là chuyện gặp nhau quá muộn màng. Cô gái không hề tỏ ra luyến tiếc người con trai mới lần đầu gặp gỡ. Cô chỉ tiếc thời con gái, ngậm ngùi nhớ những ngày còn không... Không/ Chồng: tuy cùng âm, nhưng là hai cảnh đời hoàn toàn khác biệt.

Trên trích dẫn M. Foucault, càng tới gần sự thực khó khăn chừng

nào, tốt chừng đó, bởi vì ông tin rằng khó có ai tự cho rằng mình đã tìm được sự thực. Trong *Quê Hương Tưởng Tượng*, Rushdie trích câu nói của Luis Bunuel, một nhà làm phim: Tôi sẽ hy sinh thân mình cho kẻ đi tìm sự thực. Nhưng tôi sẽ giết, một cách thích thú, *avec joie*, kẻ nào nghĩ rằng anh ta đã bắt được sự thực. Theo ông, giả tưởng (văn chương) bắt đầu cùng với sự truy tìm Graal, vượt cả chính Graal, với sự chấp nhận, thực tại và đạo đức không phải là những gì có đó (données), nhưng chỉ là những tạo dựng bất toàn của con người (des constructions humaines imparfaites). Đây là điều mà J. F. Lyotard, vào năm 1979, gọi là *Điều kiện hậu hiện đại*. Cuộc thách đố của văn chương, là chấp nhận đây là khởi đầu, để rồi tìm cách thực hiện những đòi hỏi tinh thần không đổi dời của con người. Ông viết tiếp: Tuy hiển nhiên, nhưng cũng cần nhấn mạnh, trong những xứ sở đang đòi hỏi tự do, nghệ thuật luôn luôn bị kìm kẹp một cách đầy hận thù, như tôn giáo. Cuộc cách mạng ở Tiệp-khắc, đã bắt đầu từ trong những vở kịch, và được dẫn dắt bởi một nhà văn; một bằng chứng cho thấy những đòi hỏi tinh thần, chứ không phải vật chất, của con người, đã tống xuất những ông chính uỷ nhân dân ra khỏi quyền lực. Nếu tôn giáo là một giải đáp, nếu ý thức hệ chính trị là một giải đáp, văn chương sẽ là một cuộc điều tra; một nền văn chương được coi là lớn lao, vĩ đại khi nó đưa ra những câu hỏi lạ thường, mở ra những cánh cửa tinh thần mới mẻ cho chúng ta.

Vẫn trong *Quê Hương Tưởng Tượng*, ông kể lại phút sơ sinh của *Những đứa con giờ Tý*: Trên tường phòng làm việc của tôi có treo một bức hình cũ, trong một cái khung rẻ tiền. Hình một căn nhà, chụp từ năm 1946, trong căn nhà đó, tôi chưa ra đời. Căn nhà có vẻ hơi kỳ cục... "Quá khứ là một xứ lạ," câu mở đầu cuốn tiểu thuyết của L.P. Hartley, Sứ giả *(Le Messager)*, "ở đây, người ta làm những chuyện khác hẳn." Nhưng tấm hình bảo tôi, hãy đảo ngược vấn đề; nó nhắc nhở tôi, rằng hiện tại của mình mới là xứ lạ, rằng quá khứ là ở nhà, cho dù một ở nhà (chez-moi) đã mất, trong một thành phố vô tăm vô tích, chìm trong đám sương mù dầy đặc của thời gian đã mất. Rồi ông có dịp trở lại Bombay, sau nửa đời lưu lạc. Một bữa, ông mở cuốn niên giám điện thoại, tìm tên ông thân sinh. Lạ thay, tên ông vẫn có đó, cả địa chỉ cũ của gia đình, số điện thoại, như thể chúng tôi chưa từng rời khỏi nơi đây, tới một xứ bên kia bờ biên giới (Pakistan). Đây là một khám phá kỳ lạ. Như thể người ta xác nhận với tôi, như thể người ta thông báo cho tôi, rằng cái cuộc đời xa xăm kia chỉ do ảo tưởng tạo nên, chính sự liên tục này mới là thực tại. Rồi tôi tới viếng căn nhà cũ. Tôi đứng nhìn, chẳng mong làm quen những người chủ mới (Tôi không muốn biết họ đã làm hư hỏng bên trong như thế nào). Tôi thật sự

ngỡ ngàng: tấm hình cũ lẽ dĩ nhiên là đen trắng... đúng lúc đó, *Những đứa con giờ Tý* đã được nẩy sinh: tôi hiểu, tôi mong muốn xiết bao, làm sao tái tạo quá khứ, không phải dưới hình thức đen trắng, mà bằng Cinémascope, bằng Technicolor... Bombay là một thành phố được xây dựng nên bởi những người ngoại quốc, trên vùng đất đã bị chinh phục. Tôi tin tưởng, chính tôi, riêng tôi, cũng có một thành phố, một câu chuyện để mà chinh phục, để mà chiến thắng.

Nhưng thế nào là chinh phục, thế nào là chiến thắng, đối với một di dân? Nhà thơ Thanh Tâm Tuyền sử dụng hai chữ giải phóng, khi ông ra khỏi trại tù. S. Rusdhie, trong *Quê Hương Tưởng Tượng*, coi tiểu thuyết là cách thức để chối từ văn bản chính thức về sự thực của những chính trị gia, và nếu ông sử dụng tiếng Anh để viết, tiếng Anh của ông cũng không giống như người Anh sử dụng. Chúng ta phải tái phát minh (réinventer) nó, cho những nhu cầu của mình: Chinh phục tiếng Anh có lẽ là hoàn tất tiến trình giải phóng của chúng ta. (Conquérir la langue anglaise c'est peut-être achever le processus de notre libération, sđd, p,28).

"... Khi đọc họ, ở những năm cuối của đời mình, tôi cứ mường tượng ra một sự khởi đầu. Khởi đầu cho cái gì, và ở đâu, tôi không biết, nhưng luôn luôn là một sự khởi đầu.", (mô phỏng một câu, trong Gã Găng-tơ Tất Cả Chúng Ta Tìm, của Lê Thị Diễm Thuý).

E.O. Wilson coi khởi đầu: trở lại từ hỗn mang (back from chaos). Là một trong những khoa học gia có tầm ảnh hưởng quan trọng nhất thế kỷ, một người tin tưởng rằng sinh vật học là chìa khóa (để tới) bản chất con người; một người viết, theo chân một thiểu số rất ít, những người như Darwin, Freud - những người có thể gây rối và làm chuyển động những biên giới sâu thẳm nhất, của trí tưởng; trong cuốn sách sắp xuất bản, một chương đã được đăng tải trên *The Atlantic Monthly* March 1998, ông tin rằng - ngược lại với quan niệm của nhiều người - những tư tưởng gia của thời kỳ Ánh Sáng, từ thế kỷ 17 tới 18 là hoàn toàn đúng, và chủ nghĩa Hậu- hiện đại là phản đề tối hậu, của chủ nghĩa Soi Sáng. Những tư tưởng gia Ánh Sáng tin rằng chúng ta có thể hiểu mọi điều mọi chuyện, những nhà tư tưởng hậu hiện đại cấp tiến, tin ngược lại, chúng ta có thể chẳng biết gì. Công thức nổi tiếng của J. Derrida: Không có ngoại-văn bản - *Il n' y a pas de hors-texte- there is nothing outside the text*, chẳng có gì bên ngoài bản văn, chỉ là nghịch lý Derrida, tương tự như nghịch lý Cretan (Tất cả những người Cretans đều nói dối; một người Cretan nói). Theo ông, phía tối của chủ nghĩa Soi Sáng: đám dã man mọi rợ của chủ nghĩa toàn trị đổ dồn vào đó, (the dark side of the Enlightenment: the barbarians

of the totalitarianism pour in). Nhắc lại câu nói của David Hilbert, một nhà toán học lớn thời kỳ Ánh Sáng: Wir mussen wissen. *Wir werden wissen* (Chúng ta phải biết. Chúng ta sẽ biết), ông tin tưởng, nếu chúng ta mơ ước, quyết khám phá, dẫn giải, rồi mơ ước tiếp, tiếp tục lao vào những vùng đất mới, thế giới sẽ sáng sủa hơn lên, và một ngày nào đó, chúng ta sẽ nắm bắt được điều lạ thường thực sự (the true strangeness) của vũ trụ.

Và ông đề nghị: Khoa học nên là thi ca, và thi ca khoa học.

● Những người muôn năm cũ...

Tác giả Tâm Thanh làm quen với độc giả Văn Học bằng nỗi khổ tâm của một nhiếp ảnh viên chụp hình lãnh tụ. Cuối cùng anh thợ chụp phát điên. Tác giả *Đêm giữa ban ngày*, hình như cũng đã gặp cùng nỗi khổ tâm, khi ngưng camera chụp cảnh ông Hồ ôm dép qua chỗ lội. Trên mục Tạp Ghi, Kundera kể chuyện, ông số hai choàng khăn cho ông số một; khi ông bị thủ tiêu, người ta bôi bỏ hình ông đứng kế bên chủ tịch nước, nhưng cái khăn thì vẫn còn đó! Tưởng chuyện đùa, nhưng cuộc truy tìm những nhân vật mất tích sau khi hoàn thành nhiệm vụ lịch sử, không ngờ là một đề tài cho nhiều tác giả. Bài tóm lược sau đây là của T. Tolstaya, về hai cuốn Chính Uỷ Biến Mất: Ngụy Tạo Hình Ảnh và Nghệ Thuật ở Nga thời kỳ Stalin (David King, 192 trang, nhà xb Metropolitan Books), và Nhìn Tận Mắt Lịch sử: Những Bức Hình của Yevgeny Khaldei (96 trang, nhà xb Aperture)

Trẻ con, lúc này lúc nọ, thường tự dưng nổi hứng thêm một bộ ria, hay cặp kính, vào một tấm hình cô/cậu vớ được. Cuốn lịch sử đời tôi (Tolstaya) trông cứ như một ngày hội hóa trang! Rồi năm tháng trôi đi, cô/cậu lớn dần, bỗng một ngày, tỏ ra nghi ngờ, hoặc giật mình về mối liên hệ giữa ta bây giờ, và ta trong hình: Lạ nhỉ, không lẽ mình hồi đó lại mập đến thế? Thôi, tốt nhất là giấu biến tấm hình này đi! Con bạn đứng kế mình là con nào? À phải rồi, hai đứa hồi đó cùng quen anh A. Hình này mà đến tay ông xã, cộng thêm chút mắm muối của một đệ tam nhân nào đó, là phiền lắm, tốt nhất cắt phăng nó đi!

Tất cả chuyện đời thường. Chúng ta là ai, nói cho cùng? Con người thôi. Nhưng chuyện gì xảy ra, nếu một thường nhân chúng ta, một bữa trở thành bạo chúa?

Bộ album của David King mở ra bằng bức hình mầu Stalin, thời còn Lenin; do Andreyev chụp vào năm 1922. Nhà nghệ sĩ nhân dân hình như

đang phải đánh vật với những đường viền; một phần trán sao âm u như chết rồi; mấy sợi tóc sao dính bết vào như vậy; cái đầu sao không cân xứng chút nào! Nhưng làn da, những vết nhăn, bộ râu Caucasus nặng chình chịch như vậy đạt lắm, sếp lớn không nghĩ là mình nịnh bợ đâu, chỉ là vấn đề lịch sự, nhã nhặn của bầy tôi đối với chúa thôi! Còn Stalin ở đây coi bộ già hơn tuổi 42. Người chưa nắm quyền, nhưng bạn có thể nhận ra, đằng sau cặp mắt đó, cái miệng kia là những tham vọng ngấm ngầm, và sự thận trọng. Không biết nhà độc tài có thích tấm hình không nhỉ? Nhìn hình như nghe thấy lời bình phẩm của Lenin: Gớm, tay Georgian kỳ tài này! Nhưng sao có những khoảng trống kỳ kỳ. Toàn bộ sưu tập, ngay từ trang đầu, như đang trao đổi một mẩu chuyện khôi hài đen với người coi: xuyên qua thời kỳ Xô-viết, đặc biệt dưới thời Stalin, lịch sử nhập thân vào những bức hình, đã được tẩy xóa, vặn vẹo, chỉnh huấn, cho đi cải tạo, làm sạch, đánh bóng... đến nỗi không sao nhận ra được nữa. Bộ sưu tập cho thấy từng người một đã biến mất như thế nào, theo nhu cầu chính trị, để lại một cái hố, một khoảng trống, giữa những đồng chí của họ; làm phiền biết mấy cho những nghệ nhân, chỗ này phải dậm thêm một chút mây, chút khói, chỗ kia cài vào một chậu bông. Đôi khi, kẻ biến mất như cố tình bám chặt lấy người bạn đồng chí đứng kế, không muốn nhạt nhòa vào hư không, và một cái nhìn chăm chú, cộng thêm cặp kiếng ngoại, vậy là bạn nhận ra chỗ này là vai của kẻ đã ra đi, chỗ kia là chân trái, cái tay chắc là quàng phía sau người đồng chí có thể là nguyên nhân đầu tiên của tai họa... Đâu có cần nhắc nhở bạn, những con người bị xé ra khỏi những bức hình như thế đã bị ném vào Gulag, biến thành bụi trại (camp dust). Cũng đâu cần, vợ chồng con cái, cha mẹ anh em họ hàng của họ, cũng đã biến thành bụi...

Nhìn bộ sưu tập chúng ta nhận ra một sự thực: Trotsky chưa từng hiện hữu, cùng với ông là một danh sách dài: Zinoviev, Kamenev, Radek, Bukharin, Belinki... Đấy là người. Con ó hai đầu ở tiền đình rạp Bolshoi Theater cũng biến mất. Hai năm cuối đời của một Lenin ngắc ngoải, liệt bại, với nụ cười ngây ngô, khờ khạo cũng biến mất, thay vào đó là một Lenin mạnh khỏe cho tới hơi thở cuối cùng, với Stalin luôn luôn ở kế bên, trên con đường tiến tới xã hội chủ nghĩa, trong những chuyến đi, vào những thời điểm quyết định quan trọng. Như một cậu học trò ngỡ ngàng, hay một bậc cha chú đáng yêu, ông lắng nghe những lời vàng ngọc của Stalin, với một sự quan tâm và ngưỡng mộ, lúc nào cũng như đang uống từng hớp thiên tài Georgian. Có những bức hình cho thấy một Stalin không hề già đi, ngày một thêm khôn ngoan ra. Cũng cần có một tí chút mệt mỏi nữa chứ: Người vừa bẽ gẫy sống lưng Fascism, tóm gọn một nửa Âu châu,

chỉ với hai bàn tay. Nụ cười của Người, trong lễ sinh nhật lần thứ 70 sao rạng rỡ, sao bất tử, sao nhập thế, như của Phật!

Rồi hàng triệu triệu con người biến mất, như chưa từng hiện hữu. T. Tolstaya tự hỏi, tại sao không xây dựng một viện bảo tàng, trưng bầy đầu lâu, mà phải làm như triệu triệu kẻ thù chưa từng hiện hữu? Và bà tự trả lời, ngoài những lý do hiển nhiên, còn những nguyên nhân kỳ bí, ngoại lý; chúng làm vẩn đục tâm hồn vốn đã u tối của vị bạo chúa. Có một lề luật cổ xưa về huyền thuật: kêu tên quỉ, quỉ tới liền! Tín đồ nói đến quỉ ma một cách gián tiếp, tránh gọi thẳng tên. Đó cũng là lý do tượng Chúa, nhà thờ tất cả đều bị triệt hạ, huỷ diệt. Như đã chưa từng hiện hữu. Như sẽ chẳng bao giờ hiện hữu.

Tận Mắt Nhìn Lịch Sử như muốn trả lời câu hỏi: Nghệ thuật nhiếp ảnh là gì, hay rõ hơn, đâu là độ nói dối được cho phép, đối với một nhiếp ảnh viên, khi thực tại, và nghệ thuật gặp nhau ở ống kính?

Cuộc đời Khaldei thật là bi thảm, và khác thường. Là con, trong một gia đình Do thái nghèo tại Ukraine. Mẹ chết trong vụ thanh trừng vào năm 1918, viên đạn xuyên qua thân thể bà nằm luôn trong đứa con trai gần năm. Cả gia đình, hai thập niên sau đó bị lính Đức giết hết, còn trơ mình ông. Học tới lớp tư phải bỏ, lo kiếm sống. Thiên tài bẩm sinh, máy hình đầu tiên là do ông tự làm lấy, và vào nghề thợ chụp ngay từ khi còn nhỏ. Vác máy hình, đi trọn cuộc chiến, làm cho thông tấn TASS và nhật báo Pravda. Bức hình chụp cờ Xô-viết phấp phới trên Reichstag là của ông. Tuy trọn đời hiến dâng cho nghệ thuật Xô-viết, nhưng ông mất job hai lần. Ông mất tháng Mười 997, sau khi sưu tập của ông được in ra. Có một số hình trong đó chưa hề được biết đến, và chúng cho thấy một điều là những cái chụp trước, và sau cuộc chiến như thuộc hai con người khác nhau. Những tấm sau là những thí dụ tồi tệ nhất, về Hiện Thực Xã Hội Chủ Nghĩa. Nhưng không phải những tấm trước đó không có điều khác thường. Tolstaya cho biết về bức hình nổi tiếng nhất của ông, trang 60-61, chụp người lính Xô-viết giương cao tấm băng đỏ trên đỉnh Reichstag: một người sĩ quan phải giữ chân người lính, cho anh ta khỏi té. Tay viên sĩ quan đeo đồng hồ. Sau khi rửa hình, người ta nhận ra viên sĩ quan không phải chỉ đeo có một, mà tới hai cái lận! Lại phải cạo sửa lịch sử! Còn tấm băng đỏ, ở đâu mà có sẵn, nhanh như vậy? Hóa ra là, nhiếp ảnh viên Khaldei, vốn đã sửa soạn sẵn cho tấm hình nổi danh của đời mình, ngay từ Moscow, và đã cẩn thận mang theo, không phải một mà tới ba tấm băng đỏ! Người viết nghe nói bức hình lịch sử chụp xe tăng CS san bằng cửa dinh Độc lập cũng đã phải chụp tới hai lần. Ủi sập rồi, lại phải ra lệnh dựng lên, chụp lại. Nguồn tin rất đáng tin, nhưng vì không tận mắt chứng

kiến (lịch sử), cho nên đành ngưng tại đây.

● Nhà nôm-học Xuân-Phúc từ-trần

Học-giả người Pháp Paul Schneider (bút-hiệu Xuân-Phúc) - một nhà thơ cũng là một nhà nôm-học kiệt-xuất - qua đời tại Nice hôm mồng 2 tháng Giêng năm 1998, hưởng thọ 86 tuổi. Sinh tại Hà-nội năm 1912, thân-mẫu là người Việt, ông Schneider sau khi đỗ Cử-nhân Luật vào làm việc ở Sở Tài-chính Đông-Pháp. Trong thờigian làm công-chức kể cả nhiệm-kì bên Madagascar, rồi sau khi về nghỉ hưu tại thành-phố Villeneuve-Loubet miền nam nước Pháp, ông dành hết thì-giờ để nghiên-cứu văn–học cổ-điển Việt-nam (mà ông rất say mê) và phiên-âm giải-dịch nhiều tác-phẩm Hán-Nôm. Chỉ riêng công-trình ngữ-văn của ông đầy tính khoa-học nghiêm-túc, tuy chưa xuất-bản hết, cũng đã được giới nghiên-cứu Đông-phương-học tại Pháp nói riêng và tại toàn-cầu nói chung khen-ngợi và trân-trọng. Năm 1973, Cố Bác-sĩ Pierre Huard, học-giả danh-tiếng bên châu Âu, đã gọi Paul Schneider là "nhà Việt-học người Pháp lớn nhất hiện còn sống".

Từ con người vóc dáng nhỏ bé, ăn nói dịu-dàng dễ thương đó, lúc nào cũng toát ra nguồn vui sống bình-dị, ai mới gặp đều có cảm-tình ngay. Ông có tác-phong của một nhà nho hay-chữ thuở xưa, mài-miệt nghiên-cứu các văn-bản nôm, và sau hơn hai chục năm đã cho ra lò mấy tập sách giá-trị như

(1) *Kim Vân Kiều: Edition critique* (Sèvres: Editions Diệu-Pháp, 1981) là bản dịch Pháp-ngữ, có chú-giải, tái-bản có thêm từ *Nouvelle (Edition Critique)* (Bruxelles: Thanh-Long, 1986)

(2) bản dịch Pháp-ngữ có chú-thích trong bài "Nguyễn Bỉnh Khiêm, porte-parole de la sagesse populaire: Le "Bạch-vân am quốc-ngữ thi-tập" (Recueil des poèmes en langue nationale de la Retraite du Nuage Blanc)" đăng trên tập-san của Hội Nghiên-cứu Đông-dương *Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises*, Saigon, Tập 49 (1974), số 4, tr.607-850;

(3) Quốc-âm Thi-tập tức 254 bài thơ nôm của Nguyễn Trãi, với bản dịch Pháp-ngữ và chú-thích từ-vựng và tự-vựng chữ nôm để minh-hoạ các sự biến-đổi ngữ-âm tiếng Việt theo diện lịch-đại (diachronic) : *Nguyễn Trãi et son recueil de poèmes en langue nationale* (Paris: CNRS, 1987).

Ngoài ra, công-trình khoa-học đồ-sộ nhất của Paul Schneider là cuốn tự-điển lịch-sử chữ nôm gồm 914 trang: *Dictionnaire historique des idéogrammes vietnamiens* (Nice: RIASEM, 1992), được học-giới rất hoan-nghênh, vì có dẫn văn-liệu để minh-hoạ từng chữ nôm với các hình-thái

tự-dạng.

Lại phải kể hai chuyên-luận về hệ-thống chữ nôm - Les idéogrammes vietnamiens (Nice: Approche-Asie, 1979) và "Son et signification dans les idéogrammes vietnamiens", trong *The Vietnam Forum #12*, Huỳnh Sanh Thông, ed. Yale University, New Haven, Connecticut, Summer-Fall 1988, pp. 1-19.

Vốn thiết-tha với nền văn-học trong tiếng mẹ đẻ, học-giả Schneider còn cho xuất-bản tại Tananarive một tuyển-tập giới-thiệu thơ Việt-văn dịch Pháp-ngữ dưới bút-danh Pierre Samana: *Anthologie de la poésie vietnamienne* (1962), trong thời-gian ông làm công-chức ngân-khố bên đảo Madagascar. Tâm-hồn thi-sĩ của ông còn được thấy lai-láng trong ba tập thơ trữ-tình do ông sáng-tác bằng Pháp-văn: *Ecorce-mandarine la mer* "Vỏ quít bên bờ biển" (Paris, 1987), *Plume d'oie sauvage* "Bút lông ngỗng" (Paris, 1988) và *Les Mots et les Jours* "Từ-ngữ và Ngày tháng" (sắp ra tại Paris).

Sau lễ hỏa-táng hôm mồng 8 tháng Giêng 1998, liễn tro tàn đã được đem lên ngọn núi gần thành-phố nhỏ Villeneuve-Loubet thuộc vùng Alpes Maritimes để trải rắc xuống Địa-trung-hải, theo ý-nguyện của học-giả Paul Schneider. Mang trong huyết-quản tinh-hoa của hai dòng máu Pháp-Việt, khi lớn lên, nhà văn, nhà thơ và nhà nghiên-cứu Xuân-Phúc đã chọn ngôn-ngữ của bên nội để biểu-tả bao nhiêu tình-cảm trong-trắng và dịu-đẹp đến từ quê mẹ, chốn quê-hương ông luôn-luôn mến-tiếc nhớ-nhung - tuy chẳng bao giờ thổ-lộ với ai tình hoài-hương lãng-đãng của ông. Cũng có thể, Bác Xuân-Phúc (từ năm 1975, ông Paul và bà Lucie Schneider cho phép tôi được xưng-hô như thế, và ông bà gọi chúng tôi là chú thím) không đau-buồn nhiều tại mình ở xa quê Việt, bởi vì qua chữ nôm - qua thần-thái của văn-tự nôm - non-nước kia, dân-tộc kia, nền văn-hoá kia chưa hề bao giờ buông Bác ra khỏi vòng tay ấm-áp và yêu-quí. Bác Xuân-Phúc! Bác vội qui-tiên làm bạn-bè và đồng-nghiệp già trẻ của Bác ở khắp năm châu sẽ luôn luôn tưởng nhớ và mến tiếc. Xin kính chúc Bác an-hưởng hạnh-phúc vĩnh-hằng trên miền cực-lạc! Vĩnh-biệt!

(Bài của Giáo sư Nguyễn Đình-Hoà)

Đã từng yêu thích những truyện ngắn đặc sắc của Lê Minh Hà trên Văn Học, không thể không tìm mua ngay

trăng góa

tập truyện ngắn đầu tay của Lê Minh Hà

Thanh Văn xuất bản, Văn Nghệ phát hành. Giá 10 Mỹ kim

Ý kiến văn hữu và bạn đọc

Lời tòa soạn: *Sau khi Văn Học hô hào các văn hữu và bạn đọc thảo luận, góp ý về nhận định của Nguyễn Hưng Quốc và Thế Uyên đối với Ca dao và văn chương Nguyễn Đình Chiểu, Tòa soạn đã nhận được ngay nhiều thư từ đóng góp chung quanh chủ đề này, cũng như một số vấn đề dư âm từ những bài đã đăng trước đây, như bài viết của nhà văn Mai Kim Ngọc và loạt bài tranh luận chung quanh cuốn* "Thơ, v.v..và v.v.". *Đó là dấu hiệu đáng mừng. Và điều đáng mừng hơn hết là qua những bài gửi về Văn Học, lời lẽ góp ý đều giữ được cung cách trân trọng, tương kính cần thiết.*

Trong những bài góp ý đăng trong mục này, đặc biệt có bài Đỗ Minh Tuấn trả lời Phạm thị Hoài. Trên Văn Học số Xuân Mậu Dần, Tòa soạn có cho anh Đỗ Minh Tuấn biết lý do không thể đăng bài trả lời đầu tiên của anh. Đỗ Minh Tuấn chấp nhận cách giải thích của Văn Học, và chịu khó ngồi viết lại một bài khác, lần này chỉ bàn đến những điều thuộc về học thuật. Tôn trọng quyền trả lời của người bị phê phán, Văn Học xin đăng bài viết lại của Đỗ Minh Tuấn, dù cuộc tranh luận về chủ đề này đã kết thúc.

Trả lời bài " Trận con cóc"

Đỗ Minh Tuấn

Bài viết *Trận con cóc* của Phạm Thị Hoài in trên *Văn học* số 137 (9/1997) tham gia tranh luận với tôi, mở đầu và kết thúc bằng một tình thương mùi mẫn, cải lương với con cóc đang bị dập vùi dưới đạn "đại bác"của khế ước văn hoá. Tình thương ấy vừa đượm vẻ từ bi của Phật giáo phương Đông, vừa có khí thế của phong trào dân chủ phương Tây đòi. . . cóc quyền trong đời sống văn chương, lại vừa có dáng dấp tình yêu sinh vật của các quý bà quý cô trong Hội bảo vệ môi trường. Đúng là một tình

thương có tầm vóc nhân loại và thời đại, một tình thương hợp mốt được bộc lộ trong dạng thức nông nàn của phụ nữ Việt Nam trong truyền thống đánh giặc, đánh ghen!

Người Đức đã mượn mồm Nietzche tuyên bố thẳng thừng đức hạnh của cái ác. Người Tàu cũng thông qua Tuân Tử thừa nhận cái ác là bản tính của con người. Người Nga qua Dostoievski ngợi ca cái ác của tài năng. Chỉ có người Việt mới truyền cho nhau một "lô-xích-sông" những câu tục ngữ khuyên người ta hiền hậu. Vậy mở đầu bằng tình thương với con vật bị đánh oan, quy tội đối phương là ác, đó chẳng phải là võ dân tộc đó ư? Tiếp sau là "xắn váy quai cồng" cho ngôn ngữ thả phanh theo cường độ dân dã, để rồi kết thúc bằng lời đe doạ sẽ kiện, sẽ từ - đó chẳng phải là cấu trúc và lô gích của các bản diễn văn của các bà các chị ở đồng quê khi bày tỏ tình thương với con chó bị đòn, con gà bị mất đó ư? Tính dân tộc trong tranh luận đấy!

Ở cuối bài viết, Phạm Thị Hoài doạ rằng nếu thắng kiện con cóc sẽ không nhảy về đáy giếng nữa. Con Cóc vốn ở gậm giường, lại đẩy nó vào đáy giếng, biến nó thành con ếch để diễn đạt bằng được một thành ngữ Việt Nam:"ếch ngồi đáy giếng", đó chẳng phải là hiện thân cái "tạng người Việt " : "xuôi cũng được, ngược cũng xong", "dĩ bất biến ứng vạn biến, "gửi hồn Trương Ba vào da hàng thịt" đó ư?

Rõ ràng, như một nghịch lý oái oăm và thú vị, bài viết *Trận con cóc* lại hàm chứa nhiều đặc tính tích cực cũng như tiêu cực của người Việt và văn hoá Việt. Tiếc thay, tất cả những phẩm chất cốt cách đậm đà tính dân tộc đó trong tư duy của Phạm Thị Hoài lại bị chính Phạm Thị Hoài giễu cợt và chối bỏ trong nhiều lập luận mà bản chất của thái độ này tôi đã có dịp chỉ ra trong bài *Nàng dâu phương Tây thèm mất gốc* in trên *Văn nghệ* số 51-1997 - một bài viết duy nhất mà tôi buộc lòng phải sử dụng văn phong của chính tác giả để chuyển tải hết cái vị cay của ớt mà tác giả muốn đem đến cho đời. Đó cũng là cách thực thi cái phương pháp "dĩ độc trị độc " mà Phạm Thị Hoài đã chỉ ra khi chẩn bệnh cho dân tộc Việt nam. Tạp chí *Văn học* không chấp nhận in bài tôi đối thoại bằng văn phong và thái độ tương xứng, có lẽ vì muốn giành riêng cho Phạm Thị Hoài cái khẩu khí "tự do dân chủ" đó. Vì tôn trọng tờ báo có uy tín lớn của giới cầm bút hải ngoại và cũng muốn tranh thủ quyền trả lời để bàn sâu về những vấn đề lý luận mà hiện nay báo chí trong nước ít ưa dùng, cho là viển vông, không thiết thực nên tôi đã viết lại bài trả lời này để tập trung đi sâu phân tích từ góc độ học thuật chỉ ra bản chất văn hoá của những quan điểm và thái độ trong bài viết *Trận con cóc* của Phạm Thị Hoài mong gợi ra những vấn đề sâu rộng hơn những gì liên quan đến bài viết

của cả đôi bên.

"Khế ước văn hoá" - Ma quỷ hay đại bác?

Ta thử phân tích những tương quan văn hoá, xã hội và lịch sử đã tạo nghĩa cho biểu tượng con cóc trong dân gian, xem tính chất khế ước văn hoá trong thơ Con cóc có nội dung gì cụ thể mà Phạm Thị Hoài lại quyết liệt lên án nó.

Con cóc xấu xí, nằm dưới gầm giường là nơi hèn kém nhất, nhưng có dũng khí "có gan cóc tía" vùng lên xông thẳng tới Thiên Đình đấu tranh với ông Trời đòi mưa móc cho dân, nên Cóc được siêu phong một quyền lực tối cao : là cậu ông Trời, chỉ nghiến răng thôi cũng ra lệnh được cho Trời mưa xuống. Không phải ngẫu nhiên, trong đời sống người nông dân Việt Nam có nhiều con vật gần gũi như con chó, con trâu, con mèo, con gà... nhưng con cóc lại trở thành một nhân vật văn hoá xuất hiện với tần số khá lớn và một ý nghĩa khá sâu, đa chiều trong văn nghệ dân gian và văn chương bác học. Cóc sống trong văn hoá Việt Nam như biểu tượng lòng dũng cảm của người nông dân bình thường bé nhỏ, từng bị loài trê cướp cả con nhưng đã dám vùng lên khởi nghĩa giành quyền lực tối cao. Nhưng con người Việt Nam từ ngàn xưa đã cảm nhận được cái tương quan mâu thuẫn giữa quyền lực và thơ, nên con Cóc trong tư cách biểu tượng của quyền lực tối cao và biểu tượng về thân phận người trí thức (thầy đồ cóc) lại như ngẫu nhiên được giao thêm sứ mệnh là biểu tượng của một quyền uy thất bại về thi ca. Con Cóc trong bài thơ kia mang gốc gác bình dân, "nhảy ra" khởi nghĩa, rồi "ngồi đấy" trong tư cách cậu ông Trời thật chiếm chệ uy nghi cho đến lúc "nhảy đi", tiêu tan quyền lực, tan biến vào quên lãng, hư vô. Và, lịch sử bằng thơ của quyền lực tối cao của Cóc mang giá trị một thứ thơ hạng bét.

Trong lịch sử đã chẳng từng có những ông Vua xuất thân từ nông dân nghèo hèn trở thành "Cậu Trời làm mưa, làm gió", nhưng với tư cách là nhà văn hoá thì lại là hiện thân của phá hoại đó ư? Bằng cảm hứng dân chủ các tác giả dân gian đã siêu phong cho con Cóc một quyền lực tối cao, rồi cũng chính bằng cảm hứng dân chủ, họ lại lố bịch hoá Cóc từ góc nhìn văn hoá, để cân bằng lại nó với tư cách một biểu tượng đa chiều.

Nếu chấp nhận lôgíc đối trọng, đa nguyên ấy trong vô thức cộng đồng dân tộc thì thơ con Cóc phải là thơ dở. Vì tính chất dở của nó là hiện thân của khát vọng dân chủ, là quyền uy văn hoá của nhân dân. Tính chất khế ước văn hoá trong thơ con Cóc là ở chỗ nó bộc lộ một quan niệm riêng về quyền lực và thơ, một ứng xử lưỡng cực trong văn hoá Việt Nam,

một ý ngụ ý kín đáo rằng những quyền lực lớn phải bị trả giá bằng văn hoá.

Tính chất Khế ước văn hoá rõ như thế mà Phạm Thị Hoài không nhìn ra, bảo nó là ma, là không có thực. Coi "Khế ước văn hoá" là "hoang tưởng", là "ma quỷ" vô hình, là "tương quan giả", ấy vậy mà Phạm Thị Hoài lại sợ hãi nó, căm thù nó, thậm chí còn tưởng tượng nó là "đại bác" nữa kia! Con Cóc chính là Khế ước văn hoá trong lập luận của tôi, vậy mà nhà văn của chúng ta lại nhìn Con Cóc - Khế ước hoá ra "khẩu đại bác" bắn vào chính nó (!) Phải chăng, đó là dấu hiệu của hội chứng bị ám ảnh bởi các "vũ khí ngoại cỡ" ? Đây là lần thứ hai Phạm Thị Hoài bộc lộ sự ám ảnh về vũ khí. Lần đầu tiên, trong truyện ngắn về thầy A. K Phạm Thị Hoài đã khéo léo dẫn dắt chàng Jozep K. của Kafka từ lãnh địa huyền thoại triết học sang lãnh địa đấu tranh chính trị rất chi là ngoạn mục. Nếu Kafka có sống lại hẳn ông sẽ rất xúc động khi thấy mình được tin cậy giao vũ khí để xung trận trong văn Phạm Thị Hoài.

Dân tộc là gì - bản sắc hay cặn bã ?

Văn hoá dân tộc, văn hoá chế độ và văn hoá hệ tư tưởng là những phạm trù rất khác xa nhau. Tuy ở một khía cạnh nào đó chúng giao thoa và phản chiếu lẫn nhau nhưng sẽ rất sai lầm nếu đánh đồng chúng với nhau để tin tưởng rằng khi văn hoá chế độ đóng cửa thì văn hoá dân tộc và văn hoá hệ tư tưởng cũng phải hẹp hòi bảo thủ. Thực tế lịch sử cho thấy xã hội Trung hoa xưa là một xã hội đóng cửa. Nhưng sự đóng cửa của chế độ lại được củng cố và duy trì bởi sự cởi mở của hệ tư tưởng chính thống là Nho giáo với tư cách là hệ tư tưởng độc tôn. Tuy Nho giáo duy trì chế độ tông pháp, kìm hãm tư tưởng con người, nhưng nó không đòi hỏi mọi hoạt động tinh thần trong xã hội phải khoác áo học thuyết của mình như tình hình độc đoán của tôn giáo và thần học ở Châu Âu trung thế kỷ. Trái lại, nó tỏ ra bao dung thu nạp những yếu tố của các hệ tư tưởng khác như Phật giáo, Đạo giáo để tăng thêm sức mạnh. Mặt khác, tuy văn hoá truyền thống Trung Quốc với quan niệm "trọng nông ức thương" có tính chất đóng cửa, nhưng thời Tống Nguyên hoạt động xuất nhập khẩu của Trung Quốc phát triển chưa từng thấy. Đến thời Minh, Thanh mỗi năm người Trung Hoa đã nhập hầu hết số bạc do Tây Ban Nha mang từ Mỹ sang Philipin. Rất tiếc Phạm Thị Hoài đã từng tiếp cận nhiều năm với những người nghiên cứu sử học trong nước nhưng lại không nắm bắt được những nghịch lý phát triển này nên đã phạm sai lầm đồng nhất văn hoá dân tộc, văn hoá hệ tư tưởng và văn hoá chế độ một cách giản đơn để

phản ứng một cách nóng nảy cảm tính và vô lối với những thực trạng những hiện tượng mà Phạm Thị Hoài không nắm được bản chất. Trong bài *Trận con cóc*, sự ngộ nhận này lại dẫn đến những quan điểm và thái độ đối lập giữa dân tộc và nhân loại, giữa phương Đông và phương Tây mà thực chất là sự kỳ thị nông nổi do thiếu hiểu biết những vấn đề lịch sử xã hội văn minh và văn hoá.

1. ***Dân tộc và nhân loại:*** Một cái nhìn cảm tính và phiến diện với hành trình hiện đại hoá, toàn cầu hoá dễ đi đến sự đối lập dân tộc và nhân loại hơn thế nữa đi đến phủ định dân tộc và văn hoá dân tộc một cách giản đơn, coi đó là sự đổi mới, mở cửa, hướng về nhân loại. Thái độ này càng trở nên nhạy cảm khi khái niệm dân tộc bị lồng vào nội dung chế độ. Sự lâm lẫn này của Phạm Thị Hoài bộc lộ rõ trong việc đánh đồng khế ước văn hoá với hiến pháp: *"Vẽ ma quỷ dễ hơn vẽ chó ngựa. Vẽ một cái khế ước biến hoá khôn lường chẳng sợ ai biết mặt dễ hơn vẽ một cái Khế ước thiên hạ đã nhẵn mặt là hiến pháp nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam"*. (1) "Khế ước" ở đây chỉ là sự giao kèo, không phải là quy định áp đặt. Lẫn lộn, đồng nhất "khế ước" với "hiến pháp" nên Phạm Thị Hoài giẫy nảy lên khiến người ta tưởng rằng Đỗ Minh Tuấn mưu toan cấm phụ nữ Việt Nam mặc váy đầm xoè! Tuy sự ngộ nhận này tìm thấy một cơ sở rất nhỏ trong bài viết của tôi là khái niệm " Quốc tịch văn hoá", nhưng một cách đọc tinh tế sẽ nhận ra đó là cách nói hình tượng để chỉ đặc trưng văn hoá và cội nguồn văn hoá. Trong bài *Trận con cóc* vấn đề dân tộc được Phạm Thị Hoài nhìn qua lăng kính chiến tranh mà thao tác nổi bật là nhúng vấn đề vào môi trường ngôn ngữ đã bị quân sự hoá: "đánh trận con cóc", "cuộc chiến khổng lồ", "cuộc chiến rầm rộ", "kéo quân", " giữ nước", 'giặc", "kẻ thù", "người hùng", "bảo vệ độc lập tự do", "lãnh thổ bất khả xâm phạm", "nát nhừ trong tương tàn", "đại bác bắn vào con Cóc" v. v. ở đây, khẩu A. K. trong truyện ngắn của nữ nhà văn đã "lớn lên trông thấy" thành khẩu đại bác bắn vào con cóc, có lẽ vì tư duy lý luận có nhu cầu hoành tráng hơn tư duy sáng tác chăng ? Dù thế nào thì việc nâng cấp vũ khí để đối thoại về văn hoá và dân tộc với tôi vẫn có cái gì đó không thật ổn. Trước hết, tôi không hề tấn công vào con Cóc, trái lại, tôi kiên trì bảo vệ nó như là một thứ Khế ước văn hoá Việt Nam trước việc Nguyễn Hưng Quốc "đá bổng" Cóc ra khỏi địa vị văn hoá cũ. Vậy mà Phạm Thị Hoài kết tội nặng lời có tính chất kích động rằng: *"Một dân tộc, một nền văn hóa nhè đầu con cóc mà gõ ra bằng được những cái họa cỡ cực đại như diệt tộc, nô dịch, xâm lăng.."* Người ta cũng có thể học cách tư duy cải lương này để lu loa rằng cả nhân loại hắt hủi con cừu Dolly tội nghiệp, nhè đầu nó mà gõ ra những nguy cơ cực lớn! Trong hưng phấn cường điệu

vấn đề để chụp mũ theo hướng quân sự hoá, Phạm Thị Hoài đưa tôi vào hệ thống "những người hùng lạ hoắc" làm điên đảo cuộc sống của những "kẻ nhỏ nhoi". Thứ nhất, một hành vi trao đổi học thuật bình thường bị kích lên thành hành vi của một "người hùng" biểu hiện một cái nhìn thoát ly đối thoại. Thứ hai, khi tỏ ý kỳ thị với "người hùng lạ hoắc", người viết đã bộc lộ cái thói xấu thiên vị người quen của nông dân Việt. Thứ ba, người viết lặp lại ý tưởng của B. Bretch rằng nhân loại khốn khổ vì có lắm anh hùng. Không chỉ biến tôi thành một chiến binh trong cuộc chiến văn hoá, Phạm Thị Hoài còn trình bày tôi như một chiến binh trong trận chiến giữa dân tộc và nhân loại khi coi dân tộc là nơi các thế lực như Hitler ẩn nấp để tiến hành những âm mưu độc tài, phát xít và hiếu chiến. Chuyển hệ vấn đề theo hướng chính trị hoá, quân sự hoá và sướt mướt hoá như vậy để làm gì nếu không phải để xuyên tạc tinh thần các ý tưởng của tôi, nhằm kích động và chia rẽ, biến những người đang đối thoại học thuật thiện chí và lịch sự thành những kẻ thù ở hai trận tuyến đối địch, không đội trời chung ? Nếu người khác cũng dùng thủ thuật chuyển hệ như vậy thì phải chăng cũng có thể nói rằng Phạm Thị Hoài đã nã đại bác vào dân tộc và văn hoá dân tộc, xới tung lên những hận thù quá khứ người ta đang muốn quên đi, để đầu cơ nó?

Đối lập dân tộc và nhân loại là một thái độ siêu hình quá cũ, tỏ ra không hiểu được mối quan hệ biện chứng đầy nghịch lý của tiến trình hướng ra nhân loại. Những người cơ hội bảo thủ và những người cơ hội cấp tiến đều đầu cơ trên sự đối lập giả tạo và nhạy cảm này để duy trì những tình trạng xã hội và những sợ hãi ảo giác có lợi cho họ. Thực tế thì dân tộc và nhân loại là hai mặt của một đồng xu. Phạm Thị Hoài đánh đồng khái niệm dân tộc với chủ nghĩa dân tộc cực đoan:*"Nếu dân tộc không phải là một cái gì rất phiếm thì cớ sao những mục đích khác nhau đều núp tốt vào đấy? Kể từ khi Đức Quốc Xã nhấc tinh thần dân tộc Đức lên trên đầu những tinh thần khác thì nhân loại đã ngại dùng liều thuốc dân tộc độc nhiều hơn lành, song con bệnh Việt nam chắc là theo sách lấy độc trị độc. "(1)* Phạm Thị Hoài muốn nói tới một "nhân loại" nào đây? Chắc chắn trong cái "nhân loại " sợ khái niệm dân tộc, thậm chí coi nó như thuốc độc ấy chắc chắn không có những nhà khoa học như Levi Strauss, Huntington, Alvin Tofler, John Naisbitt, những người suy tư về dân tộc như một trong những cội nguồn của văn minh và tiến bộ. John Nasibitt, nhà tương lai học người Mỹ đã viết trong cuốn *Nghịch lý toàn cầu* - một cuốn sách "best seller" đã xuất bản hơn 80 triệu bản trên thế giới : *"Chúng ta càng trở nên quốc tế hoá thì chúng ta lại càng hành động mang tính dân tộc hơn; trong nghịch lý toàn cầu điều này cũng có nghĩa là*

nhiều phần tử nhỏ hơn, mạnh mẽ hơn. Mong muốn về sự cân bằng giữa tính dân tộc và quốc tế hoá luôn tồn tại ngay trong mỗi chúng ta. Ngày nay, dân chủ và cuộc cách mạng trong lĩnh vực viễn thông đã đưa sự cân bằng giữa dân tộc và quốc tế lên một tầm cao mới. Câu thần chú của thời đại mới "suy nghĩ mang tính toàn cầu, hành động mang tính địa phương" bây giờ sẽ ngược lại. Hiện nay: Nghĩ mang tính địa phương, hành động mang tính toàn cầu; nghĩ mang tính dân tộc, hành động mang tính cộng đồng."(2) Thậm chí John Nasibitt còn khẳng định rằng cuộc cách mạng trong lĩnh vực viễn thông cũng là một điều kiện mới cho sự tăng trưởng của chủ nghĩa dân tộc, bởi vì nó lan truyền mọi thứ, do đó, mọi người có thể nhìn thấy cái gì đang xảy ra ở bất cứ đâu. Ông coi tiền tệ và ngôn ngữ đã và sẽ luôn luôn là hai công cụ in đậm bản sắc dân tộc nhất : *"Các ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số trên khắp thế giới đang có tầm quan trọng mới do người ta càng chú ý bảo vệ di sản văn hoá của họ nhiều hơn coi đó là cơ bản để có thể thiết lập một thế giới thống nhất về kinh tế hơn. Tiền tệ-ngôn ngữ của thương mại đang được bảo vệ như một biểu tượng của văn hoá dân tộc và chỉ có thể thay thế khi họ bị xâm lược. Chúng ta bảo vệ ngôn ngữ và tiền tệ của chúng ta thậm chí bởi vì chúng ta đang tiến tới toàn cầu hoá trên nhiều lĩnh vực. " (2)* Cuốn *Nghịch lý toàn cầu* đã được đánh giá như một cuốn sách "vĩ đại", "tuyệt vời ", chắc chắn trong 8 triệu bản đã phát hành trên toàn cầu phải có bản dịch tiếng Đức, vậy mà thật đáng tiếc, Phạm Thị Hoài đã không biết đến " cuốn sách thiên tài của những quy luật dữ dội "(3) ấy !

Nói đến khế ước văn hoá là nói đến một cạnh khía của bản sắc mà người Việt cần đem đến cho nhân loại để làm nên đa dạng, để có cái mà bình đẳng trong giao lưu quốc tế. Bản sắc là cái mà một dân tộc tự trọng phải trình ra trước thế giới dù nó nghèo nàn lạc hậu đến đâu. *"Người ta không thể đi rất xa trên con đường tính nhiều vẻ mà không gặp nhu cầu về bản sắc (indentité), nó là nền tảng của toàn bộ sự tồn tại của con người. Chúng ta cũng không thể bỏ qua nó, với tư cách cá nhân hay tư cách quốc gia, vì khái niệm bản sắc cắm sâu vào cái vô thức tập thể và vào sự tưởng tượng của con người. "* (D. P. Schafer) (4). Trong thời đại phát triển khoa học và bùng nổ thông tin ngày nay, người ta càng hay nói đến bản sắc vì bản sắc là tiếng gọi đàn xuyên qua bao rối loạn phân ly và hỗn tạp, cố kết các số phận lại như một con đê ngăn dòng thác thời gian và lịch sử. Maurô Peesini, nhà nhân chủng học Canada đã viết : *"Cũng giống như trí tưởng tượng và tôn giáo, bản sắc biến hỗn độn thành trật tự và điều chỉnh lại thế giới bằng cách tạo cho thế giới có được ý nghĩa. Điều đó giải thích tại sao trong một số trường hợp bản sắc có thể coi như một nguồn giải thoát" (5).*

Alvil Tofler trong cuốn *Cú sốc tương lai* cũng nêu ý tưởng tượng tự khi cho rằng sự hình thành các nhóm có sở thích tâm lý giống nhau, sự chú trọng tôn giáo, sự tràn ngập của văn hoá thứ cấp và sự bày vẽ nhiều nghi lễ là một cách chống lại những cú sốc của thời đại trong chiều sâu tâm lý, tạo ra những siêu quyết dịnh nhằm tránh cho con người một sự quá tải do phải lựa chọn quá nhiều trong thời đại ngày nay. Dân tộc và bản sắc dân tộc hàm chứa trong nó cả lối sống và nghi lễ. Trong khi con người hiện đại luôn có nhu cầu tạo ra một lối sống, một văn hoá thậm chí phải "sản xuất ra nghi lễ" làm vùng đất đệm cho quá khứ và cho tương lai để giảm sốc như Alvin Tofler nhận xét, thì có lý nào lại tìm cách gạt những lối sống và nghi lễ sẵn có, truyền đời trong văn hoá dân tộc ra khỏi cuộc sống hôm nay ?

Nói "quốc tịch văn hoá" là cách nói hình tượng để chỉ bản sắc văn hoá riêng của một dân tộc nhằm phân biệt với dân tộc khác. Phạm Thị Hoài chất vấn những điều lẽ ra một người cầm bút viết văn không nên chất vấn : *"Tại sao lại phải khoanh vùng chỗ này là văn hoá Việt, chỗ kia là văn hoá ngoại nhập"* (1). Ở các nước văn minh họ đã và đang bảo vệ di sản văn hoá truyền thống bằng bao nhiêu đạo luật, bao nhiêu phương tiện, bao nhiêu tiền của. Họ cũng phải khoanh vùng những gì là bản sắc là đặc trưng của họ để bảo vệ. Nhưng chẳng ai coi hành động ấy là dân tộc chủ nghĩa hẹp hòi. Ngay cả những di sản văn hoá đồ sộ của các dân tộc mà người Pháp đã nhọc công mang về để ở các Bảo tàng ở Paris đâu phải là không còn mang quốc tịch văn hoá cũ? Lẫn lộn bản sắc văn hoá riêng với chủ quyền lãnh thổ, với "lai lịch Việt" nên Phạm Thị Hoài hạch toán chi ly những đóng góp khai sáng của các nền văn hoá khác và giễu cợt : *"Những tôn giáo lớn và tất cả các hệ tư tưởng cũng như các mô hình xã hội quan trọng nhất ở Việt Nam cho đến nay tiếc rằng đều là sản phẩm ngoại quốc, được Việt hoá tùy mức độ (...) Chậm nhất là đến giữa thế kỷ này không còn bất cứ thứ gì ở nước Việt có thể khai rõ lai lịch Việt nữa. Rất nhiều lần gạch ngoại quốc và biết bao sắc tộc Đông Nam Á chồng lên nhau, may lắm thì được gắn lại bằng keo hồ Việt Kinh. Song, một lâu đài nguyên vẹn kiểu như vậy cũng chẳng còn" (1).* Một cái nhìn dung tục về văn hoá toàn qui về vật thể, với những từ ngữ chỉ về địa chỉ và kích cỡ như thế, hẳn sẽ coi những người Do thái tha hương, lang thang là những kẻ vô văn hoá, coi văn hoá Do Thái chỉ là thứ văn hoá có hồn không có xác như văn hoá Việt : *"Không thể đưa ra một hình nộm bảo nó nhập vào. May ta nhặt nhạnh được mảnh xác nào của nó thì chụm lại mà hy vọng nó đậu xuống đấy một lát"?* (1).

Cùng sử dụng những yếu tố ngoại nhập như nhau nhưng các nền văn

hoá có các kiểu phối hợp khác nhau tạo ra bản sắc riêng. Đã là bản sắc thì giá trị của nó là sự độc đáo, sự khác biệt so với bản sắc khác, chứ không nhất thiết là đẹp hơn, ưu việt hơn, xuất sắc hơn. Lẫn lộn cái bản sắc với cái ưu trội tất yếu đẻ ra sự so sánh kích động coi văn hoá Việt Nam là cái gương phỉnh nịnh trên tường để thưa rằng không ai đẹp được dường như ta. Dù cố ý hay không thì bản thân sự so sánh đó đã là xuyên tạc. Tôi đâu có lúc nào đặt văn hoá Việt Nam cao hơn văn hoá khác như cách suy diễn tuỳ tiện của Phạm Thị Hoài.

Phạm Thị Hoài thở than rằng bản đồ văn hoá Việt Nam "nhòe và rách" chứng tỏ chưa ý thức hết những đặc trưng văn hoá dân tộc trong máu thịt của mình. *"Nhòe"* chính là Việt Nam đấy: dung hoà, giao thoa, cộng sinh, chẳng có ranh giới gì rõ rệt và ổn định, mất hẳn những tương quan xác định chỉ còn những tương quan ước lệ. *"Rách"* cũng là Việt Nam: phân ly, chia rẽ, đố kỵ gầm ghè, *"loạn mười hai sứ quân"*, *"phép vua thua lệ làng"*, *"rách như tổ địa"*. Tiếc rằng, Phạm Thị Hoài trong khi tỏ ra không có ý thức về một mã văn hoá nào đó của dân tộc lại bộc lộ cái quan niệm cho rằng đặc trưng văn hoá Việt nam là khai thác cặn bã của người khác để sống, vì thế nên mới chất vấn một cách khinh thị rằng sao không cử Thành hoàng làng Cổ Nhuế làm đại sứ văn hoá Việt nam. Nếu nói rằng quan niệm này là sự hạ thấp, nhục mạ dân tộc thì e rằng chưa đủ cơ sở thuyết phục, vì Phạm Thị Hoài là một nhà văn tỏ ra cởi mở trong sự nhìn nhận, khai thác và cộng sinh với cái dung tục nói chung và với những biểu hiện sex nói riêng, không thể lại coi phân rác là cái gì nhơ bẩn xấu xa và coi nghề hót phân là một cái nghề nhục nhằn, thấp kém. Ngay trong bài *Trận con cóc*, Phạm Thị Hoài cũng bộc lộ một khẩu khí tự do đầy màu sắc SEX. Hàng loạt từ ngữ gợi cảm được tung ra trong lập luận : *"to"*, *"nhọn"*, *"nhẫn thín"*, *"khẩu đại bác"*, *"cái bé thành to"*, *"cái to thành khổng lồ"*, *"thực sự khổng lồ lại tiêu tan"*, *"lên cơn nhược tiểu tự ngót" (!) "thử đặt chúng cạnh nhau chứ không ghép nổi"*, *"xuôi cũng được ngược cũng xong"*, *"luẩn quẩn vướng chân nhau"*, *"không ghê tay"*, *"làm sướng tai"*, *"ngầm ngửi ra một mùi gì"*, *"lật từ ướt sang khô:*, *"phải đút nút"*, *"kịp chui ra"*, *"sẽ nhảy nữa"*, *"ra ngoài chiếu"*, *v. v và v. v.* Và ngay trong nỗ lực đòi tư cách thi sĩ cho con cóc đầy quyền lực, Phạm Thị Hoài cũng chỉ giành cho con cóc một chỗ trên chiếc - chiếu-thơ Việt Nam mà không đòi giành cho cóc một chỗ trong Salon - thơ là nơi nhà văn của chúng ta đã có cả một hành trình thâm nhập thực tế để viết *Marie Sến*! Phạm Thị Hoài bị ám ảnh bởi chiếc chiếu dân tộc hay đây cũng chính là một thứ ngôn ngữ Hồ Xuân Hương trong lý luận. ? Thật khó cắt nghĩa thái độ bất công của nhà văn ở đây : cởi mở, khoan dung với bộ phận sinh dục

nhưng lại kỳ thị với cái dạ dày và sản phẩm của nó ! Nhập thế, thanh cao như nhà Nho còn đem chuyện ăn phân người ra để làm gương răn dạy về đạo hiếu. Xuất thế, diệt dục như nhà Phật cũng còn lấy cụm từ "que cứt khô" làm công án cho thiền sư tu luyện và đưa tất cả những cặn bã tanh tưởi vào Kinh để giáo dục đức hạnh giải thoát cao siêu. Cặn bã thực, phân thực còn được nhìn nhận từ góc độ triết học như vậy, huống chi là một tín ngưỡng dân gian của một xứ sở nghèo. Tôn giáo, tín ngưỡng dù ở cấp độ nào, quy mô nào đều là hiện thân đời sống tâm linh của con người, đều đáng trân trọng và đối xử bình đẳng, nhân văn. Không thể có thái độ chỉ nhìn vào quy mô nhà thờ, kích thước vật thờ để trọng vọng những vị thần quý tộc, kỳ thị và khinh bỉ những vị thần bình dân. Chủ nghĩa thành phần ở đây có cái gì bất ổn về văn hoá. Nó vừa bộc lộ mặc cảm về sự nghèo khổ, vừa cấp thêm bằng chứng về một quan niệm văn hoá thiên về vật thể, vừa xác định tầm văn hoá của cái cười. Trong các truyện ngắn của mình, Phạm Thị Hoài thường giễu cợt cái nghèo, cái khổ mà hầu như không khám phá ra trong đó những nỗ lực văn hoá, những khát vọng cao thượng và những thiệt thòi oan trái của thân phận con người để chia sẻ, chắp cánh và khâm phục. Bát cháo hành của Thị Nở thật là nghèo, nhưng dưới cái nhìn của Nam Cao, cuộc tình của thị và Chí Phèo thật đầy nhân tính và thật cảm động. Nếu được Phạm Thị Hoài mô tả chắc quan hệ Chí Phèo Thị Nở sẽ trở nên một cuộc tình nhếch nhác, thú vật, thậm chí chen chúc với thú vật nữa nếu như nhà văn tả kỹ cuộc làm tình bên cạnh hang cóc, có cả chú cóc to sù nhảy lên bụng Thị Nở giữa hai nhịp giao hoan làm thị rú lên ! Và nếu ai có phê phán chi tiết đó thì nhà văn của chúng ta sẽ lại sẵn sàng kết tội ngoa ngoắt rằng: "chiếu tình nước Việt tưởng không hẹp mà sao bí chỗ đến nỗi phải xua đuổi một con cóc bé bỏng, đáng thương"(!)

Cái nghèo tự nó chẳng đáng cười, nó chỉ đáng cười khi nó tải theo tâm lý và tính cách trưởng giả, đua đòi, hình thức khoa trương. Mâm cơm trên đường đi cũng như cái cột giữa phòng họp cơ quan trong *Marie Sến* tự nó chẳng đáng cười như Phạm Thị Hoài đã cười, nó chỉ đáng cười nếu nhà văn để cho vị thủ trưởng huyênh hoang vung tay diễn thuyết va vào nó đau điếng, từ đó trở nên trù dập nó, kỳ thị nó và cả cơ quan coi nó như vật chuẩn để cấu trúc bàn ghế cho các cuộc họp sao cho thủ trưởng có tự do trong nguyên vẹn nhân cách của ông ta. Đó là cơ chế giao thoa trong cái cười mà Bergson đã chỉ ra. Có thể Phạm Thị Hoài vì muốn cái cười của mình mang đậm tính dân tộc nên đã tiếp thu cái nhìn dân gian của nông dân Việt nam coi sự chui rúc vào cặn bã đời sống là một cảnh ngộ bần cùng nhất, thấp kém nhất đến nỗi các tác giả dân gian đã trừng phạt

Lý Thông bằng cách cho hắn bị sét đánh biến thành con bọ hung suốt đời dũi cứt. Nhưng Phạm Thị Hoài đã không hiểu rằng trong khi phát huy sai lệch quan niệm đó của dân gian để xúc phạm những người nghèo sùng tín và vô tội làng Cổ Nhuế, thì người viết đã đồng thời tự xúc phạm mình, coi việc khai thác say mê các chất liệu cặn bã đời sống xã hội trong sự nghiệp văn chương của mình cũng giống như công việc của chàng Lý Thông kia! Tuy con bọ trong *"Biến dạng"* của Kafka có khác về dung nhan con bọ hung trong truyện dân gian Việt nam, nhưng về bản chất văn hoá và thẩm mỹ thì đâu có khác. Phạm Thị Hoài đòi cử Thành Hoàng làng Cổ Nhuế làm đại sứ văn hoá Việt nam vì không ý thức được rằng chính mình từ lâu đã làm công việc đại diện cho những người dân làng này trong sự "biến dạng", thăng hoa của hình thức văn chương. Vì thế, nếu sự nghiệp văn chương của Phạm Thị Hoài có thành đạt thì cũng đừng vội quên cái dân tộc đói nghèo lam lũ nhược tiểu đã "hiến dâng" cặn bã của đời sống để âm thầm nuôi con bọ hung biến dạng từ con gián của Kafka vĩ đại.

Có ai đó ưu ái văn chương Phạm Thị Hoài đã biện hộ cho việc nhà văn mô phỏng giọng văn Kapka rằng giọng văn mô phỏng này có chất hài hước mà Kafka không có. Biện hộ này là bất cập vì đã tỏ ra không hiểu Kafka. Kafka là người tin tưởng ở Thượng Đế, Sau khi tuyệt vọng thất bại trong những nỗ lực tiếp cận Thượng Đế - cũng là cái tuyệt đối - Kafka hy vọng trông cậy nơi nghị lực của chính con người. Thái độ triết học này hoàn toàn khác với thái độ hư vô, vô thần và cũng tích cực hơn thái độ mê tín, nô lệ vào tuyệt đối. Đó là thái độ của con người sau một hành trình kiếm tìm cái tuyệt đối đã giác ngộ ra sức mạnh của chính mình, hy vọng ở chính con người nhưng vẫn không phủ định sự tồn tại của Thượng Đế. Thái độ siêu hình thần học đó vừa khôi hài lại vừa dí dỏm một cách điềm đạm, thâm trầm. Cái hài hước trong văn Kafka có chiều sâu minh triết mang màu sắc trầm mặc của phương Đông và kêu gọi con người giã từ ảo vọng để tự sáng tạo lấy đường đi. Do đó, văn chương Kafka có một tầm vóc tư tưởng cao siêu mới mẻ, một thái độ tích cực tin tưởng nơi nghị lực con người. Văn chương Phạm Thị Hoài dù thể hiện rõ nỗ lực mô phỏng giọng văn Kafka, nhưng tư tưởng và thái độ thì lại hoàn toàn ngược lại. Phạm Thị Hoài không bộc lộ niềm tin nơi Thượng đế, trái lại bộc lộ thái độ đoạn tuyệt với mọi quá khứ, nhất là quá khứ đã được tuyệt đối hoá.

Phạm Thị Hoài giễu cợt phanh phui và thưởng thức những đau khổ của con người, thậm chí nhìn quá kỹ vào những nhếch nhác đau khổ đó để phô diễn năng lực phanh phui và khả năng vô cảm. Chưa bao giờ ta thấy trong văn chương Phạm Thị Hoài ánh lên một niềm tin nơi sức mạnh tự giải phóng của con người. Không có Thượng đế, không có quá khứ, không

có sức mạnh, không có tương lai, con người trong văn Phạm Thị Hoài hầu như chỉ còn là một thứ hình nhân trong những cửa hàng Nhật Bản phục vụ nhu cầu đập phá, nổi loạn của những ai muốn xả những tức tối bị kìm nén ngoài đời. Do đó, dù cho nhà văn tỏ ra rất khôn khéo trong việc chuyển hệ từ văn hoá sang chính trị khi cả gan lấy cả cái tên cúng cơm Jozep K. của nhân vật chính trong văn Kafka để chế tạo thành nhân vật A. K. trong truyện ngắn của mình, nhưng sự cải biên này không hề mang ý nghĩa sáng tạo mà, trái lại, có tính chất xuyên tạc và phá hoại giống như những người Việt Nam thực dụng và thiển cận đã phá cả cỗ máy ở bến Cảng chỉ để lấy một vài linh kiện chế biến thành những vật dụng thô sơ trong cuộc sống đời thường. Cái chất châm biếm mà ai đó tưởng là sự bổ sung cho giọng văn Kafka thực chất là sự phá hoại Kafka về tư tưởng và thẩm mỹ sâu sắc nhất vì đó chỉ là sự vùi dập độc ác với con người trong chính cảnh ngộ nó đã được Kafka chia sẻ, nâng đỡ và tin cậy. Cội nguồn văn hoá của tiếng cười phá hoại này được bộc lộ trong bài *Trận con cóc* mà chúng tôi đã phân tích trên đây

Đối lập Phương Đông và phương Tây

Phạm Thị Hoài viết :*"Ai đã từng ăn xúp tế độ có thể khổ sở nhận ra rằng, phương Đông đáng tiếc từ lâu là cái thùng khổng lồ của lòng từ bi kia, mỗi bát múc ra giống trăm ngàn bát, và chẳng có gì để mà nhằn, dẫu là xương chuột"* (1). Nói như vậy là tỏ ra không biết những tri thức tối thiểu về những đóng góp khoa học kỹ thuật lớn của Phương Đông với những phát minh lớn từ A đến Z như con số 0, đại số học, xe kút kít (trước phương Tây 1000 năm), kim la bàn, máy đo địa chấn, đai cổ ngựa, lịch, đồng hồ, kính thiên văn, thuốc súng, súng thần công, kỹ nghệ làn giấy, kỹ nghệ in, kỹ thuật thuỷ lợi, v. v. cùng nhiều nguyên lý lớn mà khoa học hiên đại ngày nay đang áp dụng như nguyên lý về từ tính là đóng góp điển hình của Trung Quốc cho châu Âu. Mười lăm thế kỷ đầu sau công nguyên, Trung Hoa phát triển hơn phương Tây trong các kỹ nghệ chế tạo dụng cụ. Trước thế kỷ 17, nền văn minh Trung Quốc đã từng chiếm địa vị hàng đầu trên thế giới. Đó là chưa nói đến đóng góp của những nền văn minh lớn khác như Ấn độ, Ả rập với những cống hiến khoa học lớn cho nhân loại như hệ đếm mười, số thập phân, số âm mà theo Will Durant là một toán học cao hơn toán học Hy lạp với những phát minh mà hai thiên tài bậc nhất thời thượng cổ là Archimed và Apolloniuts cũng không tìm ra được. Ngay từ thế kỷ thứ 8, người Ấn độ đã giải được những phương trình vô định bậc hai mà phải một ngàn năm sau vào thời của Euler châu Âu

mới biết cách giải v. v. Trong năm nền văn minh lớn thời cổ đại thì có bốn nền văn minh thuộc phương Đông. Khi thoá mạ, chê bai văn hoá phương Đông, Phạm Thị Hoài vừa tỏ ra thiếu hiểu biết về lịch sử văn minh, vừa gián tiếp phủ nhận đóng góp của những nhà văn hoá lớn của phương Tây như C. G. Jung (Áo), Roberto Assgioli (Ý) - những nhà phân tâm học khai thác tiếp thu Kinh Dịch, Phật giáo và Đạo giáo ; Konrad, M. Granet, J. Neednam (Pháp), Suzuki (Nhật) - những học giả đề cao, quảng bá văn minh phương Đông và tư tưởng Phương Đông. Khi tỏ ý coi khinh người Việt và văn hoá Việt, người viết thực sự đã vô ý vẩy mực vào mặt những học giả đáng kính như Hoàng Xuân Hãn, Nguyễn Hiến Lê, Nguyễn Đăng Thục, Nguyễn Văn Trung, Kim Định, Nguyễn Duy Cần - những người đã dành cả cuộc đời khảo cứu tôn vinh văn hoá Việt Nam.

Thực ra, người phương Đông vốn mang nặng mặc cảm tự ty trước những khai sáng của phương Tây, chính người phương Tây lại đề cao văn minh phương Đông trước, đề cao đến mức làm cho những người phương Đông chịu đọc sách Tây phải ngẩn ngơ nhận ra những giá trị lớn lao của tổ tiên mà mình toan hủy hoại và dày xéo. Tôi trích dẫn sách Tây không phải vì phương Đông không có sách để trích, mà chỉ muốn giới thiệu những ngón tay chỉ về phương Đông từ chính phương Tây. Chính phương Tây, từ tầm nhìn của phát triển, đã nảy sinh nhu cầu phục hưng lại văn minh phương Đông để làm bạn đồng hành triết học, đưa phương Đông nghèo đói, nhục nhằn và minh triết vào cùng một cuộc chơi mới là: Văn hoá vì phát triển. Nếu chúng ta hôm nay có đề cao văn minh phương Đông và làm cổ động viên cho sự phục hưng của nó, thì không phải là đối lập với phương Tây, mà chính là đang tiếp nối triển khai ý nguyện của phương Tây trong kế hoạch toàn cầu làm căn bản tinh thần cho sự tiếp thu văn minh phương Tây để xoá bỏ dần cái nghèo, cái nhục, cái nô lệ ngàn năm, xây dựng một tương lai giàu có, văn minh và dân chủ. Mặt khác, nếu vẫn cứ kỳ thị Đông Tây để dè bỉu chê bai văn hoá phương Đông thì chẳng những tỏ ra không hiểu gì về thành tựu tinh thần của chính phương Tây, mà còn gián tiếp phá hoại những chiến lược văn minh mà phương Tây đang nỗ lực giáo dục và thực hiện. Giờ đây, những ai không ý thức được sự cộng sinh văn hoá Đông Tây chỉ là công dân của thế kỷ 19 mà thôi!

Lịch sử nghiên cứu về phương Đông của giới học giả phương Tây từ trước đến nay đã có nhiều cống hiến lớn với nhiều công trình khoa học đồ sộ, công phu và thiện chí, vậy mà vẫn có những học giả như Edward W. Said - chuyên viên nghiên cứu nâng cao về khoa học ứng xử ở Stanford (California) không thoả mãn, thậm chí còn cho rằng toàn bộ ngành Đông phương học của phương Tây bị chi phối bởi cái nhìn đế quốc, cái nhìn hạ

cố và khai thác. Trong công trình Đông phương học xuất bản ở New York năm 1994, Edward W. Said đã phê phán có hệ thống cái nhìn này và đề nghị một cái nhìn bình đẳng, khách quan và học thuật về sự tương tác văn hoá Đông Tây như là hai mặt quy định nhau, định nghĩa nhau, kích thích nhau, cạnh tranh nhau, sản sinh ra nhau trong cùng một tiến trình văn minh nhân loại. ý nguyện của tác giả là "vượt qua được những khoảng chia cách có tính chất đế quốc giữa Đông và Tây", chỉ ra cái thực tế là các học giả xuất sắc nhất của ngành Đông phương học "đều có thái độ bề trên và ghét những người phương Đông mà họ cai trị hay nghiên cứu", " chưa bao giờ lắng nghe họ và tha thứ cho người phương Đông vì họ là người phương Đông" (6). Công trình thiện chí này đã bị hiểu là công trình biện hộ cho đạo Hồi và lén lút chống phương Tây. Những ý kiến cũ kỹ, sơ sài, định kiến và cảm tính của Phạm Thị Hoài về phương Đông trong bài *Trận con cóc* nếu so về trình độ và thiện chí với những công trình của các học giả phương Tây thì chỉ như hạt cát trong sa mạc, nhưng lại chất chứa trong đó một thái độ đế quốc, bề trên cuồng nhiệt hơn và trắng trợn hơn gấp bội. Hơn thế nữa, trong thái độ với phương Đông và dân tộc của Phạm Thị Hoài còn hàm chứa cả những phản ứng quy kết những người khẳng định văn hoá phương Đông, văn hoá dân tộc là những người lưu hành " độc dược", chẳng khác gì những người đã quy kết công trình của Edward W. Said. Người ta có thể liên tưởng tới một không khí chính trị văn hoá nhạy cảm trong vấn đề này để hiểu và thông cảm cho Phạm Thị Hoài như là một người bị ảnh hưởng muộn màn và hời hợt, nhưng thật khó thông cảm với cái thái độ đế quốc *second-hand* mà người viết đã bộc lộ một cách thật thà, đậm nét, khoa trương trong cung cách ngôn ngữ quân sự hoá, vũ khí hoá và trong tư thế của một người phương Tây nói với người phương Đông (!). Và thật mỉa mai, một cô gái phương Đông có thái độ đế quốc khi nhìn về quê hương phương Đông, thích đối thoại bằng ngôn ngữ quân sự hoá lại không biết rằng chính phương Đông đã đẻ ra thuốc súng làm nền móng cho thái độ đế quốc và tư duy thiên về súng ống của mình!

Cái nhìn nô lệ về ngôn ngữ

Thế giới ngôn ngữ của nhà văn là biểu hiện nhân cách cá tính và tự do sáng tạo của anh ta, là một phần của thế giới văn hoá riêng mà anh ta trọn đời xây dựng theo một tiến trình riêng, một bản lĩnh riêng hầu như không bị chi phối bởi thể chế chính trị hiện hành, trái lại, trong nhiều trường hợp là mặt bổ sung, đối trọng và thanh tẩy của " hệ ngôn ngữ

chính thống". Nhà văn đích thực luôn có bản lĩnh cật vấn ngôn ngữ của thời đại mình, lộn trái nó ra để tìm kiếm những dấu vết nhỏ bé nhất của thân phận con người trong đó. Vì thế, ngay cả khi anh ta dùng lại nguyên xi những từ ngữ phổ biến của đời sống anh ta cũng đã cấp cho nó một linh hồn thẩm mỹ mới khiến cho ngôn ngữ chính thống trở thành ngôn ngữ tự thú. Ngôn ngữ của các nhân vật trong truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp là như vậy. Mặt khác, cùng sử dụng những từ ngữ như nhau, nhưng mỗi người viết lại đưa chúng vào những mã văn hoá khác nhau, do đó, về bản chất văn hoá và thẩm mỹ chúng có nội dung và sắc thái khác xa nhau. Khi đối chiếu ngôn ngữ của tôi với những định hướng hay tập quán của một thể chế để quyết đoán rằng những từ : *"bàng bạc của linh hồn"*, *"đền thờ âm tính"*, *"vùng đất hứa"*, *"Ông Đỗ Minh Tuấn dùng rất cuống, như sợ ngày mai chẳng kịp, mới mười hai năm trước còn là hàng chợ đen không có trong từ vựng xã hội chủ nghĩa"* (1) thì đó vừa là biểu hiện của cái nhìn cảm tính, thiếu hiểu biết về bản chất văn hoá xã hội của ngôn ngữ văn học, vừa tỏ ra thiếu ý thức, thiếu niềm tin vào tự do ngôn ngữ của nhà văn, vừa đề cao một chiều quyền lực chính trị đến mức bị ám ảnh bởi những thứ mà một nhà văn có bản lĩnh không bao giờ lấy làm hệ chuẩn để tư duy và đo đạc đồng nghiệp. Thực tế là từ hai mươi năm trước những từ ngữ mà Phạm Thị Hoài cho là hàng chợ đen, không có trong từ vựng xã hội chủ nghĩa ấy đã được tôi viết trong nhiều bài báo và đặc biệt là trong cuốn *"Phúc thẩm án Juđa"* viết năm 1978 (7). Cuốn sách này và nhiều bài viết khác đến nay chưa in ra được trong nước, cũng chưa gửi đi in ở nước ngoài. Tôi có cuống đâu? Hầu như trong mấy chục năm qua tôi chưa bao giờ sử dụng những từ mà Phạm Thị Hoài gọi là "từ vựng xã hội chủ nghĩa". Trong khi đó, hôm nay phát ngôn trên đất Mỹ Phạm Thị Hoài vẫn bơi lặn vẫy vùng trong một biển từ quá cũ : "chủ nghĩa duy vật ", "văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa", "cường hào địa chủ", "đề cương văn hoá", "cấp phát theo tem phiếu", "chiến tranh nóng", "chiến tranh lạnh", "lai lịch", "đô hộ", "ngọn sóng vĩ đại của cách mạng vô sản", "phong kiến phản động", "cởi trói", "chính nghĩa" v. v. Dù lộn trái ra để mặc thì quần áo cũ vẫn là quần áo cũ. Tôi có bao giờ dùng những từ ngữ ấy trong những bài viết của mình đâu (8) mà dám dựng chuyện rằng tiếng Việt của tôi "đổi thay xoành xoạch", tôi phải "lén chôn" những tiếng Việt cũ đi ?

Nhà văn có tài là kẻ biến ngôn ngữ thành nhà tù của kẻ khác, vì sáng tạo ra những ngôn ngữ ám ảnh người đọc chính là tước đi tự do của anh ta, dùng ngôn ngữ giam con người trong sự ám ảnh để giáo giục con người, tra vấn hắn, bắt hắn lộn trái toàn bộ nhân cách ra để tự suy xét xem mình có phải là kẻ bị ngôn ngữ kia đặt lên vành móng ngựa không. Chính vì

thế, văn chương ám chỉ là có năng lực giáo dục hơn văn chương luận tội. Bản lĩnh văn hoá của người đọc luôn luôn là sức mạnh vượt lên những ám ảnh của những ngôn ngữ thấp, tự do trước nó, không bị nó tra vấn. Người ta có những phương thức tự do trước ngôn ngữ đã được kiểm chứng trong đời sống dân tộc như sau:

1-Hư vô hoá ngôn ngữ - Dùng nội lực văn hoá vượt lên trên những tầng ngôn ngữ thấp, công cộng, tân văn, hư vô hoá nó, coi như không có nó để không bị nó ám ảnh, bắt làm tù binh. Trong thực tế, nhiều ngôn ngữ giả tạo, mòn sáo, hình thức, không có nội dung thực tế vẫn xuất hiện hàng ngày trên các báo lớn và trong nhiều văn bản nhà nước, nhưng đa số nhân dân không quan tâm tới thứ ngôn ngữ ấy, không nhắc tới nó, không sử dụng nó, không để nó lọt vào trường tư duy. Đó là bản lĩnh của những người ngư dân, họ lặn sâu trong nước để bắt cá nhưng không để nước ập vào trong cơ thể. Phương thức tự do này là phổ biến trong người dân Việt nam.

2-Thoả hiệp ngôn ngữ - Khi bắt buộc phải đối diện với những ngôn ngữ tải những tư tưởng khác, người Việt nam ít có thói quen dừng lại để tiến hành những cuộc chiến tranh tư tưởng trên trận địa ngôn ngữ mà thoả hiệp về ngôn ngữ, chấp nhận sự hiện diện dưới hình thức ngôn ngữ của những lực lượng đối địch để vượt qua giai đoạn xung đột lý thuyết, giành lấy thắng lợi trong thực tế.. Đó là trường hợp ngôn ngữ trong các văn bản nghị quyết, cam kết, hiệp định v. v. hình thành bởi các thế lực đối lập hay khác biệt. Cấu trúc ngôn ngữ trong các văn bản loại này thuờng là rất phức tạp, dài dòng, nhiều mệnh đề phụ gán vào nhau, giằng kéo nhau, tạo nên ảo giác về sự toàn diện, nhiều chiều, nhưng thực chất không theo một lô gích nào thuần chất và sáng tỏ. Cấu trúc đặc biệt đó chính là sự thoả hiệp về ngôn ngữ của các lực lượng và xu hướng đối lập, do không đủ thời gian và trình độ để đi đến cùng những vấn đề nguyên tắc tạo nên nhất trí tư tưởng thực sự, nên đã giả vờ nhất trí bằng cách lắp những ý kiến khác nhau, ngược nhau vào một cấu trúc để thông qua dễ dàng, nhưng khi thực hiện thì phe phái nào làm theo ý của phe phái ấy nhưng các phe phái đều tìm thấy cơ sở trong hiệp định hay nghị quyết. Cấu trúc ngôn ngữ đã được các bên biểu quyết bị tan ra trong thực tế cuộc sống theo cơ chế hợp tác giữa anh nông dân và con gấu trong truyện cổ tích. Họ nhất trí với nhau về đường lối "anh lấy ngọn tôi lấy gốc", nhưng khi thực hiện anh nông dân lại trồng loại cây có lợi cho mình. Vậy là, ngôn ngữ trở thành bức bình phong che khuất tư tưởng thật và đóng vai trò một nhịp cầu đưa con người vượt qua những thách đố, xung đột về lý thuyết để bước tới tự do trong hành động.

3-Thay hồn ngôn ngữ - Trong văn hoá phương Đông, việc sử dụng các linh kiện ngôn ngữ có sẵn, mòn sáo, phi bản sắc, phi cá tính (các điển cố, các công thức diễn đạt tân văn.. .) để nói ẩn ý của mình là một phương thức tự do ngôn ngữ khá phổ biến mà bản chất thẩm mỹ độc đáo của nó đã được R. Barthes đã gián tiếp đề cập đến một cách sâu sắc trong cuốn *Độ không của lối viết*. Các từ ngữ mòn sáo, hạn hẹp, cũ kỹ trở nên giống như những tin hiệu ZIP trong computer nén những thông điệp sống động, mới mẻ, riêng tư sẵn sàng nở tung ra trong những cơ chế tiếp nhận cùng kênh, cùng hệ. Thậm chí, những từ ngữ mệnh đề mòn sáo, già cỗi lại được hồi xuân, trở thành vật tải những năng lượng văn hoá dân gian, thậm chí mang một nội dung hoàn toàn đảo ngược như các từ *bộ đội, quân khu* mà tôi đã có dịp đề cập đến trong bài trả lời Nguyễn Hưng Quốc in trên *Văn học* số 1+2 -1998.

Vậy là, bản lĩnh của con người Việt nam trước ngôn ngữ chính thống đã đạt tới nhiều trình độ tự do, nhiều phương thức tự do độc đáo mang đặc trưng văn hóa Việt nam truyền thống là tính chất đảo thai hoán cốt, mượn xác thay hồn gây khó hiểu và bất lực cho những người phương Tây quen sống với ngôn ngữ khoa học và pháp lý. Phải xem xét ngôn ngữ của nhà văn trong tương quan với các phương thức tự do về ngôn ngữ trong văn hoá Việt nam mới có thể nhận diện, giải mã và đánh giá công bằng, chính xác và sâu sắc.

Trong quan điểm của Phạm Thị Hoài về ngôn ngữ bộc lộ rõ người viết chưa đạt tới, thậm chí chưa hiểu được trình độ tự do ngôn ngữ sơ đẳng nhất của người Việt nam là bản lĩnh hư vô hoá những ngôn ngữ xác xơ chính thống của giới cầm quyền, đứng cao hơn những ngôn ngữ mà mình cho là giả dối, hẹp hòi cũ kỹ và thấp kém. Những người dân lao động bình thường từ hai mươi năm trước đã biết hài hước hoá những từ ngữ trọng đại nghiêm trang như "sứ mệnh lịch sử" để sáng tạo ra những truyện tiếu lâm hiện đại như câu chuyện Phạm Thị Hoài đã đem kể lại làm quà trong bài *Trận con cóc*. Vậy mà, một nhà văn ưa châm biếm như Phạm Thị Hoài đến tận hôm nay vẫn bị ám ảnh bởi những "từ vựng xã hội chủ nghĩa" có từ nửa thế kỷ trước, vẫn thật thà tin vào những nội dung bề nổi của những thứ ngôn ngữ đã quá vãng như những bậc thang mà lịch sử Việt nam đã vượt qua trên con đường tìm kiếm tự do, hơn thế nữa, còn chấp nhận những từ ngữ ấy như một thực tại, đối diện với nó một cách bình đẳng và có phần bất lực để công phá nó một cách nghiêm túc. Thực chất là, ở đây, Phạm Thị Hoài đã tỏ ra không hiểu ngôn ngữ Việt nam và vì thế không có tự do trong lý luận, chỉ loay hoay đập phá trong khuôn khổ những nhà tù ngôn ngữ mà đời sống dân tộc đã tạo ra như để thử thách tự do của các nhà

văn. Khi dồn hết sức lực để đấm vào những bức vách ngôn ngữ trong quá khứ, Phạm Thị Hoài giống như kẻ cuối cùng bị bỏ quên trong ngục Bastille, thét lên những tiếng thét đòi giải phóng khi những người Pháp đã kỷ niệm hai trăm năm ngày cách mạng kéo cờ tự do trên bầu trời Paris ! Không chỉ tư duy bằng những từ ngữ cũ và đầy màu sắc chính trị, trên thực tế chính Phạm Thị Hoài đã "lén chôn" tiếng mẹ đẻ của mình khi để nghị dịch giả căn cứ vào bản tiếng Đức để chuyển ngữ truyện ngắn của mình sang tiếng Pháp dù nó được sáng tác bằng tiếng Việt. Xưa nay, chưa có nhà văn đích thực nào trên thế giới coi khinh ngôn ngữ dân tộc mình. Ngay cả những nhà văn lưu vong lớn như Jozep Brodsky cũng vẫn luôn đau đáu với tiếng Nga. Và, nỗi nhớ khắc khoải với tiếng nói quê hương cũng là một tiếng thét đòi quyền sống và viết bằng tiếng mẹ đẻ mà vì những lý do chính trị xã hội nào đó, nhà văn đã bị tước đi. Phải chăng, do nhà văn mang mặc cảm nhược tiểu nên tưởng rằng gắn với ngôn ngữ dân tộc là không vinh dự, hay là, khi sách được in ở Pháp ghi dịch từ bản dịch tiếng Đức thì kích cỡ quốc tế của nó sẽ " lớn lên trông thấy" ? Chắc chắn những người Việt hải ngoại sử dụng ngoại ngữ thành thạo hơn Phạm Thị Hoài và đã thực sự hoà nhập vào cuộc sống của các xã hội văn minh nơi họ sống chứ không phải còn đang ở trình độ vọng ngoại của mấy anh chị quê mùa trong nước, vậy mà, họ vẫn ngày đêm bị tiếng Việt giày vò, phải dùng nó để sáng tạo ra cả một nền văn học hải ngoại như là một bộ phận độc đáo của văn hoá dân tộc cần được nhìn nhận một cách công bằng, nghiêm túc và khoa học. Nếu tờ *Văn học* của người Việt hải ngoại ấn hành ở Mỹ bằng tiếng Anh thì chắc gì Phạm Thị Hoài đã có dịp bộc lộ thái độ kỳ thị với dân tộc trong đó có những người Việt tha hương! Phải chăng, do lầm tưởng rằng những người Việt hải ngoại luôn định kiến và ác cảm với dân tộc và ngôn ngữ dân tộc nên Phạm Thị Hoài cố khoét sâu vào những khía cạnh nhạy cảm đó để gây ấn tượng?

Thực tại, định hướng, tương quan và hòn bi dưới đáy con lật đật

Phê phán khái niệm Khế ước văn hoá của tôi, Phạm Thị Hoài cho rằng đó là một biểu hiện của hội chứng *"hoang tưởng (...) là những chứng nhẹ trong bệnh mất thực tại, mất định hướng, mất tương quan" (1)*. Đây là phát hiện sắc sảo của bác sĩ thần kinh nghiệp dư, là một cách tự vệ khôn ngoan hay chỉ là sự phản ứng thật thà từ những quan niệm cũ?

Sự phát triển của văn minh nhân loại với đà tăng tiến của cộng sinh văn hoá Đông Tây đã tất yếu dẫn đến sự giác ngộ vai trò của cái ảo, và những tương quan ảo, sai nhận chân giá trị của tôn giáo, nghệ thuật và

văn hoá. Nhiều tương quan được coi là tương quan thật vốn ngự trị trong định kiến khoa học và triết học đã trở nên giả tạo và thô thiển, thậm chí trở thành tương quan giả. Sự bùng nổ của kỹ thuật điện tử, sự phát hiện ra phản vật chất, sự phát triển của khoa cận tâm lý, sự phát minh ra kỹ thuật sinh sản vô tính v. v... đã tạo ra những tương quan mới và một thực tại mới vốn trước đây bị coi là tương quan giả và thực tại ảo thuần túy. Trong đời sống sáng tác văn học, ý niệm và cảm thức về thực tại ảo cũng đã trở thành nhân tố để sáng tạo ra những tiểu thuyết của G. Market và những hoạ phẩm của Daly. Vậy mà, vào cuối thế kỷ XX, Phạm Thị Hoài còn lớn tiếng chê bai những tương quan văn hoá, những tương quan tôn giáo tâm linh và tiếp tục truyền bá sự tôn thờ những tương quan thô sơ, những thực tại hữu hình có thể cân đo đong đếm, nhìn ngắm và tiêu hoá ! Vào những năm 60, văn nghệ Việt Nam đã khốn khổ vì quyền uy của hiện thực cuộc sống, của lôgích đời sống. Những nhà văn chủ trương có lô gích nghệ thuật, có thực tại văn hoá bị coi là xét lại, sai lầm. Giờ đây, cái uy quyền của những thực tại thô lỗ đó vẫn còn ám ảnh răn đe ta, phê phán ta ở cấp độ cao hơn, nhân danh quần chúng, nhân danh lịch sử và nhân danh bác sĩ tâm thần chẩn đoán về định hướng, tương quan! Không hiểu sao Phạm Thị Hoài là một nhà văn được coi là cởi mở, đang sống ở giữa đất phương Tây tự do và hào phóng lại bỗng nhiên lăm le trên tay cái thước đo "định hướng" thẳng băng và cứng đơ như thế ?

Thực tế cuộc sống dân tộc như một nghệ sĩ vĩ đại với cái nhìn của thiền sư đã ngày càng hài hước hoá những từ ngữ như *định hướng, luật lệ, phải trái, trên dưới, ngược xuôi v. v...* biến ảo tài ba đến mức một nhà văn nghiền châm biếm như Phạm Thị Hoài cũng phải phát ghen với năng khiếu hài hước của nhân dân và lịch sử, đến nỗi bỗng dưng lên gân đòi giữ định hướng, chuẩn mực rất nghiêm trang : *"Tạng người Việt (...) nếu có thì dường như lộ ra rõ nhất ở cái xuôi cũng được, ngược cũng xong(...) Đời này đã nhiều phen ngoạn mục từ trái qua phải, đã đi bằng đầu, đã đổi trước xuống sau, thốt đưa kẻ dưới lên làm bề trên thì Thơ con cóc ngồi chiếu trên cũng là một cái thú, chí ít nó cũng thử xáo động một trật tự cũ buồn tênh" (1)*

Chỉ mấy dòng thôi mà ý trước ý sau cũng đã đầy mâu thuẫn, ý nào cũng lặn chìm trong bể nhị nguyên luận phân tuyến, phân cấp thật thà, cố chấp và xơ cứng. Câu đầu thì tỏ ra bất mãn với sự đảo lộn trật tự thường xuyên trong cốt cách người Việt, câu sau lại đòi đảo lộn một trật tự hư cấu nào đó vì con cóc vốn đã ngồi chiếu trên trong tâm thức dân tộc từ ngàn năm xưa. Người dân Việt Nam tuy chưa mấy người biết đến Nietzche, nhưng tâm thức hướng thiền thấm sâu trong máu khiến người ta luôn

muốn làm một thứ siêu nhân tinh thần vượt lên sự phân tuyến phải trái, vượt lên các trật tự hiện hành trên dưới, trước sau. Mỗi một ngày sống là một ngày người Việt Nam mài sắc cái vũ khí vô nghĩa hoá, hư vô hoá để phủ định trong sâu thẳm tâm can giá trị của tất cả những định kiến, những danh nghĩa, những quyền lực và những trật tự hiện hành. Nhưng khát vọng tự do, khát vọng đổi thay, khát vọng làm người vẫn kiên định trong đáy thẳm con người Việt Nam như một hòn bi dưới đáy con lật đật, đứng nguyên đó trơ lỳ gan góc để cho phép cái đầu thoả sức lắc lư theo sức đẩy của định mệnh. Một cái nhìn sâu sắc, khoa học và bao dung, phải nhìn xuyên qua những lật đật bề nổi ấy để thấy cái kiên định ghê gớm của hòn bi Văn hoá Việt, bản lĩnh Việt, chứ không phải hấp tấp lộn ngược con lật đật lên một cách đua đòi và dạt dột.

Những người Việt ở hải ngoại chắc chắn phải là những người bị yêu nước thường trực, muốn quên đất nước cũng không dễ, vì ngày ngày trong công sở, họ tiếp xúc với những người lưu vong từ các xứ sở giàu có hơn luôn kiêu hãnh tự hào với sự phát triển của đất nước họ. Đất nước, quê hương và ngôn ngữ mẹ đẻ đã gắn liền với ý thức danh dự của người sống lưu vong. Người ta ý thức được sự rằng khi mất đi những liên hệ tinh thần với quê cha đất tổ thì người ta trở thành một kẻ tha hương về tinh thần mà P. L. Berger gọi là trạng thái "tinh thần không nơi trú ngụ"(L'esprit san foyer(10) cách biệt với vô thức tập thể là nguồn sáng tạo tạo ra các phương xuyên cá nhân (dimensions transpersonnelles). Một nhà văn hoá học người Brasil đã nói đại ý kẻ mất gốc là kẻ mất đi sự toàn vẹn trí tuệ là động lực phát triển của một con người. Trong một công trình nghiên cứu về C. G. Jung E. Edinger cũng đã viết: *"Cái vô thức tập thể không phải chỉ là một thành kiến lịch sử khổng lồ, có thể nói là một điều kiện lịch sử tiên thiên, nó cũng là nguồn gốc của các bản năng vì các nguyên mẫu chỉ đơn giản là những hình thức của bản năng thôi. Từ cái giếng nước đầy sức sống của bản năng chảy ra tất cả những gì là sáng tạo; do đó, cái vô thức không phải là đơn giản được qui định bởi lịch sử, nó là nguồn gốc của xung động sáng tạo" (11)* Vì những lẽ đó mà hầu hết những người Việt hải ngoại không ai muốn mất gốc, thèm mất gốc mà luôn nỗ lực chống lại sự mất gốc, dù biết rằng người mất gốc không hẳn đã là người xấu - nhiều khi người ta bị mất gốc do những nguyên nhân và điều kiện khách quan, bất khả kháng. Khi tỏ ý khinh thường tổ tiên và người Việt, Phạm Thị Hoài đã xúc phạm trước hết tới chính người Việt hải ngoại vì dân tộc Việt Nam không chỉ nằm trong biên giới nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Nhiều nhà văn hải ngoại suy ngẫm, đớn đau với thân phận dân tộc, với ngôn ngữ dân tộc ngay cả khi ngồi ăn một miếng thịt cầy, họ đâu có

chối bỏ dân tộc như Phạm Thị Hoài lầm tưởng! Phải chăng, vì ngộ nhận văn hoá dân tộc là sản phẩm của chế độ hiện hành, nên Phạm Thị Hoài đã chơi trò Bi-a láu lỉnh, tấn công vào tổ tiên và nhân dân để gián tiếp tỏ thái độ chính trị với một thể chế mà chị không dám đương đầu ? Nếu không phải như thế thì tại sao khi về nước trả lời phỏng vấn báo *Tiền phong chủ nhật* (số 46/1997) Phạm Thị Hoài lại tỏ ra tự hào vì vẫn giữ quốc tịch Việt nam ?

A. Solzhenitsyn nhà văn Nga đoạt giải Nobel năm 1970 đã đề cập đến bản chất của những quan điểm và thái độ phủ định dân tộc và văn hoá dân tộc một cách sâu sắc và chính xác trong bài phát biểu của ông nhân dịp câu lạc bộ quốc gia New York tặng ông huân chương danh dự văn chương năm 1992 : *"Sự phá hoại biến thành sự phong thần của thứ chủ nghĩa tiền phong hung hãn này. Mục đích của nó là thông qua bước nhảy đột biến làm vỡ vụn tính chỉnh thể của văn hoá truyền thống, phá huỷ và triệt tiêu ảnh hưởng tự nhiên của sự phát triển nghệ thuật (..) Cái bước nhảy hung hãn này chỉ có thể được giải thích như là một sản phẩm thuần tuý của ham muốn cá nhân (...) Chẳng có gì đáng giá khi nó được xây dựng trên sự khinh miệt những cái có ý nghĩa cao nhất và trên một cái nhìn tương đối về các khái niệm và các nền văn hoá trong tính toàn thể của nó" (12).*

Thiết tưởng khó có nhận định nào về thái độ văn hoá của Phạm Thị Hoài trong các tác phẩm và trong bài viết *Trận con cóc* có thể chính xác hơn nhận định trên đây của A. Solzhenitsyn.

Để kết thúc bài viết đã quá dài này tôi xin nhắc lại lời của nhạc sĩ Nguyễn Thuyết Phong trả lời phỏng vấn tờ *The Plain Dealer* nhân dịp ông được nước Mỹ trao tặng danh hiệu Di sản quốc gia ;" *Tôi xin trao danh dự ấy đến dân tộc Việt đã sản sinh ra một nền âm nhạc độc đáo và xin trân trọng cảm ơn một nước Mỹ đã nhiệt tình quý trọng nó*". Thiết nghĩ, một thái độ như vậy của người nghệ sĩ tài năng sống lâu năm ở hải ngoại rất đáng được Phạm Thị Hoài suy ngẫm và học hỏi.❐

Hà nội 3-1998

CHÚ THÍCH

(1) Phạm Thị Hoài - *Trận con cóc* - *Văn học* 137 - 9/1997

(2) John Naisbitt -*Nghịch lý toàn cầu* -Tài liệu tam khảo của Viện nghiên cứu tài chính, tr 74.

(3) Publishers Weekly-Về cuốn Nghịch lý toàn cầu-(Bìa 4 Sdd)

(4) D. P Schafer - *La Culture et le cosmos* -Tạp chí Culture, Vol. VIII. No. 2, 1980 Lé Presses de l' unesco et La Baconnniere, (trang 37)

(5) Tạp chí Người đưa tin UNESCO số 6, 1993

(6) Edward W. Said - *Đông phương học* (Orientalism) -NXB Chính trị quốc gia, 1997-Tr. 334-335.

(7) Cuốn sách của tôi đã làm Viện Triết học phải triền miên trong kiểm điểm, đấu tranh, phê phán và đấu tố. Năm 1994, sang Paris triển lãm tranh và chiếu phim tôi đã mở cặp định lấy bản thảo ra đưa Đỗ Kh. in ở Mỹ, nhưng rồi sau một giây lưỡng lự lại thôi không đưa nữa vì nghĩ rằng cuốn đó sắp in được tại Việt Nam.

(8). Xem các cuốn lý luận - phê bình: "Nghệ thuật trữ tình của Nguyễn Du trong Truyện Kiều" (224 trang, NXB Văn hoá, 1995); "Ngày văn học lên ngôi" (414 trang, NXB Văn học, 1996) và các tập thơ: Những cánh hoa tiên tri (NXB Hội nhà văn 1992); Tỉnh giấc (Văn học, 1992); Con chim giấy (Phụ nữ, 1992); Thơ tình (Thanh niên, 1993).

(9) Theo đài RFI Phạm Thị Hoài đã đề nghị căn cứ vào bản dịch tiếng Đức để dịch tập truyện ngắn của mình ra tiếng Pháp.

(10). P. L Berger, B Berger, H. Kellner, *The homeless mind*, New York, Vintage Books, 1974

(11). E. Edinger - *Ego and Archetype* (Cái tôi và cái nguyên mẫu) - Baltimore, Penguin books, 1973.

(12) *Các bậc thầy tư tưởng thế giới* - Nxb Văn học -1995 - Tr. 340.

Ý kiến củaTrần Bình Nam, Philadelphia, PA

Không biết vị nào trong Ban chủ biên tạp chí Văn Học phụ trách mục Thư Tín tháng 3, cho tôi ngả nón chào.

Từ tháng 9/97 sau khi bác sĩ Vũ Đình Minh phát biểu tại Đại Hội Quốc Tế Nha Y Dược Việt Nam Tự Do tại Montréal, Canada, đề tài: "Câu chuyện bảo tồn văn hóa với chủ đề tre già măng mọc" giới văn học hải ngoại, nhất là trong giới y sĩ bỗng nhiên xôn xao phản ứng.

Phản ứng là mừng, chứng tỏ người Việt ở nước ngoài còn quan tâm đến quê hương, đến quan điểm của nhau để tìm một con đường tốt đẹp cho đất nước. Và trao đổi ý kiến trong cung cách trọng người và trọng mình là điều quan trọng nhất để chúng ta giúp nhau đi tới trong tinh thần dân chủ.

Nhưng khi đọc các bài góp ý kiến với bác sĩ Vũ Đình Minh đăng trên các số Nguyệt San Y Tế và một vài tờ báo khác tôi tự hỏi: Các tác giả viết bài góp ý với bác sĩ Vũ Đình Minh và trình bày quan điểm của mình để độc giả phán đoán hay chỉ muốn "chẻ sợi tóc làm tư" để kết luận anh (Vũ Đình Minh) sai, anh đi ngược với trào lưu chính thống v.v., thậm chí chụp mũ này mũ nọ.

Đọc bài thuyết trình của bác sĩ Vũ Đình Minh tôi thấy không phải ông không có sơ hở. Có lẽ ông muốn cho bài thuyết trình bớt nghiêm trang trước một cử tọa đã mệt mỏi qua mấy ngày họp nên ông thi vị hóa bài văn ra ngoài cung cách một bài nghiên cứu, và nói đến quê hương một cách tha thiết quá quên rằng trong số cử tọa của ông có nhiều người đã đau đớn rời bỏ quê hương đó ra đi. Cũng như khi ghi lại phát biểu của một cô sinh viên: "Chao ôi, đẹp quá. Sao Việt tính có ở khắp nơi." Và "Thật là kỳ diệu được làm người Việt. Nếu không phải là người Việt chắc cháu sẽ mơ ước được làm người Việt.", chúng ta nên hiểu bác-sĩ Vũ Đình Minh hư cấu và vận dụng tưởng tượng để tả cái đẹp của quê hương, mặc dù ông "xin bảo đảm là sự thật một trăm phần trăm".

Quê hương ta nếu đẹp là một vinh dự cho chúng ta được sinh ra trên một đất nước đẹp chứ không phải chính quyền hiện tại có quyền làm cho quê hương đẹp. Nếu Vịnh Hạ-Long đẹp là vì nó đẹp chứ không hẳn vì các nguồn nước dơ đổ xuống làm nó mất đẹp. Cũng như khi ca ngợi sắc đẹp khuynh thành của Cleopatre, của Đặng thị Huệ, của Bằng Phi ngày xưa và của Elizabeth Taylor, Marilyn Monroe ngày nay, văn nhân thế giới có ai nghĩ đến cơ năng tiêu hóa và bài tiết đang âm thầm chuyển vận trong cơ thể của quí nàng.

Chuyện "trao bó đuốc", trọng tâm của cuộc tranh luận về bài thuyết trình của bác sĩ Vũ Đình Minh, thật ra là một vấn đề không đáng tranh luận. Việt Nam vốn có câu: "hậu sinh khả úy", chưa nói tới lối giáo dục phóng khoáng của thế giới hôm nay thì phụ huynh muốn "trao bó đuốc" cho con cái cũng không được. Người cộng sản khi chủ trương "xây dựng con người xã hội chủ nghĩa" họ chủ trương trao bó đuốc căm hờn và độc tài độc đảng cho thế hệ con trẻ Việt Nam, nhưng họ không thể thành công. Thế hệ tương lai, trong nước hay ở hải ngoại sẽ chọn con đường của chúng. Cái tối đa chúng ta có thể trao cho chúng là lời khuyên: "hãy đọc lịch sử với đôi mắt mở to, cái đầu trong sáng và cái tâm nhân hậu."

Vấn đề "trở về hay không trở về" là một vấn đề khác. Cách đây hơn 10 năm khi chính quyền cộng sản Việt Nam cho trở về nhiều người đã trở về thăm quê hương nơi đó có cật ruột của mình một cách lén lút không dám cho bạn bè mình biết, hôm nay ai đi ai về mọi người đều biết cũng chẳng sao. Nhưng điều này không có nghĩa những người cương quyết không về chừng nào còn chế độ toàn trị trên đất nước là cố chấp. Tình cảm cũng như thái độ chính trị của họ cần được tôn trọng. Và con cái họ cũng có sự chọn lựa riêng của chúng.

Công bình, Văn Học đã đăng bài thuyết trình của bác sĩ Vũ Đình Minh cần đăng các bài đóng góp ý kiến gởi đến. Nhưng Văn Học đã

không đăng, hay nói cách khác không thể đăng. Và đọc các bài góp ý đó đăng trên các báo khác tôi bỗng hiểu tại sao Văn Học đã không đăng. Trong mục Thư Tín số tháng 3/98 Văn Học đã thẳng thắn trình bày lý do.

Phải chi chúng ta nói thẳng với bác sĩ Vũ Đình Minh: "Ông bác sĩ văn sĩ của tôi ơi, ông ca ngợi đất nước (chứ không phải ca ngợi chế độ) quá làm tôi vừa khoái vừa hơi ngượng ngùng" để rồi cùng cười thoải mái với nhau.

Ý kiến của Ông Hoài Hương, Canada.

Xin cảm ơn tòa báo đã cho độc giả đóng góp ý kiến về bài viết Ca dao. Thưa quí vị, tôi là một độc giả bình thường, không phải là nhà văn, lại càng không phải là nhà phê bình. Tôi là một nông dân Nam kỳ chánh gốc, nếu không nói là một người dân ngu cu đen, nhưng có một cái tật lớn là khoái văn chương, nhứt là văn chương bình dân, ca dao, vọng cổ, Lục Vân Tiên...

Khi đọc bài viết về Ca dao đăng trên Văn Học số Xuân Mậu Dần, tôi tức ấm ách. Nay lại thêm một bài nữa khiến tôi trào cổ họng. Tôi là dân ngu nên hiểu ca dao theo cái kiểu ngu dân. Cụ Đồ Chiểu đâu dính dáng đến mấy câu ca dao người bình dân đặt ra. Tại họ thương Vân Tiên bị mù vì khóc mẹ cho nên mới đặt ra hai câu ca dao "Vân Tiên ngồi núp bụi môn/Chờ cho trăng lặn bóp l...Nguyệt Nga". Bóp không phải sờ. Động từ miền Nam không phải sờ mà là rờ, ở đây không phải sờ mà cũng không phải rờ, bóp là một động từ đặc biệt của dân Nam bộ nhứt là dân miền Tây (Mỹ tho).

Làm ca dao đâu có dễ, ca dao là tác phẩm vĩ đại của nhiều tác giả vô danh, của cái đám quần hùng lộn xộn trong lúc trà dư tửu hậu lưu truyền từ đời này sang đời khác. Dân chúng bình dân họ thương Cụ Đồ Chiểu, họ thương cả Lục Vân Tiên, mà Lục Vân Tiên "khoan khoan ngồi đó chớ ra" thì xa cách với họ quá nên phải cho Vân Tiên trở thành người bình thường giống như họ, nghĩa là...

Hiểu ca dao lại càng khó hơn làm ca dao nữa. Ai dám vỗ ngực xưng tên là mình hiểu ca dao! Khó lắm, những câu lục bát tuy đơn giản nhưng ý nghĩa tuyệt vời:

Thò tay anh ngắt cọng ngò
Thương em muốn chết giả đò ngó lơ.

Cọng ngò đâu có mắc mớ gì đến chuyện yêu đương đâu, vậy mà cọng ngò quan trọng lắm đó. Hoặc là:

Giả đò mua khế bán chanh

Giả đi đòi nợ thăm anh đỡ buồn.

Tại sao lại đi trách Cụ Đồ Chiểu! Điều đó có sai lầm không, khi giữa thế kỷ mà theo những bài viết đăng trên Văn Học trong hai số vừa qua cho rằng quan niệm của Cụ Đồ nhà ta lỗi thời không còn hợp với cái xã hội tiến triển nữa! Theo ngu ý của tôi, đây là một vấn đề không đơn giản. Hãy để cho những nhà phê bình, những nhà sử học bình luận. Riêng tôi, tôi không đồng ý với Nguyễn Hưng Quốc cũng như Thế Uyên cho rằng khi viết về Cụ Đồ Chiểu sẽ đem hai câu ca dao trên đặt lên trang đầu.

Hai câu lục bát trên là hai câu ca dao đầy tình người không có gì xấu cả. Những nhân vật thương luân bạo lý đâu cần biết trăng tối hay trăng sáng, trăng lặn hay trăng mọc, cần làm là làm thôi.

Thiệt ra tôi cũng ngứa ngáy tay chưn nên viết mấy câu, có gì xin tòa báo tha lỗi cho.

Ý kiến của Ông Lê Trung Định, Atascadero.

Nhân đọc bài "Bàn thêm về Nguyễn Đình Chiểu" của Thế Uyên trong Văn Học số 143, tôi xin nhờ Văn Học hỏi giùm Thế Uyên về một thắc mắc riêng tư của tôi:

1. Nếu lý luận theo lối Thế Uyên thì tội gì Nguyễn Tường Tam, nhà văn Nhất Linh, phải tự tử chết. Trước sau gì nhà Ngô cũng sụp đổ, biết đâu nếu Nhất Linh còn sống thì không có thảm hoạ tháng 4/75. Nếu những tù cải tạo đừng chạy trốn để bị bắn chết, thì nay họ cũng ung dung bảo lãnh vợ con qua Mỹ như ai vậy. Tôi nhớ ở đâu đó có nói: "Đạo của người quân tử là phù suy, chứ không phù thịnh". Câu này chắc không đúng nữa rồi vì người quân tử thời thượng, nhất là ở Mỹ, đâu cần đến thứ liêm sỉ rởm này.

2. Thế Uyên viết ở trang 28: *"Tôi xin ghi là không thích cái lối đánh giá các tác phẩm văn học theo những năm tù cải tạo của các người viết: càng đi tù CS lâu thì văn càng hay, càng chống Cộng và chửi Cộng dữ dằn thì có giá trị tư tưởng cao...vân..vân..."*. Tôi là người có đọc chút ít sách tiếng Việt hằm bà lằng đủ loại, nhưng tiếc thay chưa được đọc lối đánh giá trên. Vậy nhờ ông Thế Uyên chỉ giùm cuốn sách nào, tác giả nào thường dùng lối đánh giá văn học theo tiêu chuẩn chống Cộng trên. Tôi muốn được đọc các cuốn sách này trước để tự tìm cho mình một kết luận đúng, sai. Còn như vì lý do nào đó, Thế Uyên không đưa ra một dẫn chứng cụ thể nào, thì theo tôi, đó cũng chỉ là một cách viết theo lối cung đình, "viết một câu ttrung rồi viết một câu nịnh". Điều bi thảm là các nhà văn Miền Bắc phải viết một câu nịnh một câu trung là vì sợ Đảng trừng phạt, vì

miếng cơm manh áo. Còn thời nay, ở Mỹ này, ai sợ ai mà phải dùng lối viết ấy!

Ý kiến của Ông Vi.B. Vương, Canada.

Vừa qua trong số báo Xuân Văn Học tôi có đọc bài viết của Nguyễn Hưng Quốc về một bài ca dao. Tôi xin mạn phép có một vài lời cùng nhà phê bình ở Úc Đại Lợi.

Trước hết là về Lục Vân Tiên. Cũng xin thưa năm nay tôi đã già rồi, nhưng hồi còn để chỏm tôi vốn mê văn chương bình dân, mê Lục Vân Tiên của Cụ Đồ Chiểu, và tôi nghĩ rằng người bình dân ta khi đặt ra những câu vè về Lục Vân Tiên như "Vân Tiên ngồi dưới gốc môn..." vì họ có cái ý riêng của họ là ca ngợi đạo đức, Vân Tiên không thể làm cái chuyện đó (cái chuyện rất bình thường của trai gái yêu nhau?) khi trăng sáng, phải chờ cho tối trời...

Ông Nguyễn Hưng Quốc hỏi rằng tại sao không là Bùi Kiệm hay nhân vật nào khác. Theo thiển ý của tôi thì những nhân vật khác đạo đức bại hoại là lẽ đương nhiên, việc làm đó không cần phải gán cho họ nữa. Còn Vân Tiên trong bức tranh của Cụ Đồ Chiểu là nhân vật quá thánh thiện, nên người bình dân muốn cho Vân Tiên gần gũi với họ, cũng "người" như họ, nghĩa là cũng biết yêu thương, cũng biết làm cái việc đó, nhưng phải chờ cho trăng lặn, chờ cho bóng đêm để không ai nhìn thấy, đó là đạo đức...

Ý kiến của Ông Võ Công Lý, Seattle WA.

Mấy tháng qua trên tờ Văn Học có cuộc bút chiến phê bình văn học về Thơ con cóc. Tôi thấy bấy nhiêu stop là đủ rồi. Bởi khí hậu tranh luận oi bức. Nhưng sau đó Nguyễn Hưng Quốc đã đổ mưa...chơi vài bài ca dao (Văn Học Xuân 1998) đọc chơi, mà mát thật. Người đọc cảm thấy rất thú vị qua cái nhìn của anh.

Qua bài "Đọc... chơi", nhà văn Thế Uyên có "Bàn thêm về Lục Vân Tiên và Ca dao với Nguyễn Hưng Quốc" (Văn Học số 143, tháng 3.1998). ở đây, tôi "Lại bàn thêm..." với Anh Thế Uyên về một số vấn đề Anh nêu ra:

1. Bài: Vân "Tiên ngồi dưới gốc môn / Chờ cho trăng lặn bóp l...Nguyệt Nga".

Anh Thế Uyên lúc dạy ở trường Trung học Nguyễn Đình Chiểu, Mỹ

Tho (1957) có nghe một bạn trẻ đọc câu ca dao đó như thế này: "Vân Tiên ngồi *núp* bụi môn / Chờ cho trăng khuất *sờ* l... Nguyệt Nga".Anh Thế Uyên cho rằng ấn bản của ông bạn Nam kỳ này chính xác hơn. Anh đưa ra những lý lẽ: bụi môn thấp nên khó có ai có thể "ngồi gốc" được, vậy "ngồi núp bụi môn" hợp lý hơn. Tôi đồng ý với anh về điểm này. Nhưng một điểm khác, anh cho chữ "sờ" hợp lý hơn chữ "bóp" đối với cơ phận dưới của người đàn bà. Bởi "bóp" chỉ có "bóp vú" chứ còn nếu "bóp" nơi đó, phụ nữ sẽ đau đớn. Về điểm này tôi không đồng ý với Anh THế Uyên, dĩ nhiên là "sờ" khoái cảm hơn, còn "bóp" thì chẳng những Nguyệt Nga đau mà Vân Tiên còn bị chưởi lại. Thế nhưng trong trường hợp "sờ" chỉ gây khoái cảm khi nào hai người nam và nữ cùng chấp nhận ngồi, đứng hay nằm với nhau làm công việc "ban tay" cho. Đằng này qua câu thơ "ngồi núp" và "chờ cho trăng lặn" (hay khuất) là hành động không bình thường để "sờ". Trong trường hợp này chàng Vân Tiên "nghịch", trộm "bóp" nên phải "núp" và chờ cho "trăng lặn", để "bóp", bóp xong thì vọt lẹ, nếu không có kẻ khác thấy lôi ra tòa như ông Bill Clinton thì phiền lắm. Còn chuyện đau đớn của NGuyệt Nga chàng đâu cần biết, dù Nguyệt Nga có chưởi lại thì chàng cũng đã dông mất tiêu rồi!

2. Bài: "Vân Tiên cõng mẹ chạy ra / Đụng phải cột nhà cõng mẹ chạy vô"

Bài này Nguyễn Hưng Quốc lý giải thật hợp lý. Cái đạo đức xưa đã chết mà tại sao người ta cứ lấy nó ra rao giảng mãi. Anh Thế Uyên đặt vấn đề: "Tại sao Nguyễn Đình Chiểu lại được đề cao như vậy trong suốt thời gian khá dài vừa qua?" Và Anh đã trả lời: "Tại ông là một người yêu nước chân thành..." Và Anh cũng đặt vấn đề: "Cách thế yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu đã có lợi hay có hại cho dân tộc VN, xét theo hoàn cảnh lúc đó?" Nếu xét theo hoàn cảnh lúc đó thì tôi có thể tạm OK. Nhưng hoàn cảnh bây giờ, ở VN người ta vẫn dùng cách yêu nước như xưa, lấy cụ Nguyễn Đình Chiểu làm tiêu biểu cho tinh thần yêu nước "chống Mỹ" và nay có thể đem ra chống Tàu. Tôi vốn thích truyện Lục Vân Tiên khi còn học tiểu học ở đất Quảng vì vị thầy dạy tôi, ông ta học thuộc lòng thơ Cụ, cứ mỗi ngày còn dư 15 phút trong lớp học là ông đọc thơ Lục Vân Tiên. Tôi thích thơ Lục Vân Tiên như vậy, nhưng nay về thăm VN, tôi mua tập phê bình, bình luận văn học "Nguyễn Đình Chiểu" (nhà xb Tổng hợp Khánh Hòa, VN, 1992), tôi đọc thấy chán vì ttrong đó các bài viết đa số đều nói về chuyện "yêu nước" của Cụ. Trong khi đó đọc thơ Nguyễn Đình Chiểu tôi nhìn ở khía cạnh khác.

Chúng ta nhìn Kim Tự Tháp trên sa mạc khô cằn đâu có gì đẹp lắm, nhưng nó là một công trình khoa học của khối óc mà mọi người muốn

chiêm ngưỡng. Riêng đối với Cụ Đồ Chiểu, tôi nhìn Cụ: một, một người mù mà sáng tác được trên 2000 câu thơ, Cụ đọc cho người ta viết, (thơ của cụ thuộc loại thơ đọc, dĩ nhiên không trau chuốt, vì Cụ đâu có thấy để mà sửa lại), chúng ta xem trên thế giới chưa có một người nào mù mà sáng tác được như Cụ. Hai, một người mù ghé nhà ông thầy thuốc ở Quảng Nam chữa bệnh lại "mắc mớ" gì lo học thuốc! Đây cũng là một điều nữa để chúng ta thấy tinh thần làm việc của Cụ. Ba, dù trong nghịch cảnh về ở quê nhà, nhưng Cụ không cam chịu, Cụ đã "cày" ba "Job" cùng một lượt: vừa làm thầy thuốc, vừa dạy học, vừa làm thơ. Bốn, tinh thần của một người đi mở đất, tinh thần "làm nên lịch sử" chứ không ngồi chờ lịch sử và làm thơ khóc than, ủy mị...

Vậy nên đã cao bốn điểm trên hơn là đề cao tinh thần yêu nước.

3. Bài: "Bà ba béo / Bán bánh bò / Bị bỏ bóp / Ba bốn bận"

Qua câu đồng dao trên N.H.C. hỏi vợ chồng Thế Uyên: "Anh chị xét xem mấy câu đồng dao này thuộc vào thời nào và miền nào". Anh Thế Uyên giải thích, bánh "bèo" thì chỉ có trong Nam. Nhưng ở trong Nam thì chỉ có "Bà Ba mập" (mập thù lù), còn "Bà Ba béo" chữ "béo" chỉ có ở đồng dao miền Bắc.

Theo tôi, bài đồng dao trên về thời điểm xuất hiện thì chắc không ai biết, nhưng về miền, thì tôi nghĩ bài đồng dao trên làm ở miền Nam. Bởi, thứ nhất, về cách xưng hô "bà ba, bà bốn, chú tư, chó năm...". Thứ hai, bánh bèo chỉ có trong Nam. Thứ ba, cách dùng chữ "béo" của câu đồng dao thay cho chữ "mập" vì trong bài đồng dao tác giả dùng toàn vần "B" nên buộc phải vậy, như chúng ta thường xem đại nhạc hội có màn hài hước đọc toàn chữ R, K, T như : "Tổng Thống Thiệu thiếu tiền thì...tan tành".

CON THÚ VẬT: Tiểu thuyết nguyên tác Pháp ngữ của Guy des Cars, bản dịch Việt ngữ của cụ Nguyễn Mạnh Khiết..

Nguyễn Bá Trạc và nhà Trí Đức xuất bản.
Văn Nghệ phát hành.
320 trang, giá 16 mk, ngoài Hoa Kỳ 18 mk.
Đã có bán tại các tiệm sách Việt Nam.

giới thiệu sách mới

Trong ba tháng 1, 2 và 3 năm 1998, Văn Học nhận được các ấn phẩm sau đây, hoặc do tác giả, hoặc nhà xuất bản hay cơ sở phát hành gởi tặng. Tạp Chí Văn Học xin chân thành cảm ơn lòng ưu ái của quý vị.

Để đáp lại tấm thịnh tình đó, và cũng nhằm phục vụ độc giả Văn Học, kể từ số sau, mỗi kỳ, Văn Học sẽ giới thiệu chi tiết một vài ấn phẩm chọn lọc. Vì số ấn phẩm quá nhiều cho nên Văn Học không thể nào làm khác hơn, trong khi vẫn muốn cung ứng cho độc giả một cái nhìn nghiêm túc để giúp độc giả bớt choáng ngợp trước "rừng" sách báo bằng tiếng Việt ngày càng xuất hiện ồ ạt trên toàn thế giới.

Ước mong tác giả cũng như nhà xuất bản, cơ sở phát hành, tiếp tục ủng hộ công việc làm của Văn Học, giúp đưa tác phẩm của mình đến tay người đọc một cách hữu hiệu hơn.

THƠ

🕮 Luân Hoán, ***Cỏ Hoa Gối Đầu***, Sóng Văn, 118 tr., US$10.00, Liên lạc: Sóng Văn, P.O. Box832464, Miami, Florida, 33283, Tel. (305) 273-4246.

🕮 Nguyễn Hải Hà, ***Tàn Phai***, Học thuật xuất bản, 76 tr., US$8.00, Văn Nghệ Tổng phát hành, P.O Box 2301, Westminster, CA 92683, Tel. (714) 527-5761

🕮 Cao Đông Khánh, ***Lửa Đốt Ngoài Giới Hạn***, 314 tr., US$20.00, Liên lạc: Huỳnh Ngọc Anh, 6002 De Moss Drive, Houston, TX 77081

🕮 Trần Thiện Hiệp, ***Đỉnh Mây Qua***, 103 tr., Cơ sở Người Việt Tây

Bắc xuất bản, Văn Nghệ Tổng phát hành, P.O Box 2301, Westminster, CA 92683, Tel. (714) 527-5761

🕮 Lê Mai Lĩnh, ***Thơ Lê Mai Lĩnh***, Sông Thu, 160 tr., US$12.00, Liên lạc: Lê Mai Lĩnh, P.O. Box 341204, Hartford, CT 06134-1204

🕮 Lê Nguyễn, ***Mưa Qua Miền Ký Ức***, 156 tr., Hội Thơ Tài Tử VN xuất bản, Liên lạc: Mr. Thao Nguyen, 4146 S. Memorial Parkway # D, Huntsville, AL 35802 USA. Tel. (205) 880-0130

🕮 Sương Mai, ***Thơ Tình***, 386 tr., Suối Hoa xuất bản, US$15.00, ngoài HK $18.00. Liên lạc: P.O. Box 59039, San Jose, CA 95159 USA Tel: (408) 289-1252 / (408) 848-3250

ĐẶC SAN

🕮 ***Dòng Việt Số 4, Kỷ Niệm 40 năm Viện Đại Học Huế,*** Lê Văn và Lê Thanh Minh Châu chủ trương, 285 tr., US$12.00. Liên lạc: P.O. Box 2441, Huntington Beach, CA 92647, Tel. (714) 847-0718

🕮 ***Hương Giang Xuân Mậu Dần***, Hội Đồng Hương Thừa Thiên-Huế Georgia chủ trương, Hồ Minh Dũng chủ bút, 278 tr., không ghi giá bán. Liên lạc: Toà Soạn Giai Phẩm Hương Giang, 3325 Chamblee Trucker Rd, #6, Atlanta, GA 30341, Tel. (770) 452-8806.

🕮 ***Định Hướng***, Số 14 Mùa đông 1997, Tập San Nghiên Cứu Nghị luận. Chủ trương: Đức Ông Philip Trần Văn Hoài, Thường trực tòa soạn: Nguyễn Đăng Trúc, 160 tr., không ghi giá bán. Liên lạc tại Mỹ châu: Định Hướng, P.O. Box 2228 #156, Westminster, CA 92684

🕮 ***Việt***, Tạp chí sáng tác, phê bình và lý luận văn học, phát hành mỗi năm hai số. Chủ Nhiệm: Phan Việt Thủy, Chủ Bút: Nguyễn Hưng Quốc. Liên lạc tòa soạn: Việt, 177 Civic Parade, Altona, Victoria, 3018, Australia.

🕮 ***Hương Văn***, tạp san sáng tác biên khảo văn học, phát hành mỗi năm bốn số. Chủ biên: Trần Sĩ Lâm. Ban biên tập: Bùi Bích Hà, Kim Hà, Nguyễn Trung Hối, Huy Trâm. Tòa soạn: P.O. BoÔ104 Westminster CA 92684 USA. Tel: (714) 841-5790

KHẢO CỨU, TRUYỆN NGẮN, TIỂU THUYẾT

🕮 Trần văn Điền, ***Định Nghĩa Cuộc Đời***, Mõ Làng xuất bản, 204 tr., US$12.00. Liên lạc Nhà Xuất bản và Phát hành Văn Nghệ, PO Box 2301 Westminster CA 92683. Tel. (714) 527-5761

🕮 Ngô Thanh Tùng, ***Đường Vào Nhiếp Ảnh cho người tự học***, 340 tr. khổ lớn có nhiều ảnh nghệ thuật làm phụ trang, tác giả xuất bản. Một cuốn sách cần có của những bạn mê nhiếp ảnh. Liên lạc Nhà xb Văn Nghệ

🕮 Nguyễn Văn Ba, ***Chút Tình Với Quê Hương***, 200 tr., US$11.00, Phù Sa xuất bản. Liên lạc: Phù Sa, 4126 Degeer Street, #3, Sakastoon, SK, Canada S7H 4S8.

🕮 Đinh Sĩ Trang, ***Đạo & Đức***, (bản dịch mới trọn bộ Đạo Đức Kinh của Lão Tử), 516 tr., US$20.00, Ngoài Hoa Kỳ US$23.00, Văn Nghệ xuất bản. Liên lạc: Văn Nghệ, P.O Box 2301, Westminster, CA 92683, Tel. (714) 527-5761

🕮 Đỗ Quyên,, ***Nhìn Cây Thấy Rừng***, 368 tr., US$18.00, Ngoài Hoa Kỳ US$20.00. Văn Nghệ xuất bản. Liên lạc: Văn Nghệ, P.O Box 2301, Westminster, CA 92683, Tel. (714) 527-576.

🕮 Võ Đình, ***Lầu Xép***, 175 tr., US$11.00, Văn Nghệ xuất bản. Liên lạc: Văn Nghệ, P.O Box 2301, Westminster, CA 92683, Tel. (714) 527-5761

🕮 Lê Tất Điều, ***Thư về Bloomington, Illinois***, 185 tr., US$11.00. Liên lạc Văn Nghệ P.O Box 2301, Westminster, CA 92683, Tel. (714) 527-5761

🕮 Phạm Qùynh, ***Hành Trình Nhật Ký,*** 557 tr., US$18.00, Nhà xuất bản Ý Việt, 45 Ave Général Leclerc, 91330, Yerres, France.

🕮 Xuân Vũ, ***Cách Mạng Tháng 8, Cha Để Còng Số 8***, 289 tr., US$14.00, Văn Khoa xuất bản. Liên lạc Văn Khoa Books, 9200 Bolsa Ave, Suite 123, Westminster, CA 92683. Tel. (714) 892-0801.

🕮 Vu Gia, ***Hoàng Đạo- Nhà Báo - Nhà Văn***, 486 tr., giá 33,000Đ (Việt nam). Sách do nhà văn Thế Uyên thay mặt tác giả gởi tặng.

🕮 Nguyễn Sao Mai, ***Căn Nhà***, 456 tr., US$20.00, Sóng Văn xuất bản. Liên lạc: Sóng Văn, P.O. Box832464, Miami, Florida, 33283, Tel. (305) 273-4246.

🕮 Guy des Cars, ***Con Thú Vật***, bản dịch Việt ngữ của Nguyễn Mạnh Khiết, 320 tr., US$16.00, Trí Đức xuất bản, Văn Nghệ Tổng phát hành. Liên lạc: Văn Nghệ, P.O Box 2301, Westminster, CA 92683, Tel. (714) 527-5761.

🕮 Mai Văn Thượng, ***Anh Em Nhà Họ Mai***, 202 tr., $15.00 (Úc kim), tác giả xuất bản. Liên lạc:Mai Văn Thượng, P.O Box 527, Marrickville, NSW 2204, Australia.

🕮 Đào Văn Bình, ***Hương Xót Xa***, 190 tr., US$10.00, tác giả xuất bản. Liên lạc: P.O Box 1808, San Jose, CA 95109. Tel. (408) 246-0337.

🕮 Phong Trào Giáo Dân Hải Ngoại, ***Thảm Sát Tết Mậu Thân ở Huế - The '68 Massacre at Hue***, 252 tr., không ghi giá bán. LIên lạc: Định Hướng Tùng Thư, Hộp thư Mỹ Châu: P.O. Box 2228 #156, Westminster, CA 92684

🕮 Trần Viết An Cựu, ***Bảy Năm Trên Đất Tây Tạng***, 369 tr., US$18.00, tác giả (?) xuất bản. LiênLạc: TRAN, 4343 W. 142nd St., #F, Hawhtorne, CA 90250.

🕮 Lê Minh Hà, ***Trăng Góa***, tập truyện, 163 tr., giá US$10.00. Thanh Văn xuất bản, Văn Nghệ tổng phát hành. Liên lạc: Văn Nghệ, P.O Box 2301, Westminster, CA 92683, Tel. (714) 527-5761.

🕮 Đặng Trần Huân, ***Những Người Thích Dấu Huyền***, 186 tr., US$10.00, Văn Mới xuất bản. LiênLạc: Nhà xuất bản Văn Nghệ

🕮 Vũ Nam, ***Câu Chuyện Từ Con Tàu Cap Anamur***, truyện dài, 258 tr., giá 18 Đức mã. Viên Giác xuất bản, Liên lạc: Trung tâm Văn hóa Xã hội Phật giáo VN tại Cộng hoà Liên bang Đức.

hộp thư

● Thư từ nhận được liên quan việc mua báo, gia hạn, đổi địa chỉ:

Nguyễn Thị Hồng Phong (San Jose CA), Hiền Kim (Chicago, IL), Đào văn Bình (tiền quảng cáo, San Josa CA), Dr. Hà Xuân Du (San Jose, CA), Hạnh Nguyễn (Fairfax VA), Trần Đình Bình (Gardena CA), Nguyễn Lương (Miss Ont Canada), Nguyễn Khánh Hoà (Harvey LA), Tưởng Năng Tiến (San Jose, CA), Trần văn Điền (Westminster CA), Natalie Nguyễn (San Diego CA), Hoàng Liên (San Francisco CA), Mary Nguyen (Plano TX), Vũ Quỳnh Hương (San Jose CA), Kha văn Tài (Marrero LA), Người Việt New York (New York NY), Cường Nguyễn (Harvey LA), Phương Nguyễn (Garland TX), LH Machine Inc. (New Orleans LA), Lê Trung Định (Atascadero CA, gia hạn, ý kiến), Phạm Xuân Thảo (Igny France, ngưng mua báo), Thư Lâm Music & Book Store (San Jose CA), Phan văn Minh (Baldwell Park NSW Australia), Nguyễn văn Ngà (Ft-Worth TX), Liên Châu (San Jose CA), Han Q. Nguyen (Marlboro NJ), Nguyễn Ngọc Thanh (Phoenix AZ, đổi địa chỉ), Hoàng Đỗ (Spokane WA), Dr. Phan văn Thinh (Rockville MD), Lộc Nguyễn (Slidell LA), Nguyễn Đ. Toàn (Harvey LA),

● Bài vở nhận được trong tháng:

Ý kiến độc giả Vi Bức Vương, Ontario Canada, "Hà nội của tôi" gửi từ San Francisco CA, "Vàng bay" gửi từ Falls Church VA, "thơ năm chữ Ngữ An" gửi từ Garden Grove CA, "Người đi cát bụi" gửi từ Rosemead CA, "Hôm về thăm Qui nhơn" gửi từ Fremont CA, "Một linh hồn chưa mất" gửi từ Richardson TX, "Tâm", "Bạn", "Cành hoa tưởng nhớ" gửi từ Na Uy, "Gửi cho anh", "Đời tù", "Việt kiều 93", "Muối mè", "Ngày chia tay", "Dấu anh" gửi từ Buena Vista CO, "Minesota ngợi ca Phạm Duy" gửi từ Shoreview MN, "Sống và Viết" gửi từ Royal Palm Beach FL, "Thao thức", "Kệ nắng kệ gió" gửi từ San Jose CA, "Thiên cố sự" gửi từ Fountain Valley CA, "Vài nhận xét về nghệ thuật tả người trong Truyện Kiều" gửi từ London England, "Đôi ngả" gửi từ Paris France, "Buổi chiều ở Cranberry" gửi từ Middleburg FL, "Cô gái Nghi Tàm" gửi từ Seattle WA, "Từ buổi Tố Như" gửi từ Anaheim CA, "Lại bàn thêm với Thế Uyên" gửi từ Redmond WA, "Góp ý với nhà văn Thế Uyên" gửi từ Acasdero CA, "Ý kiến về hai bài viết về ca dao" gửi từ Mississauga Canada, "Sẽ rất vui mà đi", "Chuyện con chó có phước" gửi từ Elk Grove CA, "Ngày mưa cuối tuần" gửi từ Fremont CA,

"Nhà Nôm học Xuân Phúc từ trần" gửi từ San Francisco CA

Văn Học trân trọng cảm tạ sự đóng góp của quí văn hữu. Mong nhận được sự cộng tác thường xuyên của quí bạn.

Trừ thơ vì nhận được quá nhiều Văn Học sẽ lựa đăng dần, các tiểu luận và truyện ngắn nếu đăng được Văn Học sẽ liên lạc với quí văn hữu bằng thư hoặc điện thoại. Xin cảm tạ quí văn hữu đã kèm theo diskette để tránh lỗi chính tả ngoài ý muốn của tác giả.

Hiện nay Văn Học đang dùng nhu liệu VNU (Windows), và để tránh những sai sót khi lên trang, xin quý bạn gửi kèm bản in thử với diskette, và save bài trong diskette dưới dạng text only (saved as text only). Điều vô cùng quan trọng là xin quí bạn ghi rõ nhu liệu các bạn dùng trên nhãn diskette để tránh khó khăn cho Tòa soạn.

Quí bạn gửi bài qua e-mail xin dùng attachment.

Đính chính:

Trong bài "Hơi thở văn chương" của nhà văn Trần Long Hồ trên Văn Học số 143, do sơ suất của Tòa soạn, có một lỗi quan trọng xin bạn đọc sửa giùm:

Trang 18, dòng thứ ba từ dưới lên, xin sửa *"Đó là hành trình trở về với đạo"* thành *"Đó là hành trình trở về với Đạo"*. Trân trọng cáo lỗi cùng anh Trần Long Hồ và bạn đọc.

ĐÓN ĐỌC

Thơ Tình Sương Mai

để thưởng thức
những bài thơ tình thật dễ thương...

Thơ Tình Sương Mai

Phát hành vào tháng Tư 1998

Liên lạc: **Bùi Phụng Mai**
P.O. Box 59039
San Jose, Ca 95159
408-289-1252
408-848-3250

Suối Hoa Xuất Bản.
Sách dày 375 trang.
Bìa : Họa sĩ **Huỳnh Ngọc Điệp.**
Giá : 15 Mỹ Kim

PHIẾU MUA/GIA HẠN BÁO

Họ và tên _____

Địa chỉ _____ Apt.____

Thành phố _____ Tiểu Bang _____ Zip _____

Quốc gia _____

Đồng ý ☐mua ☐gia hạn báo Văn Học trong thời hạn _____ năm, từ số _____ tháng _____, gởi hạng _____

Đính kèm chi/ngân phiếu số tiền US$_____, để trả cho Văn Học

PHIẾU GIỚI THIỆU ĐỘC GIẢ MỚI

Tôi giới thiệu thân hữu dưới đây làm độc giả mới của Tạp chí Văn Học:

Họ và tên _____

Địa chỉ _____ Apt.____

Thành phố _____ Tiểu bang _____ Zip _____

Người giới thiệu _____

Địa chỉ _____ Apt.____

Thành phố _____ Tiểu bang _____ Zip _____

GIÁ BÁO DÀI HẠN

HOA KỲ

Hạng tư (Fourth Class)

Một năm .....US$42.00

Hạng nhất (First Class)

Một năm.....US$50.00

CANADA

Đường bộ (Surface)

Một Năm.....US$46.00

Máy Bay (Air Mail)

Một Năm.....US$54.00

ÂU, Á VÀ ÚC CHÂU

Đường thủy (Surface)

Một năm .....US$56.00

Máy bay (Air Mail)

Một năm.....US$94.00

THƯ VIỆN/LIBRARY

US/ First Class/1 yr.....US$50.00

Overseas/AirMail/1yr. US$100.00

Trả bằng Mỹ kim (US dollar). Ngoài Hoa Kỳ, xin trả bằng International money order. Ngân, chi hay lệnh phiếu để trả cho Văn Học. Please send check or international money order payable in US dollar, to Van Hoc.

Truyện ngắn nào của Lê Minh Hà cũng như vậy: những chuyện nhỏ của đời thường, nhưng trong cái nhỏ cái thường hàm-chứa toàn-cảnh lớn lao của thời đại, của cuộc nhân sinh.. Lối cảm nhận đời sống, lối viết của Lê Minh Hà rất gần với Thạch Lam. Tuy nhiên, vì sống trong một thời đại khắc nghiệt, Lê Minh Hà không thể giữ được nét hồn nhiên lãng mạn của Thạch Lam. Văn của chị có cái ưu uất đồn nén của Nam Cao, một văn tài mà tôi tin là Lê Minh Hà chịu nhiều ảnh hưởng..

Ở vào thời đại mọi người sống hối hả vồ vập như ngày nay, những nỗi đau thầm thường bị những tiếng la hét lấn lướt, nhà văn thường yếu thế trước các chiến sĩ. Nhưng tôi tin rằng cái còn lại dài lâu trong lòng người là những "tiếng đoạn trường", những lời tâm sự chân thành, những vết rạn mong manh xảy ra trong đời thường của những người sống đời sống rất bình thường trong xã hội.

"Trăng Góa" của Lê Minh Hà có đầy đủ những yếu tố tạo dư âm dài lâu nêu trên.

Nguyễn Mộng Giác

trăng góa

tập truyện ngắn đầu tay của Lê Minh Hà

Bìa Khánh Trường, Tựa của Nguyễn Mộng Giác

Giá 10 Mỹ kim. Thanh Văn xuất bản, Văn Nghệ tổng phát hành

Liên lạc Văn Nghệ: PO Box 2301 Westminster, CA 92683 USA
Phone: (714) 527-5761

NXB VĂN NGHỆ
P.O.BOX 2301,
WESTMINSTER, CA 92683. USA
TEL: **(714)527-5761**

SÁCH MỚI

SÀIGÒN TRONG MẮT TÔI, *Biên Khảo* Phụng Nghi 12MK
DÒNG THAMES THÌ THẦM, *Phiếm Luận* Vĩnh Phúc 12MK
THỰC PHẨM RAU ĐẬU
QUA LĂNG KÍNH KHOA HỌC, *Biên Khảo* Tâm Diệu 12MK
LẦU XÉP, *7 chuyện, 8 truyện* Võ Đình 11MK
CÔNG LÝ ĐÒI HỎI, *Tiểu Luận Chính Trị* Nguyễn Minh Cần 18MK
THƯ VỀ BLOOMINGTON, IL., *Truyện* Lê Tất Điều 11MK
ĐẠO ĐỨC KINH LÃO TỬ, Cựu Luật sư Đinh Sĩ Trang
dịch chú thích dễ hiểu, gồm Anh Việt Hán 20MK
NHÌN CÂY THẤY RỪNG, 16 cuộc phỏng vấn liên quan Việt Nam
nhiều khám phá lý thú, Đỗ Quyên 18MK

SÁCH PHÁT HÀNH

TRĂNG GÓA, *Tập Truyện* Lê Minh Hà
nhà văn nữ trẻ tị nạn ở Đức 10MK
ĐỊNH NGHĨA CUỘC ĐỜI, Trần Văn Điền 12MK
KHÍ CÔNG PHƯƠNG PHÁP BS Trần Huỳnh Huệ
DƯỠNG SINH & TRƯỜNG THỌ BS Nguyễn Xuân Hùng 13MK
NHỮNG NGƯỜI THÍCH DẤU HUYỀN Đạng Trần Huân 10MK

** Ngoài Hoa Kỳ xin thêm 2 MK cho sách giá từ 10MK đến 18MK, thêm 3MK cho sách 19MK đến 28MK. Riêng Đêm Giữa Ban Ngày thêm 5MK.*
** Liên lạc Văn Nghệ để nhận thư Mục hơn 500 tựa sách của nhiều nhà xuất bản khác.*

Giá:$4.00